

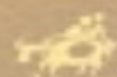
THE INTERNATIONAL BESTSELLER

tù nhân
của

thiên đường

CARLOS
RUIZ ZAFÓN

VÔ HỒNG LONG DỊCH



vh

nhà sách xuất bản văn học

CARLOS RUIZ ZAFÓN

Võ Hồng Long dịch

—★—

TÙ NHÂN CỦA THIÊN ĐƯỜNG

• THE PRISONER OF HEAVEN •

(The Cemetery of Forgotten Books, #3)

NHÃ NAM & NXB VĂN HỌC

ebook@vctvegroup | 08-10-2020

Tôi luôn biết một ngày nào đấy mình sẽ quay về những con phố này để kể câu chuyện về một người đàn ông đã đánh mất linh hồn và tên họ giữa bóng tối của một Barcelona bị mắc kẹt trong thời kỳ của tàn tro và câm lặng. Đây là những trang được viết ra trong đám lửa của thành phố bị nguyên rửa ấy, những ngôn từ được khắc vào lửa dựa trên ký ức của một người trở về từ cõi chết với một lời hứa neo chặt trong tim và một lời nguyện trong tâm trí. Bức rèm kéo lên, khán giả rơi vào yên lặng và trước khi bóng tối đang treo mình bên trên số mệnh của họ đổ bộ lên sân khấu, một dàn những linh hồn thuần khiết sẽ bước lên với một vở hài kịch trong tay và cái ngây thơ đáng thương của những kẻ tin rằng hết hồi ba là vở kịch kết thúc, muốn đem đến cho khán giả một câu chuyện Giáng sinh - mà không biết rằng khi trang cuối cùng được lật qua, chất độc của những ngôn từ trong trang viết ấy sẽ kéo họ, thật chậm nhưng không thể nào xoay chuyển nổi, thẳng vào tâm của bóng tối.

Julián Carax

Tù nhân của thiên đường

(Bản của nhà Lumière, Paris, 1992)

PHẦN MỘT
CÂU CHUYỆN GIÁNG SINH



Barcelona, tháng Mười hai, 1957

Năm ấy vào mùa Giáng sinh, mỗi buổi sớm mai được bao phủ trong làn sương giá dưới bầu trời xám xịt. Sắc xanh nhạt bao phủ lên thành phố và người ta đi qua đi lại, quần kín đến tận tai và vẽ nên những đường hơi nước bằng hơi thở của họ trong tiết trời giá lạnh. Chẳng mấy ai nán lại để nhìn vào hiệu sách 'Sempere & Con trai', lại càng ít người đánh bạo bước vào để hỏi cuốn sách đã chờ đợi họ suốt cuộc đời mà việc nó bán được, ngoài đem lại niềm vui thi ca, sẽ góp phần làm vơi nhẹ tình trạng tài chính đang khốn khó của cửa hàng.

“Con nghĩ hôm nay sẽ là ngày đó. Hôm nay vận may của chúng ta sẽ thay đổi,” tôi tuyên bố khi đang nhâm nhi ly cà phê đầu tiên trong ngày, với một niềm lạc quan thuần khiết ở trạng thái lỏng.

Cha tôi, người đã chiến đấu với cuốn sổ cái từ tám giờ sáng, xoay xoay cây bút chì và cục tẩy, ngược lên từ quầy và theo dõi đám khách hàng khó với đang mất hút vào con phố.

“Chúa nghe được lời con, Daniel, vì cứ thế này, nếu chúng ta không bù được lỗ trong mùa Giáng sinh, ta sẽ không đủ sức trả hóa đơn tiền điện tháng Giêng đâu. Chúng ta sẽ phải làm gì đó.”

“Hôm qua Fermín có một ý,” tôi ước thử. “Anh ta nghĩ đó là một kế hoạch thông minh và sẽ cứu hiệu sách này khỏi vụ phá sản sắp

xảy ra.”

“Chúa phù hộ chúng ta.”

Tôi dẫn lại lời Fermín, từng chữ một:

“Nếu nhờ tình cờ người ta bắt gặp tôi đang mặc quần lót chỉnh lại mấy tấm kính của cửa hàng, một số quý cô đang cần những cảm xúc văn chương mạnh mẽ sẽ bị hút vào và bị xui khiến phải chia tay với một mớ tiền mặt. Theo ý kiến chuyên gia, tương lai của văn chương phụ thuộc vào phụ nữ, và Chúa chứng giám, chỉ có phụ nữ chưa sinh ra mới có thể cưỡng lại sức cám dỗ nguyên sơ của cái vóc đáng kỳ diệu này,” tôi thuật lại.

Nghe sau lưng mình cây bút chì của cha rơi xuống sàn, tôi liền quay lại.

“Fermín đã nói vậy đấy,” tôi thêm vào.

Tôi nghĩ cha sẽ mỉm cười trước đề nghị của Fermín, nhưng nhận thấy ông vẫn yên lặng, tôi lén nhìn ông. Chẳng những Sempere Bồ không thấy gợi ý này có chút gì hài hước, mà ông còn mang cái vẻ suy tư, cơ hồ đang cân nhắc điều đó thật nghiêm túc.

“Chà, chà... có lẽ Fermín đã vô tình chạm đúng nguyên nhân rồi,” ông lẩm nhẩm.

Tôi nhìn ông mà không tin nổi. Có lẽ tình trạng hiếm khách diễn ra mấy tuần vừa rồi cuối cùng đã ảnh hưởng đến óc xét đoán đáng tin của cha tôi.

“Bồ đừng nói là sẽ cho phép anh ta mặc quần chên* đi quanh hiệu sách đấy nhé.”

“Không, dĩ nhiên là không. Là về mấy tấm kính hiệu sách. Con nhắc đến làm bố nghĩ ra một ý... Có lẽ rốt cuộc vẫn còn cơ hội để chúng ta cứu mùa Giáng sinh này.”

Ông biến mất vào phòng sau, rồi xuất hiện trở lại, vận bộ trang phục mùa đông quen thuộc: chiếc áo khoác, chiếc khăn, và chiếc mũ mà tôi nhớ ông đã mang từ hồi tôi còn bé. Bea ngờ rằng kể từ năm 1942 cha tôi chẳng hề mua quần áo mới và mọi thứ dường như chứng minh vợ tôi đúng. Khi xỏ găng tay, cha bất giác mỉm cười, mắt ông hấp háy niềm phấn khích như trẻ nhỏ, dáng vẻ mà chỉ những công việc trọng đại mới gợi lên được ở ông.

“Bố để mình con trông hiệu sách một lát,” ông tuyên bố. “Bố định làm một việc vặt.”

“Con có thể hỏi bố định đi đâu được không ạ?”

Cha nháy mắt với tôi.

“Một điều bất ngờ. Rồi con sẽ thấy.”

Tôi theo ông ra cửa, và thấy ông rảo bước về phía Puerta del Ángel, lại thêm một dáng người nữa trong làn sóng xám xịt những khách bộ hành đang băng qua một mùa đông dài khác của bóng tối và tro bụi.

2

Tranh thủ tối đa việc được ở một mình, tôi quyết định mở radio và hưởng thụ chút nhạc trong lúc sắp xếp lại sách trên giá theo cách mình yêu thích. Cha tôi lý luận rằng mở radio khi cửa hiệu có khách là thiếu tế nhị và nếu tôi mở trong lúc Fermín đang ở đây, anh ta sẽ bắt đầu lảm nhảm theo bất cứ điệu nhạc nào, hoặc tệ hơn, nếu có cơ hội anh ta sẽ bắt đầu lắc lư theo cái anh ta gọi là “điệu Caribe nhục cảm” và chỉ sau vài phút anh ta sẽ làm tôi phát điên. Tính đến những khó khăn thực tế ấy, tôi đi đến kết luận rằng tôi sẽ giới hạn niềm vui thú nghe sóng radio vào những khoảnh khắc hiếm hoi khi cửa hiệu chẳng còn ai ngoài tôi với hàng ngàn cuốn sách.

Sáng hôm ấy, Radio Barcelona đang phát một bản thu âm hiếm hoi buổi hòa nhạc của Louis Armstrong trác tuyệt - được thu hồi người nghệ sĩ trumpet ấy và ban nhạc của ông chơi ở khách sạn Windsor Palace trên đại lộ Diagonal, ba mùa Giáng sinh trước. Trong giờ nghỉ giữa chương trình, người dẫn chương trình một mực gắn mác cho thứ nhạc đó là *chass*, với lời cảnh báo rằng những âm nhần lệch khơi gợi của thứ nhạc này hẳn sẽ không phù hợp với những thánh giả Tây Ban Nha ngoan đạo lớn lên theo những điệu *tonadilla* và bolero phổ biến từng thống trị sóng phát thanh.

Fermín thường nói nếu ông Isaac Albéniz* sinh ra là người da đen, thì nhạc jazz hẳn sẽ được sáng tạo tại làng Camprodón, gần Pyrenees. Cái âm thanh rục rờ ấy, anh ta nói, là một trong số ít

những thành tựu đích thực của thế kỷ hai mươi cùng với chiếc áo ngực nhọn cô đào Kim Novak anh ta tôn sùng mặc trong những bộ phim chúng tôi xem suốt chiều ban ngày ở rạp F  mina. Tôi sẽ không tranh cãi vụ đó. Tôi để cho phần còn lại của buổi sáng lơ lửng giữa ma thuật của âm nhạc và hương thơm của những cuốn sách, nhắm nháp niềm thỏa mãn từ việc làm tròn một nhiệm vụ đơn giản.

Ferm  n nghỉ buổi sáng để hoàn tất việc chuẩn bị cho đám cưới của anh ta với chị Bernarda, sẽ tổ chức vào đầu tháng Hai, hay   t nhất là vậy theo lời anh ta. Lần đầu tiên anh ta nêu ra chủ đề này, tức là chưa đầy hai tuần trước, chúng tôi bảo anh ta vội vã quá và cứ hấp tấp như vậy sẽ chẳng đi đến đâu cả. Cha tôi cố thuyết phục anh ta hoãn lễ cưới lại   t nhất hai hoặc ba tháng nữa, bảo hay nhất là cưới vào h   khi thời tiết đang đẹp. Nhưng Ferm  n khẳng định giữ ngày anh ta định, viện cớ rằng,    giống người    đã can qua thời tiết khắc nghiệt và kh   hạn của những ngọn đồi ở Extremadura, anh ta c   thiên hướng v   m   h  i như tắm trong mùa h   Địa Trung H  i, theo nhận định của anh ta    đó    một vấn đề cận nhiệt đới, và sẽ chẳng phù hợp nếu trong lúc   n mừng ngày cưới mà anh ta lại đổ m   h  i đến mức tạo thành một v  t to như chiếc bánh k  p dưới n  ch   u.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng hẳn    c   chuyện bất thường xảy ra với Ferm  n Romero de Torres - người tiên phong ki  u h  nh trong cuộc phản kh  ng dân sự   ối với nhà thờ Đức Mẹ, các ngân hàng và những cung c  ch cao đẹp của đất nước Tây Ban Nha ngoan đạo những năm 1950, nơi dành trọn mình cho những buổi lễ tôn giáo và các phim thời sự tuyên truyền - thế n  n anh ta mới thể hiện sự gấp g  p như vậy với chuyện cưới xin. Trong cơn sốt s  ng tiền h  n nhân, anh ta thậm chí kết bạn cả với cha Jacobo, cha xứ mới ở nhà thờ

Santa Ana, người được phú cho tư tưởng thoải mái và cái cung cách của một tay đấu vật về vườn. Fermín đã tiêm nhiễm cho ông ta niềm đam mê vô hạn với những quân cờ domino và cùng nhau họ đã có những cuộc đấu vĩ đại ở quán bar Admiral vào các chiều Chủ nhật sau lễ Misa. Cha Jacobo sẽ cười ngặt nghèo khi bạn tôi hỏi ông ta, sau những ly rượu ngon, rằng từ nguồn tin mật, ông ta có thể tìm hiểu xem các bà xờ có thực sự có đuôi không, và nếu là có, thì chúng có mềm và dễ cắn như anh ta vẫn tưởng từ thuở dậy thì hay không?

“Anh sẽ làm cho ông cha xứ mất phép thông công đấy,” cha tôi quở mắng anh ta. “Không được nhìn vào hay đụng vào các bà xờ đâu.”

“Nhưng cái bậc tôn kính kia còn xỏ lá hơn cả tôi,” Fermín phản đối. “Nếu không phải vì bộ trang phục ấy...”

Tôi đang nhớ lại cuộc trò chuyện ấy và lẩm nhẩm theo tiếng kèn trumpet của ngài Armstrong thì nghe thấy có tiếng chuông cửa khe khẽ, bèn ngược lên, tưởng sẽ thấy cha tôi trở về sau nhiệm vụ bí mật, hay Fermín đã sẵn sàng bắt đầu ca chiều.

“Xin chào,” một giọng trầm và thô ráp cất lên ở ngưỡng cửa.

3

In lên trên vùng sáng ở ngoài đường, bóng người ấy giống như một thân cây bị gió quật. Vị khách mặc chiếc áo vét lỗi thời, sẫm màu và tư thế đứng dựa vào chiếc gậy để lộ dáng vẻ dữ dằn. Ông ta tiến thêm một bước, thấy rõ cái dáng đi tập tễnh. Ánh sáng từ chiếc đèn nhỏ trên bàn chiếu vào một khuôn mặt nhăn nheo vì tuổi tác, và cái dấu vết không thể nhầm lẫn được của sự bất hạnh. Người đàn ông ấy nhìn chằm chằm tôi một lát, và thư thả đánh giá tôi. Ông ta có cặp mắt lạnh lùng của một con chim săn mồi, kiên nhẫn và toan tính.

“Có phải ông Sempere đây không?”

“Tôi là Daniel. Ông Sempere là bố tôi, lúc này bố tôi không ở đây. Tôi có thể giúp gì ông không?”

Vị khách lờ câu hỏi của tôi và bắt đầu dạo quanh hiệu sách xem xét mọi thứ thật tỉ mỉ với vẻ thích thú gần như thèm thuồng. Dáng khập khiễng nơi ông ta cho thấy vết thương giấu dưới lớp quần áo kia hẳn phải rất nghiêm trọng.

“Món quà của chiến tranh,” người lạ nói như đọc được ý nghĩ của tôi.

Tôi cứ nhìn ông ta, dõi theo cuộc thăm dò của ông ta ở hiệu sách, đoán xem ông ta sẽ thả neo ở đâu. Đúng như tôi tưởng tượng, ông ta dừng ở trước cái tủ kính khung gỗ mun, một di vật có từ thời cửa hàng mới mở năm 1888, khi cụ cố Sempere, lúc bấy giờ còn là

chàng thanh niên mới trở về sau cuộc phiêu lưu tìm kiếm vận may ở châu Mỹ, đã vay được chút tiền để mua một cửa hàng bán gang tay cũ, và biến nó thành hiệu sách. Cái tủ ấy, báu vật của cửa hiệu, được dành cho những món giá trị nhất.

Vị khách ghé sát tủ đến mức hơi thở lưu dấu lên mặt kính. Ông ta lôi ra cặp kính mắt, đeo vào để tiếp tục nghiên cứu những thứ bên trong, về mặt của ông ta làm tôi nghĩ đến một con chồn đang quan sát ổ trứng mới trong chuồng gà.

“Món này đẹp đấy,” ông ta lầm nhảm. “Trông hơi bị đắt tiền.”

“Một vật gia bảo. Giá trị của nó chủ yếu là về mặt tinh thần,” tôi đáp, cảm thấy khó chịu trước cách đánh giá của vị khách hàng khác thường có kiểu nhìn chòng chọc như quyết tâm định giá đến cả không khí chúng tôi đang hít thở.

Sau một lát, ông ta cất cặp kính, đoạn nói với giọng cân nhắc.

“Tôi hiểu rằng có một quý ông, nổi tiếng vì trí thông minh, đang làm việc cho cậu.”

Thấy tôi không đáp lời ngay, ông ta quay lại ném cho tôi cái nhìn khinh khỉnh.

“Như ông có thể thấy, tôi chỉ có một mình. Có lẽ, thưa ông, nếu ông vui lòng cho tôi biết ông đang tìm cuốn sách nào, tôi có thể tìm giúp ông một bản.”

Người lạ ban cho tôi một nụ cười chẳng lấy gì làm thân thiện, đoạn gật đầu.

“Tôi thấy trong tủ kia cậu có một cuốn *Bá tước Monte Cristo*.”

Ông ta không phải khách hàng đầu tiên để ý cuốn sách ấy. Tôi tuôn ra một tràng những lời quảng cáo vốn được dành cho những dịp như vậy.

“Quý ông đây quả có con mắt tinh đời. Đó là một ấn bản cực đỉnh, được đánh số và do Arthur Rackham minh họa. Nó thuộc về thư viện tư nhân của một nhà sưu tầm có uy thế ở Madrid. Một bản độc nhất, và đã được xếp danh mục.”

Vị khách nghe nhưng chẳng mấy để tâm, chú ý vào sự kiên định của cái giá sách gỗ mun, và tỏ rõ rằng những lời của tôi làm ông ta chán.

“Sách nào tôi thấy cũng như nhau cả thôi, nhưng tôi thích màu xanh trên bìa kia,” ông ta đáp lại, giọng khinh miệt. “Tôi sẽ lấy nó.”

Trong những tình huống khác, tôi sẽ nhảy cẫng lên vui sướng trước ý nghĩ có thể bán được cuốn sách hẳn là đắt nhất trong hiệu, nhưng ý nghĩ rằng nó rớt cuộc lại vào tay của nhân vật kia làm tôi tức cả bụng. Điều gì đó mách bảo tôi rằng nếu cuốn sách kia rời khỏi hiệu, hẳn sẽ không ai thèm đọc dù chỉ là đoạn đầu tiên.

“Đây là một ấn bản rất đắt tiền. Nếu ông thích, thưa ông, tôi có thể cho ông xem các ấn bản khác của tác phẩm này, trong tình trạng hoàn hảo, và với giá hợp lý hơn nhiều.”

Những người có linh hồn cần cỗi luôn cố làm cho người khác cảm thấy nhỏ bé, và người lạ kia, kẻ có thể che giấu linh hồn mình trong chiếc đầu kim, ném cho tôi cái nhìn khinh khỉnh nhất của ông ta.

“Và bìa cũng màu xanh,” tôi nói thêm.

Ông ta lơ đi sự xác xược trong cái giọng châm biếm của tôi.

“Không, cảm ơn cậu. Đây là cuốn tôi muốn. Tôi không quan tâm giá cả.”

Tôi miễn cưỡng đồng ý, đoạn bước đến tủ. Khi lấy chìa khóa và mở tủ kính, tôi có thể cảm thấy ánh mắt người lạ như xuyên vào

lưng tôi.

“Hàng giá trị thì luôn đằng sau ổ khóa và chìa,” ông ta lầm nhảm trong cổ họng.

Tôi lấy cuốn sách và thở dài.

“Quý ông đây có phải một nhà sưu tầm không?”

“Tôi cho là cậu có thể gọi tôi như thế. Nhưng không phải sưu tầm sách.”

Tôi quay lại với cuốn sách trong tay.

“VẬY ông sưu tầm gì, thưa ông?”

Một lần nữa, người lạ lơ câu hỏi của tôi và đưa tay ra lấy cuốn sách. Tôi phải cưỡng lại nỗi thôi thúc bỏ cuốn sách ấy vào tủ rồi vặn chìa khóa. Cha tôi sẽ không bao giờ tha thứ nếu tôi để lỡ một cuộc mua bán như vậy khi kinh doanh đang đi xuống.

“Giá là ba trăm năm mươi đồng peseta,” tôi nói trước khi giao sách cho ông ta, hy vọng con số ấy sẽ khiến ông ta đổi ý.

Ông ta gật đầu mà mi mắt không buồn động, đoạn rút ra từ một ngàn peseta từ chiếc áo vét hằn không đáng giá một đồng xu. Tôi tự hỏi tờ tiền ấy có phải tiền giả không.

“Tôi e không đủ tiền thối lại đâu, thưa ông.”

Tôi tính đề nghị ông ta chờ một lát trong khi tôi chạy ra ngân hàng gần nhất để đổi tiền, và nhân thể xem luôn có phải tiền giả không, nhưng tôi không muốn bỏ ông ta một mình trong hiệu sách.

“Đừng lo. Tiền thật đấy. Cậu biết làm thế nào để nhận ra không?”

Người lạ giơ tờ tiền lên đèn.

“Hãy nhìn hình in mờ này. Và những dòng này. Cái họa tiết này...”

“Quý ông đây có phải chuyên gia tiền giả không?”

“Trên đời này, mọi thứ đều là giả, chàng trai ạ. Mọi thứ, ngoại trừ tiền.”

Ông ta đặt tờ tiền vào tay tôi và khép nắm tay tôi lại, vỗ nhẹ lên những đốt tay tôi.

“Cứ giữ tiền thừa cho lần tới tôi ghé mua sách,” ông ta nói. “Coi như là trả trước.”

“Như thế nhiều quá, thưa ông. Sáu trăm năm mươi peseta...”

“Chút xu lẻ ấy mà.”

“VẬY tôi sẽ làm biên nhận cho ông.”

“Tôi tin cậu.”

Người lạ xem xét cuốn sách mà chẳng hề có sự thích thú.

“Tiện thể thì, đây là một món quà. Tôi phải nhờ đích thân cậu giao giùm.”

Trong một lát, tôi dè dặt.

“Chúng tôi thường không nhận giao sách, nhưng trong trường hợp này chúng tôi sẵn lòng xử lý gói hàng của ông, miễn phí. Liệu tôi có thể hỏi địa chỉ giao hàng ở Barcelona này hay...?”

“Ngay tại đây,” ông ta nói.

Cái nhìn lạnh băng dường như hé lộ nhiều năm căm hờn và oán giận.

“Ông có muốn viết lời đề tặng, hoặc lời nhắn riêng trước khi tôi bọc sách không, thưa ông?”

Vị khách mở trang bìa lót với vẻ khó khăn. Lúc này tôi mới nhận thấy tay trái của ông ta là tay giả, được làm từ sứ sơn màu. Ông ta lấy ra cây bút máy và viết mấy chữ. Rồi ông ta đưa cuốn sách cho tôi đoạn quay lưng đi. Tôi nhìn ông ta tập tễnh bước ra cửa.

“Xin ông vui lòng cho tôi tên và địa chỉ ông muốn gửi cuốn sách, thưa ông?” tôi hỏi.

“Tất cả trong đó,” ông ta nói, không quay đầu lại.

Tôi mở cuốn sách ra và nhìn vào trang có dòng chữ người lạ đã viết lên.

*Gửi Fermín Romero de Torres,
người từ cõi chết trở về
và giữ chìa khóa đến tương lai.
Mười Ba*

Lúc ấy tôi nghe thấy tiếng chuông cửa leng keng, khi tôi ngược lên, người lạ đã đi mất.

Tôi lao đến cửa và nhìn ra phố. Vị khách đang tập tễnh đi, hòa vào những chiếc bóng đang chuyển động xuyên qua màn sương xanh đang cuốn lấy phố Santa Ana. Tôi toan gọi ông ta, nhưng tôi câm lặng... Điều dễ dàng nhất là cứ để ông ta đi, và coi như xong chuyện, nhưng bản năng cùng cái tính thiếu thận trọng đã chiến thắng tôi.

4

Tôi treo biển ĐÓNG CỬA lên và khóa cửa lại, quyết tâm đi theo người lạ kia, xuyên qua đám đông. Tôi biết nếu cha về và phát hiện ra tôi bỏ vị trí - ngay đúng dịp ông để tôi trông hiệu sách một mình và tất tả lo việc trong mùa buôn bán ế ẩm - thì tôi sẽ gặp rắc rối to. Nhưng tôi sẽ nghĩ ra một lý do thích hợp nào đó trên đường đi. Thà đối mặt với cơn giận dữ của cha tôi, còn hơn là chịu giày vò bởi nỗi lo lắng do nhân vật hiểm độc ấy đã để lại, và không biết ý định thực sự của ông ta với Fermín.

Một người bán sách chuyên nghiệp có ít cơ hội đạt được cái nghệ thuật tinh tế trong việc theo dõi kẻ tình nghi ngoài thực địa mà không bị phát hiện. Trừ phi một số lượng đáng kể khách hàng của anh ta là những kẻ quỵt nợ nổi tiếng, bằng không thì cơ hội như vậy chỉ được trao cho anh ta nhờ những tuyển tập các câu chuyện tội phạm và mấy thứ truyện ba xu trên giá sách. Cái áo không làm nên thầy tu, nhưng một tội ác, hay một tội ác giả định, làm nên thám tử, nhất là những tay mơ.

Khi theo dõi người lạ mặt đi về phố Ramblas, tôi nhớ lại những điểm trọng yếu, trước tiên là giữ khoảng cách năm chục mét, ẩn sau ai đó cao lớn hơn và luôn nhanh chóng thủ sẵn một chỗ nấp - một ngưỡng cửa hoặc một cửa hàng - phòng khi đối tượng dừng lại và quay ra sau mà không báo trước. Khi đến phố Ramblas, người lạ băng qua đường để vào đại lộ trung tâm và bắt đầu bước về phía

cảng. Đại lộ được bài trí những đồ trang hoàng Giáng sinh truyền thống, và có nhiều hơn một cửa hàng đã tô điểm ngoài cửa sổ bằng đèn, những hình ngôi sao và thiên thần báo hiệu một mùa phồn thịnh. Nếu kênh truyền thanh của chế độ nói rằng thời kỳ tươi đẹp đang ở phía trước, thì ắt hẳn đúng thế thật.

Vào thời ấy, Giáng sinh vẫn giữ được không khí kỳ diệu và bí ẩn. Cái ánh sáng như bột trắng của mùa đông, những vẻ mặt sáng lên hy vọng của những người sống giữa bóng tối và sự im lặng, tạo cho bối cảnh ấy một không khí hứa hẹn mỏng manh, mà ít nhất trẻ con và những người đã học được nghệ thuật lãng quên vẫn có thể còn thấy tin tưởng.

Có lẽ vì vậy mà tôi càng lúc càng thấy rõ rằng dường như không có ai lạc lõng giữa Giáng sinh bằng đối tượng kỳ dị mà tôi đang điều tra. Ông ta tập tễnh đi chậm chậm, thường dừng lại bên một cửa hàng chim cảnh, hay một hàng hoa để chiêm ngưỡng chú vẹt đuôi dài hay đóa hồng, cơ hồ chưa bao giờ ông ta được nhìn thấy chúng. Có đôi lần ông ta bước đến một quầy báo, thứ chốc chốc lại xuất hiện ở Ramblas và thích thú liếc nhìn trang bìa những tờ báo hay tạp chí và lơ đãng xoay giá bán bưu thiếp. Ông ta xử sự như thể trong đời chưa bao giờ được đến đây, như một đứa trẻ hay một du khách lần đầu tiên đi dạo trên phố Ramblas - nhưng đứa trẻ và du khách thường thể hiện một vẻ ngây thơ vì không biết mình ở đâu, trong khi đó người đàn ông của chúng ta không thể bớt ngây thơ đi dù được ban phước bởi Chúa hài đồng, bức tượng ông ta mới đi ngang qua khi tới nhà thờ Belén.

Rồi ông ta dừng lại, chừng như bị mê hoặc bởi một con vẹt màu đang căng mắt nhìn ông ta từ một trong những quầy bán thú đối diện lối vào phố Puertaferri. Ông ta tiến đến chuồng chim với cùng

cái cung cách như khi tiến lại chiếc tủ kính trong hiệu sách, và bắt đầu lăm băm gì đấy với chú vẹt mào. Chú chim, sinh vật có cái đầu lớn, mình như con gà trống thiên, và bộ lông lộng lẫy, sống sót trước hơi thở mùi sulphuric của người lạ kia và tỏ vẻ thích thú lẫn tập trung cao độ vào điều vị khách đang ngâm nga. Để cho chắc chắn, chú ta còn gật đầu lia lịa và giương cái mào hồng mượt lên, phần khích thấy rõ.

Sau vài phút, người lạ, đã hài lòng sau cuộc trao đổi với chú chim, lại tiếp tục hành trình. Chưa đầy ba mươi giây sau, khi bước qua quầy bán chim, tôi nhận ra rằng một cuộc huyền ảo nho nhỏ đã nổ ra. Nhân viên bán hàng, rõ ràng là xấu hổ, vội vàng lấy khăn trùm che lồng chim lại, vì chú chim cứ nhắc đi nhắc lại đoạn điệp khúc sau với chất giọng ngâm thơ mẫu mực, *Franco, cái đồ ngu, cu không ngông*. Tôi không may may nghi vấn nguồn gốc của câu về ấy. Người lạ mặt ít nhất cũng có khiếu hài hước táo bạo, và thiên hướng chính trị liều lĩnh, mà trong thời ấy thật hiếm hoi như chiếc váy ngắn trên gối.

Bị phân tâm bởi biến cố này, tôi nghĩ mình đã mất dấu ông ta, nhưng lập tức tôi thấy hình dáng lù khù của ông ta đang đứng trước cửa sổ của hiệu trang sức Bagués. Tôi nép vào một quầy viết thuê nằm sát cổng vào Điện La Virreina và thận trọng quan sát ông ta. Mắt ông ta sáng lên như hồng ngọc và việc nhìn thấy vàng và đá quý đằng sau những ô cửa kính chống đạn ấy dường như đã đánh thức một nỗi thèm khát trong ông ta mà đến cả một dàn vũ nữ ở La Criolla vào những năm vàng son cũng không thể nào gọi lên được.

“Một bức thư tình, một lá đơn, một thư kiến nghị gửi đến một quan chức lỗi lạc tùy anh chọn, một dòng bốc đồng ‘mong thư này đến tận tay anh, chị’ cho họ hàng trong nước, sao hả chàng trai trẻ?”

Chú thợ viết thuê ở quầy mà tôi chọn làm chỗ ẩn nấp đang hé mắt nhìn ra như một cha xứ nghe xưng tội, đoạn nhìn tôi như mong mỏi, hy vọng tôi sẽ sử dụng dịch vụ của chú ta. Tấm áp phích trên bàn có chữ:

OSWALDO DARÍO DE MORTENSSEN

NHÀ VĂN VÀ NHÀ TƯ TƯỞNG TỰ DO

Viết những bức thư tình, kiến nghị, di chúc, thơ, lời tán dương, thư chào, lời biện hộ, điệu văn, lời hát ca, diễn văn, đơn từ và mọi loại văn tự theo phong cách kinh điển và văn luật. Mỗi câu mười xu (vân vân tính phụ phí). Giá ưu đãi cho các góa phụ, thương binh và trẻ nhỏ.

“Thế nào, chàng trai? Một bức thư tình đúng kiểu khiến các thiếu nữ tuổi cập kê ướt đầm váy lót vì thèm khát thì sao? Tôi sẽ giảm giá đặc biệt cho cậu.”

Tôi cho chú ta xem nhăn cười. Oswaldo, chú thợ viết, nhún vai không hề nao núng.

“Giờ là thời hiện đại rồi,” chú ta lý luận. “Giá mà cậu biết số đàn ông phụ nữ đã có gia đình đến gian hàng của tôi...”

Tôi đọc dòng quảng cáo. Có gì đó quen thuộc mà tôi không thể gọi ra được.

“Tên của chú gọi lên điều gì đó...”

“Tôi đã qua thời hoàng kim rồi. Có lẽ cậu thấy tên tôi từ ngày xưa.”

“Đây có phải tên thật của chú không?”

“*Bút danh*. Tên của một nghệ sĩ cần phù hợp với sứ mệnh của anh ta. Trên giấy khai sinh tôi là Jenaro Rebollo, nhưng với một cái

tên như vậy, ai sẽ tin tưởng nhờ tôi viết thư tình đây...? Cậu nghĩ sao với lời đề nghị giảm giá? Chúng ta sẽ biên một bức thư đầy đam mê và khao khát chứ?”

“Để lúc khác.”

Chú thợ viết thuê gật đầu cam chịu. Chú ta dõi theo ánh mắt tôi, đoạn nhíu mày vì tò mò.

“Đang theo dõi tên què kia, phải không?” chú ta nhận xét băng quơ.

“Chú biết ông ta không?” tôi hỏi.

“Độ một tuần nay, ngày nào tôi cũng thấy ông ta đi qua đây, và dừng lại ở ngay đó, chỗ cửa hàng trang sức, ông ta cứ nhìn chằm chằm vào, miệng há hốc, như thể vật được bày biện không phải những chiếc nhẫn hay vòng cổ, mà là cặp mông trần của Dorita xinh đẹp,” chú ta giải thích.

“Đã bao giờ chú nói chuyện với ông ta chưa?”

“Hôm kia một đồng nghiệp của tôi đã chép cho ông ta một bức thư; ông ta mất mấy ngón tay, cậu thấy đấy...”

“Đồng nghiệp nào thế?” tôi hỏi.

Chú thợ chữ nhìn tôi ngờ vực, e sợ khả năng mất đi một khách hàng nếu chú ta đáp lời.

“Luisito, ở đằng kia, cạnh cửa hàng nhạc, người trông như học sinh trường dòng ấy.”

Tôi gửi chú ta mấy đồng xu gọi là cảm ơn, nhưng chú ta từ chối.

“Tôi kiếm sống nhờ ngòi bút, không phải bằng nước bọt. Ở khu vực này có rất nhiều người sống bằng nước bọt. Nếu cậu thấy cần cứu giúp văn phạm, cậu sẽ tìm thấy tôi ở đây.”

Chú ta đưa tôi tắm danh thiếp, lời lẽ y như trên tờ áp phích.

“Thứ Hai đến thứ Bảy, từ tám giờ sáng tới tám giờ tối,” chú ta nói rõ. “Oswaldo, chiến binh văn tự, phục vụ cậu khi cậu có nhu cầu về giấy má thư từ.”

Tôi cất tấm danh thiếp đi và cảm ơn chú ta đã giúp đỡ.

“Con chim của cậu đang bay kìa.”

Tôi quay lại và có thể thấy người lạ mặt lại đang di chuyển. Tôi vội vã đuổi theo ông ta, bám ông ta theo dọc phố Ramblas đến tận cổng chợ Boquería, ở đó ông ta dừng lại để nhìn những quầy hàng cùng những người đến rồi đi, nâng lên và đỡ xuống những món đặc sản. Tôi thấy ông ta tập tễnh bước đến quán Pinocho và leo lên một chiếc ghế, dù khó khăn nhưng tự tin. Nửa tiếng sau đó, người lạ cố vét sạch những đồ ăn thức uống mà người trẻ nhất trong quầy bar, Juanito, cứ phục vụ ông ta, nhưng tôi có cảm giác ông ta chẳng đủ sức để chiến tiếp. Ông ta dường như ăn bằng mắt nhiều hơn, như khi yêu cầu món tapas* mà ông ta hầu như chẳng ném, ông ta hẳn đang nhớ lại những ngày còn ăn khỏe. Đôi khi vòm miệng không dùng để ném nấp mà để cố gắng nhớ lại. Cuối cùng, đành phải hưởng thú vui phái sinh ấy là nhìn những người khác ăn uống liếm mép, người lạ mặt trả tiền và tiếp tục hành trình cho tới khi đến lối vào đường Hospital, tại đây cách sắp xếp kỳ quái của các con phố Barcelona đã thẳng tay đặt một trong những nhà hát opera tuyệt vời của cựu thế giới cạnh một trong những phố đèn đỏ dơ dáy nhất của Bắc bán cầu.

Vào giờ này trong ngày các thủy thủ đoàn của một số các tàu quân sự và tàu buôn cập cảng sẽ phiêu lưu đến tận phố Ramblas để thỏa mãn nhiều nỗi thèm khát. Trước nhu cầu đó, nguồn cung đã xuất hiện nơi góc phố: một dàn những quý cô bán hoa xếp hàng dài đến cả vài dặm và sẵn sàng chào mức giá tối thiểu có thể chấp nhận được. Tôi co rúm trước cảnh tượng những chiếc váy ôm lấy những tĩnh mạch bị dẫn ra và vết bầm tím mà chỉ nhìn thôi cũng thấy đau, những khuôn mặt nhăn nheo có cùng cái nét làm-cuốc-cuối-trước-khi-về-vườn có thể kích thích được bất cứ điều gì trừ ham muốn. Một thủy thủ hẳn phải ở nhiều tháng ngoài biển khơi thì mới dính mồi, tôi nghĩ, nhưng ngạc nhiên thay, người lạ dừng lại để chòng ghẹo mấy cô gái mà tuổi xuân đã xa rời từ lâu ấy như thể ông ta đang đùa cợt với những hương sắc tươi mới trong dàn ca múa tinh túy bậc nhất.

“Nào, tình yêu của em, hãy để em làm anh trẻ hơn hai chục tuổi bằng tài xoa bóp đặc biệt của em,” tôi nghe một bà nói. Bà ta dễ dàng tuổi bà ngoại của chú thợ chữ Oswaldo.

Bà sẽ giết ông ta bằng trò mát xa thôi, tôi nghĩ. Người lạ, với động tác thận trọng, từ chối lời mời ấy.

“Để hôm khác, em yêu ạ,” ông ta đáp khi bước vào khu phố Raval.

Tôi theo ông ta thêm vài trăm mét nữa, cho tới khi thấy ông ta dừng lại trước một ngưỡng cửa hẹp, tối đen, gần đối diện khách sạn Europa. Ông ta biến mất vào tòa nhà và tôi đợi nửa phút mới vào trong theo ông ta.

Phía bên trong, một cầu thang tối tường như mất hút vào lòng của tòa nhà. Bản thân tòa nhà cơ hồ nghiêng về phía cảng, hay thậm chí có lẽ đang gần như chìm vào hầm mộ của quận Raval, nếu xét đến mùi hôi thối của hệ thống cống rãnh ẩm ướt và hồng hóc. Ở phía bên kia lối đi có cái gì đó giống như là phòng bảo vệ, một nhân vật trông nhầy nhụa trong chiếc áo cộc tay, ngậm tăm trên môi và cầm chiếc đài bán dẫn, ném cho tôi ánh nhìn nằm đâu đó giữa tò mò và thù nghịch.

“Cậu đi một mình sao?” ông ta hỏi.

Chẳng phải thiên tài cũng nhận ra là tôi đang ở trong sảnh của một nơi cho thuê phòng theo giờ và nét lạc điệu duy nhất trong cuộc viếng thăm của tôi ấy là cái việc tôi không cầm tay một trong những Thần Vệ Nữ giảm giá đang tuần tra nơi góc phố kia.

“Nếu cậu muốn, tôi sẽ kiếm cho cậu một cô ngon lành,” ông ta đề nghị, vừa chuẩn bị một gói gồm khăn, miếng xà phòng và cái tôi đoán hẳn là bao cao su hoặc dụng cụ tránh thai, phương kế cuối cùng.

“Thực ra, tôi chỉ muốn hỏi ông một câu,” tôi bắt đầu.

Người gác cổng đảo mắt.

“Nửa giờ giá hai mươi peseta và tiền gái cậu chịu.”

“Hấp dẫn đấy. Có lẽ để hôm khác. Điều tôi muốn hỏi ông là cách đây vài phút có một quý ông kia vừa lên cầu thang phải không. Một

người đứng tuổi. Không còn sung sức nữa. Đi một mình. Không có gái đi kèm.”

Người gác cổng nhú mày. Từ vẻ mặt ông ta tôi nhận ra rằng ông ta ngay lập tức hạ cấp tôi từ một khách hàng tiềm năng xuống một con ruồi phiền phức.

“Tôi chẳng thấy ai hết. Thôi cậu lượn đi, biến ngay đi trước khi tôi gọi Tonet.”

Tôi đồ rằng Tonet không thể nào là một nhân vật dễ mến được. Tôi để mấy đồng xu còn lại lên bàn và trao cho lão gác cổng một nụ cười cầu tài. Thoắt một cái, món tiền biến mất như thể ấy là con côn trùng, còn đôi bàn tay người gác cổng - với những cái đê nhựa - là cái lưỡi nhanh như cắt của con tắc kè hoa.

“Cậu muốn biết gì?”

“Người đàn ông mà tôi vừa tả có sống ở đây không?”

“Ông ta thuê phòng đã một tuần nay.”

“Ông biết tên ông ta không?”

“Ông ta trả tiền trước một tháng, nên tôi không hỏi.”

“Ông biết ông ta người vùng nào không, ông ta làm gì để kiếm sống...?”

“Đây không phải chương trình hộp thư bạn nghe đài. Người ta đến đây để chơi gái, và tôi không hỏi han gì cả. Và gã này thậm chí còn không chơi gái. Nên cậu tự mà nghĩ đi.”

Tôi suy xét lại chuyện này.

“Tất cả những gì tôi biết là thỉnh thoảng ông ta ra khỏi phòng rồi quay về. Đôi khi ông ta bảo tôi mang lên một chai rượu, bánh mì và một ít mật ong. Ông ta trả rất hậu hĩnh và không nói một lời.”

“Ông có chắc là không nhớ cái tên nào không?”

Ông ta lắc đầu.

“Được rồi. Cảm ơn ông, và xin lỗi vì làm phiền ông.”

Tôi toan đi thì bị ông bảo vệ gọi lại.

“Romero,” ông ta nói.

“Gì cơ?”

“Tôi nghĩ tên ông ta là Romero hay đại loại thế...”

“Romero de Torres?”

“Đúng vậy.”

“Fermín Romero de Torres?” tôi nhắc lại, ngờ vực.

“Đúng cái tên đấy. Chẳng phải trước chiến tranh có một võ sĩ đấu bò tên như vậy sao?” người bảo vệ hỏi. “Tôi nghĩ cái tên đó quen lắm...”

6

Tôi quay về hiệu sách, còn bối rối hơn cả lúc đi. Khi bước qua Điện La Virreina, Oswaldo, chú thợ chữ, đưa tay lên chào.

“Gặp may không?” chú ta hỏi.

Tôi làm bầm câu trả lời phủ định.

“Thử hỏi Luisito xem, cậu ta chắc sẽ nhớ được gì đó.”

Tôi gật đầu với Oswaldo, đoạn bước đến quầy của Luisito. Luisito đang làm sạch bộ ngòi bút. Khi thấy tôi, anh ta mỉm cười mời tôi ngồi.

“Chuyện gì đây? Là niềm vui hay công việc?”

“Đồng nghiệp của anh, Oswaldo, bảo tôi đến.”

“Người thầy và là người dẫn dắt chúng tôi,” Luisito tuyên bố. “Một học giả vĩ đại, con người không được thể chế thói nát này thừa nhận. Và ông ấy ở đó, trên phố, làm công việc chữ nghĩa để phục vụ những người dốt nát.”

“Oswaldo bảo rằng hôm trước anh viết thuê cho một ông đứng tuổi, hơi tiều tụy, mất một bàn tay, còn bàn tay kia thiếu mấy ngón...”

“Tôi nhớ ông ta. Tôi luôn nhớ những người chỉ có một tay. Nhờ Cervantes đấy - ông ấy mất một tay trong trận Lepanto, cậu biết không?”

“Tôi biết. Và anh có thể cho biết sự vụ gì đã đưa người đàn ông này đến với anh?”

Luisito khẽ cựa người trên ghế, không thoải mái trước hướng rẽ của cuộc trò chuyện.

“Này, chuyện này gần giống như một lời thú tội đấy. Bí mật nghề nghiệp là điều tối thượng.”

“Tôi hiểu. Vấn đề là, chuyện này rất nghiêm trọng.”

“Nghiêm trọng thế nào?”

“Đủ nghiêm trọng để đe dọa đến an nguy của một người thân thương với tôi.”

“Tôi hiểu, nhưng...”

Luisito rướn cổ ra và đoán định ánh mắt Oswaldo phía bên kia sân. Tôi thấy Oswaldo gật đầu, và lúc ấy Luisito mới thả lỏng người.

“Quý ông kia mang đến một bức thư ông ta viết. Ông ta muốn nó được sao lại cho chữ đẹp hơn, vì tay ông ta...”

“Thư nói về cái gì...?”

“Tôi cũng chẳng nhớ, mỗi ngày chúng tôi viết rất nhiều thư...”

“Anh thử cố xem, Luisito. Vì Cervantes.”

“Ồ, dù tôi có thể nhầm với một bức thư khác viết cho một khách hàng nào đó, tôi tin rằng nó liên quan đến một số tiền rất lớn mà quý ông cụt tay kia hy vọng nhận được hoặc thu hồi hoặc cái gì đó đại loại vậy. Và gì đó về chìa khóa.”

“Chìa khóa.”

“Đúng. Ông ta không nói rõ là chìa khóa Allen*, hay phím đàn piano hay khóa cửa*.”

Luisito mỉm cười với tôi, tỏ ra hài lòng về trí khôn của mình.

“Anh còn nhớ được gì khác không?”

Luisito liếm mép trầm ngâm.

“Ông ta bảo thấy thành phố đã thay đổi nhiều.”

“Thay đổi ư, theo hướng nào?”

“Tôi không biết. Thay đổi. Không có xác người trên phố.”

“Xác người trên phố? Ông ta nói thế sao?”

“Nếu tôi nhớ không lầm...”

Tôi cảm ơn Luisito vì thông tin rồi vội vã quay về, hy vọng sẽ đến cửa hiệu trước khi cha tôi xong việc trở về và phát hiện ra sự vắng mặt của tôi. Bảng ĐÓNG CỬA vẫn treo. Tôi mở cửa, gỡ bảng báo xuống và về chỗ phía sau bàn, tin rằng chưa một khách hàng nào ghé qua trong thời gian gần bốn mươi phút tôi đi vắng.

Vì chẳng bận gì, tôi bắt đầu nghĩ xem phải làm gì với cuốn *Bá tước Monte Cristo* này và làm thế nào khơi chủ đề này với Fermín khi anh ta đến. Tôi không muốn làm anh ta sợ một cách không cần thiết, nhưng chuyến thăm của người lạ mặt và nỗ lực nghèo nàn của tôi để khám phá ra ông ta đang có ý gì đã làm tôi cảm thấy không yên. Chính ra, tôi chỉ cần kể cho Fermín chuyện đã xảy ra, và không dính dáng gì đến nữa, nhưng tôi biết rằng trong trường hợp này, tôi phải khéo léo. Dạo gần đây Fermín tỏ ra chán nản và tâm trạng cáu bẳn. Tôi đang cố làm cho anh ta vui lên, nhưng những nỗ lực kém cỏi của tôi không tài nào làm anh ta mỉm cười cho được.

“Không cần phải lau sách kỹ thế đâu, Fermín,” tôi sẽ nói. “Tôi vừa nghe được rằng chẳng bao lâu nữa chỉ có đọc sách *noir** mới là hợp mốt đấy.” Tôi đang bóng gió cách báo chí bắt đầu mô tả các tiểu thuyết mới về tội ác và hình phạt, một thứ mới chỉ xuất hiện nhỏ giọt và thông qua những bản dịch chán ngắt.

Đã không mỉm cười thích thú với câu đùa của tôi thì chớ, Fermín còn chộp lấy bất cứ cơ hội nào để lao vào đả kích nhằm bày tỏ sự

ủng hộ cho mấy thứ u ám và tuyệt vọng.

“Dù sao thì toàn bộ tương lai cũng đang sục mùi *noir*,” anh ta tuyên bố. “Nếu có một cái hương vị nào đó trở nên thời thượng trong thời đại giết chóc này, nó sẽ là mùi của sự giả dối và tội ác núp bóng dưới hàng ngàn uyển ngữ.”

Ồi đây rồi, tôi nghĩ. Cuốn sách Khải huyền theo thánh Fermín Romero de Torres.

“Đừng làm quá, Fermín. Anh nên nạp thêm nhiều ánh mặt trời và không khí trong lành. Hôm trước tôi đọc trên báo rằng vitamin D làm tăng niềm tin của chúng ta vào đồng loại.”

“Ồ, tôi cũng đọc được trên báo rằng thuốc lá nhập khẩu giúp chúng ta cao lớn hơn, và các ngân hàng trên thế giới đang tận tâm cam kết diệt tận gốc sự nghèo đói và bệnh tật trên hành tinh trong chưa đầy mười năm nữa,” anh ta đáp. “Tin vào báo thể nào được.”

Khi Fermín bị quan có hệ thống như vậy, lựa chọn tốt nhất là đừng tranh luận với anh ta.

“Cậu biết không, Daniel? Đôi khi tôi nghĩ là Darwin đã phạm sai lầm và rằng kỳ thực con người tiến hóa từ lợn, vì cứ mười tên trong chủng người thì có tám tên thuộc giống ỉn ỉn, và vòng vo lươn lẹo như cái đuôi heo.”

“Fermín, tôi thích hơn khi anh có cách nhìn tích cực và nhân văn về mọi chuyện, như hôm trước anh bảo là trong sâu thẳm con người không ai buồn cả, chỉ sợ hãi thôi.”

“Hắn là hôm ấy lượng đường thấp trong máu tôi đã lên tiếng đấy. Thật rác rưởi.”

Dạo gần đây, gã Fermín mà tôi muốn nhớ đến dường như đã e dè rút lui và thay vào đó là con người héo hon bởi những lo âu cùng

tâm trạng bão bùng mà anh ta không muốn chia sẻ. Có lúc, khi nghĩ không ai để ý đến mình, anh ta sẽ co vào một góc, cơn đau gặm nhấm tâm can. Anh ta sút cân, và vốn dĩ những lúc đỉnh cao anh ta cũng đã gầy như cây cào và cơ thể anh ta dường như chỉ được hợp thành từ xương sụn và điệu bộ, thể nên diện mạo của anh ta hiện tại thật đáng lo ngại. Tôi đã một đôi lần nhắc đến điều đó, nhưng anh ta chối rằng chẳng có chuyện gì hết, và né tránh vấn đề bằng những cái cớ kiểu nhà nước Byzance*.

“Không có gì đâu, Daniel. Chỉ là độ này tôi theo dõi giải vô địch bóng đá và mỗi khi Barca thua huyết áp tôi lại tụt. Tất cả những gì tôi cần là một miếng pho mát Manchego và tôi sẽ lại khỏe như một con bò thôi.”

“Thật ư? Nhưng cả đời anh đã bao giờ xem trận bóng nào đâu.”

“Cậu nghĩ thế thôi. Khi còn bé mọi người bảo tôi có đôi chân để làm vũ công hoặc cầu thủ bóng đá đấy.”

“Ồ, tôi lại thấy anh nhàu nhĩ toàn tập, chân cho đến thân. Hoặc là anh đang ốm, hoặc anh đang không chăm lo cho bản thân.”

Để trả lời, anh ta cho tôi xem mấy búi cơ to bằng quả hạnh tầm đường đoạn nhe răng cười như thể anh ta là người bán dạo kem đánh răng.

“Có thấy không! Thép đấy, như thanh gươm của Cid!”

Cha tôi lại cho cái vẻ xuống cấp của anh ta là vì lo lắng cho đám cưới và những chuyện liên quan, từ việc phải kết thân với giới tăng lữ đến việc tìm nhà hàng hay quán cà phê phù hợp cho bữa tiệc cưới, nhưng tôi ngờ rằng nỗi sầu muộn này có nguồn gốc sâu xa hơn. Tôi đang cân nhắc có cho Fermín hay chuyện xảy ra lúc sáng và cho anh ta xem cuốn sách hay không, hay là sẽ đợi vào thời điểm

tốt hơn, thì trông thấy anh ta lê thân ra cửa với vẻ mặt hẩn sẽ giành được vị trí danh dự nhất tại một đám tang. Khi thấy tôi, anh ta mỉm cười yếu ớt và chào theo kiểu quân nhân.

“Thật vui được gặp anh, Fermín. Tôi đang nghĩ rằng hôm nay anh sẽ không đến đây.”

“Tôi thà chết còn hơn là ăn không ngồi rồi. Tôi bị bác thợ đồng hồ Federico giữ lại. Khi tôi đi ngang qua cửa hàng, bác ta nhồi cho tôi mấy lời đồn rằng có người đã thấy ông cụ Sempere đi trên phố Puertaferri sáng nay, trông rất là bảnh bao và đang trên đường tới một nơi bí ẩn. Bác ta Federico và Merceditas nông nỗi muốn biết có phải ông ấy có bồ không - dường như, dạo gần đây chuyện này giúp người ta có được sự tín nhiệm nhất định giữa những người bán hàng trong quận và nếu cô gái ấy là một ca sĩ trong đoàn ca múa, thì lại càng hay hơn.”

“Thế anh trả lời sao?”

“Rằng bố cậu, một ông góa kiêu mẫu, đã quay về trạng thái trình nguyên căn bản, thứ khiến cả cộng đồng khoa học bối rối nhưng lại giúp ông ấy có được một đề cử cấp tốc vào hàng thánh ở văn phòng của tổng giám mục. Tôi không bàn luận về đời tư của ông Sempere với cả bạn hay thù vì đó không phải là chuyện của ai khác ngoài ông ấy. Và bất kỳ ai tiếp cận tôi với thứ rác rưởi như vậy sẽ nhận được của tôi không gì khác ngoài một cái tát. Thế đấy.”

“Anh là một quý ông truyền thống, Fermín ạ.”

“Chính cha cậu mới là người truyền thống, Daniel. Chỉ tôi với cậu biết thôi nhé, và chuyện không được lọt ra khỏi bốn bức tường này, tôi nghĩ cũng chẳng phải là cái gì tồi tệ nếu lúc này hay lúc khác cha cậu sống thoáng hơn một tí. Kể từ khi chúng ta bắt đầu vượt cơn

hoang mạc tài chính này ông ấy đã dành toàn bộ thời gian để chôn chặt mình trong nhà kho cùng cuốn *Tử thư Ai Cập* đấy.”

“Đó là cuốn sổ kế toán,” tôi chỉnh lại anh ta.

“Sao cũng được. Thực ra, dạo gần đây tôi đã nghĩ đến việc đưa ông ấy đi nghe nhạc ở El Molino rồi đi chơi đêm. Mà kể cả trong chuyện đó người hùng của chúng ta có nhàm chán như món cơm thập cẩm làm từ bắp cải, tôi dám chắc rằng cuộc đụng độ mặt đối mặt với một thiếu nữ đầy đà, căng mọng và quyết đoán sẽ làm lay động ông ấy đến xương tủy,” Fermín nói.

“Xem ai nói kìa. Cuộc đời và linh hồn của cả bữa tiệc. Nói thật nhé, anh mới là người làm tôi lo lắng đấy,” tôi phản bác. “Dạo này anh trông như con gián dính vào áo mưa ấy.”

“Tôi trộm nghĩ đó là một so sánh khéo léo đấy, nếu tôi có thể nói vậy. Vì con gián có thể không có cái vẻ đẹp kهنه kiêu như đòi hỏi của các chuẩn mực phù phiếm của cái xã hội ngớ ngẩn mà chúng ta có may mắn được sống, cơ mà cả loài vật chân đốt bị đánh giá thấp ấy và kẻ hèn mọn này đều có đặc trưng là bản năng sinh tồn vô song, ấy là cái tính háu ăn vượt trội và khả năng dục tình của sư tử mà đến cả môi trường phóng xạ cực cao cũng không làm suy chuyển nổi.”

“Thật chẳng thể nào tranh cãi với anh được, Fermín.”

“Đó là bởi tài biện luận bẩm sinh cao siêu của tôi, luôn sẵn sàng phản công dẫu là dấu hiệu mờ nhạt nhất của sự ngốc nghếch, bạn thân mến ạ. Nhưng cha cậu là một bông hoa dịu dàng, mong manh, và tôi nghĩ đã đến lúc hành động trước khi ông ấy biến thành hóa thạch hoàn toàn.”

“Hành động gì cơ, Fermín?” giọng cha tôi xen vào từ sau lưng chúng tôi. “Đừng bảo anh định dàn xếp một bữa tiệc trà cho tôi với Rociño đấy.”

Chúng tôi quay lại như hai cậu học trò bị bắt quả tang. Cha tôi, trông chẳng giống bông hoa dịu dàng chút nào cả, đang đứng ở cửa nghiêm nghị nhìn chúng tôi.

“Làm thế nào ông biết được kế hoạch với Rociño hay vậy?” Fermín lẩm bẩm kinh ngạc.

Sau khi nhăm nháp nỗi sợ hãi gây ra cho chúng tôi, cha mỉm cười dịu dàng và nháy mắt với cả hai.

“Tôi có thể bị hóa thạch, nhưng tại tôi còn nhạy lắm. Tại tôi và óc tôi. Thế nên tôi quyết định phải làm gì đó để vực lại việc kinh doanh của chúng ta,” ông tuyên bố. “Chuyện đi xem nhạc để sau đã nhé.”

Chỉ đến lúc ấy chúng tôi mới để ý cha đang mang hai túi to nặng trĩu và một hộp lớn bọc giấy nâu được buộc bằng dây sợi to.

“Đừng bảo con là bố vừa cướp ngân hàng khu này đây,” tôi nói.

“Bố cố tránh ngân hàng càng nhiều càng tốt: như Fermín nói, bọn họ mới là người hay cướp của chúng ta. Bố vừa ra chợ Santa Lucía.”

Fermín và tôi nhìn nhau hoang mang.

“Hai người có định giúp tôi không? Cái này nặng cả tấn ấy chứ.”

Chúng tôi tiến hành lấy các thứ trong túi đem bỏ lên bàn trong khi cha tôi mở gói bọc hộp ra. Mấy cái túi chứa toàn những thứ nhỏ nhỏ, thứ nào cũng được gói trong giấy nâu. Fermín mở một món ra rồi nhìn vào, vẻ mặt bối rối.

“Cái gì thế?” tôi hỏi.

“Tôi trộm nghĩ là một con vật thờ trượng thành, to bằng một phần trăm kích cỡ thực,” Fermín gợi ý.

“Cái gì cơ?”

“Cụ thể là, một con lừa hay một thằng ngốc*, loài thú bốn chân hay ho có móng mang theo vẻ quyến rũ và say mê cư trú trên miền đất Tây Ban Nha độc đáo của chúng ta. Khác một nỗi đây là một phiên bản thu nhỏ, như mô hình tàu hỏa người ta bán ở Casa Palau,” Fermín giải thích.

“Đó là con lừa đất sét, con vật đặt gần máng,” cha tôi giải thích.

“Cái máng nào cơ?”

Cha tôi mở hộp các tông và lôi ra một cái máng khổng lồ, cùng lô bóng đèn ông vừa mua, và cái, mà tôi đoán, ông định đặt ở gian trưng bày như một chiêu trò quảng cáo mùa Giáng sinh. Trong khi đó, Fermín đã tháo bọc ra, nào bò, nào lợn, nào vịt, và cả ba vị vua già thông thái cưỡi lạc đà, mấy cây cọ, Thánh Joseph và Đức Mẹ Mary.

“Chịu khuất phục trước sự bạo ngược của bộ máy tuyên truyền Công giáo-Quốc gia và những phương pháp nhồi sọ kín đáo bằng việc trưng bày các nhân vật Giáng sinh và những câu chuyện hoang đường, với tôi đó không phải là một giải pháp,” Fermín tuyên bố.

“Đừng nói vớ vẩn, Fermín,” cha tôi cắt ngang. “Đây là một truyền thống đáng yêu và mọi người thích xem cảnh Chúa giáng sinh trong mùa Noel. Cửa hàng cần cái tia sáng hạnh phúc, rực rỡ mà mùa Giáng sinh đòi hỏi. Hãy nhìn khắp các cửa hàng trong khu phố mà xem, và nếu so sánh anh sẽ thấy tại sao cửa hàng của chúng ta trông như nhà tang lễ vậy. Thôi làm tiếp đi nào, giúp tôi đặt cái này bên cửa sổ. Và dời hết đồng sách vật lý và lịch sử triết học phương

Tây này qua hàng hai hết đi, Fermín. Chúng đang dọa khách hàng mùa Giáng sinh chạy mất dép.”

“Sắp tận thế rồi,” Fermín lẩm bẩm.

Ba người chúng tôi thu xếp đặt chiếc máng và sắp xếp những nhân vật nhỏ vào đúng chỗ. Fermín miễn cưỡng hợp tác, anh ta nhúu mày tìm bất cứ lý do gì để bày tỏ sự phản đối.

“Ông Sempere này, với tất cả lòng kính trọng, tôi mong ông chú ý rằng Chúa hài đồng to gấp ba lần nhân vật được cho là người cha và khó mà vừa cái nôi?”

“Chẳng quan trọng. Người ta bán hết những cái nhỏ rồi.”

“Ồ, tôi nghĩ để cạnh Đức Mẹ Mary cậu ấy trông giống như những võ sĩ Nhật Bản có vấn đề về kiểm soát cân nặng, tóc thì chải hết ra phía sau và quần lót xoắn lại trông như cái khố thắt quanh vùng hạ bộ vậy.”

“Đồ vật sumo, người ta gọi thế đấy,” tôi nói.

“Chính là họ,” Fermín đồng tình.

Cha tôi lắc đầu thờ dài.

“Hơn nữa, nhìn ánh mắt kia kìa. Ông có nghĩ cậu ấy bị ma nhập không.”

“Nào Fermín, im miệng và bật đèn máng lên xem nào,” cha tôi ra lệnh, tay đưa phích cắm cho anh ta.

Bằng cách trình diễn một trong những chiêu giữ thăng bằng của mình, Fermín chui xuống dưới bàn đặt máng, và với đến ổ cắm phía đằng kia của kệ.

“Và đèn đã sáng,” cha tôi thông báo, phần khởi nhìn ngấm cảnh Chúa giáng sinh mới bóng loáng ở hiệu sách Sempere & Con trai.

“Thích nghi hay là diệt vong!” ông nói thêm, tự lấy làm hài lòng.

“Diệt vong,” Fermín lầm nhảm trong họng.

Chưa đầy một phút kể từ giờ lên đèn chính thức, một quý bà, dắt theo ba đứa trẻ, dừng lại cửa hàng chiêm ngưỡng cái máng và sau một hồi dè dặt, mạnh dạn bước vào cửa hàng.

“Xin chào,” bà nói. “Ông có cuốn sách thiếu nhi nào nói về cuộc đời các vị thánh không?”

“Dĩ nhiên,” cha tôi nói. “Cho phép tôi được giới thiệu một bộ sách đáng đọc là *Chúa hài đồng ánh sáng đời tôi*, mà tôi chắc lũ trẻ sẽ thích. Sách được minh họa phong phú và do ngài tổng giám mục kính mến của chúng ta viết lời tựa. Không có bộ nào hay hơn đâu.”

“Nghe thật đáng yêu. Kỳ thực, thời buổi này thật khó tìm được những cuốn sách có thông điệp tích cực, những cuốn sách cho ta cảm giác thật sự tốt về bản thân, giờ đây chỉ có toàn những cuốn sách thúc đẩy các thứ bạo lực và tha hóa đang rất được ưa chuộng thời nay.”

Fermín tròn tròn mắt. Anh ta sắp sửa há miệng thì tôi kịp ngăn lại và kéo ra xa khỏi khách hàng.

“Tôi hiểu ý của bà, thưa bà,” cha tôi đồng tình, ông nhìn tôi qua khước mắt, và ra cái vẻ ám chỉ rằng tôi nên giữ chặt và bịt miệng anh ta lại, bởi bằng bất cứ giá nào chúng tôi cũng sẽ không chịu để tuột mất vụ mua bán này.

Tôi đẩy Fermín vào phòng sau, bảo đảm rằng rèm được kéo xuống để cha tôi có thể thoải mái xử lý tình huống này.

“Fermín này, tôi không biết anh bị làm sao. Tôi nhận thấy là anh không tin vào mấy cái vụ Giáng sinh giáng xiéc này, và tôi tôn trọng điều đó, nhưng nếu Chúa hài đồng to bằng cả chiếc xe lu và bốn

chú lợn con làm bằng đất sét làm cha tôi phẫn chấn tinh thần và trên hết kéo được khách hàng vào hiệu sách, thì tôi sẽ đề nghị anh gạt bài thuyết giảng hiện sinh sang một bên, và tỏ ra anh là một phần của dàn đồng ca, ít nhất là trong giờ làm việc.”

Fermín thở dài và gật đầu, trông luống cuống.

“Dĩ nhiên, Daniel,” anh ta nói. “Thứ lỗi cho tôi. Tôi sẵn sàng đi bộ đến Santiago ăn mặc như một bà tiên rằng nếu điều đó làm vui lòng cha cậu và để cứu hiệu sách này.”

“Anh chỉ cần bảo cha tôi rằng ý tưởng cái máng là rất hay, và ra vẻ hợp tác với ông thôi.”

Fermín gật đầu.

“Coi như xong nhé. Tôi sẽ xin lỗi ông Sempere sau vì đã đi quá giới hạn, và để tỏ lòng hối lỗi tôi sẽ đóng góp một bức tượng Chúa nhỏ nhằm chứng minh rằng thậm chí các cửa hàng lớn cũng không thể địch lại tôi trong khoản Giáng sinh. Tôi có một người bạn phải chuyển sang sống lén lút vì đã tạo nên những bức tượng ngòi xỏm rất đáng yêu - những người đi cầu tiêu ấy* - dựa trên hình ảnh của Franco, thật đến mức làm ta nổi da gà.”

“Một con cừu non hoặc vua Balthazar là được rồi.”

“Mong ước của cậu là mệnh lệnh với tôi, Daniel. Bây giờ, nếu cậu không phản đối, thì tôi sẽ đi làm gì đó hữu ích, và bắt đầu mở các hộp trong lô hàng của góa phụ Recasen. Chúng đã nằm đóng bụi ở đây cả tuần rồi.”

“Tôi giúp anh nhé?”

“Đừng lo. Cậu cứ làm việc của cậu đi.”

Tôi nhìn anh ta đi vào kho để mặc chiếc quần yếm màu xanh.

“Fermín này,” tôi bắt đầu.

Anh ta quay lại về thân thiện. Tôi ngừng một lúc.

“Hôm nay xảy ra một việc tôi cần cho anh hay.”

“VẬY Ừ?”

“Thực ra, tôi không rõ phải giải thích thế nào. Có người đến đây hỏi anh.”

“Cô ta đẹp không?” Fermín hỏi, đang cố tỏ ra thích thú nhưng không giấu nổi vẻ lo lắng trong đôi mắt.

“Là một quý ông. Trong bộ dạng khá tệ, và trông hơi kỳ lạ, nói thực là vậy.”

“Ông ta có để lại tên không?” Fermín hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Không. Nhưng để lại cái này cho anh.”

Fermín nhú mày. Tôi đưa anh ta cuốn sách mà người lạ đã mua mấy tiếng trước. Fermín đón lấy và nhìn chăm chăm bìa sách mà không hiểu gì.

“Đây chẳng phải cuốn Dumas trong tủ kính của chúng ta được rao bán với giá ba trăm năm mươi đồng sao?”

Tôi gật đầu.

“Mở trang đầu tiên đi.”

Fermín làm như tôi bảo. Khi đọc lời đề tặng anh ta bỗng tái nhợt và thở hổn hển. Anh ta nhắm mắt một lúc rồi nhìn tôi mà không nói một lời, tưởng như đã già thêm năm tuổi chỉ trong từng ấy giây.

“Khi ông ta rời khỏi cửa hàng, tôi đã đi theo,” tôi nói. “Trong tuần qua, ông ta đã sống trong một chốn dơ dáy mà người ta thuê phòng theo giờ, ở đường Hospital, đối diện khách sạn Europa, và từ những

gì tôi tìm hiểu được, ông ta dùng tên giả - thực ra là tên anh: Fermín Romero de Torres. Tôi đã phát hiện ra, qua một người thợ viết thuê ở La Virreina, rằng ông ta đã thuê chép lại một bức thư, trong đó nhắc đến một khoản tiền lớn. Điều đó có gợi cho anh chuyện gì không?”

Fermín chùng như đang co rúm người lại, cơ hồ từng lời tôi nói đều là một cái tát giáng xuống người anh ta.

“Daniel, cậu tuyệt đối đừng có theo dõi người này hay nói chuyện với hắn nữa nhé. Đừng làm gì cả. Cứ tránh xa hắn ra. Hắn rất nguy hiểm.”

“Người này là ai, Fermín?”

Fermín gập sách lại và giấu sau chõng hộp trên giá sách. Anh ta lướt nhìn về phía cửa hàng rồi khi biết chắc cha tôi còn mãi bận bịu với khách hàng, và không thể nghe chúng tôi nói, anh ta tiến sát gần hơn và nói rất khẽ.

“Xin đừng kể cho cha cậu hay bất kỳ ai chuyện này.”

“Fermín...”

“Cậu giúp tôi chuyện này. Vì tình bằng hữu.”

“Nhưng, Fermín...”

“Làm ơn đi, Daniel. Không phải ở đây. Tin tôi đi.”

Tôi miễn cưỡng đồng ý và cho anh ta xem tờ một ngàn peseta mà người lạ đã trả. Tôi không phải giải thích nó ở đâu ra.

“Tiền này bị nguyên rửa đấy, Daniel. Hãy đưa cho các xơ ở Hội Từ thiện, hay cho kẻ ăn mày trên phố. Hay, tốt nhất là, đốt nó đi.”

Không nói thêm gì nữa, anh ta cởi chiếc quần yếm đoạn chui vào chiếc áo mưa sờn rách rồi đội mũ bê rê. Trên cái đầu như đầu que

diêm của anh ta, cái mũ bê rê trông như chiếc đồng hồ tan chảy trong tranh của Dali.

“Anh định đi đâu à?”

“Bảo cha cậu là có việc đột xuất xảy ra. Được chứ?”

“Dĩ nhiên, nhưng...”

“Tôi không thể giải thích lúc này được, Daniel.”

Anh ta một tay ôm bụng như thể ruột gan đang vặn xoắn.

“Fermín, nếu anh kể cho tôi, có lẽ tôi sẽ giúp được...”

Fermín ngừng một lát, nhưng rồi lắc đầu và bước ra khỏi hành lang. Tôi theo ra đến cửa và thấy anh ta bước vào cơn mưa, giống như một con người bé nhỏ gánh cả thế giới trên hai vai, khi màn đêm, tối đen hơn bao giờ hết, đã phủ khắp Barcelona.

Khoa học đã thừa nhận rằng bất kỳ đứa trẻ vài tháng tuổi nào cũng có trực giác cảm nhận được đâu là thời điểm bố mẹ nó ngủ thiếp đi, lúc ấy nó sẽ khóc gào lên và bằng cách đó họ sẽ không thể ngủ quá ba mươi phút mỗi lần.

Hôm đó, như hầu hết những đứa trẻ khác, Julián bé bỏng đã thức dậy lúc ba giờ sáng và không ngần ngại công bố cái sự thật ấy bằng tiếng gào xé phổi. Tôi mở mắt và lật người. Cạnh tôi, dưới ánh sáng mờ ảo, Bea đang chầm chậm trở mình, đường nét cơ thể nàng lộ ra dưới tấm chăn, và nàng lằm bằm gì đó. Tôi cưỡng lại thôi thúc tự nhiên được hôn lên cổ nàng và giải thoát cho nàng khỏi chiếc váy ngủ quá dài và chắc chắn mà bố vợ tôi, hẳn là có chủ ý, đã tặng vào hôm sinh nhật nàng. Tôi cố gắng, nhưng không thể làm nó biến mất ở phòng giặt đồ được.

“Để anh dậy,” tôi thăm thì, hôn vào trán nàng.

Bea đáp lại bằng cách xoay người và lấy gối che lên đầu. Tôi dừng lại để chiêm ngưỡng đường cong trên lưng nàng và cái chỗ dốc xuống đầy quyến rũ mà không bộ váy ngủ nào trên đời có thể che mờ được. Tôi kết hôn với sinh thể diệu kỳ ấy đã gần hai năm, và vẫn ngạc nhiên khi thức dậy bên cạnh nàng, cảm nhận hơi ấm của nàng. Tôi bắt đầu kéo chăn và đang chực ve vuốt cặp đùi như nhung kia thì móng tay Bea chặn lên cổ tay tôi.

“Không phải bây giờ, Daniel. Con đang khóc kìa.”

“Anh biết em thức mà.”

“Thật khó mà ngủ nổi khi chung nhà với hội đàn ông mà người này cứ gào khóc không ngớt còn kẻ kia thì mơn trớn sau lưng ta - họ không cho ta ngủ nổi hai tiếng mỗi đêm.”

“Ồ, thì thôi vậy.”

Tôi bật dậy và đi dọc hành lang đến phòng của Julián ở đằng sau. Sau đám cưới không lâu chúng tôi chuyển lên căn hộ gác mái trong cùng tòa nhà với hiệu sách. Anacleto, ông giáo cấp hai đã sống tại đây hai mươi năm năm, quyết định nghỉ hưu và quay về quê nhà ở Segovia để viết những áng thơ trữ tình dưới bóng của một chiếc cầu La Mã cổ và mở rộng hiểu biết về nghệ thuật nướng lợn sữa.

Julián bé bỏng chào đón tôi bằng tiếng gào khóc có nguy cơ xé nát màng nhĩ của tôi. Tôi bế con lên và sau khi ngủi tã, biết rằng lần này không có điều bất ngờ mang mùi hôi hám nào chờ đợi mình, tôi làm bất cứ việc gì mà một ông bố trẻ có chút ý thức vẫn làm: thì thầm những lời vô nghĩa và nhún nhảy trong phòng bằng những điệu lố bịch. Tôi đang làm vậy thì nhận ra Bea đã đứng ở ngưỡng cửa nhìn tôi tỏ ý không hài lòng.

“Đưa con cho em nào. Anh làm con hoảng thêm đấy.”

“Con có kêu ca gì đâu,” tôi phản đối, trao con cho nàng.

Bea bế con trên tay, và hát thầm một giai điệu vào tai thẳng bé trong khi nhẹ nhàng đung đưa nó. Năm giây sau, Julián thôi khóc và nở nụ cười nửa miệng say đắm mà nàng bao giờ cũng khơi ra được ở thẳng bé.

“Anh về phòng đi,” Bea nói khẽ. “Lát nữa em sẽ về.”

Bị tổng ra khỏi phòng, hoàn toàn thất bại trong việc dỗ dành trẻ ở tuổi tập bò, tôi quay về phòng ngủ và nằm xuống, biết rằng mình sẽ không thể chợp mắt được suốt phần còn lại của đêm nay. Một lát sau, Bea xuất hiện nơi cửa và nằm xuống cạnh tôi cùng một tiếng thở dài.

“Em mệt chết đi được.”

Tôi quàng tay lên người nàng, và chúng tôi nằm lặng lẽ trong mấy phút.

“Em đang nghĩ,” Bea nói.

Chuẩn bị mà run đi, Daniel, tôi nghĩ. Bea nhồm dậy, hai tay hai chân tì xuống giường, quay mặt về phía tôi.

“Khi Julián lớn thêm chút nữa, và mẹ em có thể chăm cho con vài tiếng mỗi ngày thì em tính sẽ đi làm.”

Tôi gật đầu.

“Ở đâu?”

“Hiệu sách.”

Tôi nghĩ tốt nhất nên im lặng.

“Em nghĩ thế sẽ tốt cho tất cả mọi người,” nàng nói thêm. “Bố quá già rồi, không thể làm suốt ngày được, và anh đừng lấy làm khó chịu nhé, nhưng em nghĩ trong việc tiếp đón khách hàng thì em giỏi hơn anh, ấy là chưa kể đến Fermín, người gần đây đang khiến khách hàng chạy mất dép.”

“Anh sẽ không tranh luận vụ này.”

“Có chuyện gì với anh ấy thế? Hôm trước em gặp Bernarda trên phố và chị ấy bật khóc. Em đưa chị ấy vào một hàng sữa trên phố Petritxol và sau khi em tổng cho chị ấy mấy cốc sô cô la nóng và

kem sữa béo, chị ấy mới kể rằng Fermín dạo gần đây cư xử thực sự rất lạ. Máy ngày nay, dường như anh ấy không chịu làm đơn đến nhà thờ giáo khu để tổ chức đám cưới. Em có cảm giác không phải Fermín sắp sửa kết hôn. Anh ấy có kể gì cho anh không?”

“Ừ, anh cũng nhận thấy chuyện đó,” tôi nói dối. “Có lẽ Bernarda thúc ép anh ấy quá...”

Bea nhìn tôi nhưng không nói gì.

“Sao cơ?” cuối cùng tôi hỏi.

“Bernarda bảo em đừng kể cho ai.”

“Đừng kể cái gì cơ?”

Bea nhìn chăm vào mắt tôi.

“Tháng này chị ấy bị trễ đấy.”

“Trễ ư? Chị ấy bê trễ việc à?”

Bea nhìn tôi như thể tôi là thằng ngu rồi tôi mới vỡ lẽ.

“Bernarda đang có bầu ư?”

“Đừng nói lớn thế, Julián thức bây giờ.”

“Chị ấy có mang à, hay không phải?” tôi nhắc lại, thì thầm.

“Có vẻ là vậy.”

“Fermín biết không?”

“Chị ấy không muốn nói với anh ấy. Chị ấy sợ anh ấy sẽ cao chạy xa bay.”

“Fermín sẽ không bao giờ làm thế đâu.”

“Tất cả đàn ông đều làm thế, nếu có cơ hội.”

Tôi ngạc nhiên bởi sự khắc nghiệt trong giọng nàng, rồi nàng nhanh chóng dịu lại với nụ cười nhu mì đến khó tin.

“Em chẳng hiểu mấy về đàn ông bọn anh cả.”

Nàng ngồi dậy trong bóng đêm, không nói một lời, rồi cởi chiếc váy ngủ ra, đoạn thả nó trên giường. Nàng để tôi nhìn nàng đôi ba giây, rồi, chậm chậm, cúi xuống liếm môi tôi, không vội vã.

“Em có hiểu anh mấy đâu,” nàng thì thầm.

Hôm sau sức hút của chiếc máng sáng lung linh đã tỏ rõ giá trị của nó và tôi thấy cha mỉm cười lần đầu tiên trong nhiều tuần khi ông ghi tiền bán sách vào sổ cái. Từ sáng sớm những khách hàng cũ lâu lắm không đặt chân vào hiệu sách đã bắt đầu ghé qua, cùng với những độc giả mới lần đầu tiên đến chỗ chúng tôi. Tôi để cho cha chỉ dẫn họ với bàn tay lão luyện của ông và thích thú nhìn ông giới thiệu các đầu sách, kích thích sự tò mò của họ và phỏng đoán thị hiếu và sở thích của họ. Hôm nay hứa hẹn là một ngày tốt đẹp, lần đầu tiên trong nhiều tuần.

“Daniel, chúng ta nên bày ra bộ sách minh họa kinh điển cho trẻ em. Ấn bản Vértice, với gáy màu xanh.”

“Con nghĩ chúng ở dưới tầng hầm. Bố có giữ chìa khóa không?”

“Hôm trước Bea hỏi mượn. Vợ con muốn lấy gì đó - cái gì cho em bé ấy. Bố không nhớ nó đã đưa lại cho bố chưa. Con tìm trong ngăn kéo xem.”

“Không có ở đây. Con sẽ lên nhà tìm.”

Tôi để bố phục vụ quý ông vừa mới vào, ông ta tìm lịch sử các quán cà phê cổ ở Barcelona, rồi đi ra qua phòng sau lên cầu thang chỗ hành lang. Căn hộ Bea và tôi sống ở trên cao và, ngoài việc được thêm chút ánh sáng, việc đi lên đi xuống cầu thang tiếp thêm sinh lực cho cả tinh thần và đôi chân chúng tôi. Giữa chừng tôi gặp Edelmira, một góa phụ sống ở tầng ba, chị từng làm vũ nữ và hiện

kiếm sống nhờ ngôi nhà vẽ tranh Đức Mẹ và những vị thánh. Quá nhiều năm trên sân khấu của nhà hát Arnau đã làm đầu gối chị đi tong và giờ chị phải vịn lan can bằng cả hai tay mới chống chọi được với một lượt cầu thang thông thường. Dù có những khó khăn như thế, chị vẫn luôn nở nụ cười trên môi và nói những điều tốt đẹp.

“Cô vợ xinh đẹp của cậu thế nào rồi, Daniel?”

“Không đẹp được như chị đâu, Edelmira. Tôi giúp chị đi xuống nhé?”

Như mọi khi, Edelmira từ chối sự giúp đỡ của tôi và gửi lời hỏi thăm Fermín, người luôn đưa ra những lời nhận xét pha chút tán tỉnh hay những lời đề nghị táo tợn khi thấy chị đi qua.

Khi tôi mở cửa căn hộ, nó vẫn đượm mùi hương của Bea và cái hỗn hợp mùi tỏa ra từ các em bé và mớ đồ linh tinh của chúng. Bea thường dậy sớm và dẫn Julián đi dạo cùng chiếc xe đẩy Jane mới cóng Fermín đã tặng, tất cả chúng tôi đều gọi là chiếc “Mercedes.”

“Bea?” tôi gọi.

Căn hộ này nhỏ và giọng tôi vọng lại trước cả khi tôi đóng cửa. Bea đã ra khỏi nhà. Tôi bước vào phòng ăn, cố lần theo mạch suy nghĩ của vợ, tìm xem nàng để khóa tầng hầm ở đâu. Bea là người ngăn nắp và có phương pháp hơn tôi rất nhiều. Tôi bắt đầu tìm ở các ngăn tủ bếp trong phòng ăn nơi nàng thường cất hóa đơn, những bức thư chưa trả lời và chút tiền lẻ. Từ đây tôi chuyển sang các bàn nhỏ, bát đựng trái cây rồi giá sách.

Điểm dừng tiếp theo là tủ kính trong bếp, chỗ Bea thường để các ghi chú và giấy nhắc việc, vẫn chưa gấp may, tôi vào phòng ngủ, đứng trước giường nhìn xung quanh với con mắt dò xét. Quần áo của Bea chiếm ba phần tư tủ quần áo, tủ ngăn kéo và các chỗ chứa

khác trong phòng ngủ. Lý lẽ của nàng là tôi luôn mặc theo một kiểu, nên tôi có thể dễ dàng xoay sở được với một góc tủ. Cái cách sắp xếp các ngăn tủ của nàng quá phức tạp với tôi. Tôi bất chợt cảm thấy tội lỗi khi lục tìm đồ đạc cá nhân của vợ, nhưng sau khi lục lọi trong vô vọng từng góc tủ một, tôi vẫn không tìm thấy chìa khóa.

Phải dựng lại hiện trường tội ác thôi, tôi tự nhủ. Tôi nhớ mang máng Bea có nói gì đó về việc đi lấy thùng đựng quần áo hè. Mới vài ngày trước thôi. Nếu tôi nhớ đúng, hôm đó Bea mặc chiếc áo khoác màu xám mà tôi tặng nàng nhân kỷ niệm một năm ngày cưới. Tôi mỉm cười trước năng lực suy đoán của mình và mở tủ đồ tìm chiếc áo khoác ấy. Nó đây rồi. Nếu mọi thứ tôi học được từ việc đọc Conan Doyle và các nguyên tắc của ông là đúng, thì chìa khóa của cha tôi phải ở trong túi chiếc áo khoác này. Tôi thọc tay vào túi bên phải và mò thấy hai đồng xu, cùng mấy thanh kẹo bạc hà, thứ người ta hay phát ở quầy dược phẩm. Tôi tiếp tục tìm sang túi còn lại và hài lòng khi thấy giả thuyết của mình là đúng. Ngón tay tôi chạm vào chùm chìa khóa.

Và một thứ khác nữa.

Một mẫu giấy trong túi áo. Tôi lấy chìa khóa ra, và sau một lát ngò vức, quyết định lấy cả mảnh giấy. Có lẽ là danh sách những việc vặt Bea thường ghi lại cho khỏi quên.

Khi nhìn kỹ hơn tôi nhận ra đó là một phong bì. Một bức thư. Tên người nhận là tên thời con gái của nàng, Beatriz Aguilar, và dấu bưu điện là từ một tuần trước. Bức thư được gửi đến nhà Bea, không phải căn hộ ở Santa Ana. Tôi lật bức thư và khi tôi đọc tên người gửi, chìa khóa tăng hăm tuột khỏi tay tôi.

Pablo Cascos Buendía

Thấy hoang mang, tôi ngồi xuống giường và nhìn chằm vào bức thư. Pablo Cascos Buendía từng là vị hôn phu của Bea trước khi chúng tôi hẹn hò với nhau. Là con trai của một gia đình giàu có sở hữu nhiều xưởng đóng tàu và doanh nghiệp ở El Ferrol, hẳn ta luôn làm tôi cáu tiết, và tôi có thể nói rằng cảm giác của hẳn ta về tôi cũng vậy. Lúc ấy, hẳn ta đang phục vụ trong quân đội, hàm thiếu úy. Nhưng kể từ khi Bea viết thư cho hẳn ta báo hủy hôn ước, tôi không nghe tin gì của hẳn ta nữa. Cho đến lúc này.

Sao một bức thư từ vị hôn phu cũ của Bea, với dấu tem vài ngày trước, lại ở trong túi áo nàng? Phong bì đã mở, nhưng tôi dè dặt một lúc mới lôi thư ra. Nhận ra đây là lần đầu tiên mình rình mò sau lưng Bea, tôi toan để nó lại và vội vã ra khỏi phòng. Khoảnh khắc đức hạnh chỉ kéo dài mười giây. Những dấu vết của tội lỗi và xấu hổ hết thấy tan biến trước khi tôi đọc hết chữ cuối cùng của dòng đầu tiên.

Beatriz thân mến,

Anh hy vọng em khỏe và cảm thấy hạnh phúc với cuộc sống mới ở Barcelona. Em không trả lời bức thư nào anh gửi cho em những tháng gần đây và đôi khi anh tự hỏi anh đã làm gì để em phải lờ anh đi. Anh nhận ra em là phụ nữ đã có chồng cùng một đứa con, và có lẽ việc anh viết thư cho em là một điều sai trái, nhưng anh phải thú nhận rằng sau chừng ấy thời gian, anh vẫn không quên được em, dù đã cố và anh không xấu hổ khi phải thừa nhận rằng anh vẫn yêu em.

Cuộc sống của anh đã chuyển sang hướng mới. Một năm trước, anh bắt đầu làm trưởng bộ phận kinh doanh cho một công ty xuất bản lớn. Anh biết sách vở có ý nghĩa thế nào

với em và làm việc với sách vở khiến anh cảm thấy gần em hơn. Anh làm việc ở chi nhánh Madrid, nhưng vì công việc anh đi lại khắp Tây Ban Nha.

Anh chưa bao giờ thôi nghĩ về em, về cuộc sống chung lẽ ra chúng ta đã có thể chia sẻ với nhau, về những đứa con lẽ ra chúng ta sẽ có... Hằng ngày anh tự hỏi liệu chồng em có làm em hạnh phúc không và liệu nếu không phải hoàn cảnh ép buộc thì em có lấy anh ta không. Anh không tin rằng cuộc sống khiêm nhường mà anh ta mang lại cho em chính là điều em muốn. Anh biết rõ em mà. Chúng ta là đồng nghiệp và là bạn bè, giữa chúng ta chẳng có bí mật nào cả. Em còn nhớ những buổi chiều chúng ta bên nhau ở bãi biển San Pol không? Em còn nhớ những dự định, những ước mơ chúng ta đã chia sẻ, những lời hứa chúng ta trao nhau không? Anh chưa bao giờ cảm thấy như vậy với ai khác cả. Kể từ khi chúng ta hủy hôn ước, anh đã hẹn hò với đôi ba cô gái, nhưng giờ anh biết rằng không ai có thể sánh được với em. Mỗi khi hôn lên môi người khác anh lại nghĩ đến đôi môi em, và mỗi lần anh chạm vào da người khác, anh lại cảm thấy đây là da em.

Một tháng nữa anh sẽ đến Barcelona để thăm văn phòng công ty ở đó và tổ chức vài cuộc gặp với nhân viên về việc tái cấu trúc công ty trong tương lai. Anh có thể dễ dàng giải quyết những vấn đề này qua thư từ và điện thoại. Lý do thực sự của chuyến đi này không gì khác là hy vọng được gặp lại em. Anh biết em nghĩ là anh điên, nhưng thế còn tốt hơn là em nghĩ rằng anh đã quên em. Anh sẽ đến vào ngày hai mươi tháng Giêng và sẽ ở khách sạn Ritz trên phố Gran.

Làm ơn, anh xin em, chúng ta hãy gặp nhau, dù chỉ một lát thôi. Hãy để anh trực tiếp nói ra những gì chất chứa trong tim anh. Anh đã đặt chỗ trong nhà hàng của khách sạn, vào ngày hai mốt lúc hai giờ. Anh sẽ ở đó, đợi em. Nếu em đến, em sẽ khiến anh là người đàn ông hạnh phúc nhất trên đời và anh biết rằng những giấc mơ có lại được tình yêu của em trong anh sẽ thành hiện thực.

Anh yêu em, mãi mãi.

PABLO

Trong mấy giây, tôi ngồi đó, trên chiếc giường tôi ngủ cùng Bea mới vài tiếng trước. Tôi cho thư vào phong bì và khi đứng lên tôi cảm giác mình vừa bị thụi vào bụng. Tôi chạy đến bồn rửa trong phòng tắm và nôn hết cà phê bữa sáng. Tôi mở nước và khoát lên mặt. Cặp mắt của một Daniel trẻ hơn, với bàn tay run rẩy lần đầu tiên ve vuốt Bea, nhìn tôi trong gương.

Khi tôi quay lại hiệu sách cha bán cho tôi cái nhìn chắt vắn, đoạn liếc nhìn đồng hồ trên tay ông. Tôi biết hẳn ông thắc mắc tôi đã ở đâu suốt nửa giờ qua, nhưng ông chẳng nói gì. Tôi đưa cho ông chìa khóa tầng hầm, tránh ánh mắt ông.

“Con không định xuống kho lấy sách ư?” ông hỏi.

“Dĩ nhiên rồi. Con xin lỗi. Con đi ngay đây.”

Cha nhìn tôi ngờ vực.

“Con có sao không, Daniel?”

Tôi gật đầu, giả vờ ngạc nhiên trước câu hỏi ấy. Không để ông có cơ hội hỏi lại, tôi đã lao xuống tầng hầm để lấy thùng sách ông yêu cầu. Lối đi xuống nằm ở cuối hành lang tòa nhà. Một cánh cửa sắt có khóa móc, dựng dưới gầm cầu thang, mở ra một cầu thang xoắn ốc dẫn xuống bóng đen, mùi ẩm ướt và hoa khô. Một dây bóng đèn nhỏ, chập chờn, treo trên tường, khiến nơi này trông như hầm tránh bom. Tôi đi xuống cầu thang và, khi đặt chân xuống tầng hầm, mò mẫm tìm công tắc đèn.

Một bóng đèn vàng vọt sáng trên đầu tôi, lộ ra đường nét của một căn phòng chứa đồ tạp nham những tưởng ta đây ghê lắm. Những chiếc xe đạp cũ han gỉ không có chủ, những bức tranh vô giá trị mạng nhện chằng đầy và những hộp các tông chất đầy lên giá gỗ đang ruồng mục tạo nên một bức tranh không mời gọi người ta lai

văng đến đây lâu hơn mức cần thiết. Mãi cho tới lúc nhìn thấy quang cảnh trước mặt, tôi mới nhận ra thật lạ là Bea lại muốn xuống đây thay vì kêu tôi đi. Tôi quét mắt một lượt qua mê cung những vật dụng bỏ đi của gia đình và tự hỏi không biết còn bao nhiêu bí mật nữa nàng giấu ở đây.

Khi nhận ra điều mình đang làm tôi thở dài. Lời lẽ trong bức thư ấy như những giọt a xít ngấm vào tâm trí tôi. Tôi tự hứa sẽ không bắt đầu lục lọi mấy cái hộp, tìm kiếm đồng phong bì ướp hương tên tởm lợm gửi cho Bea. Tôi hẳn đã thất hứa với bản thân mấy giây sau nếu không nghe thấy tiếng bước chân đang đi xuống. Tôi ngược lên và thấy Fermín ở chân cầu thang, đang nhìn cảnh tượng này với ánh mắt kinh tởm.

“Bốc mùi như thể có một cái xác rửa đang ở đây. Cậu chắc là không có ai bỏ lại cái xác ướp của mẹ cô Merceditas, đặt giữa đám đồ thêu, trong một cái hộp nào ở đây chứ?”

“Sẵn có anh ở đây, anh có thể giúp tôi mang mấy thùng sách cha tôi cần lên không?”

Fermín xắn tay áo lên, sẵn sàng bắt đầu. Tôi chỉ mấy thùng có nhãn Vértice và chúng tôi mỗi người ôm một thùng.

“Daniel này, trông cậu còn tệ hơn tôi đấy. Có chuyện gì không ổn sao?”

“Chắc do hơi ẩm dưới tầng hầm.”

Tôi đặt thùng xuống sàn rồi ngồi lên đó.

“Tôi hỏi anh một câu nhé, Fermín?”

Fermín cũng đặt thùng của anh ta xuống và dùng nó làm ghế. Tôi nhìn anh ta, sẵn sàng nói, nhưng không thể bật lời ra khỏi miệng.

“Rắc rối trong phòng the à?” anh ta đánh bạo.

Tôi đỏ mặt khi nhận ra anh bạn biết rõ mình ra sao.

“Đại khái như thế.”

“Cô Bea, một món quà của tạo hóa, không có hứng lâm trận, hay ngược lại, cô ấy quá hăng, và cậu gần như không đáp ứng được ở mức tối thiểu? Hãy nhớ trong đầu là khi phụ nữ có con, thì cũng giống như kiểu ai đó đã thả một quả bom nguyên tử hormone vào huyết quản họ. Một trong những bí ẩn vĩ đại của tự nhiên ấy là làm sao bọn họ không phát điên lên trong hai mươi giây đầu tiên sau khi sinh. Tôi biết tất cả chuyện này là bởi, sau thơ tự do thì sản khoa là một trong những mối quan tâm của tôi.

“Không, không phải vậy. Ít nhất là như tôi được biết.”

Fermín quăng cho tôi một cái nhìn bối rối.

“Tôi phải đề nghị anh đừng cho ai biết chuyện tôi sắp kể nhé, Fermín.”

Fermín nghiêm nghị làm dấu thánh.

“Vừa mới đây, tôi tình cờ phát hiện ra một bức thư trong túi áo khoác của Bea.”

Việc tôi dừng lại dường như chẳng làm anh ta ngạc nhiên.

“Và?”

“Bức thư ấy là từ vị hôn phu cũ của cô ấy.”

“Gã thiếu úy Nhật Nhẽo ấy hả? Chẳng phải anh ta đã quay về El Ferrol để vào vai một cậu ấm và sắm cho mình một sự nghiệp hoành tráng sao?”

“Đó là tôi nghĩ vậy. Nhưng dường như lúc rảnh rỗi hẳn ta viết thư tình cho vợ tôi.”

Fermín nhảy cẫng lên.

“Thằng khốn kiếp,” anh ta lẩm bẩm, thậm chí còn phẫn nộ hơn cả tôi.

Tôi lấy trong túi ra bức thư đoạn đưa cho anh ta. Fermín ngửi qua trước khi mở thư.

“Là tôi tưởng tượng ra hay con lợn kia gửi thư bằng giấy thơm vậy?” anh ta hỏi.

“Tôi cũng chẳng ngạc nhiên. Kể đó là cái kiểu như thế. Phần hay ho nhất là sau đó kia. Đọc, đọc đi...”

Fermín đọc bức thư, lẩm nhẩm một mình và lắc đầu.

“Không những thuộc giống loài cút đá ghê tởm, hán còn là đứa sến súa đến phát ngán nữa. Cái đoạn ‘hôn lên môi người khác’ cũng đủ cho hán tù chung thân rồi.”

Tôi cất bức thư đi và nhìn xuống sàn.

“Đừng bảo là cậu nghi ngờ Bea chứ?” Fermín hỏi, vẻ không tin được vào mắt mình.

“Không, dĩ nhiên là không.”

“Đồ nói dối.”

Tôi đứng dậy và bắt đầu đi quanh tầng hầm.

“Thế anh sẽ làm sao nếu tìm thấy một bức thư như vậy trong túi áo của Bernarda?”

Fermín từ tốn suy xét.

“Tôi sẽ tin tưởng mẹ của con tôi.”

“Tin ư?”

Fermín gật đầu.

“Đừng coi đây là chuyện xấu, Daniel, nhưng cậu gặp phải một vấn đề căn bản của đám đàn ông lấy vợ đẹp đấy. Cô Bea, người theo như tôi biết luôn và sẽ mãi là một vị thánh, và theo cách nói dân dã, là một món ăn thơm ngon mà cậu sẽ muốn liếm cho sạch cả đĩa. Do vậy, cũng chẳng lạ gì nếu những hạng nhếch nhác chuyên nghiệp, cái lũ ăn hại toàn tập, bọn đĩ đực cạnh bể bơi và hết thảy những kẻ đàn độn giả danh quý tộc trong thành phố đều sẽ theo đuổi cô ấy. Có chồng con hay không thì lũ khỉ diện vét mà chúng ta đều quá tử tế mà gọi là *Homo sapiens** ấy cũng chẳng quan tâm gì sất. Có lẽ cậu không để ý đấy thôi, nhưng tôi lấy cả bộ đồ lót của tôi ra mà cá rằng cô vợ thánh thiện của cậu thu hút lũ ong còn hơn là lọ mật trong kho kìa. Thằng ngu kia chỉ như một con chim ăn xác thối, cứ ném hú họa mấy cục đá xem có trúng gì không. Tin tôi đi, một người phụ nữ tỉnh táo và có lối ăn mặc đoan chính như cô ấy chỉ cần trông thấy từ đằng xa cũng đã nhận ra hạng người ấy.”

“Anh chắc không?”

“Tuyệt đối. Nếu cô Beatriz muốn lừa dối cậu, cô ấy lại phải chờ gã thiếu năng sến súa kia dỗ ngon dỗ ngọt bằng những điệu bolero hâm nóng lại của hấn ư? Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu có ít nhất cả chục tên theo đuổi cố làm màu mỗi lần cô ấy ra đường, khi cô ấy phô diễn vẻ quyến rũ và dắt theo đứa con của mình. Tin tôi đi, tôi biết mình đang nói gì mà.”

“Thằng thán mà nói là tôi chẳng biết mấy lời an ủi của anh có giúp tôi cất được gánh nặng hay không.”

“Này, điều cậu cần làm là cho bức thư vào túi áo cậu tìm thấy, và quên hết chuyện này đi. Và chớ có mà nhắc đến chuyện này trước mặt vợ cậu.”

“Anh sẽ làm như thế à?”

“Điều tôi sẽ làm là đi tìm gã đàn độn kia và đá vào hạ bộ hắn một cú ra trò làm hắn phải phẫu thuật gây để lấy bi ra, và lúc đấy tất cả những gì hắn muốn làm là vào một tu viện dòng Carthusian mà thôi. Nhưng đó là tôi.”

Tôi cảm thấy nổi giầy vò lan khắp cơ thể như một giọt dầu rỏ xuống nước trong.

“Tôi không chắc là anh giúp được gì nhiều, Fermín.”

Anh ta nhún vai, bê thùng sách lên, rồi biến mất vào cầu thang.

Chúng tôi dành phần còn lại của buổi sáng làm việc trong hiệu sách. Sau vài tiếng ngẫm nghĩ về vụ bức thư kia, tôi đi đến kết luận rằng Fermín nói đúng. Điều tôi không quyết được là anh ta đúng ở chuyện nên tin nàng và im lặng, hay chuyện đi kiếm thằng khốn kia và cho hắn một cuộc cải tổ ngọc hành. Lịch trên bàn ghi hôm nay là hai mươi tháng Mười hai. Tôi còn một tháng nữa để quyết định.

Sổ sách bán được trong ngày cứ nhích dần lên từng chút, với doanh số khiêm nhường nhưng ổn định. Fermín không bỏ lỡ một cơ hội nào để ca ngợi cha tôi về cái máng tuyệt vời và ý tưởng mua tượng Chúa hài đồng trông giống một lực sĩ xứ Basque.

“Với cái tài bán hàng đỉnh cao này, có lẽ tôi sẽ nhường sân cho ông chủ, và rút lui vào phòng sau để sắp xếp sổ sách mà người góa phụ để lại hôm trước.”

Tôi tranh thủ cơ hội này chạy theo Fermín và kéo rèm xuống. Fermín nhìn tôi, có chút cảnh giác, nhưng tôi lại mỉm cười thân thiện.

“Tôi sẽ giúp nếu anh muốn.”

“Tùy cậu thôi, Daniel.”

Trong mấy phút chúng tôi bắt đầu gỡ các thùng sách và phân loại chúng theo thể loại, tình trạng và kích thước. Fermín không hé môi và tránh ánh mắt tôi.

“Fermín này...”

“Tôi đã bảo cậu đừng lo lắng vụ bức thư. Vợ cậu đâu phải hạng lẳng lơ, và nếu lúc nào đó muốn chấm dứt với cậu - cầu trời rằng chuyện đó đừng bao giờ xảy ra - cô ấy sẽ nói thẳng vào mặt cậu mà không cần mấy trò mè nheo suýt soát này.”

“Hiểu ý anh rồi, Fermín. Nhưng không phải chuyện đó.”

Fermín ngước lên, vẻ khổ sở, khi biết chuyện gì đang xảy ra.

“Tôi nghĩ là hôm nay, sau khi xong việc, chúng ta có thể ra ngoài, kiếm gì đó ăn và nói chuyện, một câu chuyện giữa đàn ông với nhau, chỉ tôi với anh thôi,” tôi bắt đầu. “Về chuyện đời chúng ta. Về vị khách ngày hôm qua. Và về cái chuyện quái gì đó đang làm anh lo lắng, mà tôi linh cảm thấy rằng có liên quan.”

Fermín bỏ cuốn sách đang lau lên bàn. Anh ta cúi kính nhìn tôi đoạn thở dài.

“Tôi đang gặp rắc rối to, Daniel ạ,” cuối cùng anh ta lẩm nhẩm. “Một rắc rối mà tôi không biết cách nào thoát ra được.”

Tôi đặt tay lên vai anh ta. Dưới chiếc áo liền quần kia, tôi chỉ có thể cảm nhận được xương và da.

“Vậy để tôi giúp anh nhé. Hai cái đầu bao giờ cũng hơn một mà.”

Anh ta bối rối không biết phải đáp lại thế nào.

“Chúng ta đã cùng nhau vượt qua nhiều chuyện tồi tệ hơn nhiều, anh và tôi,” tôi khẳng định.

Anh ta mỉm cười buồn bã, không tin lắm vào lời nói của tôi.

“Cậu là bạn tốt của tôi, Daniel.”

Không tốt được bằng một nửa so với cái anh đáng nhận được, tôi nghĩ.

12

Lúc bấy giờ, Fermín vẫn sống tại *nhà trọ nhỏ* trên phố Joaquín Costa, nơi mà theo một nguồn đáng tin cậy, những người cư ngụ ở đó, với sự thông đồng bí mật của Rocióto và các chị em cùng hội cùng thuyền, đang chuẩn bị cho anh ta một bữa tiệc độc thân có lẽ sẽ đi vào lịch sử. Chỉ hơn chín giờ một chút, lúc tôi đến đón thì Fermín đã đợi sẵn ở cửa trước.

“Nói thực nhé, tôi không đói lắm,” anh ta tuyên bố khi nhìn thấy tôi.

“Tiếc thật, vì tôi nghĩ chúng ta có thể đến Can Lluís,” tôi đề nghị. “Ở đó tối nay có món thịt hầm đậu và sườn cừu non.”

“Ồ, vậy thì tôi không được khinh suất,” Fermín xem xét lại. “Một bữa ăn ngon cũng giống như một thiếu nữ đang độ xuân thì: không biết trân trọng thì đúng là lữ ngu.”

Với lời vàng ý ngọc lấy từ kho cách ngôn của quý ngài Fermín Romero de Torres lỗi lạc ấy, chúng tôi thông dong bước đến một trong những nhà hàng ưa thích của bạn tôi trên toàn cõi Barcelona và trên thế giới. Can Lluís tọa ở số 49 phố Cera, ngay đầu phố Raval. Đằng sau vẻ ngoài khiêm nhường, Can Lluís mang lại một không gian ấm cúng thấm đẫm những bí ẩn của Barcelona cổ kính, đem đến những món ăn tinh tế và cung cách phục vụ hoàn hảo với một mức giá thậm chí Fermín, hay tôi, cũng đủ khả năng chi trả. Vào những ngày trong tuần, quán thu hút được cộng đồng những người

bô hê miêng, và biến thành chỗ những người thuộc giới kịch nghệ, văn chương và những nhân vật đủ tầng lớp cao thấp vai kề vai chúc tụng nhau.

* * *

Khi bước vào chúng tôi thấy một trong những khách hàng quen của hiệu sách, Giáo sư Alburquerque, một người điếm sách xuất chúng và một con người uyên bác trong vùng dạy ở khoa văn và coi Can Lluís như ngôi nhà thứ hai của ông. Ông thích vừa ngồi ăn tối ngoài quán bar vừa lướt qua mấy trang báo.

“Đã lâu không gặp, thưa giáo sư,” tôi nói khi bước qua ông. “Hôm nào đó ông phải ghé thăm chúng tôi và bổ sung kho sách của ông. Người ta không thể sống nhờ vào những bài điều văn trên tờ *La Vanguardia* được.”

“Tôi ước giá được như vậy. Ấy là vì những bài nghị luận trời đánh kia. Phải đọc những lời lảm nhảm vô nghĩa do lũ trẻ con nhà giàu hư hỏng kinh qua trường đại học trong thời buổi này viết ra khiến cho tôi bắt đầu vướng chứng mù mặt chữ.”

Lúc ấy, một người phục vụ đang mang đến cho ông món bánh pudding, một miếng caramel kem béo ú đang rung rinh dưới sức nặng của những giọt đường cháy và ngậy lên một thứ mùi vani tinh tế nhất.

“Đức ngài sẽ thoát được tình trạng đó sau khi thưởng thức mấy thìa món ăn kỳ diệu này,” Fermín nói. “Ôi trời đất ơi: nó cứ rung rinh như thể bộ ngực dữ dội của quý bà Margarita Xirgu.”

Lắng nghe những lời ấy, vị giáo sư uyên bác nhìn chăm chiếc bánh pudding và đồng ý, hoàn toàn say đắm. Chúng tôi để cho con người thông thái ấy tận hưởng món trang sức bọc đường của nữ

diễn viên nổi tiếng và đến trú vào một bàn ở góc cuối căn phòng, và nhanh chóng được phục vụ một bữa ăn xa hoa. Fermín ngấu ngiến với vẻ thèm thuồng của một đoàn lính đang rút quân.

“Tôi cứ nghĩ anh không đói cơ đấy,” tôi buông lời.

“Cơ bắp chắc khỏe đốt nhiều năng lượng lắm,” Fermín giải thích, dùng mẩu bánh mì cuối cùng trong giỏ vét sạch đĩa, dù tôi cho rằng vì lo lắng nên anh ta mới ăn như vậy.

Pere, người bồi bàn phục vụ chúng tôi, bước đến xem và khi thấy đĩa thức ăn bị quét sạch của Fermín, anh ta đưa cho Fermín thực đơn tráng miệng.

“Một chút tráng miệng để hoàn tất bữa ăn chứ, quý ngài?”

“Suy cho cùng thì, tôi sẽ không chối từ vài chiếc bánh caramel kem nhà hàng tự làm tôi thấy lúc này, nếu có thể hãy cho thêm quả sơ ri đỏ roi rói lên trên mỗi miếng,” Fermín nói.

Pere gật đầu. Anh ta bảo chúng tôi rằng khi nghe thấy Fermín diễn giải về độ đầy đặn và nét khiêu gợi của món ăn này, chủ nhà hàng đã quyết định đặt lại tên món caramel kem là “*margarita*”.

“Tôi dùng espresso được rồi,” tôi nói.

“Ông chủ bảo cà phê và tráng miệng nhà hàng sẽ mời,” Pere nói.

Chúng tôi nâng ly về phía chủ quán, ông đang đứng sau quầy bar tán gẫu với Giáo sư Alburquerque.

“Những người tốt,” Fermín lẩm bẩm. “Đôi khi ta quên rằng trên đời này không phải ai cũng là đồ khốn.”

Tôi ngạc nhiên trước giọng điệu cay đắng của anh ta.

“Sao anh lại nói thế, Fermín?”

Bạn tôi nhún vai. Không lâu sau, món caramel kem đã đến, rung rinh khiêu gợi, và có những quả sơ ri lóng lánh dính ở trên.

“Tôi xin nhắc anh nhớ rằng vài tuần nữa anh sẽ kết hôn và những ngày *margarita* của anh sẽ kết thúc đấy.” Tôi đùa.

“Tội nghiệp tôi,” Fermín nói. “Tôi e mình chỉ to mồm thế thôi. Tôi không phải như con người trước đây đâu.”

“Ai cũng không còn là con người trước đây nữa.”

Fermín bắt đầu thưởng món caramel kem, nhắm nháp từng miếng một.

“Tôi không biết đã đọc ở đâu đó rằng trong sâu thẳm chúng ta không còn là con người như trước đây ta từng nghĩ mình là nữa, và chúng ta chỉ nhớ đến những điều chưa bao giờ xảy ra...” Fermín nói.

“Đó là đoạn mở đầu trong một tiểu thuyết của Julián Carax,” tôi đáp.

“Đúng. Ông bạn Carax của chúng ta đang ở đâu nhỉ? Cậu không bao giờ bắn khoăn sao?”

“Từng ngày một.”

Fermín mỉm cười, nhớ lại những cuộc phiêu lưu trước đây của chúng tôi. Đoạn anh ta chỉ vào ngực tôi và trao cho tôi cái nhìn chất vấn.

“Còn đau không?”

Tôi gỡ vài cúc áo ra và chỉ cho anh ta vết sẹo mà viên đạn của thanh tra Fumero đã bỏ lại khi nó xuyên qua ngực tôi vào cái ngày xa xưa ấy, trong đồng tro tàn của Thiên thần Mùa sương.

“Thỉnh thoảng.”

“Vết sẹo không bao giờ biến mất được, phải không?”

“Chúng đến rồi đi, tôi tin vậy. Fermín: nhìn vào mắt tôi này.”

Đôi mắt lảng tránh của Fermín nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Anh có định kể cho tôi chuyện gì đang xảy ra không?”

Trong vài giây, Fermín còn dè dặt.

“Cậu có biết rằng Bernarda đang có bầu không?” anh ta hỏi.

“Không,” tôi nói dối. “Đấy là điều anh lo lắng à?”

Fermín lắc đầu khi dùng thìa ăn nốt miếng bánh caramel kem thứ hai, nhấp phần xi rô còn lại.

“Cô ấy chưa muốn nói với tôi, tội nghiệp, bởi cô ấy lo lắng. Nhưng cô ấy sẽ khiến tôi là người đàn ông hạnh phúc nhất trên đời.”

Tôi thận trọng nhìn anh ta.

“Nói thật nhé, lúc này, anh không hề có cái vẻ của người đàn ông hạnh phúc đâu. Có phải bởi đám cưới không? Anh lo lắng về việc làm đám cưới ở nhà thờ và những chuyện kiểu đó à?”

“Không, Daniel. Kỳ thực tôi khá phấn khích nữa kìa, dù có dính líu đến mấy cha xứ. Tôi có thể kết hôn với Bernarda mỗi ngày trong tuần.”

“Rồi sao?”

“Cậu có biết điều đầu tiên người ta hỏi khi cậu muốn kết hôn không?”

“Tên anh” tôi nói, không suy nghĩ.

Fermín chậm chậm gật đầu. Tôi không hề nghĩ đến chuyện này, mãi cho tới lúc ấy. Bỗng nhiên, tôi hiểu ra tình thế tiến thoái lưỡng nan bạn thân tôi đang đối mặt.

“Cậu có nhớ chuyện tôi kể mấy năm trước không, Daniel?”

Tôi nhớ như in. Trong cuộc nội chiến, nhờ những phi vụ hung hiểm của thanh tra Fumero, kể trước khi gia nhập đoàn quân phát xít đã hành xử như người của cộng sản, nên anh bạn tôi đã đặt chân vào chốn tù tội, và suýt mất cả tâm trí lẫn mạng sống. Khi thoát được ra, kỳ diệu thay là vẫn sống sót, anh ta quyết định tạo một danh tính mới và xóa đi quá khứ. Lúc ở ngưỡng cửa cái chết, anh ta đã mượn cái tên anh ta nhìn thấy trên tấm áp phích cũ tại trường đấu bò Arenas. Fermín Romero de Torres sinh ra như thế, một người đang từng ngày tạo dựng nên câu chuyện cuộc đời mình.

“Thế nên anh không muốn điền vào giấy tờ tại nhà thờ giáo khu,” tôi nói. “Vì anh không thể dùng cái tên Fermín Romero de Torres.”

Fermín gật đầu.

“Này, tôi chắc là chúng ta có thể nghĩ ra cách kiếm cho anh giấy tờ mới. Anh còn nhớ Trung úy Palacios, người đã rời lực lượng cảnh sát không? Anh ta dạy giáo dục thể chất ở khu vực Bonanova, nhưng thỉnh thoảng anh ta cũng ghé qua hiệu sách. Chắc, hôm trước, lúc nói chuyện này chuyện nọ, anh ta kể tôi nghe về một thị trường ngầm tạo căn cước mới cho những người trở về Tây Ban Nha sau nhiều năm ở xa. Anh ta bảo biết một người làm công việc đó ở gần Xưởng Đóng tàu Hoàng Gia, người này có quan hệ với lực lượng cảnh sát và chỉ cần một trăm peseta là ta đã có thể căn cước mới và được ghi tên ở phòng hộ tịch.”

“Tôi biết. Anh ta từng có tên Heredia. Một nghệ sĩ.”

“Từng có?”

“Anh ta đã nổi xác ngoài cảng vài tháng trước. Người ta bảo anh ta rơi khỏi tàu du lịch khi nó đâm vào đê chắn sóng. Tay bị trói chặt sau lưng. Hài hước kiểu phát xít.”

“Anh biết anh ta ư?”

“Chúng tôi thỉnh thoảng có gặp nhau.”

“VẬY anh ta hẳn phải có đủ giấy tờ xác nhận anh là Fermín Romero de Torres...”

“Heredia làm những giấy tờ đó cho tôi từ năm 1939, khi ấy chiến tranh đã gần kết thúc. Hồi ấy đó là một công việc đơn giản, Barcelona là một trại diên, và khi người ta nhận ra con tàu đang chìm dần họ còn bán cả huy hiệu quý tộc với giá chỉ vài xu.”

“Thế tại sao giờ anh không thể dùng tên của anh?”

“Bởi vì Fermín Romero de Torres chết năm 1940. Đó là quãng thời gian tồi tệ, Daniel ạ, tệ hơn cả thời buổi này. Anh ta không sống được quá một năm, tên khốn tội nghiệp.”

“Anh ta chết rồi ư? Ở đâu? Như thế nào?”

“Trong nhà tù lâu đài Montjuic. Phòng giam số mười ba.”

Tôi nhớ lại lời đề tặng mà người lạ đã để lại cho Fermín trong cuốn *Bá tước Monte Cristo*.

*Gửi Fermín Romero de Torres,
người từ cõi chết trở về
và nắm giữ chìa khóa đi vào tương lai.
Mười Ba*

“Đêm hôm đó, tôi chỉ kể cho cậu một phần câu chuyện thôi, Daniel ạ.”

“Tôi nghĩ anh đã tin tưởng tôi.”

“Tôi tin tưởng cậu bằng cả tính mạng của tôi. Nếu như tôi có kể một phần câu chuyện, thì cũng là để bảo vệ cậu thôi.”

“Bảo vệ tôi ư? Khỏi điều gì?”

Fermín cúi xuống, suy sụp.

“Khỏi sự thật, Daniel ạ... khỏi sự thật.”

PHẦN HAI
TỪ CÔI CHẾT



Barcelona, 1939

Những tù nhân mới được đưa vào đây ban đêm, trên ô tô hoặc xe tải chạy từ đồn cảnh sát trên phố Vía Layetana qua thành phố trong lặng lẽ, không ai nhận thấy hoặc mong nhìn thấy chúng. Những chiếc xe của cảnh sát đi trên con đường mòn theo triền dốc của đồi Montjuic và không chỉ một tù nhân đã kể lại rằng, cái thời khắc họ thoáng thấy tòa lâu đài trên đỉnh đồi hiện ra giữa những đám mây đen từ phía biển đổ về, họ chắc rằng mình sẽ không bao giờ sống sót thoát ra khỏi nơi đó.

Pháo đài neo mình trên đỉnh cao nhất của rặng núi đá, nằm cheo leo giữa một bên là biển, một bên là tấm thảm những bóng đen của Barcelona, và về phía nam là thành phố của cái chết trải dài bất tận - nghĩa trang Montjuic cổ kính với cái mùi hôi thối bốc lên giữa những tảng đá và len lỏi qua những khe nứt trong đá và xuyên qua những song chắn của phòng giam. Thời trước, lâu đài này được người ta sử dụng để oanh tạc thành phố bên dưới, nhưng chỉ vài tháng sau khi Barcelona sụp đổ, vào tháng Giêng, và trận thua cuối cùng vào tháng Tư, thần chết lặng lẽ đến trú ngụ ở đó và những người Barcelona, bị mắc kẹt trong cái đêm dài nhất lịch sử của họ, không muốn nhìn lên bầu trời và để mắt đến cái nhà tù ngục trên đỉnh núi.

Khi đến nơi, các tù nhân bị cảnh sát giải đến sẽ được đánh số, thường sẽ là số của phòng giam nơi họ sẽ trú ngụ và rất có thể là sẽ nằm lại. Đối với hầu hết khách trọ, như cai ngục thường gọi, hành trình đến lâu đài này là con đường chỉ có một chiều. Vào đêm khách trọ số mười ba đến Montjuic trời mưa như trút. Những mạch nước đen mỏng manh rỉ xuống từ tường đá và không khí sặc mùi đất bị đào xới. Hai viên cảnh sát giải anh vào một căn phòng chỉ có mỗi cái bàn đá và một chiếc ghế. Một bóng đèn trơ trọi treo trên trần nhà, sáng chập chờn mỗi khi dòng điện của máy phát yếu đi. Anh đứng đó chờ đợi trong nửa tiếng đồng hồ, áo quần ướt sũng, được một tên lính gác có khẩu súng trường canh chừng.

Cuối cùng, anh nghe thấy có tiếng bước chân, cửa mở ra và một người đàn ông chưa quá tuổi ba mươi bước vào. Hắn mặc một bộ vét mới được là và người toát lên mùi nước hoa. Hắn không có cái nét hung dữ của một sĩ quan hay quân nhân chuyên nghiệp: nét mặt hắn mềm mại và gọi vẻ dễ chịu. Với người tù hắn ta bộc lộ cái vẻ một người tỏ ra ta đây sang giàu, đang chiếu cố mà đến một chốn dơ dáy thế này. Nét nổi bật nhất ở hắn chính là cặp mắt. Màu xanh dương, xuyên thấu và sắc sảo, đượm vẻ tham lam và hoài nghi. Chỉ mỗi cặp mắt thôi, đã lột tả hết bản chất hắn giấu sau cái vẻ lịch thiệp học thức và cung cách tử tế.

Cặp kính tròn tôn chúng lên, và mái tóc bôi sáp thơm, chải ngược ra sau, tạo cho hắn một vẻ giả tạo mơ hồ chẳng ăn nhập gì với khung cảnh xấu xa kia. Gã đó ngồi lên chiếc ghế sau bàn và mở tập hồ sơ hắn mang theo. Sau một hồi xem xét sơ qua nội dung bên trong, hắn đan hai tay lại, đầu ngón tay chống lên cằm, và ngồi soi mói tù nhân, anh cuối cùng cũng đã chịu lên tiếng.

“Xin lỗi, nhưng tôi nghĩ chắc có nhầm lẫn nào ở đây...”

Cú đánh bằng báng súng vào bụng người tù khiến anh nghệt thở và ngã xuống, cuồn tròn như quả bóng.

“Mày chỉ được nói khi ngài giám thị hỏi mày,” tên lính gác bảo anh.

“Đứng lên,” viên giám thị nói, giọng run run, vẫn chưa quen với việc ra lệnh.

Người tù xoay xở đứng lên và bắt gặp cái nhìn chăm chặp không mấy dễ chịu của viên giám thị.

“Tên?”

“Fermín Romero de Torres.”

Người tù nhận thấy vẻ khinh bỉ và thờ ơ trong đôi mắt xanh kia.

“Tên cái kiểu gì thế? Anh nghĩ tôi là thằng ngớ ngẩn à? Nói đi: tên, tên thật kia.”

Người tù, một người đàn ông nhỏ bé, yếu đuối, đưa giấy tờ ra cho viên giám thị xem. Tên lính gác giật lấy và đưa lên bàn. Viên giám thị nhìn lướt qua, đoạn tặc lưỡi và mỉm cười.

“Lại một tác phẩm khác của Heredia...” hấn lẩm bẩm trước khi ném chỗ giấy tờ vào sọt rác. “Những giấy tờ này chẳng có nghĩa lý gì cả. Anh có định khai tên không hay chúng tôi phải dùng biện pháp mạnh?”

Khách họ số mười ba cố thốt ra mấy lời, nhưng môi anh run rẩy và anh chỉ biết lấp bắp điều gì đó không tài nào hiểu nổi.

“Đừng sợ, anh bạn tốt, không ai định cắn anh đâu. Người ta đã nói gì với anh? Có rất nhiều tên đồ khốn kiếp ngoài kia đang cố lan truyền những lời lẽ vu khống, nhưng ở đây, nếu người ta hợp tác, họ

sẽ được đối xử tốt, như những người Tây Ban Nha. Thôi nào, cởi quần áo ra.”

Vị khách trọ mới đến dường như dè dặt một lát. Viên giám thị nhìn xuống, như thể toàn bộ tình huống này khiến hắn cảm thấy khó chịu và chỉ có sự cứng đầu của người tù mới giữ hắn ở lại đó. Liên ngay sau đấy, tên lính gác dùng bóng súng thoi một cú nữa, lần này đau vào đến tận, và khiến anh ngã gục.

“Mày nghe ngài giám thị nói rồi đấy. Cởi đồ ra. Chúng tao không có cả đêm đâu.”

Vị khách trọ số mười ba gặng gượng quỳ dậy và cởi bộ quần áo bẩn thỉu, bê bết máu. Khi anh đã hoàn toàn trần trụi, tên lính canh chọc nòng súng vào nách và ép anh đứng lên. Viên giám thị ngược mắt từ bàn nhìn lên và cau mày ghê tởm khi thấy những vết cháy phủ khắp người, sau mông và gần như khắp đùi anh.

“Có vẻ như nhà vô địch của chúng ta là người quen cũ của Fumero,” tên lính canh nhận xét.

“Câm mồm đi,” viên giám thị ra lệnh, không mấy tự tin.

Hắn sốt ruột nhìn người tù và nhận ra rằng anh đang khóc.

“Thôi đi, đừng khóc nữa và nói tên của anh đi.”

Người tù lí nhí nhắc lại tên mình.

“Fermín Romero de Torres...”

Viên giám thị thở dài mệt mỏi.

“Này, tôi bắt đầu mất kiên nhẫn rồi đấy. Tôi muốn giúp anh và tôi thực sự không thích phải gọi thanh tra Fumero và cho ông ta biết anh ở đây...”

Người tù bắt đầu lấp bắp như một con chó bị thương và run rẩy dữ dội đến mức viên giám thị, rõ ràng thấy khó chịu trước cảnh tượng này và muốn kết thúc vụ việc càng sớm càng tốt, bèn liếc nhìn tên lính gác, không nói một lời, rồi vừa viết cái tên mà người tù đã khai vào sổ đăng ký, vừa chửi thề trong bụng.

“Cuộc chiến chết tiệt này,” hắn ta lầm bầm một mình khi người ta đưa tù nhân về phòng giam bằng cách kéo cơ thể trần trụi của anh qua đường hầm đầy máu.

2

Phòng giam là một khối vuông tối đen, ẩm ướt. Khí lạnh thổi vào qua một lỗ nhỏ khoan vào vách đá. Những bức tường đầy rẫy các ký hiệu và những thông điệp được khắc nham nhở do khách trọ trước để lại. Một số viết tên, ngày tháng, hay những bằng chứng khác về sự tồn tại của họ. Một người trong số đó đã khắc nguệch ngoạc không biết bao nhiêu hình thập ác trong bóng đen, nhưng thượng đế dường như không để ý đến họ. Những song sắt phòng giam bị han gỉ và để lại một lớp màng nâu lên tay ta.

Co ro trên chiếc giường xiêu vẹo, Fermín cố che cơ thể trần trụi của mình bằng những mảnh vải rách rưới mà anh đồ là được dùng để làm chăn, đệm và gối. Ánh sáng mờ nhạt pha sắc đồng, như hơi thở của một ngọn nến đang tàn. Sau một lát, mắt anh dần quen với bóng tối, và đôi tai tinh nhạy hơn, giúp anh bắt được tiếng của những chuyển động rất nhẹ bị lấn lướt bởi tiếng những giọt nước rỉ xuống và tiếng gió lùa rít từ ngoài vọng vào.

Fermín ngồi ở đó được nửa tiếng thì nhận thấy một hình dạng trong bóng đêm, đằng kia phòng giam. Anh đứng lên và chậm chậm bước đến: đó là một chiếc túi vải bẩn thỉu. Cái lạnh và sự ẩm ướt đã bắt đầu ngấm vào xương cốt, và dù mùi của cái bọc ấy, cái bọc dính đầy vết bẩn, không báo cho biết nó là gì, Fermín nghĩ có lẽ nó chứa quần áo của tù nhân mà không ai thèm đưa cho anh, và với chút

may mắn, cả một tấm chăn bao bọc anh khỏi cái lạnh buốt. Anh quỳ xuống và tháo nút buộc ở đầu túi.

Khi anh mở toang cái túi ra, ánh sáng mờ mờ từ chiếc đèn dầu lập lòe nơi hành lang làm lộ ra thứ mà ban đầu anh tưởng là khuôn mặt của một con búp bê, một ma nơ canh mà thợ may đặt trong cửa hàng để bày quần áo. Mùi hôi thối và chất nôn mửa khiến anh nhận ra đây không phải người giả. Anh lấy một tay che mũi và miệng, kéo phần còn lại của tấm bạt ra, rồi lui lại cho đến khi anh chạm vào bức tường phòng giam.

Cái xác dường như là của một người trưởng thành đầu chừng giữa bốn mươi đến bảy lăm, và chắc chắn là chưa đầy năm chục cân. Một mớ tóc trắng, bộ râu phủ kín khuôn mặt, và thân hình gầy gơ xương. Bàn tay gầy guộc, móng tay dài cong vút, trông như móng vuốt của loài chim. Đôi mắt anh ta mở to, giác mạc teo lại như trái cây chín héo. Miệng anh ta há, lưỡi đen và sưng phồng lên giữa hai hàm răng.

“Hãy lấy quần áo của anh ta trước khi người ta đến khiêng anh ta đi,” một giọng nói từ phòng giam đối diện cất lên. “Anh sẽ không có gì khác để mặc cho đến tháng sau đâu.”

Fermín liếc nhìn trong bóng tối và nhận thấy cặp mắt sáng long lanh từ chiếc giường ở phòng giam bên kia đang quan sát anh.

“Đừng sợ, linh hồn tội nghiệp kia không thể làm hại ai được nữa,” giọng nói trấn an anh.

Fermín gật đầu và bước đến cái túi, tự hỏi làm thế nào để tiếp tục thực hiện hành động này.

“Tôi thành thực xin lỗi,” anh lẩm nhẩm với người đã khuất. “Mong Chúa phù hộ cho linh hồn anh.”

“Anh ta là người vô thần,” giọng nói từ phòng giam đối diện cho anh biết.

Fermín lại gật đầu và quyết định bỏ qua các thủ tục. Cái lạnh thấm vào phòng giam buốt đến độ cắt da thịt và bất kỳ phép lịch sự nào cũng cơ hồ thừa thãi. Anh nín thở và bắt tay vào việc. Bộ quần áo có mùi y như mùi của người chết kia. Cơ thể anh ta đã bắt đầu đông cứng và nhiệm vụ cởi bỏ quần áo cái xác hóa ra lại khó khăn hơn anh dự đoán. Khi bộ quần áo tốt nhất của người chết đã được cởi bỏ, Fermín lấy bao tải đắp lên người chết và buộc lại với một nút thắt mà đến cả Houdini vĩ đại cũng không tài nào tháo ra được. Cuối cùng, khi đã mặc vào bộ đồ tù rách rưới và sặc mùi xú uế, Fermín lại nằm co trên giường, tự hỏi trước anh đã có bao nhiêu tù nhân khoác bộ quần áo này.

“Cảm ơn nhiều lắm,” cuối cùng anh nói.

“Không sao,” giọng nói từ phòng giam bên kia đáp.

“Fermín Romero de Torres.”

“David Martín.”

Fermín nhú mảy. Cái tên nghe quen quá. Phải đến năm phút lục tìm trong ký ức xa xưa anh mới thành linh nhận ra. Anh nhớ đến những buổi chiều ngồi trong góc thư viện trên phố Carmen, ngấu nghiến một loạt những cuốn sách có nhan đề và bìa sách đầy hấp dẫn.

“Tác giả Martín? Của cuốn *Thành phố bị nguyên rủa*?”

Một tiếng thở dài trong bóng đêm.

“Không còn ai trân trọng bút danh nữa.”

“Xin thứ lỗi cho lời nói bất cần của tôi. Chỉ là tôi sùng kính các tác phẩm của ông và tìm đọc tất cả. Thế nên tôi mới biết chính ông đã viết những tiểu thuyết về Ignatious B. Samson bất tử...”

“Rất hân hạnh.”

“Ồ, thưa ông Martín, thật là vinh hạnh được gặp ông, dù là trong hoàn cảnh khốn cùng này, bởi tôi là người ngưỡng mộ ông đã nhiều năm nay...”

“Hai kẻ si tình kia có định câm miệng không hả? Để cho người khác ngủ với chứ,” giọng nói gay gắt gầm lên dường như là ở phòng giam bên cạnh.

“Lão Càu Cọ lại bắt đầu rồi,” giọng nói thứ hai xen vào từ cuối hành lang. “Đừng để ý đến lão ta, Martín. Nếu ông mà ngủ ở đây, ông sẽ bị lũ bộ ăn sống mất, bắt đầu từ bộ củ. Nói tiếp đi, Martín, sao ông không kể chuyện cho chúng tôi? về Chloé...”

“Đúng rồi, để ông có thể xóc lọ như con đười ươi ấy à,” một giọng thù nghịch đáp lại.

“Fermín, bạn của tôi,” Martín thông báo từ phòng của mình. “Để tôi giới thiệu anh với Mười Hai, người luôn tìm thấy điều sai trái trong mọi sự, ý tôi là *tất cả*, và Mười Lăm, một kẻ mất ngủ, có giáo dục và là nhà tư tưởng chính thức của khu phòng giam. Những người còn lại không nói nhiều, đặc biệt là Mười Bốn.

“Tôi nói khi có gì đó để nói,” một giọng trầm lạnh băng ngắt lời, mà Fermín cho là của Mười Bốn. “Nếu chúng ta ai cũng làm thế, thì chúng ta sẽ có một chút yên bình trong đêm.”

Fermín hòa nhập vào cộng đồng kỳ quái này.

“Chào mọi người. Tôi là Fermín Romero de Torres và thật vui khi được quen với các vị.”

“Có mỗi anh là thấy vui thôi,” Mười Lăm nói.

“Chào mừng anh, và tôi hy vọng anh ở đây không lâu,” Mười Bốn đưa lời.

Fermín liếc nhìn một lần nữa cái túi chứa xác trượng phòng kia.

“Đó là Lucio, cố tù nhân Mười Ba,” Martín giải thích. “Chúng tôi không biết gì về anh ta bởi vì gã khốn khổ đó bị câm. Một viên đạn xé nát thanh quản anh ta trong trận Ebro.”

“Thật tiếc vì hắn ta là người duy nhất bị vậy,” Mười Lăm nhận xét.

“Sao anh ta chết?” Fermín hỏi.

“Cứ ở đây là người ta chết thôi,” Mười Hai trả lời. “Chẳng cần thêm lý do gì nữa.”

3

Lễ thói hằng ngày cũng góp ích. Mỗi ngày một lần, trong một giờ, các tù nhân ở hai gian nhà tù đầu tiên được đưa ra sân, trong phạm vi đường hào để có chút nắng, mưa, hay bất kỳ thứ gì mà thời tiết đem lại. Thực đơn gồm có một bát vơi cháo nhầy mỡ, xám xít và lạnh cóng mà không xác định được là nấu từ cái gì, còn mùi vị ôi thiu, mà sau vài ngày, cộng với những cơn co bóp dạ dày vì đói, cuối cùng cũng trở nên không có mùi và vì vậy mà dễ nuốt hơn. Đồ ăn được bố thí vào giữa buổi chiều và dần dà các tù nhân bắt đầu trông chờ đến cái giờ đó.

Mỗi tháng một lần tù nhân nộp lại quần áo bẩn và được cấp một bộ hần là đã được nhúng vào nước sôi chừng một phút, dù những con bọt chết dường như chẳng nhận thấy. Vào những ngày Chủ nhật tù nhân được khuyến nghị đi dự lễ Misa. Không ai dám bỏ buổi này, bởi cha đạo sẽ điểm danh và nếu thiếu bất kỳ tên nào ông ta sẽ ghi lại. Hai lần vắng mặt nghĩa là một tuần treo bát. Ba lần vắng, một tháng nghỉ dưỡng tại phòng giam biệt lập trong tòa tháp.

Các gian nhà tù, sân và bất cứ khu vực nào khác mà tù nhân bị đẩy vào đều được canh gác nghiêm ngặt. Một đội lính gác được trang bị súng trường, súng ngắn để tuần tra nhà tù và, khi tù nhân ra khỏi phòng giam, họ không thể nhìn bất cứ hướng nào mà không trông thấy ít nhất cả chục lính gác, đầy cảnh giác, vũ khí luôn sẵn sàng. Bên cạnh đó cũng có cả những cai ngục ít vẻ hăm dọa hơn,

những người này trông không có vẻ gì là lính; anh em trong tù đều có chung cảm giác rằng họ là một đám linh hồn bất hạnh, không thể tìm được công việc tốt hơn trong thời buổi khó khăn này.

Mỗi gian nhà tù được phân một cai ngục. Được trang bị một lô chìa khóa, hắn ta làm việc theo ca mười hai tiếng ngồi trên ghế ở cuối hành lang. Hầu hết cai ngục đều tránh kết thân với tù nhân và không nói với họ một lời hay nhìn xa hơn mức cần thiết. Ngoại lệ duy nhất là con quỷ tội nghiệp có biệt danh Bebo, chột một mắt trong một cuộc không kích khi gã đang làm gác đêm tại một nhà máy ở Pueblo Seco.

Có tin đồn rằng Bebo có người anh em sinh đôi đi tù ở Valencia và có lẽ vì vậy gã tỏ ra tử tế đôi chút với các tù nhân. Khi không có ai theo dõi, gã sẽ tuồn cho họ chút nước uống, một chút bánh mì khô hay bất cứ thứ gì xoay được trong kho của lính gác vốn được cóp nhặt từ những gói viện trợ do gia đình tù nhân gửi đến. Bebo thích kéo ghế của gã đến buồng giam của David Martín và nghe những câu chuyện ông nhà văn này thỉnh thoảng vẫn kể cho những bạn tù khác. Trong cái địa ngục ấy, Bebo gần như là một thiên sứ.

Thông thường, sau buổi lễ Misa ngày Chủ nhật, giám thị sẽ phát biểu đôi lời để giáo huấn các tù nhân. Họ chỉ biết tên của hắn là Mauricio Valls, và trước chiến tranh hắn từng là một nhà văn đầy khát vọng, là thư ký và chân chạy việc vặt cho một tác gia địa phương nổi tiếng, một kinh dịch lâu đời của ngài Pedro Vidal yếu mệnh. Trong thời gian rảnh rỗi, Valls hạ bút tạo ra những dịch phẩm kém cỏi của các tác phẩm kinh điển Hy Lạp và La Mã, và với sự giúp đỡ của vài tâm hồn thánh thiện, hắn còn biên những cuốn sách

mỏng về văn hóa với những kỳ vọng rất cao nhưng lại có lượng lưu hành thấp. Họ cũng tổ chức những cuộc tọa đàm văn chương, với cả một tiểu đoàn những tinh tú đồng tư tưởng cùng lên tiếng xót xa cho nhân tình thế sự, dự đoán rằng nếu một ngày họ có thể nắm quyền hành, thì thế giới sẽ bay cao lên đỉnh Olympus.

Cuộc đời của hấn dường như được mặc định phải chịu một số phận đắng cay, u ám của những kẻ tầm thường, những kẻ mà Chúa, trong sự tàn nhẫn đến vô định của Người, đã ban phát những ảo tưởng về sự vĩ đại và tham vọng vô biên vượt quá tài năng của bọn họ. Cuộc chiến, tuy nhiên, đã viết lại số mệnh của hấn như nó đã làm với nhiều người khác, và vận của hấn thay đổi từ lúc ấy, trong một tình huống nằm đâu đó giữa sự tình cờ và sự săn tìm vận may, Mauricio Valls, cho đến lúc bấy giờ chỉ mê đắm cái tài năng phi thường và sự tinh tế tuyệt trần của chính mình, đã cưới con gái của một kẻ tài phiệt, những công ty có tầm ảnh hưởng sâu rộng của lão đã hỗ trợ ngân sách cho Tướng Franco và các binh đoàn của ông ta.

Cô dâu, hơn hấn những tám tuổi, bị giam hãm trên xe lăn từ năm mười ba tuổi, héo mòn đi vì căn bệnh bẩm sinh đã nhấn chìm phá hủy các cơ bắp và cuộc đời cô. Chưa người đàn ông nào từng nhìn vào mắt cô hay cầm tay cô để nói rằng cô là người xinh đẹp và hỏi tên cô là gì. Mauricio, cũng như bao gã làm văn bất tài, sở hữu thói thực dụng cũng cao như thói kiêu ngạo của hấn, là người đầu tiên và là người cuối cùng làm điều đó, và một năm sau cặp đôi này kết hôn ở Seville, với sự có mặt của Tướng Queipo de Llano và những tinh tú khác của bộ máy chính quyền.

“Valls, cậu sẽ tiến xa đấy,” chính Serrano Súner* đã dự báo như vậy tại một cuộc hội kiến riêng ở Madrid mà Valls đến để xin cái

chân giám đốc Thư viện Quốc gia.

“Tây Ban Nha đang trải qua thời khắc khó khăn và những người thuộc dòng dõi anh thế phiệt ở Tây Ban Nha cũng phải chung vai gánh vác và giúp ngăn chặn lũ người Mác xít đang rắp tâm làm thối nát quyết tâm, tinh thần của chúng ta,” anh rề Tướng Franco tuyên bố, trông rất lộng lẫy trong bộ quân phục đồ đốc như mượn từ kịch câm.

“Ngài có thể tin ở tôi, thưa ngài,” Valls ướm lời. “Bất kể vị trí nào.”

“Bất kể vị trí nào” hóa ra là vị trí giám đốc, không phải của Thư viện Quốc gia diệu kỳ ở Madrid như hấn hằng mong ước, mà là ở một nhà tù đầy tai tiếng, ngự trên mỏm đá nhìn xuống thành phố Barcelona. Danh mục bạn thân và người được bảo trợ đòi hỏi những vị trí béo bở còn rất rất dài và Valls, bất chấp mọi cố gắng của hấn, chỉ đứng thứ ba từ dưới lên trong danh sách ấy.

“Hãy kiên nhẫn, Valls. Nỗ lực của cậu sẽ được đền đáp.”

Đó là cách Mauricio Valls học được bài học đầu tiên trong cái môn nghệ thuật truyền thống, phức tạp của đất nước ấy là dùng thủ đoạn để tiến thân sau mỗi lần chế độ thay đổi: hàng ngàn người ủng hộ đã gia nhập hàng ngũ và cuộc cạnh tranh rất khốc liệt.

4

Đó là câu chuyện mà người ta bảo với nhau. Đồng tin đồn, hoài nghi và cáo buộc chưa được xác nhận này đã đến tai những người tù - và bất kể ai muốn nghe - nhờ những mưu đồ đen tối của viên giám thị trước. Lão ta đã bị khai trừ một cách phũ phàng ra khỏi vị trí đó chỉ sau hai tuần tại vị, và bị đầu độc bởi những oán hờn đối với gã Valls mới phát, kẻ đã cướp đi cái chức vị mà lão phải tranh đấu qua suốt cuộc chiến tranh mới có được. May mắn thay cho Valls lão giám thị về vườn kia chẳng có họ hàng làm quan to và từng bị bắt gặp trong tình trạng say xỉn, khi đang thoát ra những lời đùa cợt về ngài tổng tư lệnh của toàn cõi Tây Ban Nha và về giống nhau đến ngạc nhiên của ông ta với chú lùn Dopey. Trước khi bị tổng sang làm phó giám thị ở nhà tù Ceuta, lão đã dồn hết sức lực vào việc nói xấu Mauricio Valls khắp bốn phương.

Điều chẳng cần bàn cãi là không một ai được nhắc đến Valls bằng cái tên nào khác ngoài “giám thị”. Bản chính thức, mà chính hắn bịa đặt ra và cho phép được lưu truyền, ấy là hắn, Mauricio, một tay chữ nghĩa, có thành tựu được công nhận và đầy trí thức và kèm theo đó là sự uyên bác tinh diệu mà hắn đã thu nhận trong những năm học ở Paris. Ngoài địa vị tạm thời trong mảng cải tạo của chế độ, tương lai và nhiệm vụ của hắn nằm ở việc giáo huấn thường dân của một nước Tây Ban Nha đã bị tàn phá, dạy cho họ cách suy nghĩ với sự giúp đỡ của một nhóm tinh tuyển những kẻ đồng cảm.

Bài giảng của hắn thường là các câu trích dài dòng từ chính những bài viết, những bài thơ hay những bài báo giáo dục hắn đăng thường xuyên trên thông tấn quốc gia, về văn chương, triết học và những tư tưởng khai sáng cần thiết của thế giới phương Tây. Nếu các tù nhân tán đồng một cách hào hứng khi những bài giảng bậc thầy này kết thúc, viên giám thị sẽ ra một cử chỉ hào hiệp là lệnh cho những cai ngục phát thuốc lá, nến hay một số đồ xa xỉ khác thu từ những gói hàng tiếp tế do người nhà gửi cho tù nhân. Những món đồ đáng giá hơn cả đã bị lính canh chiếm đoạt trước để đem về nhà hay đôi khi là bán lại cho các tù nhân. Thế còn tốt hơn là không có gì.

Những người chết vì nguyên nhân tự nhiên hay một nguyên nhân mơ hồ nào đó - bình quân năm đến mười người một tuần - được thu gom vào giữa đêm, ngoại trừ cuối tuần và ngày nghỉ lễ, lúc ấy xác sẽ nằm ở trong phòng giam cho đến thứ Hai hoặc ngày làm việc tiếp theo, và bè bạn với khách họ mới. Khi các tù nhân báo bạn tù của họ qua đời, cai ngục sẽ tiến đến, xem mạch và hơi thở của cái xác rồi bọc vào loại túi được dùng riêng cho mục đích này. Khi túi được buộc chặt, nó nằm lại trong phòng giam cho đến khi phu đào huyệt ở nghĩa trang Montjuic bên cạnh đến khiêng đi. Không ai biết họ làm gì với những cái xác và khi tù nhân hỏi Bebo, gã không chịu trả lời, mắt cúi xuống.

Cứ nửa tháng một lần, một phiên tòa sẽ chóng vánh diễn ra và những người bị kết án sẽ bị bắn lúc trời mờ sáng. Đôi khi, nhờ tình trạng tồi tệ của chỗ súng ống đạn dược mà đội xử bắn đã bất thành trong việc xuyên thủng một cơ quan nội tạng thiết yếu và những tiếng gào thét đau đớn của những người bị thương cứ vang lên mãi nhiều giờ sau. Thi thoảng người ta nghe thấy một tiếng nổ và tiếng

gào thét đột nhiên ngừng bật. Một giả thuyết lan truyền trong đám tù nhân là một trong những viên cảnh sát đã tiễn vong họ bằng một quả lựu đạn, nhưng không ai dám quả quyết điều này là đúng.

Một tin đồn khác cũng được lan truyền rằng vào các sáng thứ Sáu giám thị tiếp các bà vợ, con gái, vị hôn thê hay thậm chí cả bà dì và bà nội, ngoại của tù nhân tại phòng làm việc của mình. Sau khi đã tháo nhẫn cưới và giấu ở ngăn bàn trên cùng, hắn lắng nghe đề nghị của họ, cân nhắc những lời cầu xin của họ, đưa khăn cho họ lau nước mắt, và nhận quà cùng những ân huệ khác, sau khi hứa hẹn những khẩu phần ăn ngon hơn, sự đối đãi tử tế hơn với người thân yêu của họ, hay xem xét lại những bản án chưa minh bạch, điều mà tiếc thay chẳng bao giờ được thực hiện.

Vào những dịp có chọn lọc, Mauricio Valls mời họ ăn bánh, và một ly rượu nho xạ, và giả như, bất chấp thời buổi khó khăn và chế độ ăn uống thiếu thốn, họ vẫn còn hấp dẫn đến nhói lòng, hắn sẽ đọc cho họ nghe mấy thứ hắn viết và thú nhận rằng hôn nhân của hắn với một cô vợ đau ốm quả như một bài kiểm tra tính thánh thiện giáng xuống đời hắn. Rồi hắn sẽ lải nhải về công việc cai ngục hắn đang làm và rằng hắn thấy bẽ bàng vì một con người cao nhĩa và học thức tốt vời như hắn lại bị giam hãm vào một chức vị đáng hổ thẹn như vậy, trong khi đáng ra hắn phải ở nấc thang cao vời của đất nước này.

Các tù nhân đầy kinh nghiệm khuyên ta đừng nên nhắc tới giám thị, và nếu có thể thì đừng có nghĩ tới hắn. Hầu hết họ thích nói về gia đình mà họ bỏ lại và cuộc sống họ còn nhớ. Một số có ảnh bạn gái hoặc người vợ mà họ vô cùng trân quý và sẽ đem tính mạng ra để bảo vệ nếu có ai định giật khỏi tay họ. Không chỉ một tù nhân đã bảo Fermín rằng ba tháng đầu tiên là tồi tệ nhất. Sau đó, một khi

đánh mất mọi hy vọng, thời gian bắt đầu trôi nhanh hơn và những ngày vô nghĩa sẽ khiến tâm hồn chết dần đi.

Vào những ngày Chủ nhật, sau lễ Misa và bài giáo huấn của giám thị, một số tù nhân sẽ tụ tập vào góc có nắng của sân nhà tù để hút chung một hai điếu thuốc hay nghe những câu chuyện David Martín kể cho họ, khi đầu óc ông còn tỉnh táo. Fermín, vốn biết hết những chuyện ấy vì anh đã đọc toàn bộ loạt sách *Thành phố bị nguyên rủa*, sẽ gia nhập nhóm này và để cho trí tưởng tượng của mình bay bổng. Nhưng thường thì Martín không đủ minh mẫn, đến mức hỏi mấy giờ ông còn chẳng biết, nên những người khác sẽ bỏ mặc ông đi vẩn vơ nói chuyện một mình. Fermín theo dõi ông sát sao, thỉnh thoảng lại đi sau ông, bởi ở con người khốn khổ ấy có điều gì đó khiến con tim anh nhức nhối. Sử dụng mọi mưu mẹo xảo trá và quỷ quyệt của mình, Fermín cố tìm được vài điếu thuốc lá cho ông, hay thậm chí là vài viên đường, thứ Martín yêu thích.

“Anh là người tốt, Fermín. Cố đừng để lộ điều đó ra,” nhà văn nói với anh.

Martín luôn mang bên mình một tấm ảnh cũ mà ông thích ngắm nhìn mê mẩn thật lâu. Ảnh chụp một người đàn ông mặc đồ trắng, cầm tay một bé gái chừng tám tuổi. Cả hai đang ngắm hoàng hôn ở cuối chiếc cầu tàu gỗ vươn ra bờ biển, như một con đường lơ lửng trên làn nước pha lê. Khi Fermín hỏi ông về bức ảnh, thường ông không đáp. Ông chỉ cười, trước khi bỏ tấm ảnh vào lại trong túi.

“Cô bé trong ảnh là ai, ông Martín?”

“Tôi không chắc, Fermín ạ. Nhiều khi tôi thất vọng về trí nhớ của mình quá. Chuyện đó không xảy ra với anh sao?”

“Dĩ nhiên. Ai cũng bị như vậy mà.”

Có tin đồn rằng đầu óc Martín hoàn toàn không được tỉnh táo, nhưng chẳng bao lâu sau khi Fermín bắt đầu kết thân với ông anh nhận ra rằng con người tội nghiệp này đang ở tình trạng tệ hơn rất nhiều so với những gì tù nhân khác nói. Có những khoảnh khắc ông tỏ rõ mình minh mẫn hơn những người khác, nhưng thường thì ông dường như không hiểu mình đang ở đâu và ông nói về những người và nơi chốn rõ ràng chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng hoặc ký ức.

Fermín hay dậy sớm và nghe Martín nói chuyện. Nếu lén lút lại gần song sắt và chăm chú lắng nghe, anh có thể thấy rất rõ ông đang tranh cãi với một người tên là “ngài Corelli”, và xét đến những lời lẽ trao đổi của Martín, người này dường như là một nhân vật thâm độc khét tiếng.

Vào một trong những đêm ấy Fermín thấp phần còn lại của cây nến cuối cùng và giờ cao về phía phòng giam đối diện. Anh muốn chắc chắn rằng Martín thực sự ở một mình và cả hai giọng nói, giọng của ông và giọng thuộc về người có tên Corelli, là do cùng một người phát ra. Martín đang đi thành vòng tròn trong buồng giam của ông, và khi ánh mắt họ gặp nhau, Fermín nhận ra rằng người bạn tù không thể nhìn thấy anh. Ông hành động như thể những bức tường kia không tồn tại và cuộc trò chuyện với người lạ kia đang diễn ra ở một nơi nào đó rất xa.

“Đừng quan tâm đến ông ta,” Mười Hai lẩm bẩm trong bóng tối. “Đêm nào ông ta cũng vậy cả. Ông ta loạn trí rồi. Thật may cho ông ta.”

Sáng hôm sau, khi Fermín hỏi ông về người tên là Corelli và những cuộc trò chuyện lúc nửa đêm, Martín ngạc nhiên nhìn anh rồi mỉm cười bối rối. Vào một dịp khác, khi trời lạnh quá không ngủ được, Fermín bước lại song sắt và lắng nghe Martín nói chuyện với một trong những người bạn vô hình của ông. Đêm đó, Fermín cả gan nói xen vào.

“Martín? Là tôi đây. Fermín, bạn của ông ở đối diện hành lang đây. Ông có làm sao không?”

Martín bước đến song sắt buồng giam của mình và Fermín có thể thấy khuôn mặt ông đầm nước mắt.

“Ông Martín? Isabella là ai? Lúc này ông nói về cô ấy.”

Martín nhìn chăm anh.

“Isabella là điều tốt đẹp duy nhất còn lại giữa thế giới bẩn thỉu này,” ông đáp sau một lát, với giọng cay đắng khác thường. “Nếu không phải vì cô ấy, chúng ta đã châm lửa đốt hết tất cả và mặc cho nó cháy đến lúc cả tro tàn cũng bay đi.”

“Tôi xin lỗi, Martín. Tôi không định làm phiền ông.”

Martín rút vào bóng tối. Ngày hôm sau người ta thấy ông run rẩy trong chính vũng máu của ông. Thấy Bebo đã ngủ gật trên ghế, ông đã khứa rách cổ tay bằng cách cạo vào đá. Khi người ta lấy cang khiêng ông đi trông ông nhợt nhạt đến mức Fermín tưởng sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại ông nữa.

“Đừng lo về người bạn của anh, Fermín,” Mười Lăm nói. “Nếu là bất kỳ ai khác, thì người đó hẳn sẽ chui thẳng vào túi vải rồi, nhưng giám thị sẽ không để Martín chết đâu. Không ai biết tại sao.”

Phòng giam của David Martín trống trơn trong năm tuần. Khi Bebo đưa ông trở lại, bé ông như bé một đứa trẻ, ông mặc bộ

pyjama màu trắng, tay được băng bó đến tận khuỷu. Ông không nhớ ai hết và đêm đầu tiên ông nói chuyện một mình và bật cười. Bebo đặt ghế của gã đối diện song sắt phòng Martín, và theo dõi ông sát sao suốt cả đêm, cho ông những viên đường gã trộm từ phòng máy sĩ quan rồi giấu trong túi áo.

“Ông Martín, xin đừng nói như thế nữa. Chúa sẽ trừng phạt ông đấy,” gã cai ngục thì thầm giữa những lần đưa đường cho ông.

Trong thế giới thực, Mười Hai từng là bác sĩ Román Sanahuja, trưởng khoa Nội ở Bệnh viện Lâm sàng Barcelona, một người khả kính, được chữa lành khỏi những ảo tưởng về chế độ, lương tâm của ông cộng với việc ông không chịu tố giác bạn bè đã đẩy ông vào ngục. Theo quy định, trong phạm vi những bức tường kia, không ai được biết nghề nghiệp của tù nhân cả. Trừ phi cái nghề đó mang lại chút lợi ích cho giám thị. Trong trường hợp bác sĩ Sanahuja, do được việc nên nhanh chóng được ghi nhận.

“Thật không may, chỗ tôi không có đủ đồ y tế,” viên giám thị giải thích cho ông. “Nói thẳng thắn, chế độ có những mối lo lắng khác và không thêm bận tâm dù các người có chết trơ xương trong phòng giam vì chứng hoại tử. Sau nhiều tranh đấu tôi đã buộc người ta phải cung cấp cho tôi một tủ thuốc nghèo nàn cùng một gã lang băm ăn hại không đáng làm gác cổng cho bất cứ phòng khám thú y nào, tôi dám chắc là thế. Nhưng chuyện là vậy đấy. Tôi biết một điều rằng trước khi mắc phải sai lầm và đi vào con đường trung lập ông là một bác sĩ danh tiếng. Vì những nguyên do ông không cần thiết phải biết đến, tôi vô cùng mong mỗi rằng người bạn chung David Martín của chúng ta không rời bỏ chúng ta vĩnh viễn. Nếu ông đồng ý hợp tác

và giữ cho ông ấy khỏe mạnh, tôi có thể đảm bảo rằng cuộc sống của ông ở trong này sẽ dễ chịu hơn, và cá nhân tôi sẽ lo liệu để ông được xem xét giảm án tù.”

Bác sĩ Sanahuja gật đầu.

“Tôi nhận thấy rằng một số tù nhân coi Martín là người đầu óc hơi có vấn đề. Phải vậy không?” viên giám thị hỏi.

“Tôi không phải bác sĩ tâm thần, nhưng theo hiểu biết khiêm nhường của mình, tôi tin Martín rõ ràng đang mất cân bằng.”

Viên giám thị cân nhắc nhận xét ấy.

“Và, theo ý kiến chuyên môn của ông, thì ông ấy còn kéo dài được bao lâu?” hấn hỏi. “Ý tôi là còn sống.”

“Tôi không biết. Điều kiện trong nhà tù này không tốt và...”

Viên giám thị cắt lời ông bằng vẻ chán nản.

“Và đúng mực? Ông nghĩ Martín còn duy trì được sự tỉnh táo trong bao lâu nữa?”

“Không lâu, tôi nghĩ.”

“Tôi hiểu.”

Viên giám thị mời ông thuốc lá, ông từ chối.

“Ông quý mến ông ấy, phải không?”

“Tôi gần như chẳng biết ông ấy,” bác sĩ đáp. “Ông ấy dường như là một người lịch duyệt.”

Viên giám thị mỉm cười.

“Và một nhà văn tồi tệ. Có lẽ là nhà văn tồi nhất mà đất nước này từng có.”

“Ông là người có thẩm quyền được công nhận trong địa hạt văn chương, thưa ngài giám thị. Tôi chẳng biết gì về chủ đề này cả.”

Viên giám thị lạnh lùng nhìn ông.

“Tôi đã cho nhiều người vào phòng biệt giam trong ba tháng vì những nhận xét ít láo xược hơn thế đấy. Ít người sống sót được và những người còn sống thì quay lại trong tình trạng tồi tệ hơn ông bạn Martín của ông. Đừng có phạm lỗi chết người và đi giả định rằng tài năng của ông sẽ cho ông được hưởng chút đặc quyền nào đó. Hồ sơ của ông cho biết ông có vợ và ba con gái đang ở ngoài kia. Vận may của ông, cũng như của gia đình ông, tùy thuộc vào việc ông có ích thế nào với tôi. Tôi nói thế ông đã hiểu rõ chưa?”

Bác sĩ Sanahuja nuốt khó nhọc.

“Vâng, thưa ngài giám thị.”

“Cảm ơn ông, *bác sĩ*.”

Thỉnh thoảng, gã giám thị đề nghị Sanahuja khám cho Martín. Rành rành là tay giám thị không tin vào bác sĩ nội trú của nhà tù, một tên lang băm bất tín dường như đã quên khái niệm chăm sóc phòng ngừa vì ký quá nhiều giấy chứng tử. Viên giám thị đã cho lão nghỉ không lâu sau đó.

“Ông mô tả trình trạng tổng thể của bệnh nhân ra sao, bác sĩ?”

“Yếu.”

“Tôi hiểu. Còn những yêu ma, nếu có thể nói như vậy? Ông ta vẫn nói chuyện một mình và tưởng tượng mọi thứ chứ?”

“Về mặt này thì không có thay đổi đáng kể nào cả.”

“Tôi coi câu trả lời là có. Tôi đã đọc một bài viết xuất sắc mà ông bạn tốt Sebastian Jurado của tôi đăng trên *ABC*, trong đó ông ấy nói về chứng tâm thần phân liệt, căn bệnh của bọn thi sĩ.”

“Tôi không đủ chuyên môn để chẩn đoán một bệnh như thế.”

“Nhưng tôi hy vọng, ông đủ chuyên môn để cứu sống ông ấy, phải vậy không?”

“Tôi đang cố hết sức trong khả năng của mình.”

“Chỉ cố gắng hết mức không thôi chưa đủ. Hãy tính đến hoàn cảnh của con mình. Quá trẻ và quá dễ tổn thương. Không được bảo vệ trong khi lũ súc vật nhẩn tâm cùng bọn đồ vẩn lẩn trốn ngoài kia.”

Nhiều tháng trôi qua, bác sĩ Sanahuja trở nên quý mến Martín và một ngày, trong khi hút chung những mẩu thuốc lá, ông kể cho Fermín điều ông biết về con người mà, do những lời nói lảm nhảm của ông cộng với cái danh hiệu cư dân mất trí của nhà tù, một số người đã đùa gọi ông là “Tù nhân của thiên đường”.

6

“Thật ra mà nói, tôi cho rằng lúc người ta mang David Martín đến đây ông ấy đã bị bệnh một thời gian rồi. Anh đã bao giờ nghe nói đến chứng tâm thần phân liệt chưa, Fermín? Đó là một trong những cụm từ mới yêu thích của giám thị.”

“Đó là điều mà dân thường chúng ta hay gọi là ‘chập mạch’.”

“Không phải chuyện đùa đâu, Fermín. Đó là một bệnh rất nghiêm trọng. Dù không phải chuyên môn của tôi, nhưng tôi đã chứng kiến một vài ca và các bệnh nhân thường nghe thấy những giọng nói, hay họ nhìn thấy và nhớ đến những người và sự kiện chưa bao giờ xuất hiện... Tâm trí tệ dần và bệnh nhân không thể nào phân biệt được thực tại và hư ảo.”

“Cũng như bảy mươi phần trăm dân Tây Ban Nha thôi... Và ông nghĩ Martín tội nghiệp mắc bệnh đó ư, bác sĩ?”

“Tôi không chắc. Như tôi nói đấy, tôi không phải chuyên gia trong chuyện này, nhưng tôi cho rằng ông ấy có những triệu chứng thường gặp nhất.”

“Có lẽ trong hoàn cảnh này bệnh tình của ông ấy là một ân phước...”

“Đó không bao giờ là ân phước cả, Fermín.”

“Và ông ấy có biết rằng mình, kiểu như là, bị bệnh không?”

“Người điên luôn nghĩ rằng chỉ kẻ khác mới điên.”

“Đó là điều tôi ám chỉ khi nói về bảy mươi phần trăm dân Tây Ban Nha...”

Một tên lính gác đang quan sát họ từ trên đỉnh tháp canh, như thể hắn đang cố đọc khẩu hình của họ.

“Nói nhỏ thôi, không chúng ta sẽ gặp rắc rối đấy.”

Vị bác sĩ ra hiệu cho Fermín quay lưng lại và bước đến đằng kia sân.

“Trong thời buổi như thế này, đến cả bức tường cũng mọc tai đấy,” bác sĩ nói.

“Chỉ cần mấy bức tường kia mọc thêm được nửa bộ não giữa hai tai là chúng ta có thể thoát ra khỏi đống rắc rối này,” Fermín trả lời.

“Anh có biết Martín nói gì với tôi vào lần đầu tiên giám thị bảo tôi khám cho ông ấy không?”

“Bác sĩ, tôi nghĩ tôi đã tìm ra cách duy nhất để thoát khỏi nhà tù này rồi.”

‘Cách nào?’

‘Chết.’

‘Ông không nghĩ được cách nào thực tế hơn à?’

‘Đã bao giờ ông đọc Bá tước Monte Cristo chưa, bác sĩ?’

‘Khi còn bé. Tôi gần như chẳng nhớ gì cả.’

‘Ồ, vậy đọc lại đi. Trong đó cả đấy.’ “

“Tôi không muốn nói với ông ấy là giám thị đã ra lệnh bỏ tất cả những sách của Dumas khỏi thư viện của nhà tù, cùng với bất cứ cuốn nào của Dickens, Galdós và nhiều tác giả khác mà hắn cho là rác rưởi vì là thứ tiêu khiển cho đám đông thiếu văn hóa. Hắn ta thay thế chúng bằng tuyển tập những tiểu thuyết và truyện ngắn

chưa được xuất bản của hắn, cùng những cuốn sách của bạn bè hắn, được bọc da bởi Valentí, một tù nhân được đào tạo về nghệ thuật tạo hình. Ngay khi Valentí làm xong việc, giám thị để cho ông ta chết vì nhiễm lạnh, bắt ông ta nằm đêm ở ngoài sân, dưới mưa, vào giữa tháng Giêng, chỉ vì ông ta cợt nhạo sự tinh tế trong những áng văn của hắn. Valentí đã rời khỏi chốn này bằng phương pháp của Martín: chết.

“Sau khi đã ở đây một thời gian, được nghe những cuộc trao đổi giữa các cai ngục, tôi nhận ra rằng David Martín đã được đưa vào nhà tù này theo yêu cầu của chính giám thị. Ông ấy từng bị giam ở nhà tù Modelo, bị cáo buộc một loạt tội mà tôi không nghĩ có người thực sự tin là ông ấy mắc vào. Ngoài những tội danh khác, người ta bảo ông ấy đã giết thầy và bạn thân của mình trong một cơn ghen - một người giàu có tên Pedro Vidal, cũng là nhà văn như ông ấy - và giết cả vợ Vidal, bà Cristina. Người ta cũng bảo ông ấy đã lạnh lùng giết chết một số cảnh sát và một người nào đó, tôi không thể nhớ là ai. Thời này người ta cáo buộc người khác đủ thứ tội, ta không thể biết được. Tôi thấy khó mà tin rằng Martín là kẻ giết người, nhưng quả là trong những năm chiến tranh tôi đã thấy nhiều người ở các phe phái cời bỏ mặt nạ cho thấy con người thật của họ, rằng bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Ai cũng ném đá và chỉ tay sang hàng xóm.”

“Nếu phải nêu ý kiến thì...” Fermín nhận xét.

“Kỳ thực cha của nhân vật Vidal này là một nhà công nghiệp quyền lực, giàu nứt vách. Họ bảo ông ta là một trong những tay trùm ngân hàng đứng về phe chủ nghĩa dân tộc. Tại sao trong mọi cuộc chiến tranh, bọn nhà băng đều là kẻ thắng cuộc? Dù sao, tay trùm tư bản Vidal đã đích thân yêu cầu Bộ Tư pháp tìm Martín và bảo đảm

ông ấy sẽ chết rũ trong tù vì điều ông đã gây ra cho con trai và con dâu lão. Dường như, Martín đã trốn ra nước ngoài gần được ba năm thì người ta phát hiện ra ông ấy ở gần biên giới. Hẳn ông ấy bị điên thì mới quay về Tây Ban Nha nơi người ta đang chờ để đóng đinh ông ấy - ít nhất, đó là điều tôi nghĩ. Và còn tệ hơn nữa, chuyện này xảy ra vào những ngày cuối của cuộc chiến, khi hàng ngàn người tràn qua biên giới theo chiều ngược lại.”

“Đôi khi chỉ là người ta mệt mỏi vì phải chạy trốn,” Fermín nói. “Khi ta không biết phải đi đâu thì thế giới này nhỏ bé lắm.”

“Tôi cho rằng hẳn Martín cũng đã nghĩ vậy. Tôi không biết làm sao ông ấy qua được biên giới, nhưng dân địa phương ở Puigcerdà đã báo cho hiến binh sau khi họ thấy ông ấy lang thang nhiều ngày ở thành phố này, ăn mặc rách rưới và nói lảm nhảm một mình. Rồi một số mục sư bảo họ nhìn thấy ông ấy trên đường phố Bolvir, cách Puigcerdà mấy cây số, gần một ngôi nhà cổ lớn tên là La Torre del Remei, trong thời chiến nó được dùng làm quân y viện cho thương binh. Nơi này được một nhóm phụ nữ quản lý, có lẽ họ cảm thấy Martín đáng thương và nghĩ ông là một người lính nên đã cho ông chỗ ở và thức ăn. Khi quân hiến binh đến đó, ông ấy đã rời đi rồi, nhưng đêm hôm ấy họ bắt được ông ở trên mặt hồ đóng băng, đang dùng một hòn đá đào lỗ trên băng. Lúc đầu họ nghĩ ông ấy định tự tử, nên họ mang ông ấy đến Villa San Antonio, một trại điều dưỡng. Hình như một bác sĩ ở đó nhận ra ông ấy - đừng hỏi tôi tại sao - và ngay khi tin tức về ông được truyền về tổng hành dinh, ông được chuyển đến Barcelona.”

“Hang hùm.”

“Anh có thể nói vậy. Dường như phiên tòa kéo dài chưa đến hai ngày. Danh mục những cáo buộc dành cho ông ấy dài vô tận và dù

gần như chẳng có bất kỳ chứng cứ hay chứng lý nào làm cơ sở, công tố viên vẫn moi ra được một đám nhân chứng. Hàng tá người xếp hàng vào tòa, bày tỏ một lòng thù ghét ngút ngàn mà đến cả thẩm phán cũng phải ngạc nhiên - chắc chắn tất cả bọn họ đã được lão già Vidal gí tiền. Trong số đó có cả đồng nghiệp cũ của Martín hồi những năm ông ấy còn làm cho một tờ báo nhỏ tên là *Tiếng nói Công nghiệp*. Những trí thức phòng trà, những linh hồn tội nghiệp và các hạng ghen ăn tức ở đủ các thể loại bất ngờ xuất hiện rồi thề thốt rằng Martín phạm đủ thứ tội mà ông ấy bị cáo buộc, và còn hơn thế nữa. Anh biết ở đây mọi thứ vận hành thế nào mà. Theo lệnh của quan tòa, và khuyến nghị của lão Vidal, tất cả tác phẩm của ông ấy bị tịch thu rồi đem đốt, vì bị coi là tài liệu mưu phản, vô luân lý và trái ngược với những ứng xử cao đẹp. Khi Martín tuyên bố tại phiên tòa rằng ứng xử cao quý duy nhất mà ông ấy bào chữa cho đó là việc đọc, và bất cứ việc gì khác đều là việc của người đọc, quan tòa cho ông thêm mười năm nữa vào án phạt. Có vẻ như thay vì giữ mồm giữ miệng tại phiên tòa Martín lại trả lời tất cả những gì bị hỏi mà không vòng vo câu chữ, để rồi tự đào mồ chôn mình.”

“Trong thế giới chúng ta đang sống điều gì cũng có thể tha thứ, ngoại trừ việc nói ra sự thật.”

“Thực ra, ông ấy bị kết án chung thân. Tờ *Tiếng nói Công nghiệp*, thuộc sở hữu của lão Vidal, đã cho đăng một bài dài liệt kê mọi tội trạng của ông ấy, không những thế, còn có cả một bài xã luận. Đoán xem là của ai ký.”

“Giám thị lưng lầy của chúng ta, ngài Mauricio Valls.”

“Đúng hẳn đấy. Hẳn mô tả ông ấy là ‘nhà văn tồi nhất trong lịch sử’ và lấy làm vui vì sách của ông ấy đã bị phá hủy bởi chúng là ‘sự sỉ nhục với nhân loại và gu thưởng thức tử tế’.”

“Đó chính là điều người ta nói về nhà hát Palau de la Música,” Fermín chỉ ra. “Chúng ta thật may khi sống ở một đất nước được hưởng cái tinh túy nhất của cộng đồng trí thức quốc tế. Unamuno đã đúng khi nói rằng: sáng tạo là việc của người khác, chúng ta sẽ chỉ đưa ra ý kiến.”

“Dù vô tội hay không, sau khi chứng kiến người ta hạ nhục mình công khai và từng trang sách mình viết ra bị đốt trụi, Martín rút cuộc đã vào nhà tù Modelo, ông ấy hẳn đã chết chỉ trong vòng mấy tuần ở đây nếu không phải giám thị của chúng ta, kẻ đã đeo đuổi vụ án này với một niềm vui thú bao la và vì một lý do kỳ lạ nào đó đã bị ám ảnh về Martín, tiếp cận được hồ sơ của ông ấy rồi đề nghị chuyển ông ấy đến nơi này. Martín bảo tôi rằng ngày ông ấy đến đây, Valls đã đưa ông ấy vào văn phòng rồi sa sả rao giảng một trong những bài diễn thuyết của hắn.

“Martín, ông là một tội đồ bị kết án và có lẽ cũng là một tên mưu phản hoang tưởng, song có gì đó ràng buộc hai ta. Chúng ta đều là người của chữ nghĩa và dù ông dành cả sự nghiệp thất bại của mình viết ra những thứ rác rưởi cho đám đông ngu muội, một lũ người thiếu sự dẫn dắt trí tuệ, thì tôi nghĩ rằng ông có thể giúp tôi và qua đó chuộc lại lỗi lầm. Tôi có một tuyển tập tiểu thuyết và thơ sáng tác mấy năm qua. Đó là một thứ văn chương có chuẩn chất lượng cao phi thường. Cao đến mức tôi rất mực lo sợ rằng ở đất nước thất học này chưa đầy ba trăm độc giả có thể hiểu được và trân trọng giá trị của chúng. Thế nên tôi mới nghĩ rằng có lẽ, bởi cách ông đã bán rẻ trang viết của ông, và sự tiếm cận của ông với giới dân đen, những kẻ chỉ đọc các loại thứ phẩm khi ngồi xe điện, ông có thể giúp tôi tạo ra vài thay đổi nho nhỏ kéo tác phẩm của tôi lại gần hơn với trình độ thẩm hại của độc giả Tây Ban Nha. Nếu ông đồng ý hợp tác, tôi có

thể đảm bảo với ông rằng tôi sẽ làm cho sự tồn tại của ông dễ chịu hơn nhiều. Tôi thậm chí có thể lật lại vụ án của ông. Cô bạn nhỏ của ông... Tên cô ta là gì nhỉ? À, đúng rồi, Isabella. Một người đẹp, nếu ông cho phép tôi nhận xét. Dù sao, bạn gái ông đã đến gặp tôi, bảo rằng cô ta đã thuê một luật sư trẻ, một gã tên Brians, và đã huy động đủ tiền để biện hộ cho ông. Hãy thôi hoang tưởng đi: cả hai chúng ta đều biết rằng vụ án của ông không có đủ căn cứ gỡ tội và ông bị kết tội do những nhân chứng đáng ngờ. Ông dường như đã gây thù oán một cách dễ dãi đến khó tin, dù là với cả những người mà tôi chắc ông không biết đến sự tồn tại. Đừng có mắc sai lầm là biến tôi thành một kẻ thù nữa, Martín. Tôi không phải một trong số những kẻ đáng thương kia đâu. Ở đây, giữa bốn bức tường này, nói trắng ra, tôi là Chúa.”

“Tôi chẳng biết Martín có chấp nhận đề nghị của tay giám thị không, nhưng tôi có cảm giác là có, bởi ông ấy vẫn sống và rõ ràng vị Chúa cá thể của chúng ta vẫn thích duy trì sự việc như vậy, ít nhất là cho đến lúc này. Hẳn ta thậm chí còn cho Martín cả giấy bút đem vào phòng giam, tôi nghĩ là để ông ấy có thể viết lại những tác phẩm vĩ đại của giám thị và giúp hắn đi vào Ngôi Đền Danh Vọng, đạt được cái vinh quang văn chương mà hắn thèm khát. Cá nhân tôi không biết phải nghĩ ra sao. Ấn tượng của tôi là Martín tội nghiệp không ở tình trạng phù hợp cho việc viết, ngay cả là tên mình. Dường như phần lớn thời gian ông ấy mắc kẹt trong nhà tù mà ông ấy dựng lên trong tâm trí, nơi sự ăn năn và đau đớn đang giết dần giết mòn ông ấy. Dù chuyên môn của tôi là nội khoa, và tôi không đủ tư cách để đưa ra lời chẩn đoán...”

Câu chuyện của vị bác sĩ tốt bụng đã khơi dậy mối quan tâm của Fermín. Trung thành với nguyên tắc giúp đỡ vô điều kiện những ai mất hết hy vọng, anh quyết định tiến hành một cuộc điều tra nhỏ, những mong khám phá thêm về Martín và, cùng lúc đó, hoàn thiện ý tưởng tẩu thoát *thông qua cái chết*, theo phong cách của ngài Alexandre Dumas. Càng lật lại vấn đề trong đầu, anh càng thấy rằng, ít nhất trong trường hợp cụ thể này, Tù nhân của thiên đường không điên như người ta hay nghĩ. Mỗi khi họ được phép ra sân, Fermín sẽ tìm đủ mọi cớ để lại gần Martín và trò chuyện với ông.

“Fermín này, anh và tôi bắt đầu giống một cặp đôi đấy. Hễ tôi quay lại là thấy anh ở đó.”

“Xin lỗi, thưa ông Martín, chỉ là tôi quan tâm đến một vài chuyện.”

“Chuyện gì vậy, chính xác là, chuyện gì làm anh quan tâm vậy, xin anh cho biết?”

“Ồ, nói toạc ra nhé, dù nghĩ kiểu gì thì tôi cũng không thể hiểu nổi sao một người nhã nhặn như ông lại bằng lòng giúp đỡ tên giám thị bị thối gian xảo tự phụ kia, trong nỗ lực tham lam muốn biến thành chúa tể văn chương của hắn.”

“Thằng thán nhĩ? Dường như ở đây chẳng có bí mật nào cả.”

“Chỉ là tôi có biệt tài bẩm sinh dò tìm và theo đuổi những cuộc điều tra vì mục đích tốt đẹp.”

“Trong trường hợp đó anh hẳn cũng đã phỏng đoán được rằng tôi không phải người cao quý, mà là một tội phạm.”

“Đó dường như là nhận định của quan tòa.”

“Được chống lưng bởi một đoàn quân đã tuyên thệ làm chứng.”

“Ngẫu nhiên thay, tất cả được trả công bởi một tên đồn mạt bị tảo bôn kinh niên vì lòng đố kỵ và mảnh khõe vụn vặt, nếu tôi có thể nói vậy.”

“Anh có thể, nhưng khó mà thay đổi được điều gì. Nói xem, Fermín, có điều gì về tôi mà anh chưa biết?”

“Cả đồng ấy chứ. Nhưng có một chuyện thật sự khiến tôi ngửa ngáy ấy là tại sao ông lại làm ăn với kẻ đàn độn ích kỷ kia. Hạng như hẳn là bệnh thối hoại của đất nước này.”

“Người như hẳn thì có ở khắp nơi, Fermín.”

“Nhưng chỉ ở đây chúng ta mới không coi chúng như không tồn tại.”

“Có lẽ, nhưng đừng có phán xét hẳn vội vàng thế. Trong toàn bộ tấn kịch này, viên giám thị là một nhân vật phức tạp hơn rất nhiều so với vẻ bề ngoài. Kẻ đàn độn ích kỷ này, như anh rộng lượng gọi hẳn, trước hết là một người rất có quyền lực.”

“Chúa trời, hẳn đã tự nhận như vậy.”

“Trong cái chốn luyện ngục này, nhận xét đó cũng chẳng sai mấy đâu.”

Fermín chun mũi lại. Anh ta không thích điều đang nghe thấy. Nghe như thể Martín đang nhăm nháp cơn suy sụp của mình.

“Hẳn ta đe dọa ông à? Phải vậy không? Hẳn có thể làm gì khác với ông được đây?”

“Vớì tôi ư? Chẳng gì cả, ngoại trừ làm tôi buồn cười. Nhưng vớì người khác, ngoài nơi này, hẳn có thể gây hại cho họ.”

Fermín yên lặng một hồi lâu.

“Xin ông tha lỗi cho tôi, Martín. Tôi không có ý xúc phạm ông. Tôi đã không nghĩ được như vậy.”

“Anh không xúc phạm tôi đâu, Fermín. Ngược lại là khác. Tôi nghĩ anh có một cách nhìn quá rộng lượng về hoàn cảnh của tôi. Sự tin tưởng của anh nói nhiều điều về bản thân anh hơn là về tôi.”

“Có phải là vì cô gái ấy không? Isabella.”

“Một quý bà.”

“Tôi không biết ông đã kết hôn.”

“Tôi chưa. Isabella không phải vợ tôi. Cũng chẳng phải người tình của tôi, nếu đó là điều anh đang nghĩ.”

Fermín im lặng. Anh không muốn nghi ngờ lời Martín nói, nhưng chỉ cần nghe ông nói về người phụ nữ ấy - dù cô còn độc thân hay đã kết hôn - thì anh cũng rất tin rằng cô là người mà Martín tội nghiệp yêu thương nhất trên đời này, có lẽ là điều duy nhất giúp ông còn sống trong hố sâu đau khổ ấy. Và buồn nhất là ông dường như không nhận ra điều đó.

“Isabella và chồng cô ấy quản lý một hiệu sách, một nơi luôn có ý nghĩa rất đặc biệt với tôi, kể từ khi tôi còn bé. Gã giám thị bảo tôi rằng nếu tôi không làm như hắn đòi hỏi, hắn sẽ khiến họ bị kết tội bán những tài liệu phản động. Hiệu sách bị tịch thu và họ sẽ bị tống vào tù, và con trai họ, cậu bé chưa đầy ba tuổi, sẽ bị tước đoạt khỏi tay họ.”

“Thằng chó đẻ đó,” Fermín lẩm bẩm.

“Không, Fermín,” Martín nói. “Đây không phải cuộc chiến của anh. Là của tôi. Tôi đáng bị vậy sau những thứ tôi đã làm.”

“Ông chẳng làm gì cả, Martín.”

“Anh không biết rõ tôi đâu, Fermín. Anh không cần biết. Điều anh phải chú tâm là thoát ra khỏi đây.”

“Thật mừng là ông khơi chuyện đó ra, vì đấy cũng là điều tôi muốn hỏi. Tôi nghe bảo ông đang thử nghiệm một phương pháp để thoát ra khỏi cái bô này. Nếu ông cần một vật thí nghiệm gầy còm - nhưng ngập hàn nhiệt huyết - ông không phải tìm đâu xa.”

Martín trầm ngâm quan sát anh.

“Anh đã đọc Dumas chưa?”

“Từ đầu đến cuối.”

“Trông anh giống hạng người đó. Nếu đúng vậy, anh sẽ có ý niệm qua loa về cái sắp xảy đến. Nghe cho rõ nhé.”

Sáu tháng sau khi Fermín bị cầm tù một chuỗi những tình huống xảy ra đã làm thay đổi gần như hoàn toàn cuộc đời anh. Sự kiện đầu tiên là trong quãng thời gian ấy, khi chế độ vẫn tin rằng Hitler, Mussolini và bè lũ sẽ giành phần thắng và châu Âu sẽ sớm điều binh với những sắc màu như trên quần lót của Tổng tư lệnh, một làn sóng không gì cản trở nổi những kẻ côn đồ, chỉ điểm và những chính ủy mới được chỉ định đã đẩy số lượng công dân bị bỏ tù, bắt bớ, kết án hoặc “biến mất” lên cao nhất mọi thời đại.

Các nhà tù không chứa xuể số tù nhân đổ vào. Giới chức quân sự đã chỉ thị cho quản lý nhà tù Montjuic tăng số lượng tù nhân lên gấp đôi hoặc gấp ba và tiếp nhận một phần dòng người bị kết án đang tràn ngập Barcelona thất thủ và đau thương năm 1940 ấy. Và thế là, trong bài giáo huấn hoa mỹ ngày Chủ nhật, viên giám thị đã thông báo cho các tù nhân biết từ nay họ sẽ phải ở ghép buồng. Bác sĩ Sanahuja được chuyển sang phòng giam của Martín, hẳn là để trông chừng và bảo vệ ông khỏi lên cơn tự tử. Fermín phải chia sẻ phòng giam số mười ba với ông già gắt gỏng ở bên cạnh, Mười Bốn. Tất cả bị nhét chung buồng với nhau để chừa chỗ cho đám người mới được xe tải đưa đến hàng đêm từ nhà tù Modelo hoặc trại tập trung Bota.

“Đừng có làm cái mặt ấy. Tôi cũng không thích thú gì với chuyện này đâu,” Muriel Bốn thông báo khi ông ta chuyển vào.

“Tôi cảnh báo ông rằng thái độ thù địch thiếu kiềm chế làm tôi lên cơn xả khí đấy,” Fermín hăm dọa. “Nên bỏ ngay cái hành động kiểu Buffalo Bill kia đi. Cố mà biết đường cư xử và đi đái thì quay mặt vào tường, đừng có vẩy tung tóe lên, nếu không thì chẳng mấy hôm nữa ông sẽ tỉnh dậy với đầy nắm mốc trên người đấy.”

Năm ngày đầu cưu Muriel Bốn không nói chuyện với Fermín. Cuối cùng, đầu hàng trước cơn đầy hơi khí lưu huỳnh mà Fermín thết đãi về đêm, ông ta thay đổi chiến lược.

“Tôi đã cảnh báo ông rồi đấy thôi,” Fermín nói.

“Được rồi. Tôi chịu thôi. Tên tôi là Sebastián Salgado, thành viên nghiệp đoàn thương mại. Chúng ta hãy bắt tay làm bạn, nhưng mà, làm ơn, tôi xin anh, đừng có đánh rắm như thế nữa, bởi vì tôi bắt đầu bị ảo giác và trong những giấc mơ tôi thấy đồng chí Joseph Stalin đang nhảy điệu sanxton.”

Fermín bắt tay Salgado và nhận thấy ông ta bị cụt ngón út và ngón đeo nhẫn.

“Fermín Romeró de Torres, cuối cùng cũng được hân hạnh làm quen với ông. Nhân viên mật vụ tại khu vực Caribe của Chính phủ Catalan, hiện ở lực lượng dự phòng bí mật. Nhưng nghề thực của tôi là thư mục viên và tình nhân của văn chương.”

Salgado nhìn người bạn cùng chiến hào đoạn trợn mắt.

“Thế mà người ta bảo Martín bị điên đấy.”

“Một người điên là người tự coi mình là tỉnh táo, và nghĩ rằng những kẻ ngu ngốc không cùng đẳng cấp với mình.”

Salgado gật đầu, bó tay.

Sự kiện thứ hai xảy ra vài ngày sau đó, khi hai tên lính canh xuất hiện lúc mờ sáng để đưa anh đi. Bebo mở cửa phòng giam, cố giấu nỗi lo lắng.

“Mày, thằng gầy đét kia, đứng lên,” một tên lính canh làm bầm.

Trong giây lát, Salgado nghĩ rằng những lời cầu nguyện của ông ta được đáp lại và Fermín sắp bị lôi đi xử bắn.

“Dững cảm lên, Fermín.” Ông ta mỉm cười khích lệ. “Hãy đi chết vì Chúa và vì đất nước này, còn điều gì đẹp đẽ hơn?”

Hai tên lính canh túm lấy Fermín, cùm tay chân anh lại, đoạn lôi anh đi giữa những ánh mắt đau đớn của toàn thể khu nhà giam cùng tiếng cười rú của Salgado.

“Mày có đánh rắm kiểu gì cũng không thoát được quả này đâu, đó là điều chắc chắn,” bạn tù của anh cười cợt.

Fermín được dẫn qua một mê cung những đường hầm cho tới khi họ đến hành lang dài một đầu là cánh cửa gỗ. Anh cảm thấy buồn nôn, trong đầu tin chắc rằng cuộc đời khốn khổ của mình đã chấm hết và rằng sau cánh cửa kia thanh tra Fumero sẽ đợi anh cùng cây đuốc hàn và một đêm rảnh rỗi. Ngạc nhiên thay, lúc đến cửa, một tên lính gác tháo cùm cho anh trong khi tên kia gõ cửa.

“Vào đi,” một giọng nói quen thuộc trả lời.

Và vậy là Fermín đã tới văn phòng của giám thị, một căn phòng được trang hoàng xa hoa với những đồ đạc và thảm đẹp để hấn là ăn cắp từ một tòa nhà sang trọng nào đó trong khu Bonanova. Cảnh tượng càng trở nên trọn vẹn hơn khi có một lá cờ Tây Ban Nha - con đại bàng, quốc huy và dòng chữ - một bức chân dung của Caudillo được chỉnh sửa còn nhiều hơn cả hình chụp quảng cáo của Marlene Dietrich, và viên giám thị, ngài Mauricio Valls, đang mỉm cười đằng sau bàn làm việc, hưởng thụ điệu xì gà nhập khẩu cùng một ly rượu mạnh.

“Ngồi đi. Đừng sợ,” hấn ta mời.

Fermín để ý thấy bên cạnh hấn là một chiếc khay, với một đĩa đầy thịt nạc được nướng chín hoàn hảo, đậu tươi áp chảo và khoai tây nghiền đang bốc hơi dậy mùi bơ nóng và gia vị.

“Không phải ảo ảnh đâu,” viên giám thị nói khẽ. “Là bữa tối của anh. Tôi hy vọng là bụng anh đang đói.”

Fermín, người kể từ năm 1936 chưa nhìn thấy gì như vậy, đã lao vào đồng đồ ăn trước khi hình ảnh đó bay hơi. Nhìn anh ngầu ngiên nuốt đồ ăn viên giám thị thoáng tỏ vẻ ghê tởm và khinh thị đằng sau nụ cười thường trực trên môi, chốc chốc hấn lại rít thuốc và đưa tay vuốt mái tóc chải ngược. Khi Fermín đã liếm đĩa cho sạch sẽ như gương, Valls bảo mấy tên lính gác lui ra. Còn lại một mình, viên giám thị dường như thâm hiểm hơn cả khi có quân hộ tống.

“Fermín, phải không nhỉ?” hấn hỏi bằng quơ.

Fermín gật đầu.

“Anh hấn bắn khoản tại sao tôi cho gọi anh.”

Fermín ngồi co rúm trên ghế.

“Chẳng việc gì phải lo lắng cả. Mà ngược lại. Tôi cho anh đến bởi tôi muốn cải thiện điều kiện sống của anh, và ai biết được, có lẽ còn xem xét lại bản án cho anh nữa kìa: chúng ta đều biết những cáo buộc dành cho anh đều không mấy minh bạch. Đó là vấn đề trong thời đại của chúng ta, nhiều việc bị khởi lên và đôi khi những người vô tội phải chịu đựng. Đó là cái giá cho sự phục sinh của dân tộc. Ngoài những lý do trên, tôi muốn anh hiểu rằng tôi cũng như anh mà thôi. Chính tôi đây cũng có gì đó giống một tù nhân. Tôi chắc rằng cả hai chúng ta đều muốn thoát khỏi nơi này sớm nhất có thể và tôi nghĩ chúng ta có thể giúp đỡ nhau. Thuốc lá chứ?”

Fermín rụt rè nhận lấy.

“Nếu ông không phiền, tôi sẽ để dành rồi dùng sau.”

“Dĩ nhiên. Tùy anh thôi. Này, lấy cả gói đi.”

Fermín bỏ chúng vào trong túi. Viên giám thị rướn người qua mặt bàn, mỉm cười. Trong sở thú cũng có một con rắn trông như vậy,

Fermín nghĩ, song con rắn kia chỉ bắt chuột thôi.

“VẬY, anh thấy người bạn tù mới thế nào?”

“Salgado à? Một nhà nhân đạo đúng nghĩa.”

“Tôi không biết anh có nhận ra rằng trước khi vào tù, con lợn này là một sát thủ đánh thuê, làm cho quân cộng sản.”

Fermín lắc đầu.

“Lão bảo tôi lão là thành viên nghiệp đoàn.”

Valls cười khế.

“Tháng Năm năm 1938, lão lên vào nhà Vilajoana trên Paseo de la Bonanova, và một tay lão đã xử hết người trong nhà họ, cả năm đứa con của họ lẫn bốn cô hầu và một cụ bà tám mươi sáu tuổi. Anh có biết gia đình Vilajoana là thế nào không?”

“Ồ, thực ra...”

“Một gia đình làm kim hoàn. Vào thời điểm xảy ra tội ác, đồng châu báu và tiền mặt trong nhà họ trị giá đến sáu mươi lăm ngàn peseta. Anh có biết hiện số tiền này ở đâu không?”

“Tôi không biết.”

“Anh không biết, không ai biết cả. Người duy nhất biết đó là đồng chí Salgado, kẻ đã quyết định không chuyển giao nó cho đồng đội, mà giấu đi, để lão có thể hưởng cuộc sống xa hoa sau chiến tranh. Đây là điều lão sẽ không bao giờ làm được bởi chúng tôi sẽ giam lão ở đây cho tới khi lão ngoan ngoãn mở miệng, hay tới khi ông bạn Fumero của anh thái phần xác còn lại của lão thành từng miếng nhỏ.”

Fermín gật đầu, tỏ ý hiểu.

“Tôi nhận thấy lão mất hai ngón ở bàn tay trái và lão có kiểu đi buồn cười lắm.”

“Một ngày nào đó anh hãy bảo lão tụt quần xuống và anh sẽ thấy lão còn mất cả một thiết bị trọng yếu do cái thói cứng đầu thiếu hợp tác của lão.”

Fermín nuốt cái ực.

“Tôi muốn anh biết rằng tôi thấy kinh tởm những tội ác đấy. Đó là một trong hai lý do khiến anh ở đây, và là lý do tôi đã lệnh cho Salgado chuyển sang phòng giam của anh. Bởi tôi tin rằng khi người ta nói chuyện thì họ sẽ hiểu nhau. Tôi muốn anh khám phá xem lão giấu đồ ăn trộm được của nhà Vilajoana ở đâu, cả những vụ trộm và tội ác lão đã thực hiện trong mấy năm qua, và tôi muốn anh kể lại cho tôi.”

Fermín cảm thấy tim như rớt xuống nền nhà.

“Còn lý do kia?”

“Lý do thứ hai là tôi nhận thấy anh gần đây trở nên thân thiết với David Martín. Với tôi chuyện đó không sao. Tình bạn là một phẩm chất giúp con người trở nên cao quý và giúp tù nhân cải tạo. Tôi không rõ anh có biết Martín là nhà văn hạng bét không.”

“Tôi có nghe qua.”

Viên giám thị ném cho anh cái nhìn lạnh băng nhưng vẫn giữ nụ cười thân thiện.

“Martín không phải là người xấu, thực sự là vậy, nhưng ông ta đã nhầm lẫn rất nhiều điều. Một trong những điều đó là quan niệm ngây thơ về việc bảo vệ những người yếu đuối và vô tội.”

“Ông ta thật ngông cuồng làm sao.”

“Quả vậy. Nên tôi mới nghĩ có lẽ anh cứ thân với ông ta thì sẽ tốt, anh cứ căng tai mở mắt ra, và cho tôi biết ông ta đã kể chuyện gì, ông ta nghĩ gì và cảm thấy ra sao... Tôi chắc phải có gì đó ông ta nhắc tới có thể khiến anh chú ý.”

“Nhắc đến mới nhớ, thưa giám thị, ông ấy gần đây rất hay kêu ca về một cái vết ở háng chỗ quần lót cọ vào.”

Viên giám thị thờ dài và lẩm bẩm gì đó trong họng, rõ ràng là mệt mỏi vì phải giả vờ lịch sự với một hạng người khó ưa như vậy.

“Xem nào, thằng đàn, mày muốn chúng ta chơi kiểu dễ hay kiểu khó? Tao đang cố tử tế với mày, nhưng tao chỉ cần nhắc máy gọi và nửa tiếng nữa là ông bạn Fumero của mày sẽ đến đây. Gần đây tao nghe đồn, ngoài đuốc hàn, ông ta còn có một bộ đồ nghề mộc cất dưới tầng hầm nhà tù dùng để tạc nên những kỳ quan. Tao nói có rõ không nhỉ?”

Fermín siết chặt tay để giấu sự run rẩy.

“Thật diệu kỳ. Xin thứ lỗi cho tôi, thưa giám thị. Tôi lâu lắm rồi không ăn thịt bò, nên protein hẳn đã đi thẳng lên đầu tôi. Chuyện đó sẽ không xảy ra nữa.”

Viên giám thị lấy lại nụ cười và tiếp tục như chưa có gì xảy ra.

“Cụ thể là, tôi muốn tìm hiểu xem ông ta đã bao giờ nhắc đến Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, hay những cuốn sách chết, hay gì đó tương tự. Nghĩ cho kỹ trước khi trả lời. Martín đã bao giờ kể cho anh về một nơi như vậy chưa?”

Fermín lắc đầu.

“Tôi xin thề, thưa ngài, trong đời mình tôi chưa bao giờ nghe ông Martín, hay bất kỳ ai, nhắc đến nơi đó...”

Viên giám thị nháy mắt với anh.

“Tôi tin anh. Thế nên tôi biết rằng nếu ông ta có nhắc đến, anh sẽ cho tôi hay. Và nếu ông ta không nhắc, anh sẽ khơi chủ đề này ra và tìm hiểu xem nó ở đâu.”

Fermín gật đầu lia lịa.

“Còn một điều nữa. Nếu Martín có kể cho anh về công việc tôi đã đề nghị ông ta làm cho tôi, thì hãy thuyết phục ông ta rằng vì lợi ích của ông ta, và nhất là vì lợi ích của một quý cô mà ông ta rất trọng vọng, cũng như người chồng và đứa con của cô ta, tốt hơn hết ông ta nên viết ngay cái tác phẩm hay nhất của mình.”

“Ý ông là quý cô Isabella?” Fermín hỏi.

“À, tôi thấy là ông ta có nhắc đến cô gái này... Anh nên gặp cô ta,” viên giám thị nói trong khi dùng khăn lau kính. “Trẻ, rất trẻ, da thịt săn chắc như một nữ sinh... Anh không biết cô ta thường ngồi ở đây thế nào đâu, ngay chỗ anh đang ngồi lúc này, và cầu xin cho lão Martín khôn nạn tội nghiệp. Tôi sẽ không cho anh hay cô ta đã đề nghị gì với tôi đâu, bởi vì tôi là một quý ông, nhưng chỉ anh với tôi biết thôi nhé, sự tận tâm mà cô gái này dành cho Martín thật lớn lao. Nếu tôi phải đánh cược, tôi sẽ nói rằng đứa bé kia, Daniel, không phải con của chồng cô ta, mà là con của Martín. Hẳn ta có thể có gu cực tẻ trong khoản văn chương nhưng lại có một con mắt tinh nhạy với lũ phụ nữ đang điếm.”

Viên giám thị dừng lại khi nhận thấy gã tù nhân đang nhìn mình bằng ánh mắt khó hiểu mà hẳn không mấy thích thú.

“Anh nhìn cái gì?” hẳn gặng hỏi.

Hắn gõ xuống bàn và ngay lập tức cánh cửa sau lưng Fermín mở ra. Hai tên lính gác đã túm vai anh, xốc anh dậy cho tới khi chân anh

treo lơ lửng trên không.

“Nhớ điều tôi bảo đấy,” viên giám thị nói. “Trong bốn tuần tới, tôi muốn anh lại ngồi vào chiếc ghế kia. Nếu anh mang đến kết quả, tôi có thể bảo đảm cuộc sống sẽ thay đổi theo chiều tốt hơn. Nếu không, tôi sẽ cho anh vào phòng giam dưới hầm với Fumero và đồ chơi của ông ta. Sáng ra chưa?”

“Như pha lê.”

Sau đó, với vẻ mặt chán chường, giám thị ra hiệu cho quân của hắn đưa người tù đi, đoạn đặt ly rượu xuống, chán nản và mệt mỏi vì suốt ngày này qua tháng nọ phải trò chuyện với những đứa quê mùa vô học.

Barcelona, 1957

“Daniel, mặt cậu tái rồi kìa,” Fermín thì thầm làm tôi tỉnh cơn mê.

Phòng ăn ở Can Lluís, những con phố chúng tôi vừa đi qua, tất cả đã biến mất. Trước mặt tôi chỉ có thể nhìn thấy cái văn phòng trong lâu đài Montjuic và khuôn mặt của gã đàn ông đang ám chỉ về mẹ tôi bằng những lời lẽ làm tôi bầm gan tím ruột. Cũng trong lúc ấy, một điều gì đó lạnh lùng và sắc nhọn đang khuấy động trong lòng tôi, một cơn cuồng nộ trước nay tôi chưa bao giờ biết. Trong một tích tắc, điều tôi nôn nóng muốn làm nhất trên đời là tên chó đẻ kia đứng trước mặt để tôi có thể vịn cổ hắn mà nhìn cho tới khi những mạch máu trong mắt hắn bực ra.

“Daniel...”

Tôi nhắm mắt và hít một hơi thật sâu. Khi mở mắt ra, tôi lại trở về Can Lluís, và Fermín Romero de Torres đang nhìn tôi, hoàn toàn gục ngã.

“Tha thứ cho tôi, Daniel,” anh ta nói.

Miệng tôi khô khốc. Tôi rót nước vào ly và uống cạn, chờ cho lời lẽ bật ra khỏi miệng.

“Chẳng có gì phải tha thứ cả, Fermín. Những điều anh kể cho tôi, chẳng có gì là lỗi của anh hết.”

“Trước hết, lỗi của tôi là đã kể cho cậu,” anh ta nói, bằng giọng khe khẽ gần như không nghe thấy.

Tôi thấy anh ta hạ mắt xuống, như thể anh ta không dám nhìn thẳng vào mặt tôi. Anh ta dường như đã mất tự chủ do nỗi đau khi nhớ về thời kỳ đó và việc phải tiết lộ sự thật, tôi bỗng thấy hổ thẹn về nỗi cay đắng của bản thân.

“Fermín, nhìn tôi này.”

Fermín cố nhìn tôi qua khóe mắt và tôi mỉm cười với anh ta.

“Tôi muốn anh biết rằng tôi biết ơn anh vì đã kể cho tôi sự thật và tôi hiểu tại sao anh lại không muốn kể cho tôi chuyện này suốt những năm qua.”

Fermín gật đầu yếu ớt nhưng điều gì đó trong mắt anh ta làm tôi nhận ra những lời của mình không mấy may an ủi được anh ta. Ngược lại là đằng khác. Chúng tôi ngồi yên lặng một lúc.

“Còn nữa, phải không?” cuối cùng tôi hỏi.

Fermín gật đầu.

“Chuyện sau đó còn tệ hơn ư?”

Fermín lại gật.

“Tôi tệ hơn rất nhiều.”

Tôi quay mặt đi và mỉm cười với Giáo sư Albuquerque, ông đang ra về và không quên giơ tay chào tạm biệt.

“Vậy sao chúng ta không gọi một chai nước nữa và anh kể cho tôi phần còn lại?”

“Nếu có rượu thì tốt hơn,” Fermín suy tính. “Rượu mạnh.”

Barcelona, 1940

Một tuần sau cuộc gặp giữa Fermín và giám thị nhà tù, hai nhân vật mà không một ai trong khu nhà giam từng nhìn thấy trước đó - dù bọn chúng nồng nặc mùi tay sai chính phủ mà có cách xa cả dặm cũng ngửi ra - đến cùng tay Salgado và đưa lão đi mà không nói một lời.

“Bebo, anh có biết họ đưa ông ta đi đâu không?” Mueri Chín hỏi.

Tên cai ngục lắc đầu, nhưng cái nhìn trong mắt gã cho thấy rằng gã đã nghe được điều gì đó và không muốn bàn về chuyện này. Không còn gì để nói nữa, sự vắng mặt của Salgado ngay lập tức trở thành chủ đề để tranh cãi và phỏng đoán giữa đám tù nhân, họ nghĩ ra đủ các giả thuyết.

“Lão ta là dân chìm, được chính quyền cài vào đây để moi thông tin về chúng ta, thế nên lão mới bịa chuyện rằng vì lão là người của nghiệp đoàn nên bị nhốt vào đây.”

“Chắc chắn rồi, thế nên bọn họ mới chặt đứt hai ngón tay lão và Chúa mới biết chuyện gì khác, để làm cho mọi việc đáng tin hơn.”

“Tôi cá giờ lão đang ăn tối ở Amaya với đồng bọn, đang nhồi nhét toàn đồ kiểu cá tuyết xứ Basque, và cười cợt chúng ta.”

“Tôi thì nghĩ lão đã thú nhận bất cứ điều gì bọn họ muốn lão thú nhận, và họ đã ném lão ra biển xa cả chục cây số với một tảng đá buộc quanh cổ.”

“Trông lão giống gián điệp lắm. Ông Chúa tôi đã không mở miệng. Các người có khối chuyện phải lo rồi.”

“Các ông không biết đâu, chúng ta có khi sẽ phải ngồi tù.”

Vì thiếu trò tiêu khiển, những cuộc bàn tán cứ thế âm ỉ cho đến khi, hai ngày sau, chính những kẻ đã bắt lão đi giờ lại mang lão quay về. Điều đầu tiên những người tù nhận thấy là Salgado không thể đứng nổi và bị lôi đi như một bị thịt. Điều thứ hai là lão nhợt nhạt như xác chết và ướt sũng vì mồ hôi lạnh. Người tù quay về trong hạng thái ở trần và người dính đầy vảy nâu trông như hỗn hợp máu khô và cứt. Chúng vớt lão xuống sàn phòng giam, như thể lão là một bao phân rồi bỏ đi không nói một lời.

Fermín nắm cánh tay lão dìu lên giường. Anh bắt đầu lau người cho lão bằng mảnh vải xé từ áo của mình và thấm chút nước do Bebo lặng lẽ mang đến. Salgado còn tỉnh và thở khó nhọc, nhưng mắt lão ta sáng lên nhờ ngọn lửa bên trong. Chỗ hai ngày trước là bàn tay trái, giờ là một khối thịt phập phồng tằm nhụa đường. Fermín lau mặt cho lão ta, Salgado mỉm cười nhe vài cái răng sót lại.

“Sao ông không khai với lũ đồ tể kia điều chúng muốn biết, chỉ một lần rồi thôi, hả Salgado? Chỉ là tiền thôi mà. Tôi không biết ông giấu bao nhiêu, nhưng không đáng để phải chịu như thế.”

“Đời nào!” lão ta lẩm bẩm bằng chút hơi thở còn lại. “Tiền đó là của tôi.”

“Nó thuộc về tất cả những người ông giết và cướp, nếu ông không thấy trái tai với nhận xét đó.”

“Tôi không cướp của ai cả. Chúng cướp của người ta từ trước. Và nếu tôi xử tử họ thì đó là để đem lại công bằng cho mọi người.”

“Chắc chắn rồi. Cảm ơn Chúa ông đã xuất hiện, Robin Hood của Địa Trung Hải, để sửa những điều sai trái và báo thù cho dân thường khốn khó.”

“Chỗ tiền đó là tương lai của tôi,” Salgado khạc ra.

Fermín dùng giẻ ướt lau cái trán lạnh đầy những vết xước của Salgado.

“Ta không nên mơ về tương lai của mình, mà phải giành được nó. Và ông không có tương lai, Salgado ạ. Cả ông hay một đất nước sản sinh ra những con quỷ như ông và tên giám thị kia, rồi cứ thế nhắm mắt làm ngơ đi. Tôi nói cho ông biết nhé, chúng ta đã hủy hoại tương lai và điều chờ đợi chúng ta phía trước là cút đáí như thứ cút đang rỉ ra từ người ông và tôi buồn nôn vì phải lau cho ông lấm rồi.”

Salgado cất tiếng rên rỉ mà Fermín cho là tiếng cười.

“Cứ việc giữ lấy mấy bài thuyết giảng ấy, Fermín. Đừng ra vẻ anh là người hùng.”

“Không, ở đây có đủ người hùng rồi. Tôi chỉ là một thằng hèn. Chính xác là vậy,” Fermín nói. “Nhưng ít nhất tôi biết và thừa nhận điều đó.”

Fermín tiếp tục ra sức lau người cho lão ta, trong yên lặng, và sau đó lấy tấm chăn họ dùng chung đắp lên cho lão - cái chăn đầy chấy rận và nồng mùi nước đáí. Anh ngồi cạnh lão trộm cho tới khi lão nhắm mắt và chìm vào một giấc ngủ mà Fermín không nghĩ rằng lão sẽ tỉnh lại.

“Hãy nói là lão ta chết rồi đi,” giọng Mười Lăm cất lên.

“Chấp nhận lời cực,” Mười Bảy đế vào. “Cá một điều thuốc là lão sẽ ngủm củ tỏi.”

“Thôi đi ngủ đi, hoặc đi chết đi, tất cả các người,” Fermín nói.

Anh cuộn tròn người ở đầu kia phòng giam và cố chợp mắt, nhưng sớm nhận ra sẽ không ngủ được đêm hôm ấy. Sau một lúc, anh thò đầu qua song sắt và thông hai tay trên thanh chắn ngang. Phía bên kia hành lang, từ trong bóng đêm của phòng giam đối diện, hai con mắt sáng lập lòe trong đốm lửa thuốc lá đang quan sát anh.

“Anh chưa kể cho tôi hôm trước Valls muốn gì,” Martín nói.

“Ông có thể tưởng tượng ra mà.”

“Có yêu cầu nào bất thường không?”

“Hắn ta muốn tôi moi móc từ ông điều gì đó về nghĩa trang những cuốn sách, hay cái gì đại loại thế.”

“Hay đấy,” Martín nói.

“Tuyệt ấy chứ.”

“Hắn có cho anh biết tại sao hắn quan tâm đến đề tài này không?”

“Nói thẳng thắn là, thưa ông Martín, quan hệ giữa chúng tôi chưa thân mật đến vậy. Viên giám thị chỉ đe dọa phanh thây tôi thành nhiều mảnh, trừ phi tôi thi hành lệnh hắn trong vòng bốn tuần, và tôi chỉ nói ‘vâng, thưa ngài’.”

“Đừng lo, Fermín. Trong bốn tuần nữa anh sẽ ra khỏi đây.”

“Ồ, chắc chắn rồi, trên một bờ biển Caribe, với hai cô em da ngăm đen đẩy đà xoa bóp chân cho.”

“Hãy cứ tin đi.”

Fermín cất tiếng thở dài nghe đến nản lòng. Tương lai anh đang nằm trong tay những người điên, kẻ trộm và những người đang chết.

12

Chủ nhật đó, sau buổi thuyết giảng ngoài sân, viên giám thị đưa ánh mắt dò hỏi nhìn Fermín và bồi thêm một nụ cười khiến anh thấy trong bụng nôn nao. Ngay khi lính canh cho các tù nhân tản ra, Fermín mon men đến chỗ Martín.

“Bài thuyết giảng tuyệt ghê,” Martín nhận xét.

“Mang tầm vóc lịch sử. Mỗi lần gã kia mở miệng nói, lịch sử tư tưởng phương Tây lại trải qua một cuộc cách mạng Copernicus*.”

“Anh không hợp với lời mĩa mai đó đâu Fermín. Nó trái với cái bản chất hiền hòa của anh.”

“Đi chết đi.”

“Tôi đang trên đường đây. Thuốc lá không?”

“Tôi không hút thuốc.”

“Người ta nói nó giúp ta chết nhanh hơn.”

“Vậy tới luôn đi.”

Anh không kịp rút xong hơi đầu tiên. Martín lấy điều thuốc từ ngón tay Fermín rồi vỗ vỗ lên lưng anh mấy cái trong khi anh đang ho sặc ho sụa, dường như đến nôn ra cả những ký ức về lễ ban thánh thể đầu tiên.

“Tôi không biết sao ông có thể nuốt thứ đó. Mùi như chó thui vậy.”

“Đây là loại tốt nhất kiếm được ở đây. Hình như người ta làm từ vụn thuốc lá nhật nhanh từ hành lang của trường đấu bò Monumental.”

“Mùi thuốc cho thấy nhiều khả năng là vụn thuốc được lấy ở bồn tiểu.”

“Hít thở sâu nào, Fermín. Thấy tốt hơn chưa?”

Fermín gật đầu.

“Ông có định kể cho tôi điều gì đó về nghĩa trang kia để tôi còn có chút cặn bã mà ném cho con lợn đầu đàn đó không? Không nhất thiết là phải nói thật. Bất cứ điều vớ vẩn nào ông nghĩ ra cũng được.”

Martín mỉm cười trong lúc phả làn khói hôi hám qua kẽ răng.

“Bạn cùng phòng của anh sao rồi, lão Salgado bảo vệ người nghèo ấy?”

“Có chuyện này cho ông đây. Tôi nghĩ mình đã sống đủ và thấy đủ mọi chuyện trong cái rạp xiếc cuộc đời này rồi. Nhưng, sáng sớm nay, khi tưởng như Salgado đã đầu hàng thần chết, tôi nghe thấy lão tỉnh dậy và, như một con ma cà rồng, bước lại chỗ giường tôi.”

“Đúng là ông ta có gì đó giống ma cà rồng,” Martín đồng tình.

“Dù gì, ông ta đã đến và đứng đó nhìn chăm tôi. Tôi vờ như đang ngủ và khi Salgado cắn câu, tôi thấy ông ta hấp tấp lui vào một góc đoạn dùng bàn tay duy nhất còn sót lại để móc vào nơi mà y khoa gọi là ruột thẳng hay là phần cuối cùng của ruột già,” Fermín nói tiếp.

“Anh nói gì cơ?”

“Ông nghe thấy rồi đấy. Lão già Salgado, vẫn đang dưỡng bệnh sau ca phẫu thuật cắt tay kiểu Trung cổ gần đây, quyết định ăn mừng tự do bằng cách khám phá cái khu vực bị cho là thấp kém ấy trong giải phẫu cơ thể người, nơi mà Mẹ Tự Nhiên đã ban sắc lệnh cho mặt trời không bao giờ chiếu đến.

Tôi không tin nổi vào mắt mình, cũng không dám thở. Một phút trôi qua, trông Salgado như đang thọc hai hay ba ngón tay, những ngón lão còn sờ hữu, vào đó tìm kiếm hòn đá của triết gia hay búi trĩ nào đó rất sâu. Tất cả những hành động đó được kèm theo tiếng rên rỉ khe khẽ mà tôi ái ngại không muốn lặp lại ở đây.”

“Tôi thật chẳng biết nói gì,” Martín nói.

“VẬY ông hãy chuẩn bị tinh thần nghe phần chung cuộc đây này. Sau một đôi phút đào bới, lão ta cất một tiếng thở dài kiểu như Thánh John Thánh Giá, rồi chuyện kỳ diệu xảy đến. Khi rút ngón tay ra khỏi đặc khu hậu môn, lão lôi ra một thứ sáng bóng, mà thậm chí từ góc phòng nơi nằm nhìn ra, tôi cũng có thể xác nhận rằng dựa theo các chuẩn mực thì không thể coi là cắt được, xin lỗi vì tôi nói vậy.”

“VẬY đó là cái gì?”

“Chìa. Không phải chìa vặn đai ốc, mà một chiếc chìa khóa nhỏ, dùng để khóa va li hay tủ đồ.”

“Rồi sau đó?”

“Lão cầm chìa khóa trong tay, nhổ nước bọt rồi đánh bóng - vì tôi đồ là nó có mùi hoa hồng - rồi lão đến bức tường, sau khi tin chắc là tôi đang ngủ, tình trạng được tôi xác nhận thông qua tiếng ngáy phát ra một cách tinh tế, như tiếng ngáy của loài chó Saint Bernard, lão ta

giấu chìa khóa vào khe đá, đoạn lấy một thứ bản thủ trát lại, và tôi dám nói rằng, đó là sản phẩm phụ từ cuộc khai quật vùng hạ thể.”

Trong một lát Martín và Fermín nhìn nhau không nói gì.

“Ông có nghĩ cái tôi đang nghĩ không?” Fermín hỏi.

Martín gật đầu.

“Ông cho rằng lão già thợ săn rác rưởi ấy giấu được bao nhiêu trong cái tổ bé nhỏ tham lam của lão?” Fermín hỏi.

“Đủ để tin rằng nó đáng để cho lão ta chịu mất ngón tay, bàn tay, một phần ngọc hành và có Chúa biết được còn gì khác để không cho nó lọt vào tay kẻ khác,” Martín phỏng đoán.

“Vậy tôi làm gì bây giờ? Trước khi tôi cho một con rắn như tay giám thị vồ vập kho báu nhỏ bé của Salgado - để cúng tiền in bản bìa cứng tuyển tập tác phẩm của hắn, và mua cho hắn một ghế tại Viện Ngôn ngữ Hoàng Gia - tôi thà nuốt cái chìa khóa đó còn hơn, hoặc nếu cần thiết, thậm chí cài vào phần thấp kém nhất trong hệ tiêu hóa của tôi.”

“Lúc này đừng làm gì cả,” Martín khuyên. “Hãy đảm bảo rằng chiếc chìa khóa vẫn nằm đó và chờ chỉ thị của tôi. Tôi đang hoàn tất chi tiết cuối cùng cho cuộc tẩu thoát cho anh.”

“Tôi không có ý làm mất lòng đâu, thưa ông Martín, bởi tôi cực kỳ biết ơn lời khuyên bảo cũng như sự an ủi về tinh thần của ông, nhưng bằng ý tưởng này ông đang mang đầu tôi cùng một vài bộ phận cao sang khác lên sàn đấu giá đấy, và tính đến cái quan niệm chung rằng ông là một kẻ rồ dại như ông thợ mũ*, thì đặt tính mạng của mình vào tay ông tôi cũng thấy lo ngại.”

“Chẳng có gì méch lòng cả, nhưng nếu anh không tin một tiểu thuyết gia, thì anh định tin ai đây?”

Fermín quan sát Martín bước đi giữa sân, người bị vây bọc trong một đám mây khói thuốc di động.

“Thánh thần ời,” anh thì thầm với gió.

Cái cuộc cá độ sồn tóc gáy do Mười Bảy tổ chức tiếp tục thêm vài ngày nữa. Salgado thỉnh thoảng trông như thể lão sắp ngỏm và rồi, bỗng dưng, lại đứng dậy, lê thân đến song sắt nhà tù và gào ầm lên: “Lũ-con-hoang-chúng-mày-sẽ-không-lấy-nổi-một- xu-của-tao-đâu-chớ-để-ạ” và những biến thể khác cùng chủ đề, cho đến khi lão khản giọng và kiệt sức ngã xuống sàn, để Fermín phải nhấc lão lên và dìu về giường.

“Con gián già kia đang chết hả Fermín?” Mười Bảy hỏi mỗi lần ông ta nghe thấy lão ngã sầm xuống sàn.

Fermín không thêm cập nhật tình hình sức khỏe bạn tù của mình nữa. Nếu chuyện đó xảy ra, họ sẽ sớm thấy cái túi vải được chuyển đến thôi.

“Này, Salgado, nếu ông sắp chết, thì chết luôn đi, còn nếu ông định sống, tôi xin ông hãy sống một cách lạng lẽ vì tôi ngán tận rằng mấy câu chửi sùi dãi mép của ông rồi,” Fermín nói với lão, đắp cho lão một tấm bạt bần thiêu. Vì không thấy Bebo đâu, anh nhờ một gã cai tù khác kiếm cho, sau khi dụ hắn bằng một chiến lược tán gái chắc chắn ngon ăn - tức là chiến thắng sự kháng cự của các cô gái bằng món kem sữa béo và bánh quy xốp với một liều lượng được đong đếm cẩn thận.

“Đừng có giở cái giọng từ bi rác rưởi đó với tôi. Tôi biết anh định nói gì. Anh chẳng tốt đẹp gì hơn lũ kèn kèn sẵn sàng đem quần lót

ra cá cược rằng tôi sắp chết đâu,” Salgado đáp. Dường như lão định giữ cái tính khí thô lỗ ấy cho tới chết.

“Tôi không định tranh cãi với một người đang quần quai sắp chết nhưng nói cho ông biết, tôi không cá cược một *chinh* nào vào vụ đó, và nếu tôi có muốn sa vào thói trụy lạc thì tôi cũng không đánh cược trên mạng sống của một con người. Dù nói ông là người thì cũng chẳng khác nào nói tôi là đom đóm,” Fermín tuyên bố.

“Đừng bao giờ nghĩ rằng mớ lời lẽ của anh sẽ khiến tôi phân tâm,” Salgado cay độc quát lại. “Tôi biết mười mười anh và ông bạn tâm giao của anh đang âm mưu gì từ cái quyền *Bá tước Monte Cristo*.”

“Tôi không biết ông đang bi bô chuyện gì, Salgado. Ngủ một chút đi, hoặc một năm cũng được, vì dù sao cũng sẽ chẳng có ai nhớ ông đâu.”

“Nếu anh nghĩ sẽ thoát được khỏi chốn này thì anh cũng điên như ông ta thôi.”

Fermín cảm thấy mồ hôi chảy lạnh dọc sống lưng. Salgado mỉm cười, chìa hàm răng nham nhở ra.

“Tôi biết mà,” lão nói.

Rửa thềm trong bụng, Fermín cuộn mình trong góc, tránh xa Salgado hết mức có thể. Sự bình yên chỉ kéo dài một phút.

“Sự yên lặng của tôi cũng có giá đấy,” Salgado tuyên bố.

“Lẽ ra tôi nên bỏ mặc cho ông chết lúc người ta mang ông về đây,” Fermín lầm bầm.

“Để làm bằng chứng cho lòng biết ơn của tôi, tôi sẵn sàng giảm giá cho anh,” Salgado nói. “Tôi chỉ đề nghị anh giúp tôi một lần cuối cùng và tôi sẽ giữ bí mật cho anh.”

“Sao tôi biết được đó là lần cuối cùng?”

“Bởi vì anh sẽ bị bắt, cũng như bất kỳ ai có ý định chuồn ra khỏi đây, và sau vài ngày chịu hành hạ tinh thần anh sẽ bị treo cổ ngoài sân, để cho lũ còn lại chúng tôi sáng mắt ra. Và lúc ấy tôi sẽ không thể đòi hỏi anh gì khác nữa. Anh nói sao nào? Một ân huệ nhỏ để đổi lại sự hợp tác tuyệt đối của tôi. Tôi hứa danh dự.”

“Lời hứa danh dự của ông ư? Trời ơi, sao ông không nói sớm từ trước? Điều đó làm thay đổi tất cả.”

“Lại gần đây...”

Fermín dè dặt một lúc, nhưng tự nhủ anh chẳng có gì mà mất cả.

“Tôi biết gã con hoang Valls đã dụ dỗ anh tìm cho ra nơi tôi giấu tiền,” lão ta nói. “Đừng có mà chối.”

Fermín nhún vai.

“Tôi muốn anh bảo với hấn,” Salgado chỉ thị cho Fermín.

“Ông nói gì cũng được, Salgado. Tiền ở đâu?”

“Bảo với tên giám thị rằng hấn phải đến một mình. Nếu có ai đi cùng, hấn sẽ không được một xu nào hết. Bảo hấn phải đến nhà máy Vilardell ở Pueble Nuevo, sau vườn nho. Vào nửa đêm. Không sớm hơn, không muộn hơn.”

“Nghe như một hồi trong vở *Bóng ma*, Salgado, một trong những hồi tệ nhất...”

“Nghe cho kỹ này. Bảo hấn phải đi vào nhà máy và tìm ngôi nhà của người gác, cạnh xưởng vải. Khi đến đó, hấn phải gõ lên cửa, và khi họ hỏi tên, hấn phải nói: “Durruti còn sống”

Fermín cười khoái trá.

“Đó là thứ ngu nhất tôi nghe được kể từ sau bài thuyết giảng gần đây của tay giám thị.”

“Anh cứ kể cho hần điều tôi vừa bảo.”

“Làm sao ông biết là tôi sẽ không tự đến đó? Nếu tôi làm theo cái vở kịch rẻ tiền của ông tôi có thể lấy được tiền.”

Vẻ tham lam sáng lên trong mắt Salgado.

“Đừng bảo tôi là: bởi vì tôi sẽ chết,” Fermín nói nốt.

Nụ cười như bò sát của Salgado tràn lên môi lão. Fermín dò xét ánh mắt đó, ánh mắt hao mòn vì cơn khát báo thù. Lúc ấy anh nhận ra Salgado đang theo đuổi điều gì.

“Đó có phải bầy không?”

Salgado không đáp.

“Nếu Valls còn sống thì sao? Ông có nghĩ đến việc người ta sẽ làm gì với ông không?”

“Chưa có gì mà chúng không làm với tôi cả.”

“Ông cũng lẩm bi đấy*, ờ mà ông còn mỗi một bên. Và nếu âm mưu của ông bất thành, thì ông sẽ chẳng còn gì sất,” Fermín ngụ ý.

“Đó là việc của tôi,” Salgado bật lại. “Vậy sao nào, Monte Cristo? Thỏa thuận không?”

Salgado chìa bàn tay còn lại ra. Fermín nhìn chăm một lát đoạn miền cường bắt tay.

Fermín phải đợi đến buổi thuyết giảng truyền thống vào ngày Chủ nhật sau lễ Misa và quãng thời gian ngắn ngủi ở trong sân để lại chỗ Martín và thổ lộ với ông điều Salgado bảo anh làm.

“Nó không gây trở ngại gì đến kế hoạch đâu,” Martín trấn an anh. “Cứ làm những gì lão ta bảo. Thời điểm này, chúng ta không thể mạo hiểm để lộ ra được.”

Fermín, từ mấy ngày nay đang lơ lửng giữa cảm giác buồn nôn và trạng thái tim đập liên hồi, lau khô mồ hôi đang chảy giọt trên trán.

“Martín, chẳng phải tôi không tin ông, nhưng nếu kế hoạch ông đang chuẩn bị là tốt sao ông không dùng mà thoát ra khỏi đây?”

Martín gật đầu, như thể ông chờ đợi câu hỏi đó đã lâu.

“Bởi tôi đáng phải ở đây, và dù nếu không đáng, thì ngoài bốn bức tường này chẳng còn chỗ nào cho tôi cả. Tôi không còn nơi nào khác để đi.”

“Ông có Isabella...”

“Isabella lấy một người tốt hơn tôi hàng chục lần. Tất cả những gì tôi đạt được sau khi thoát ra khỏi đây là làm cho cô ấy khổ hơn thôi.”

“Nhưng cô ấy làm mọi điều có thể để cho ông được ra mà...”

Martín lắc đầu.

“Anh phải hứa với tôi một điều, Fermín. Đó là điều duy nhất tôi đòi hỏi ở anh trong giao kèo giữa chúng ta giúp anh trốn thoát.”

Tháng này đúng là tháng của những hạch sách mà, Fermín nghĩ, và vui vẻ gật đầu.

“Ông nói gì tôi cũng làm.”

“Nếu anh ra được khỏi nơi này, tôi muốn anh, nếu có thể, hãy quan tâm đến cô ấy. Từ xa, không để cô ấy biết thậm chí là cả sự tồn tại của anh. Tôi muốn anh quan tâm đến cô ấy và con trai Daniel của cô ấy. Anh sẽ làm điều đó vì tôi chứ, Fermín?”

“Dĩ nhiên.”

Martín cười buồn.

“Anh là người tốt, Fermín ạ.”

“Đây là lần thứ hai ông bảo tôi thế, mỗi lần như vậy tôi lại thấy tệ hơn.”

Martín lôi ra một điều thuốc hôi hám rồi châm lửa.

“Chúng ta không còn nhiều thì giờ. Brians, vị luật sư mà Isabella đã thuê bào chữa vụ của tôi, hôm qua đã đến đây. Tôi đã sai lầm khi cho anh ta biết điều Valls muốn tôi làm.”

“Việc viết lại thứ rác rưởi của hắn...”

“Chính xác. Tôi đã yêu cầu anh ta không nói gì với Isabella, nhưng tôi biết anh ta, sớm muộn gì anh ta cũng sẽ nói, và Isabella, người mà tôi còn biết rõ hơn nữa, sẽ tất tả đến đây đe dọa Valls rằng sẽ đứng trên các sân thượng mà loan báo bí mật của hắn.”

“Ông không thể ngăn cô ấy à?”

“Cố ngăn Isabella cũng như ngăn tàu chở hàng vậy: vô vọng thôi.”

“Ông càng nói nhiều về cô ấy tôi lại càng muốn gặp cô ấy hơn. Tôi thích phụ nữ kiên cường...”

“Fermín, tôi mong anh giữ lời hứa.”

Fermín đưa tay lên ngực và trịnh trọng gật đầu. Martín tiếp tục.

“Như tôi đang nói dở, khi chuyện này xảy ra, Valls sẽ làm điều gì đó ngu ngốc. Hắn bị xui khiến bởi hư danh, tham lam và đồ kỵ. Khi hắn cảm thấy bị dồn vào đường cùng hắn sẽ mắc sai lầm. Tôi không biết là gì, nhưng tôi chắc hắn sẽ cố làm gì đó. Chúng ta phải đảm bảo rằng đến lúc đó anh đã ra khỏi đây rồi.”

“Như ông biết đấy, tôi cũng chẳng thiết tha gì chỗ này...”

“Anh không hiểu rồi. Chúng ta phải tăng tốc kế hoạch lên.”

“Thế kế hoạch ấy bao giờ thì bắt đầu.”

Martín nhìn anh thật lâu qua làn khói thuốc từ miệng ông phả ra.

“Đêm nay.”

Fermín cố nuốt cái ực, anh cảm giác như miệng mình đầy bụi đất.

“Nhưng tôi còn chưa biết kế hoạch là gì cơ mà...”

“Nghe cho kỹ đây.”

Chiều hôm ấy, trước khi về phòng giam, Fermín tiến đến chỗ một trong hai lính gác đã hộ tống anh đến phòng Valls.

“Bảo với giám thị tôi cần nói chuyện với ông ta.”

“Về chuyện gì?”

“Bảo là tôi có thứ ông ta đang chờ đợi. Ông ta sẽ hiểu.”

Chưa đầy một giờ sau, tên lính gác và đồng nghiệp của hắn đã ở cửa phòng giam số mười ba đón Fermín. Salgado nằm trên giường háo hức xem toàn bộ sự việc, tay xoa xoa khúc bị cụt. Fermín nheo mắt với lão khi bước ra, được lính gác hộ tống.

Viên giám thị đón tiếp anh bằng nụ cười triu mến và một đĩa đầy thứ bánh thơm ngon của hiệu Casa Escribá.

“Fermín, bạn thân mến, thật vui được gặp lại anh ở đây và được bắt đầu một cuộc trò chuyện thông minh và hữu ích với anh. Ngồi xuống chứ, xin mời. Và hãy nếm loại bánh ngọt tuyệt vời này, vợ một tù nhân mang đến cho tôi đấy.”

Fermín, vốn nhiều ngày rồi chẳng có được thứ gì vào miệng dù là thức ăn của chim, cầm lên một chiếc bánh hình tròn để khỏi trái lịnh Valls, rồi anh cầm trong tay như thể cầm một lá bùa. Valls rót cho mình một ly rượu đoan bụng mình ngồi xuống chiếc ghế tương quân.

“Vậy là? Tôi hiểu rằng anh có tin tốt cho tôi,” giám thị nói.

Fermín gật đầu.

“Trước tiên hãy nói đến chuyện viết lách, tôi có thể đảm bảo với ông rằng Martín không chỉ đã bị thuyết phục đơn thuần là thực hiện cái công việc tra chuốt và gọt giũa mà ông ấy được đề nghị. Hơn thế nữa, ông ấy còn nhận xét rằng tư liệu mà ông đã cung cấp cho ông ấy thuộc hàng chất lượng cao và rất tinh tế, ông ấy nghĩ sẽ không gặp mấy khó khăn. Ông ấy chỉ cần thêm dấu chấm vào chữ i và gạch ngang vào chữ t là tác phẩm thiên tài của ngài sẽ thành một kiệt tác xứng tầm với Paracelsus vĩ đại.”

Valls khựng lại đặng hấp thu loạt ngôn từ như đạn oanh tạc của Fermín, song cũng lịch sự gật đầu mà không gỡ bỏ nụ cười lạnh băng của mình.

“Anh không cần phải dụ ngọt tôi như vậy, Fermín. Tôi chỉ cần biết Martín sẽ làm những gì ông ấy phải làm thế là đủ rồi. Cả hai chúng ta đều biết rằng ông ấy không thích nhiệm vụ được giao, nhưng tôi thấy vui rất cuộc ông ấy đã nhìn ra lẽ phải và hiểu rằng làm như vậy có lợi cho tất cả chúng ta. Và bây giờ, còn hai việc kia...”

“Tôi đang định nói đây. Về chuyện nơi chôn cất những tác phẩm đã mất...”

“Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên,” Valls sửa lại. “Anh có moi được gì về vị trí của nó từ Martín không?”

Fermín gật đầu với vẻ thành khẩn tột cùng.

“Từ những gì tôi thu thập được, cái kho hài cốt ấy được giấu tại một mê cung những đường hầm và phòng ốc, dưới chợ Borne.”

Valls suy xét cái tiết lộ đó, ngạc nhiên thấy rõ.

“Và lối vào?”

“Tôi chưa tìm hiểu đến. Tôi đồ rằng phải đi qua một ô cửa sập ngụy trang bởi một mớ đồ linh tinh và cái mùi hôi thối của những hàng rau quả bán buôn. Martín không muốn nói về chuyện này và tôi nghĩ rằng nếu bị ép quá ông ấy sẽ đổi ý.”

Valls chậm chậm gật đầu.

“Anh đã làm đúng. Tiếp đi.”

“Và cuối cùng, về yêu cầu cuối cùng của đức ngài, lợi dụng cơn giãy chết và những dẫn vật tinh thần của lão Salgado ti tiện kia, trong khi lão mê sảng, tôi đã thuyết phục được lão thú nhận nơi giấu món tài sản kénch xù kiếm được từ các hoạt động phi pháp của lão khi phục vụ Hội Tam điểm và phe Mác xít.”

“Vậy, anh nghĩ lão ta sắp chết ư?”

“Bất kỳ lúc nào. Tôi nghĩ lão ta tự phong là Thánh Leon Trotsky và đang chờ trút hơi thở cuối cùng để thăng lên Bộ Chính trị ở kiếp sau.”

“Tôi đã bảo lũ súc sinh kia là dùng bạo lực sẽ chẳng được gì ở lão ta mà,” Valls lẩm nhẩm trong họng.

“Nghiêm túc mà nói, tôi tin họ cũng moi được tuyến sinh dục hay một chi của lão, nhưng tôi đồng ý rằng, thưa ngài, với một kẻ sâu mọt như Salgado phương pháp khả dĩ duy nhất là tâm lý học ứng dụng.”

“Vậy là? Lão giấu tiền ở đâu?”

Fermín nghiêng người và hạ giọng bí mật.

“Giải thích rồi rắc lăm.”

“Đừng lòng vòng không tôi tổng anh xuống tầng hầm để luyện dây thanh âm đấy.”

Fermín bèn rót vào tai Valls cái mưu đồ kỳ quái anh vợ được từ miệng Salgado. Tay giám thị lắng nghe trong sự ngờ vực.

“Fermín, tôi cảnh báo anh, nếu nói dối anh sẽ hối tiếc sâu sắc đấy. Điều bọn chúng làm với Salgado sẽ không bằng món khai vị chúng sẽ làm với anh đâu.”

“Tôi có thể bảo đảm với đức ngài rằng tôi nhắc lại, từng lời một, điều Salgado đã kể. Nếu ngài muốn tôi có thể thề trước bức chân dung của Franco không thể chối cãi trên bàn kia.”

Valls nhìn thẳng vào mắt anh. Fermín nhìn lại không chớp, y như Martín đã chỉ dạy. Cuối cùng, khi đã lấy được thông tin mong muốn, tay giám thị cất đi nụ cười cùng đĩa bánh. Không tỏ ra dù chỉ một chút thân ái, hắn đánh ngón tay cái tách và hai tên lính gác đến dẫn Fermín quay lại phòng giam.

Lần này Valls thậm chí không thêm đe dọa Fermín. Khi họ lôi anh xuống hành lang, Fermín thấy gã thư ký của viên giám thị đi qua và dừng ngoài phòng của Valls.

“Thưa ngài giám thị, Sanahuja, bác sĩ ở phòng giam của Martín...”

“Có chuyện gì?”

“Ông ấy bảo Martín bị ngất và cho rằng chuyện này nghiêm trọng. Ông ấy xin được đến tử thuốc lấy mấy thứ...”

Valls giận dữ đứng lên.

“Còn chờ gì nữa? Đưa ông ta đến đó và để ông ta lấy bất cứ gì ông ta cần.”

Theo lệnh của giám thị, tên cai ngục bỏ vị trí gác trước phòng giam của Martín trong khi bác sĩ Sanahuja chữa cho ông. Tên cai ngục là một thanh niên chừng hai mươi tuổi vẫn còn lạ lẫm với ca trực. Ca đêm lẽ ra của Bebo, nhưng thay vào đó gã lính mới này đã xuất hiện không lời giải thích, trông có vẻ bất lực trước cả việc phân loại đồng chìa khóa và vẻ mặt còn lo lắng hơn cả đám tù nhân. Tầm chín giờ, ông bác sĩ, rõ ràng đã mệt, bước đến song sắt phòng giam đoạn nói với hắn:

“Tôi cần thêm gạc sạch và chất khử trùng.”

“Tôi không thể bỏ vị trí được.”

“Còn tôi không thể bỏ mặc bệnh nhân được. Làm ơn. Gạc và chất khử trùng.”

Gã cai ngục lo lắng ngọ nguậy.

“Giám thị không thích mệnh lệnh của ông ấy không được tuân thủ từng lời.”

“Ông ấy lại càng không thích nếu có chuyện gì xảy ra với Martín bởi vì anh đã bỏ qua lời của tôi.”

Gã cai ngục trẻ đánh giá tình hình.

“Nghe này, ông chủ,” vị bác sĩ tranh luận. “Chúng tôi không thể đi xuyên tường hay nuốt song sắt được...”

Gã cai ngục chửi thề và hối hả chạy đến tủ thuốc, trong khi Sanahuja đứng chờ bên song sắt. Salgado đã ngủ được vài tiếng, thở một cách khó khăn. Fermín nhón chân đến cửa phòng giam của mình và trao đổi ánh mắt với bác sĩ. Sanahuja sau đó ném cho anh một gói, to bằng cổ bài, bọc trong miếng vải và được buộc dây. Fermín bắt lấy nó trong không trung rồi nhanh chóng rút vào khoảng tối cuối phòng giam của mình. Khi gã cai ngục quay trở lại mang theo thứ Sanahuja yêu cầu, hắn nhòm qua song sắt, dò xét hình hài của Salgado trên giường.

“Lão ta đang đi những bước cuối cùng,” Fermín nói. “Tôi không tin lão sẽ sống đến ngày mai.”

“Phải giữ cho lão ta sống cho đến sáu giờ. Tôi không muốn lão gây rắc rối cho tôi. Cứ để lão chết trong ca gác của người khác.”

“Tôi sẽ làm những gì mà con người có thể làm được, thưa ông chủ,” Fermín đáp.

Đêm đó, trong khi Fermín mở gói nhỏ được bác sĩ Sanahuja ném cho từ phía bên kia hành lang, thì một chiếc Studebaker màu đen chở viên giám thị theo đường đồi Montjuic đi về phía những con phố tối tăm ở ven cảng. Jaime, người lái xe, hết sức cẩn trọng để tránh những ổ gà và cú nảy xóc có thể làm hành khách của mình không thoải mái hoặc làm gián đoạn mạch suy nghĩ của hắn. Giám thị mới này không như người tiền nhiệm. Giám thị trước sẽ bắt chuyện với anh ta trên xe và thỉnh thoảng ông ta còn ngồi ghế trước, cạnh lái xe. Giám thị Valls không bao giờ gọi tới Jaime trừ lúc ra lệnh và họa hoằn lắm mới đưa mắt nhìn, trừ phi anh ta mắc lỗi, hoặc cán phải cục đá, hay cua quá nhanh. Khi ấy mắt hắn sẽ lừ lừ nhìn vào gương chiếu hậu và khuôn mặt mang vẻ cáu bẳn. Giám thị Valls không cho anh ta bật radio bởi, như hắn nói, mọi chương hình đều xúc phạm đến trí tuệ của hắn. Hắn cũng không cho Jaime để hình vợ và con gái của anh ta trên bảng điều khiển xe.

Thật may, giờ này trong đêm xe vắng và tuyến đường không có bất ngờ ngoài mong đợi nào. Chỉ mất vài phút chiếc xe đã chạy qua Xưởng Đóng tàu Hoàng Gia, nó chạy vòng qua bức tượng rồi đến Columbus và bắt đầu vào Ramblas. Hai phút sau họ đã đến Café de la Opera và dừng lại. Khách đi xem kịch ở Liceo, nằm ở phía bên kia đường, đã vào để xem buổi diễn đêm ấy và phố Ramblas gần như bị bỏ hoang. Tài xế ra khỏi xe và, sau khi chắc chắn không còn ai

trên đường, mở cửa cho Mauricio Valls. Tay giám thị bước ra, nhìn cái đại lộ bằng ánh mắt thờ ơ, rồi chỉnh lại cà vạt và phẩy cầu vai.

“Đợi ở đây,” hắn nói với tài xế.

Khi tay giám thị bước vào quán cà phê, quán gần như trống trơn. Đồng hồ sau quầy bar điểm mười giờ kém năm. Hắn đáp lại lời chào của nhân viên phục vụ bằng một cái gật đầu và ngồi xuống một cái bàn ở phía cuối. Hắn bình tĩnh tháo găng tay và lấy ra hộp đựng thuốc lá bằng bạc, món quà bố vợ đã tặng hắn vào lễ kỷ niệm ngày cưới đầu tiên. Hắn châm một điếu thuốc và ngắm cái quán cà phê cũ. Phục vụ bê khay đến rồi dùng khăn ướt sạch mùi thuốc tẩy để lau bàn. Tay giám thị ném cho anh ta cái nhìn kinh tởm, người phục vụ lờ đi.

“Quý ông muốn dùng gì?”

“Hai trà hoa cúc.”

“Cho vào một ly ạ?”

“Không. Để riêng ra.”

“Quý khách đang đợi ai sao?”

“Hiển nhiên.”

“Tuyệt quá. Quý khách còn cần gì nữa không?”

“Mật ong.”

“Vâng, thưa quý khách.”

Phục vụ rời đi không vội vã, trong khi viên giám thị lăm nhăm buông mấy lời nhận xét khinh miệt trong lòng. Cái radio trên bàn đang rả rả một chương trình trả lời bạn nghe đài dành cho những trái tim cô đơn, xen vào đó là quảng cáo từ hãng mỹ phẩm Bella Aurora, sử dụng nó hằng ngày đảm bảo cho ta trẻ mãi không già và có một

sắc đẹp chói lòa. Cách đó bốn chiếc bàn là một ông già gần như ngủ gật với tờ báo vẫn cầm trên tay. Những bàn còn lại đều trống. Hai chiếc cốc bốc hơi nghi ngút được mang đến năm phút sau đó. Với tốc độ sên bò, người phục vụ đặt chúng lên bàn, tiếp theo là một lọ mật ong.

“Như thế đã đủ chưa, thưa ngài?”

Valls gật đầu. Hắn không động đậy cho tới khi phục vụ quay lại quầy. Rồi hắn lấy trong túi ra một lọ nhỏ. Hắn vặn nắp, liếc nhanh ông khách đang bị tờ báo đánh chìm vào giấc ngủ. Phục vụ đứng sau quầy, lưng quay về phía phòng, đang dùng tấm vải trắng lau khô cốc chén.

Valls cầm lọ lên và đổ hết chất bên trong vào cốc bên kia bàn. Rồi hắn cho một lượng kha khá mật ong vào và bắt đầu dùng thìa khuấy trà cho đến khi mật ong hoàn toàn tan ra. Trên radio ai đó đang đọc bức thư thống thiết của một thánh giả trung thành ở Betanzos, chồng của chị ta, hình như bị chọc tức vì chị ta làm cháy món thịt hầm cho ngày lễ vong hồn, nên đã đến quán bar để cùng bạn bè nghe tường thuật trận bóng đá mà không về nhà và kể từ hôm đó không đi lễ Misa nữa. Chị ta được khuyên phải cầu nguyện, phải kiên nhẫn và tận dụng mưu chước của đàn bà, nhưng chỉ trong giới hạn nghiêm ngặt của những gia đình Cơ Đốc giáo. Valls lại xem đồng hồ. Lúc này đã mười giờ mười lăm.

Mười giờ hai mươi, Isabella Sempere bước qua cửa. Cô mặc một chiếc áo khoác giản dị, không trang điểm, và tóc cô búi cao. Valls trông thấy cô bèn giơ một tay lên. Isabella dừng lại một lát ngậy ra nhìn hấn, rồi chậm chậm bước đến bàn. Valls đứng lên và chìa một tay ra với một nụ cười thân thiện. Isabella bỏ qua cử chỉ ấy và ngồi xuống.

“Tôi đã tự ý gọi hai ly trà cúc. Đó là thứ đồ uống hợp nhất với một buổi tối lạnh giá như thế này.”

Isabella gật đầu lơ đãng, tránh ánh mắt của Valls. Tay giám thị dò xét cô sát sao. Mỗi lần phải đến gặp hấn, cô Sempere tạo cho mình vẻ ngoài giản dị nhất có thể hòng che giấu vẻ đẹp. Valls xem xét khuôn miệng cô, nhịp mạch nơi cổ cô và đường cong khuôn ngực dưới lớp áo khoác cô mặc.

“Tôi nghe đây,” Isabella nói.

“Trước hết, hãy để tôi cảm ơn cô vì đã đồng ý gặp tôi sau một thông báo gấp gáp như vậy. Tôi nhận thư của cô chiều nay, và nghĩ quả là ý hay nếu được trao đổi vấn đề này ở một nơi cách xa phòng làm việc và nhà tù.”

Isabella đáp lại bằng một cái gật đầu khác. Valls nhấp một ngụm trà hoa cúc đoạn liếm mép.

“Tuyệt vời. Món trà ngon nhất toàn cõi Barcelona này. Cô ném thử đi.”

Isabella lờ đi lời mời của hắn.

“Như cô sẽ biết đấy, cẩn trọng thế nào cũng không đủ. Liệu tôi có thể hỏi cô có kể với ai chuyện tối nay cô đến gặp tôi không?”

Isabella lắc đầu.

“Chồng cô chẳng hạn?”

“Chồng tôi đang kiểm kho ở hiệu sách. Anh ấy mãi đầu giờ sáng mới về nhà. Không ai biết tôi ở đây.”

“Tôi gọi cho cô món gì khác nhé? Nếu cô không thích trà hoa cúc...”

Isabella lắc đầu và cầm ly trong hai tay.

“Thế này cũng được.”

Valls mỉm cười bình thản.

“Như tôi nói đấy, tôi nhận được thư của cô. Tôi rất hiểu sự phần nộ của cô và muốn cho cô biết rằng tất cả chỉ là hiểu lầm thôi.”

“Ông đang đe dọa một con người tội nghiệp bị tâm thần, là tù nhân của ông, buộc ông ấy viết một cuốn sách để quảng bá cho bản thân ông. Tôi không nghĩ mình hiểu lầm gì.”

Valls rê bàn tay về phía Isabella.

“Isabella... Tôi có thể gọi cô như vậy không?”

“Đừng chạm vào tôi, xin ông.”

Valls rút tay lại, nở một nụ cười dàn hòa.

“Được thôi, nhưng chúng ta hãy nói chuyện một cách bình tĩnh.”

“Chẳng có gì phải nói cả. Nếu ông không để David yên, tôi sẽ mang câu chuyện và sự gian trá của ông đến Madrid hay bất cứ nơi nào cần thiết. Mọi người sẽ biết ông thuộc hạng người nào, và hạng văn nhân nào. Không gì và không ai ngăn tôi được.”

Đôi mắt Isabella đắm lệ và ly trà cúc rung rinh trong tay cô.

“Làm ơn, Isabella. Hãy uống một chút đi. Sẽ tốt cho cô.”

Isabella nhấp vài ngụm.

“Uống thế này, với một chút mật ong, thì vị trà mới đúng là ngon nhất,” Valls nói thêm.

Isabella nhấp thêm vài ba ngụm nữa.

“Tôi phải nói rằng, tôi thực sự ngưỡng mộ cô, Isabella ạ,” Valls nói. “Ít ai có đủ dũng cảm và điềm tĩnh để bảo vệ một kẻ bần cùng đáng thương như Martín... kẻ mà ai ai cũng bỏ mặc và phản bội. Tất cả mọi người trừ cô.”

Isabella lo lắng liếc nhìn đồng hồ trên quầy. Đã mười giờ ba mươi. Cô nhấp thêm vài ngụm trà hoa cúc nữa rồi uống cạn cốc.

“Chắc hẳn cô rất quý mến ông ta,” Valls đánh bạo. “Đôi khi tôi tự hỏi, nếu có thêm thời gian, khi cô biết tôi rõ hơn chút nữa, và thấy con người thực sự của tôi ra sao, cô sẽ quý mến tôi như quý mến ông ta chẳng.”

Cô lạnh lùng nhìn hẩn một hồi lâu, chiếc cốc đã uống sạch vẫn ở trong tay cô.

“Ông làm tôi thấy buồn nôn, ông Valls ạ. Ông và cả những kẻ bần thủ như ông.”

Valls mỉm cười nồng ấm.

“Tôi biết, Isabella. Nhưng bọn bản thủ như tôi luôn thống trị đất nước này và những người như cô luôn bị bỏ mặc trong bóng tối. Bên nào nắm dây cương cũng chẳng có gì khác biệt.”

“Lần này thì khác. Lần này cấp trên của ông sẽ biết ông đang làm gì.”

“Điều gì khiến cô nghĩ là họ quan tâm, hay họ không làm y như vậy hoặc thậm chí còn tồi tệ hơn? Dù gì, tôi chỉ là một kẻ nghiệp dư.”

Valls mỉm cười và lấy ra một tờ giấy gấp nhỏ từ trong túi áo khoác hắn.

“Isabella, tôi muốn cô biết tôi không phải hạng người như cô nghĩ. Và để chứng minh, đây là lệnh trả tự do cho David Martín, có hiệu lực vào ngày mai.”

Valls cho cô xem tờ văn bản. Isabella xem xét trong sự ngờ vực. Valls lấy bút ra đoạn không ngần ngại mà ký vào.

“Của cô đấy. Davis Martín, đằng thẳng mà nói, giờ là người tự do rồi. Nhờ cô đấy, Isabella. Nhờ cô đấy...”

Khi Isabella nhìn lại hắn mắt cô đã mờ dần. Valls nhận thấy đồng tử của cô đang từ từ giãn ra và một lớp mờ hôi dường như đã xuất hiện ở môi trên.

“Cô có sao không? Trông cô tái nhợt kìa...”

Isabella loạng choạng đứng lên, vẫn bám vào ghế.

“Cô thấy chóng mặt ư, Isabella? Tôi dìu cô đi nhé?”

Isabella lùi lại mấy bước và va phải người phục vụ trên đường ra cửa. Valls vẫn ngồi trên ghế, hắn nhấp trà cho tới khi đồng hồ điểm mười giờ bốn lăm. Rồi hắn để lại vài đồng xu trên bàn và từ từ đi về

phía lối ra. Chiếc xe đang đợi hắn bên lề đường. Tài xế đứng cạnh xe, giữ cửa mở cho hắn.

“Ngài giám thị muốn về nhà hay quay lại lâu đài?”

“Nhà. Nhưng trước hết chúng ta sẽ ghé qua Pueblo Nuevo, nằm trong nhà máy Vilardell cũ,” hắn ra lệnh.

Trên đường đi nhận món tiền thưởng đầy hứa hẹn, Mauricio Valls, tương lai rạng rỡ của văn học Tây Ban Nha, nhìn những con phố tối đen, vắng lặng của Barcelona bị nguyên rửa mà hắn rất đổi căm ghét, và rỏ vài giọt nước mắt cho Isabella, và cho những gì đáng lẽ đã xảy đến.

Khi Salgado tỉnh dậy sau cơn hôn mê và mở mắt, điều đầu tiên lão nhận thấy là có ai đó đang đứng bất động ở cuối giường nhìn lão. Lão cảm thấy hơi lo lắng và lúc ấy lão nghĩ mình vẫn đang ở tầng hầm. Ánh sáng lập lòe từ chiếc đèn dầu trong hành lang vẽ nên những đường nét quen thuộc.

“Fermín, có phải anh không?” lão hỏi.

Hình dáng trong bóng đêm gập đầu và Salgado thở sâu.

“Miệng tôi khô quá. Còn nước không?”

Fermín từ từ tiến lại gần. Trong tay anh cầm gì đó: một miếng vải và một lọ thủy tinh nhỏ.

Salgado thấy Fermín đổ chất lỏng trong chai lên tấm vải.

“Cái gì thế, Fermín?”

Fermín không đáp. Khuôn mặt anh không biểu lộ cảm xúc gì. Anh ghé người xuống nhìn vào mắt lão.

“Fermín, không...”

Trước khi Salgado có thể thốt thêm âm thanh nào nữa, Fermín đã đặt tấm vải lên miệng và mũi lão, rồi ép thật chặt, ghì đầu lão xuống giường. Salgado ú ớ với chút sức lực còn lại, trong khi Fermín vẫn giữ tấm vải trên mặt lão. Salgado nhìn anh, lão run rẩy vì sợ hãi. Vài giây sau, lão bất tỉnh. Fermín không bỏ miếng vải ra. Anh đếm năm giây nữa và chỉ đến lúc ấy mới cất đi. Ngồi trên giường, lưng quay

về phía Salgado, anh đợi vài phút. Rồi, theo lời Martín bảo, anh đến cửa phòng giam.

“Cai ngục!” anh gọi.

Anh nghe thấy bước chân của tên lính mới đang tiến đến trong hành lang. Theo kế hoạch của Martín, lẽ ra Bebo trực ca đêm nay, không phải gã đàn độn kia.

“Chuyện gì nữa đây?” cai ngục hỏi.

“Salgado. Lão tiêu rồi.”

Tên cai ngục lắc đầu bức bối.

“Chó má thật. Làm sao bây giờ?”

“Mang cái túi đến đây.”

Tên cai ngục nguyên rủa vận đen của mình.

“Nếu ông chủ muốn, tôi sẽ cho lão ta vào bao, thưa ông chủ,” Fermín đề nghị.

Tên cai ngục gật đầu với chút ít vẻ biết ơn.

“Nếu mang túi đến ngay bây giờ, ông chủ có thể đi thông báo cho họ trong khi tôi cho lão ta vào bao. Như vậy, họ sẽ đến bốc xác lão trước nửa đêm,” Fermín nói thêm.

Viên cai ngục lại gật và đi tìm túi vải. Fermín đứng bên cửa phòng giam. Phía bên kia hành lang, Martín và Sanahuja quan sát trong yên lặng.

Mười phút sau, tên cai ngục quay lại tay cầm một đầu túi, không che giấu nỗi cơn buồn nôn do mùi thối thối gây nên. Fermín di chuyển về phía cuối phòng giam mà không đợi phải nhắc nhở. Tên cai ngục mở cửa phòng giam và ném cái túi vào trong.

“Ông nên đi báo cho họ biết. Như thế họ sẽ mang đồng thịt đi trước nửa đêm - hay là chúng ta sẽ phải để lão ta ở đây đến đêm mai.”

“Anh chắc là một mình anh cho xác lão vào được chứ?”

“Đừng lo, thưa ông, tôi thực hành nhiều lần rồi.”

Tên cai ngục lại gật đầu, không hoàn toàn tin tưởng.

“Cứ hy vọng là chúng ta may mắn và mọi chuyện sẽ đâu vào đó, bởi vì xác lão bắt đầu rỉ nước và thật khó mà nói được mùi của nó sẽ như thế nào...”

“Cút thật,” tên cai ngục nói, hấp tấp chạy đi.

Ngay khi nghe hắn chạy đến cuối hành lang, Fermín bắt đầu cởi quần áo Salgado. Rồi anh cởi quần áo của mình đoạn

chui vào mớ đồ rách rưới của lão trộm. Cuối cùng, Fermín mặc áo của mình cho Salgado và đưa lão lên giường, đặt lão nằm nghiêng, mặt quay vào tường, và lấy chăn đắp lên người lão, để chăn che đến nửa khuôn mặt. Rồi anh lấy túi vải và chui vào trong. Lúc sắp sửa khép túi lại thì anh nhớ ra điều gì đó.

Vội vã, anh chui ra và đến bên tường. Dùng móng tay, anh cào vào khe đá chỗ thấy Salgado giấu chìa khóa, cho đến khi đầu cái chìa lộ ra. Anh cố dùng ngón tay kéo nó ra, nhưng chiếc chìa trơn trượt vẫn kẹt giữa hai viên đá.

“Nhanh lên,” Martín rít lên phía bên kia hành lang.

Fermín lấy móng tay bấu chặt chìa khóa và kéo ra. Móng ngón tay đeo nhẫn bị bong ra và vài giây sau mắt anh nhòe đi vì đau đớn. Fermín nén tiếng gào thét và mút ngón tay. Vị máu của chính anh, mặn và có vị sắt, lan khắp miệng. Khi mở mắt lại anh nhận thấy rằng

một đoạn chìa khóa dài một phân đã nhô ra khỏi tường. Lần này anh có thể kéo ra dễ dàng.

Anh lại chui vào túi, và buộc chặt túi từ bên trong, chặt nhất có thể, chỉ để lại một lỗ hổng bằng bàn tay. Nén lại cơn buồn nôn dâng lên đến tận họng, anh nằm trên sàn và thắt chặt sợi dây cho tới khi chỉ còn lại một khoảng nhỏ, bằng một nắm tay. Anh lấy ngón tay bịt mũi. Thà hít mùi hôi thối của mình còn hơn phải ngửi cái mùi thối rữa đó. Lúc này, việc còn lại của anh là đợi, anh tự nhủ với mình.

Những con phố của Pueblo Nuevo vùi trong màn sương dày, ẩm ướt len lỏi dâng lên từ lớp lớp những mái lều trên bãi biển Somorroso. Chiếc xe Studebaker của tay giám thị chậm rãi xuyên lớp sương mờ, qua những hẻm tối tạo nên bởi những nhà máy, nhà kho và những căn nhà phụ tối tăm, đồ nát. Phía trước, ánh đèn pha xe tạc thành hai luồng sáng. Chẳng mấy chốc hình dạng của xưởng vải cũ Vilardell đã lộ ra qua làn sương. Những cột ống khói và nóc nhà của các nhà lều và xưởng làm việc hoang vắng hiện ra cuối con đường. Lối vào có cổng che chắn; thấp thoáng đằng sau đó, là một vạt cây dại mọc tràn lan, và từ đó nhô lên bộ khung của những chiếc xe tải bị cháy rụi và những xe kéo hỏng nát. Tài xế dừng lại trước lối vào của cái nhà máy cũ.

“Cứ để xe nổ máy đi,” tay giám thị ra lệnh.

Những chùm sáng của đèn pha ô tô xé tan màn đêm bên kia cổng, lộ ra tình trạng đồ nát của nhà máy, nơi đã bị đánh bom trong chiến tranh và bị bỏ hoang như nhiều tòa nhà khác trên khắp thành phố này.

Ở một bên, vài túp lều được dựng lên từ những mảnh ván gỗ. Cạnh đó, đối diện khu nhà để xe trông như thể đã bỏ mạng trong một đồng lửa, là thứ mà Valls cho là chỗ ở cũ cho đám nhân viên bảo vệ. Ánh sáng đỏ của ngọn nến, hoặc của chiếc đèn dầu, lướt qua một trong những cửa sổ đã đóng kín. Tay giám thị chậm rãi đón

nhận cảnh tượng ấy từ ghế sau của ô tô. Sau vài phút chờ đợi, hắn nghiêng người ra trước và nói với tài xế.

“Jaime, anh có thấy ngôi nhà phía bên tay trái không, đối diện nhà để xe ấy?”

Lần đầu tiên giám thị gọi tên anh ta. Điều gì đó trong cái giọng nói ầm áp và bất thần lịch sự ấy khiến người lái xe thích kiểu đối xử lạnh lùng thường thấy của hắn hơn.

“Ý ông là, ngôi nhà gỗ?”

“Chính xác. Tôi muốn anh bước lại đó và gõ cửa.”

“Ngài muốn tôi vào đó ư? Vào trong nhà máy?”

Tay giám thị thờ dài khó chịu.

“Không phải vào nhà máy. Nghe kỹ đây. Anh thấy ngôi nhà kia đúng không?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tốt lắm. Vậy thì khi bước đến cổng, anh chui qua cái khe giữa thanh chắn, rồi đến ngôi nhà gỗ và gõ cửa. Có nghe rõ không?”

Tài xế gật đầu, không mấy hứng thú.

“Được rồi. Khi gõ cửa xong, có người sẽ ra mở cửa, rồi anh nói với anh ta: “Durruti còn sống”

“Durruti ư?”

“Đừng ngắt lời. Anh chỉ cần nhắc lại lời tôi vừa bảo. Họ sẽ đưa cho anh thứ gì đó. Có lẽ là một cái va li hoặc một cái bọc. Anh mang nó lại đây, thế thôi. Đơn giản, phải không?”

Tài xế đã tái cả mặt và đang tiếp tục nhìn vào kính chiếu hậu, tưởng như bất kỳ lúc nào cũng có thể có ai đó hoặc cái gì đó từ bóng đêm lao ra.

“Bình tĩnh đi, Jaime. Sẽ chẳng có chuyện gì đâu. Tôi đang đề nghị anh làm việc này với tư cách cá nhân, không phải với tư cách ông chủ. Nói xem, anh đã kết hôn chưa?”

“Tôi đã kết hôn ba năm trước, thưa ngài.”

“À, vậy thì tốt. Anh có con cái gì không?”

“Chúng tôi có một cô con gái xinh đẹp hai tuổi, và vợ tôi sắp sinh thêm đứa nữa, thưa ngài.”

“Chúc mừng anh. Gia đình là quan trọng nhất, Jaime ạ. Anh là một người Tây Ban Nha tốt. Nếu anh đồng ý, như là một món quà tặng trước lễ rửa tội, và là bằng chứng cho lòng biết ơn của tôi vì công việc tuyệt vời của anh, tôi sẽ cho anh một trăm peseta. Và nếu anh làm giúp tôi việc nhỏ này, tôi sẽ đề nghị thăng chức cho anh. Anh có thích một chân văn phòng trong Hội đồng không? Tôi có những người bạn tốt và họ đang tìm người có phẩm chất để lôi đất nước ra khỏi cái hố đen mà phe đỏ đã bỏ lại.”

Anh tài xế mỉm cười yếu ớt trước món tiền và cái tiền đồ xán lạn.

“Có nguy hiểm gì không hay...?”

“Jaime, là tôi, giám thị đây mà. Lễ nào tôi lại đề nghị anh làm việc gì nguy hiểm hay bất hợp pháp sao?”

Anh tài xế nhìn hẩn nhưng không nói gì. Valls mỉm cười với anh ta.

“Nhắc lại mấy cái mà anh phải làm nào.”

“Tôi đến cửa ngôi nhà và gõ. Khi cửa mở, tôi nói: ‘Durruti sống mãi!’”

“Durruti còn sống.”

“À đúng rồi. Durruti còn sống. Họ sẽ trao cho tôi một cái va li và tôi mang nó về đây.”

“Rồi chúng ta về nhà. Đơn giản vậy thôi.”

Tài xế gật đầu và, sau một lát dè dặt, ra khỏi xe và bước đến cổng. Valls dõi theo bóng anh ta đi qua luồng sáng đèn pha đến lối vào. Ở đó, tài xế ngoảnh lại một giây nhìn về phía ô tô.

“Vào đi, thẳng ngu, vào đi,” Valls lẩm bẩm.

Anh tài xế lách qua những thanh chắn, tìm đường qua đồng phế liệu và cỏ dại, từ từ tiến đến cửa căn nhà gỗ. Tay giám thị rút khẩu súng hắt vẫn giữ trong túi áo khoác ra và kéo cò. Anh tài xế đến cửa rồi dừng lại ở đó. Valls thấy anh ta gõ hai lần rồi đợi. Gần một phút trôi qua, chẳng có gì xảy ra cả.

“Một lần nữa,” Valls lẩm bẩm một mình.

Anh tay tài xế lúc này đang nhìn về phía ô tô, cơ hồ anh ta không biết phải làm gì tiếp theo. Bất thành linh, một ánh đèn vàng vọt lấp đầy cái không gian chỉ một giây trước vẫn còn là cánh cửa khép kín. Valls thấy tài xế thốt ra cái mật ngữ. Anh ta quay lại một lần nữa để nhìn về phía ô tô, miệng mỉm cười. Phát súng, nổ ra ở tầm gần, xé nát thái dương anh ta và xuyên qua hộp sọ. Một dòng máu chảy ra từ phía bên kia, và cái xác, đã chết, đứng một lúc giữa khói thuốc súng trước khi đổ sụp xuống đất như một con búp bê hỏng.

Valls nhảy vọt ra khỏi ghế sau chiếc xe Studebaker và cầm lấy tay lái. Tay trái cầm súng lục kê lên bảng điều khiển và nhắm về phía cổng nhà máy, hất điều khiển chiếc xe giạt lùi và nhấn ga. Chiếc xe chạy lùi vào bóng đen, đâm qua mấy ổ gà và vũng nước trên đường. Khi lái xe lùi hắt có thể thấy ánh lửa của mấy phát súng nhắm vào cổng, nhưng không phát nào trúng xe. Chỉ khi chạy lùi

được chừng hai trăm mét, hấn mới quay xe lại. Rồi, rồ ga hết tốc lực, hấn lái xe chạy khỏi nơi đó, cần môi giận dữ.

21

Bị trói trong túi, Fermín chỉ có thể nghe thấy giọng bọn chúng đang tiến đến phòng giam.

“Này, chúng ta may đấy,” tên cai ngục mới gào lên.

“Fermín ngủ rồi,” bác sĩ Sanahuja nói từ phòng giam của ông nói.

“Một số người thật dễ ngủ,” cai ngục nói. “Kia kia, anh có thể mang cái túi đi được rồi đấy.”

Fermín nghe tiếng bước chân quanh mình và bất thành lình bị giật mình khi một kẻ phu đào huyết buộc chặt cái nút lại. Rồi họ nhấc cái túi lên, mỗi người một đầu, không chút thận trọng, rồi kéo anh dọc theo hành lang đá như kéo một khối chết. Fermín không dám động đậy dù chỉ một múi cơ.

Những cú va đập, gây ra bởi các bậc thang, những góc cua và các cánh cửa giáng xuống anh không thương xót. Anh đút nắm tay vào miệng và cắn chặt để cản mình khỏi hét lên. Sau chuyến đi dài quanh co Fermín nhận ra sự suy giảm đột ngột về nhiệt độ và những tiếng vọng rùng rợn dội lại trong khắp lâu đài cũng không còn nữa. Họ đã ra ngoài. Anh bị kéo đi vài mét nữa trên nền lát đá vung vãi đây đó vài vũng nước khiến bao tải ướt sũng. Không khí lạnh nhanh chóng xuyên qua bao tải.

Cuối cùng, anh cảm thấy mình đang bị nhấc lên và ném vào khoảng không. Anh rơi vào nơi dường như là một bề mặt gỗ cứng,

rồi nghe thấy tiếng bước chân rời xa. Fermín thở một hơi thật sâu. Bên trong túi ẩm ướt và nồng nặc mùi phân, mùi thịt thối và mùi dầu. Fermín nghe thấy tiếng động cơ xe tải nổ máy, và sau một cú giật, chiếc xe bắt đầu chạy. Chẳng bao lâu con đường bắt đầu dốc xuống khiến cho bao tải lăn về trước và Fermín đoán rằng chiếc xe đang lăn bánh trên con đường đã mang anh vào tù mấy tháng trước. Anh vẫn nhớ đường lên núi dài và đầy những khúc quanh ra sao. Tuy nhiên, chỉ một lúc sau, anh nhận thấy chiếc xe đang rẽ và đi vào một hướng mới, đường không dốc, gồ ghề và không lát đá. Họ đã rời đường chính và Fermín chắc rằng họ đang tiến sâu vào núi thay vì đi về phía thành phố. Có điều gì đó không ổn.

Chỉ lúc này anh mới nghĩ ra rằng Martín đã không lường hết mọi chuyện, rằng ông đã bỏ qua một chi tiết then chốt. Rốt cuộc, không ai biết chắc người ta làm gì với xác tù nhân. Martín hẳn đã không xét đến khả năng họ thủ tiêu xác tù nhân bằng cách ném vào một lò thiêu. Anh tưởng tượng ra Salgado, tỉnh dậy sau khi bị chuốc thuốc mê, sẽ bật cười và nói rằng Fermín Romero de Torres, hay tên quái gì cũng được, trước khi bị đốt trong Địa ngục thì đã bị đốt trong Cõi đời rồi.

Hành trình tiếp tục vài phút nữa. Rồi, khi chiếc xe bắt đầu chạy chậm lại, Fermín mới nhận thấy cái mùi ấy. Chưa bao giờ trong đời anh được ngửi cái gì kinh khiếp đến như vậy. Tim anh thất lại và khi mùi hôi thối không tài nào tả xiết gây ra những cơn buồn nôn, anh những mong mình đừng nghe lời lão điên ấy, Martín, và vẫn ở lại phòng giam của mình.

Khi tay giám thị về đến lầu đài Montjuic, hắn bước ra khỏi xe và hộc tốc vào văn phòng. Thư ký của hắn ngồi nép sau chiếc bàn nhỏ gần cửa, đang gõ thư chỉ bằng hai ngón tay.

“Để đó rồi đưa thằng chó đẻ Salgado đến đây ngay,” hắn ra lệnh.

Tay thư ký bối rối nhìn hắn, rồi bắn khoăn xem có nên mở miệng không.

“Đừng có ngồi như thằng ngu thế. Đi đi.”

Tay thư ký đứng lên, luống cuống, không dám nhìn vào ánh mắt phần nộ của giám thị.

“Salgado đã chết, thưa giám thị. Tối nay...”

Valls nhắm mắt và thở một hơi thật sâu.

“Giám thị... thưa ngài...”

Không thèm nghe giải thích, Valls chạy thẳng một mạch đến phòng số mười ba. Khi thấy hắn, tên cai ngục trẻ liền tỉnh khỏi cơn buồn ngủ và chào hắn theo kiểu nhà binh.

“Thưa ngài, điều gì...”

“Mở ra. Nhanh.”

Cai ngục mở cửa phòng giam và Valls xông vào. Hắn bước đến giường và, nắm lấy vai thi thể đang nằm trên giường, kéo mạnh. Mặt Salgado ngửa lên. Valls cúi xuống và ngửi hơi thở lão. Rồi hắn quay sang cai ngục, gã này đang nhìn hắn run rẩy khiếp sợ.

“Cái xác đâu?”

“Phu đào huyết đã mang đi...”

Valls tát mạnh khiến hắn ngã ngựa ra. Hai tên lính gác đã xuất hiện ở hành lang, đang chờ chỉ thị của giám thị.

“Tao muốn bắt sống nó,” hắn bảo họ.

Hai tên lính gạt đầu và bước nhanh. Valls vẫn ở đó, dựa vào song sắt phòng giam của Martín và bác sĩ Sanahuja. Tên cai ngục, lúc này đã đứng lên và không dám thở, nghĩ rằng hắn thấy tay giám thị đang cười.

“Ý của ông, Martín, phải không?” cuối cùng Valls hỏi.

Tay giám thị khẽ cúi đầu và, trong lúc bước dọc hành lang, chậm chậm vỗ tay.

Fermín có thể cảm thấy xe chạy chậm dần và đang vượt qua những vật cản cuối cùng trên con đường bản thổ. Sau vài phút kinh qua những ổ gà cùng tiếng kêu rệu rã của chiếc xe, thì động cơ dừng lại. Cái mùi hôi thối len qua bao tải quả là không thể nào tả xiết. Hai phu đào huyết bước ra sau xe và Fermín nghe thấy tiếng kêu của thanh kim loại chót thùng xe. Đột nhiên, một cú ném mạnh hất anh vào khoảng không.

Anh chạm đất bằng một bên người, cơn đau tê dại lan khắp bờ vai. Trước khi anh kịp phản ứng, hai phu đào huyết đã khiêng bao tải xác khỏi nền đá, mỗi người xách một đầu, mang lên đồi. Được mấy mét thì họ dừng lại. Họ lại thả bao tải xuống và lúc ấy Fermín nghe thấy một người quỳ xuống và bắt đầu tháo cái nút buộc. Anh có thể nghe thấy tiếng chân của người còn lại khi hắn rời khỏi đó và cầm lên một vật kim loại. Fermín cố hít vào chút không khí nhưng mùi chướng khí như thiêu đốt cổ họng anh. Anh nhắm nghiền mắt và cảm thấy cơn gió lạnh táp lên mặt. Phu đào huyết nắm lấy đầu kia của túi và giật mạnh. Thi thể Fermín lăn trên đá và bùn.

“Nào, đếm đến ba,” một người nói.

Bốn bàn tay nắm lấy cổ tay cổ chân anh. Fermín cố nén hơi thở.

“Này, chẳng phải hắn đang đổ mồ hôi sao?”

“Xác chết thì đổ mồ hôi thế chớ nào được, mày đùa à? Chắc là do bùn. Thôi nào, một hai và...”

Ba. Fermín cảm thấy mình bị quăng lên không. Một tích tắc sau, anh đang bay và đành phó mặc bản thân cho số mệnh.

Anh mở mắt khi đang bay giữa chừng và điều duy nhất anh nhìn thấy được là mình đang bị ném xuống một cái rãnh đào sâu vào núi. Dưới ánh trăng, anh có thể thoáng thấy cái gì đó nhạt màu đang che phủ mặt đất. Fermín tin rằng thứ mình đang nhìn thấy là đá và, một cách bình thản, trong khoảng nửa giây rơi xuống, anh đã quyết định rằng có chết cũng không sao.

Nhưng cú tiếp đất lại nhẹ nhàng. Thân thể Fermín rơi xuống cái gì đó mềm và ướt. Cách năm mét phía trên kia, một tên phu đào huyết đang cầm cái thuổng, rồi hất nó vào không trung. Một thứ bột trắng tỏa ra như làn sương lấp lánh xoa dịu da anh, và một giây sau, bắt đầu như a xít ăn mòn. Hai phu đào huyết bỏ đi và Fermín đứng lên, phát hiện ra mình đang ở trong một khu mộ lộ thiên, với bao nhiêu là xác thối bị phủ đầy vôi sống. Anh cố phủi đi lớp bụi cay nồng và bò qua những cái xác cho tới khi đến vách đất. Anh trèo lên vách, sục tay vào đất và mặc cơn đau. Khi trèo được lên mặt đất rồi, anh lê thân đến vũng nước để rửa sạch vôi. Anh đứng lên và thấy ánh đèn chiếc xe tải biến mất vào đêm. Quay lại một lát để nhìn sau lưng, Fermín nhìn chằm xuống khu mộ lộ thiên trải rộng dưới chân mình như một đại dương những xác chết chồng chất lên nhau. Anh thấy buồn nôn và ngã khuỵu xuống, nôn ra cả mặt những máu. Nỗi sợ hãi cùng mùi xác chết cơ hồ làm anh nghẹn thở. Rồi anh nghe thấy tiếng rầm rầm ở đằng xa. Anh ngược lên và nhìn thấy ánh đèn của hai chiếc xe đang tiến đến. Anh chạy sang sườn đồi và đến một bãi đất nhỏ mà từ đây có thể thấy biển ở chân núi, và ngọn hải đăng của bến cảng phía cuối đê chắn sóng.

Phía trên anh, lâu đài Montjuic mọc lên giữa những đám mây đen trải rộng trên bầu trời và che khuất mặt trăng. Tiếng xe đang tiến đến gần hơn. Không chần chờ gì thêm, Fermín thả mình xuống dốc, rơi và lăn qua những thân cây, sỏi đá và bụi gai, chúng va đập vào thân anh và xé nát thịt da anh. Anh không còn cảm thấy đau, hay sợ, hay mệt mỗi khi ra tới đường. Rồi anh chạy về phía nhà kho nơi bến cảng. Anh chạy mà không dừng lại để thở, mất đi cảm giác về thời gian, không biết rằng khắp mình mẩy đầy những vết thương.

Ánh ban mai đang tỏa khắp chân trời khi anh đặt chân đến một mê cung vô tận những căn lều phủ khắp bờ biển Somorrostro. Một làn sương sớm từ biển len vào, trườn bò qua những mái lều. Fermín lang thang qua những hẻm nhỏ và đường hầm trong cái thành phố của người nghèo cho tới khi gục xuống giữa hai đồng phế thải. Anh được hai đứa trẻ rách rưới phát hiện ra khi đang kéo những hộp gỗ, chúng dừng lại để nhìn thân hình như bộ xương dường như chỗ nào cũng rỉ máu ấy.

Fermín mỉm cười với chúng và hai ngón tay anh làm biểu tượng chiến thắng. Hai đứa trẻ nhìn nhau. Một đứa nói gì đó mà Fermín không nghe ra. Sau đó anh phó mặc bản thân cho cơn kiệt sức và đôi mắt khép hờ nhận thấy mình đang được bốn người khiêng lên rồi sau đó đặt xuống một cái giường bên đồng lửa. Anh cảm thấy hơi ấm trên da và từ từ khôi phục cảm giác nơi bàn chân, bàn tay và cánh tay. Cơn đau đến sau đó, như một cơn thủy triều chậm nhưng không tài nào ngăn nổi. Xung quanh anh, những tiếng xì xào của phụ nữ vang lên. Họ cởi bỏ chút đồ rách rưới còn dính vào thân thể anh. Những miếng vải nhúng qua nước ấm và long não xoa nhẹ cơ thể trần truồng, đầy thương tích của anh bằng sự dịu dàng vô tận.

Anh khẽ mở mắt khi cảm thấy tay một cụ già đặt lên trán mình, cái nhìn thông thái và một mồi dính chặt vào anh.

“Con từ đâu tới?” trong cơn mê, Fermín tưởng lầm giọng nói ấy là của mẹ mình.

“Từ cõi chết, mẹ ời,” anh thầm thì. “Con từ cõi chết trở về.”

PHẦN BA
HỒI SINH



Barcelona, 1940

Biến cố tại nhà máy Vilardell cũ không bao giờ xuất hiện trên mặt báo. Tiết lộ chuyện này chẳng có lợi cho ai. Chuyện xảy ra ở đó chỉ được những người có mặt nhớ đến. Ngay đêm đó, khi Mauricio Valls quay về lâu đài và phát hiện tù nhân số Mười Ba đã trốn thoát, hắn thông báo cho thanh tra Fumero ở đội cảnh sát phụ trách tội phạm chính trị về những gì mà một tù nhân đã tố giác với hắn. Trước lúc bình minh, Fumero và quân của hắn đã sẵn sàng vào vị trí.

Viên thanh tra cho hai lính của hắn gác ở ngoài và tập trung những người còn lại ở lối chính, từ đó, như Valls đã giải thích, người ta có thể thấy căn nhà gỗ của bảo vệ. Cái xác của Jaime Montya, người tài xế anh hùng của viên giám thị, người đã tình nguyện một mình đi vào khu nhà xưởng để điều tra lời khai của một tù nhân về sự tồn tại của những nhân tố phản loạn, đang nằm đó giữa đồng phế liệu. Ngay trước lúc tảng sáng, Fumero đã lệnh cho quân của hắn tiến vào nhà máy cũ kia. Chúng bao vây căn nhà gỗ và khi những người ở trong nhà, hai người đàn ông và một phụ nữ trẻ, nhận ra sự hiện diện của chúng, chỉ có một biến cố nhỏ xảy ra: người phụ nữ, mang theo khẩu súng, đã bắn trúng tay một trong những viên cảnh sát. Nhưng đó chỉ là một vết xước nhỏ. Ngoài sự

cổ đổ ra, Fumero và quân của hắn đã khống chế quân phản loạn chỉ trong ba mươi giây.

Viên thanh tra lệnh cho quân của hắn giữ ba người họ trong ngôi nhà rồi lôi luôn xác của người tài xế vào. Fumero không hỏi tên hay giấy tờ tùy thân của họ. Hắn cho cởi quần áo của ba kẻ phản loạn và trói tay chân họ lại trên những chiếc ghế gỗ sét nằm trong góc nhà. Khi quân phản loạn đã bị trói chặt, Fumero lệnh cho đám tay chân để lại hắn một mình và ra gác ngoài cửa và ngoài cổng nhà máy để chờ chỉ thị của hắn. Còn lại một mình với những tù binh, hắn đóng cửa và ngồi xuống đối diện với họ.

“Suốt đêm tao không ngủ và tao mệt. Tao muốn về nhà. Chúng mày cho tao biết tiền và châu báu chúng mày giấu cho Salgado ở đâu thì sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết, nghe chưa?”

Những tù binh nhìn chằm chằm đầy hoang mang và sợ hãi.

“Chúng tôi không biết gì về châu báu hay người nào tên Salgado cả,” người lớn tuổi hơn nói.

Fumero gật đầu về hơi mệt mỏi. Mắt hắn thông thả nhìn ba tù binh, như thể hắn có thể đọc được ý nghĩ và phát chán vì họ. Sau một vài giây không chắc chắn, hắn chọn người phụ nữ và kéo ghế lại gần hơn cho tới khi chỉ cách cô ta chừng nửa mét. Người phụ nữ run rẩy.

“Để cô ấy yên, đồ chó má,” người đàn ông trẻ hơn quát. “Nếu mày chạm vào cô ấy, tao thề tao sẽ giết mày.”

Fumero cười buồn.

“Bạn gái mày rất đẹp đấy.”

Navas, gã cảnh sát đứng ngoài căn nhà gỗ, có thể cảm thấy mồ hôi lạnh thấm vào áo. Gã lơ đi tiếng kêu thét từ trong nhà vọng ra. Khi đồng nghiệp của gã ném cho gã cái nhìn lén lút từ phía cổng nhà máy, gã lắc đầu.

Không ai nói với nhau một lời. Fumero đã ở trong căn nhà được nửa tiếng, rồi cuối cùng cánh cửa cũng mở ra sau lưng Navas. Gã bước sang một bên và tránh nhìn trực tiếp vào những vết ướt trên chiếc áo đen của viên thanh tra. Fumero bước chậm đến cửa trong khi Navas, sau một cái liếc mắt nhanh vào căn nhà, đóng cửa lại, cố không nôn mửa. Theo hiệu lệnh của Fumero, hai tên lính của hắn mang can xăng đến đổ lên tường căn nhà gỗ và khu vực xung quanh. Chúng không đứng lại nhìn nó chìm trong biển lửa.

Fumero ngồi bên ghế phụ, đợi chúng quay lại xe. Chúng lái xe đi trong yên lặng khi một cột khói và lửa bốc lên từ đồng đồ nát của cái nhà máy cũ, để lại một vệt tro bụi tỏa đi theo gió. Fumero hạ thấp cửa kính xe và vờ tay ra ngoài trời lạnh và ẩm ướt. Ngón tay hắn có máu. Navas lái xe với đôi mắt nhìn chằm về phía trước, nhưng gã chỉ có thể nhìn thấy ánh mắt van xin của người phụ nữ đó, vẫn còn sống, trước khi gã đóng cửa lại. Biết rằng Fumero đang nhìn mình, gã siết chặt tay lái để giấu đi việc mình đang run.

Từ lề đường, một nhóm trẻ con rách rưới đang nhìn chiếc xe chạy qua. Một đứa, lấy tay giả làm khẩu súng, vờ như đang nhắm vào bọn chúng. Fumero mỉm cười và đáp lại cùng cử chỉ tương tự. Vài giây sau, chiếc xe biến mất vào những con phố hẹp bao quanh một rừng những cột ống khói và nhà kho, như thể nó chưa bao giờ ở đó.

2

Fermín nằm bầy ngày trong lều, trong hôn mê. Không thứ khăn ướt nào giúp anh nguôi cơn sốt; không thuốc mỡ nào có thể làm dịu con đau, mà như người ta nói, đang thiêu đốt anh. Những bà cụ ở đó, họ thay phiên nhau chăm sóc anh và cho anh uống tonic với hy vọng giúp anh sống, họ bảo rằng kẻ lạ này có con quỷ trong người, con quỷ ăn năn, rằng linh hồn anh muốn chạy trốn đến cuối đường hầm và trú ngụ ở trong khoảng trống tối tăm.

Đến ngày thứ bảy, người mà ai cũng gọi là Armando và uy quyền của ông trong cái thị trấn tồi tàn này chỉ đứng sau Chúa, đã đến túp lều và ngồi cạnh người đang ốm. Ông kiểm tra vết thương, dùng tay banh mí mắt anh rồi đọc những bí mật được viết trong đồng tử dãn nở của anh. Những bà cụ đã chăm sóc anh tụ lại thành một nhóm đứng sau lưng Armando, chờ đợi trong sự yên lặng kính cẩn. Sau một lát Armando gật đầu và rời túp lều. Hai thanh niên đang đợi ở cửa đi theo ông đến mép nước nơi có những con sóng vỗ vào bờ, và họ cẩn thận lắng nghe những chỉ dẫn của ông. Armando nhìn họ rời đi và ông ở lại, ngồi trên con thuyền cá hồng bị cơn bão đánh giạt vào bờ và nằm đó, giữa bờ biển và nhà tù.

Ông châm một điếu thuốc nhỏ, và tận hưởng trong cơn gió sớm mai. Trong khi hút và suy tính xem nên làm gì, Armando lôi ra trang báo *La Vanguardia* mà ông đã giữ trong túi nhiều ngày nay. Ở đó,

vùi trong những đồng quảng cáo về đại nịt bụng cùng các tin bài về những buổi diễn gần đây nhất ở quận Paralelo, là một mẫu tin ngắn về vụ một tù nhân đào thoát khỏi lâu đài Montjuic. Mẫu tin có mùi hôi hám của một thông cáo chính thức. Sự tự do duy nhất mà nhà báo tự cho phép mình là một nhận xét ở cuối bài, tuyên bố rằng trước đến nay chưa từng có ai thoát được khỏi pháo đài bất khả xâm phạm ấy.

Armando ngược lên và nhìn về núi Montjuic, mọc lên ở phía nam. Tòa lâu đài, với những ngọn tháp cùng lối châu mai hiện lên giữa đám sương, tọa lên Barcelona. Armando mỉm cười cay đắng. Ông dùng mẫu thuốc châm lửa đốt tờ báo và nhìn nó biến thành tro trong cơn gió. Như mọi khi, báo chí tránh nói đến sự thật như thể tính mạng của nó phụ thuộc vào đó, và có lẽ với thiện ý. Mọi thứ liên quan đến câu chuyện này có mùi nửa sự thật và những chi tiết không được nói ra. Trong số những chi tiết ấy là nhận định rằng không ai có thể thoát được nhà tù Montjuic. Dù trong vụ này, ông nghĩ, mẫu tin có thể đã đúng, bởi ông, người mà ai cũng gọi là Armando, chỉ tồn tại trong thế giới vô hình của người nghèo và đám tiện dân. Có những nơi và những thời đại mà không là ai cả còn vinh dự hơn được làm ai đó.

3

Ngày tháng lê lết trôi đi. Mỗi ngày một lần, Armando ghé túp lều thăm hỏi người đang chết. Cơn sốt có dấu hiệu lùi dần, những dấu hiệu dè dặt và cái mớ chằng chịt những vết thâm, vết cắt và vết thương khắp cơ thể anh dường như đang dần dần lành lại dưới những lớp thuốc mỡ. Gần như suốt ngày anh chỉ ngủ hoặc ú ớ những lời khó hiểu giữa những đợt mê man và cơn trần trọc.

“Anh ta sẽ sống chứ?” Armando đôi khi lại hỏi.

“Anh ta cũng chưa quyết hẳn,” là câu trả lời của người phụ nữ mà anh tưởng nhầm là mẹ mình.

Ngày kết tinh lại thành tuần và sự thể sớm trở nên rõ ràng là không ai đến hỏi thăm về người lạ: không ai muốn dây phải một chuyện mà họ thà lờ đi không biết còn hơn. Thông thường cảnh sát và hiến binh không vào vùng Somorrostro. Có một luật bất thành văn là thành phố và thế giới kết thúc ở cổng thị trấn nghèo nàn này, và cả hai phía đều cố mà duy trì cái biên giới vô hình đó. Armando biết nhiều người phía bên kia, bí mật hoặc công khai, đang cầu cho một cơn bão sẽ xóa sổ cái thị trấn của người nghèo này đi, nhưng cho đến khi ngày ấy tới, tất cả họ đều muốn nhìn đi nơi khác, lưng quay về phía biển và quay về phía những người đang sống tạm bợ giữa mép nước và cái rừng nhà máy của Pueblo Nuevo. Dù vậy, Armando cũng có những nghi ngờ. Câu chuyện ông đã lờ mờ đoán

ra về người mà họ đã đem vào chăm sóc có thể sẽ dẫn đến việc cái luật kia bị phá bỏ.

*

Vài tuần sau, mấy cảnh sát xuất hiện hỏi liệu có ai thấy một người đàn ông lạ mặt hay không. Nhiều ngày liền Armando thận trọng để mắt đến xung quanh, nhưng khi không còn ai khác đến hỏi về người đàn ông này, ông kết luận rằng không có ai muốn tìm ra anh. Có lẽ anh đã chết và thậm chí còn không biết điều đó.

Một tháng rưỡi sau khi anh đến, những vết thương trên cơ thể bắt đầu lành. Khi người đàn ông mở mắt và hỏi mình đang ở đâu, họ giúp anh ngồi dậy để húp bát nước thịt, nhưng họ không nói gì với anh cả.

“Anh phải nghỉ ngơi.”

“Tôi còn sống không?” anh hỏi.

Không ai xác nhận anh còn sống hay đã chết. Phần lớn thời gian trong ngày anh chỉ ngủ, hoặc bị nhấn chìm trong cơn mệt mỏi không bao giờ rời bỏ. Mỗi lần nhắm mắt và phó mặc cho sự kiệt sức, anh đều chu du đến cùng một nơi. Trong giấc mơ, xuất hiện từ đêm này qua đêm khác, anh trèo lên những bức tường của một hầm mộ rộng lớn không đáy rải đầy xác người. Khi lên đến miệng hầm và quay nhìn ra đằng sau mình, anh thấy những xác chết ma quái kia vùng vẫy như những con lươn. Những xác chết mở mắt và leo lên hố, đuổi theo anh. Họ theo anh băng qua núi rồi quay lại những con phố Barcelona, tìm kiếm nơi trú ngụ của họ ngày xưa, gõ cửa nhà những người họ từng yêu. Một số lại đi tìm những kẻ đã giết mình và lòng sục khắp thành phố, khát khao trả thù, nhưng hầu hết họ chỉ muốn

quay về tổ ấm của họ, về giường của họ, và ôm ấp vợ con hay những người tình mà họ đã bỏ lại. Nhưng không ai mở cửa cho họ. Không ai nắm tay họ hay muốn hôn lên môi họ. Người đàn ông sắp chết, người đắm mồ hôi, đêm nào cũng tỉnh dậy trong bóng đêm với tiếng hét chói tai của cái chết trong tâm hồn anh.

*

Một người lạ thường ghé thăm anh. Người này toát lên mùi thuốc lá và nước thơm, hai thứ khó mà kiếm được vào thời buổi ấy. Ông ta ngồi trên ghế cạnh anh, nhìn anh với ánh mắt không tài nào thấu hiểu. Tóc ông ta màu đen như nhựa đường, và nét mặt đầy sắc cạnh. Khi nhận ra bệnh nhân của mình đã tỉnh, ông ta mỉm cười với anh.

“Người là Chúa trời hay quỷ dữ?” người sắp chết có lần hỏi.

Người lạ nhún vai và ngẫm nghĩ.

“Chút này chút kia,” cuối cùng ông ta trả lời.

“Về nguyên tắc, tôi là người vô thần,” bệnh nhân cho ông ta biết.
“Dù kỳ thực tôi tin vào nhiều thứ.”

“Cũng giống như nhiều người khác. Giờ hãy nghỉ ngơi đi, bạn của tôi. Thiên đường có thể đợi. Còn địa ngục thì quá nhỏ bé với anh.”

4

Giữa những cuộc ghé thăm của quý ông xa lạ có mái tóc đen nhánh, người bệnh yên lặng để cho người khác đút ăn, lau người và cho anh mặc những bộ quần áo sạch sẽ vốn hơi quá to với anh. Khi cuối cùng anh đã có thể đứng lên và tự bước được vài bước, họ dẫn anh xuống mép bờ biển để anh nhúng bàn chân xuống và cảm nhận biển Địa Trung Hải ve vuốt nhẹ nhẹ lên da thịt mình. Một hôm anh ngồi cả buổi sáng nhìn một nhóm những đứa trẻ rách rưới với khuôn mặt bẩn thỉu đang chơi trên cát, và anh nghĩ có lẽ anh muốn sống, ít nhất thêm một lúc nữa. Thời gian dần trôi, những ký ức và cơn giận bắt đầu ngoi lên, và kèm theo chúng là mong ước được quay lại thành phố và nỗi sợ phải quay lại.

Chân, cánh tay, và những bộ phận khác bắt đầu hoạt động ít nhiều như những gì anh nhớ được. Anh đã lấy lại niềm vui hiếm hoi là tè về hướng gió mà không bị nhói buốt hay gặp một biến cố đáng xấu hổ nào và tự nhủ rằng một người đàn ông có thể đứng đái mà không cần ai giúp đỡ là một người đàn ông đủ điều kiện đối mặt với trách nhiệm của mình. Ngay đêm hôm ấy, lúc trời còn chưa sáng, anh lặng lẽ thức dậy và bước qua những con ngõ hẹp mình trú ẩn đến tận đường tàu thứ chia cắt thị trấn và đường phố. Phía bên kia là rừng ống khói cùng các thiên thần và lăng tẩm của nghĩa trang in bóng lên nền trời. Xa hơn nữa, trong cái hoạt cảnh của ánh sáng trải dài khắp các sườn đồi, là Barcelona. Anh nghe thấy tiếng bước

chân phía sau và khi quay lại anh bắt gặp cái nhìn bình thản của người có mái tóc đen.

“Anh đã tái sinh,” người kia nói.

“Vâng, hy vọng rằng lần này mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn. Cho đến giờ tôi đã trải qua một thời gian tồi tệ...”

Người tóc đen mỉm cười.

“Cho phép tôi tự giới thiệu. Tôi là Armando, người Gypsy.”

Fermín bắt tay ông.

“Fermín Romero de Torres, không phải người Gypsy.”

“Fermín, anh bạn tôi: tôi có ấn tượng rằng anh đang tính chuyện quay lại với những người kia.”

“Ông không thể làm con báo rũ bỏ vết đốm được,” Fermín quả quyết. “Tôi còn mấy chuyện chưa làm xong.”

Armando gật đầu.

“Tôi hiểu. Nhưng chưa được, bạn thân mến,” ông ta nói.

“Hãy kiên nhẫn. Cứ ở với chúng tôi một thời gian đã.”

Nỗi sợ về điều chờ đợi mình phía trước và sự rộng lượng của những người lạ mặt này đã giữ anh ở đó cho đến một sáng Chủ nhật, khi anh mượn được một tờ báo mà mấy đứa trẻ tìm thấy trong thùng rác của một quầy giải khát trên bãi biển La Barceloneta. Thật khó mà biết tờ báo đã nằm trong đống rác bao lâu, nhưng ngày ra báo là ba tháng sau cái đêm anh đào thoát. Anh lục lọi từng trang để tìm một dấu hiệu hay xem có chỗ nào nhắc đến mình không, nhưng chẳng có gì cả. Chiều hôm đó, khi anh đã quyết định quay lại

Barcelona lúc đêm buông, Armando lại chỗ Fermín và bảo anh rằng người của ông đã đến *nhà trọ* anh ở trước đây.

“Fermín, tốt hơn hết anh không nên lai vãng đến đó để lấy đồ đạc.”

“Sao ông biết địa chỉ của tôi?”

Armando mỉm cười, tránh câu hỏi.

“Cảnh sát bảo họ rằng anh đã chết. Tin báo tử của anh xuất hiện trên báo cách đây vài tuần. Tôi không nói gì bởi lẽ tôi nhận ra đọc tin mình đã qua đời khi mà mình đang dưỡng bệnh thì chẳng nghĩa lý gì cả.”

“Tôi chết vì nguyên nhân gì?”

“Tự nhiên. Anh rơi xuống một khe núi khi cố chạy trốn khỏi pháp luật.”

“Vậy là tôi đã chết?”

“Chết như điệu nhảy polka.”

Fermín cân nhắc những hệ lụy phát sinh từ tình trạng mới của mình.

“Thế tôi làm gì bây giờ? Tôi về đâu đây? Tôi không thể ở mãi đây, lợi dụng lòng tốt của ông và đẩy mọi người vào chỗ nguy hiểm.”

Armando ngồi xuống cạnh anh và châm một điếu thuốc mà ông tự cuốn lấy. Nó có mùi khuynh diệp.

“Fermín, anh có thể làm điều anh muốn, bởi anh không tồn tại. Tôi xem nữa đã gợi ý anh ở lại đây, bởi giờ anh cũng là người như chúng tôi, những người không có tên và không được ghi nhận ở bất kỳ đâu. Chúng ta là những bóng ma. Vô hình. Nhưng tôi biết anh phải quay lại và giải quyết những việc anh bỏ dở ngoài kia. Thật

không may, một khi anh rời khỏi đây, tôi không thể bảo vệ anh được nữa.”

“Ông đã làm quá đủ cho tôi rồi.”

Armando vỗ vai Fermín rồi đưa cho anh tờ giấy gấp nhỏ ông mang theo trong túi.

“Hãy rời thành phố một thời gian. Chờ một năm rồi hãy quay lại và, anh quay lại, hãy bắt đầu từ đây,” ông nói, rồi quay đi.

Fermín giở tờ giấy ra và đọc:

FERNANDO BRIANS

LUẬT SƯ

Phố Caspe, 12

Tầng gác mái, phòng 1

Barcelona. Điện thoại 564375

“Làm sao tôi có thể đền đáp những gì ông đã làm cho tôi đây?”

“Một ngày nào đó, khi đã giải quyết xong chuyện của anh, hãy về đây và tìm tôi. Chúng ta sẽ đi xem Carmen Amaya nhảy và anh có thể cho tôi biết làm thế nào anh thoát ra khỏi đó. Tôi tò mò đấy,” Armando nói.

Fermín nhìn vào đôi mắt đen và từ từ gật đầu.

“Ông đã ở trong phòng giam nào, Armando?”

“Phòng mười ba.”

“Những dấu thập ở trên tường có phải của ông không?”

“Không như anh, Fermín ạ, tôi *tin* vào Chúa, nhưng tôi đã mất niềm tin của mình.”

Chiều hôm đó không ai nói lời từ biệt với Fermín hay cố ngăn anh lại. Anh ra đi, lại thêm một người vô hình nữa, về phía những con đường của một Barcenola đầy điện đóm. Xa xa đằng kia những ngọn tháp của nhà thờ Sagrada Familia dường như kẹt vào một tấm chăn những đám mây đỏ báo hiệu một cơn bão có tầm vóc cỡ trong Kinh Thánh, và anh vẫn bước đi tiếp. Bước chân đưa anh đến trạm xe buýt ở phố Trafalgar. Có chút tiền trong túi chiếc áo khoác Armando đã cho anh, anh mua vé chuyển đi dài nhất mà xe chạy. Anh qua đêm trên chiếc xe buýt, băng qua những con đường hoang vắng dưới mưa. Ngày kế tiếp anh cũng làm y vậy, sau ba ngày ngồi tàu, đi bộ và qua đêm trên những chuyến xe buýt, anh đến một nơi mà những con phố không có tên và những ngôi nhà không có số, nơi không có gì và không ai có thể nhớ anh.

Anh có cả trăm công việc và không có bạn. Anh kiếm ra tiền, anh tiêu tiền. Anh đọc những cuốn sách kể về một thế giới mà anh không còn tin. Anh bắt đầu viết một bức thư mà anh không bao giờ biết phải kết thúc thế nào, anh vật lộn với những hồi tưởng và xót thương. Nhiều hơn một lần anh bước lên chiếc cầu hay một vách đá và điềm tĩnh nhìn xuống vực thẳm bên dưới. Vào phút cuối ký ức về lời hứa luôn quay trở lại, và cả ánh nhìn trong mắt Tù Nhân Của Thiên Đường. Sau một năm, Fermín rời căn phòng mà anh đã trọ trên quán cà phê, hành lý không có gì ngoài cuốn *Thành phố bị nguyên rửa* mà anh tìm được ở chợ đồ cũ - có lẽ là cuốn sách duy nhất của Martín không bị đốt và Fermín đã đọc nó cả chục lần - anh đi bộ hai cây số đến ga tàu và mua tấm vé đã chờ đợi anh suốt những tháng ấy.

“Làm ơn bán cho tôi vé một chiều đi Barcelona.”

Nhân viên bán vé xuất vé ra và đưa cho anh với ánh mắt khinh thị.

“Có các vàng tôi cũng không làm một việc như vậy,” anh ta nói.

“Cái chồn rặt một lũ chó Catalan khôn kiếp ấy.”

Barcelona, 1941

Trời bắt đầu nhá nhem khi Fermín bước xuống tàu tại nhà ga Francia. Một đám khói và muội đen từ động cơ phun ra bay dọc sân ga, cuốn lấy chân hành khách khi họ bước xuống sau một hành trình dài. Fermín hòa vào dòng người lặng lẽ tiến đến lối ra, giữa những người mặc quần áo cũ mòn, kéo theo những chiếc va li có dây buộc, những người già trước tuổi mang theo mọi đồ đạc trong một cái bọc, trẻ em với những ánh mắt chờ đợi và túi áo trống rỗng.

Hai tay hiến binh gác lối vào. Fermín trông thấy ánh mắt họ theo dõi hành khách và cách họ chặn ngẫu nhiên một người để hỏi giấy tờ. Anh bước thẳng về phía họ. Khi chỉ cách họ chừng chục mét, anh nhận ra tay hiến binh đang nhìn mình. Trong tiểu thuyết của Martín, cuốn sách mà Fermín mang theo suốt mấy tháng nay, một nhân vật đã thề rằng cách tốt nhất để vô hiệu hóa cơ quan thẩm quyền là lên tiếng với họ trước khi họ lên tiếng với mình. Nên trước khi tay hiến binh có thể gọi anh đứng lại, Fermín bước thẳng đến gã đó và nói với giọng bình tĩnh:

“Xin chào, sếp. Anh làm ơn chỉ cho tôi đường đến khách sạn Porvenir được không? Tôi tin rằng nó ở Plaza Palacio, nhưng tôi không thông thạo thành phố này lắm.”

Tên hiến binh yên lặng dò xét anh, hơi khó chịu. Đồng nghiệp của hắn tiến lại gần, đứng chắn ở bên phải.

“Anh sẽ phải hỏi ai đó khi đi ra khỏi đây,” hắn nói, giọng không mấy thân thiện.

Fermín gật đầu lịch sự.

“Tôi sẽ làm thế. Xin lỗi vì đã làm phiền các anh.”

Anh toan đi tiếp về phía sảnh, thì gã hiến binh kia níu tay anh lại.

“Plaza Palacio ở phía bên trái khi anh đi ra. Hướng ngược lại là doanh trại quân sự.”

“Hết sức cảm ơn các anh. Chúc buổi tối tốt lành.”

Hai tay hiến binh để cho anh đi và Fermín bước từ tốn, chậm rãi, cho tới khi đến sảnh rồi ra đường.

Ráng chiều đỏ ối phủ khắp Barcelona. Thành phố trông tối tăm với những bóng đen đầy góc cạnh bên xoắn lấy nó. Chiếc xe điện trống một nửa rì rì chạy, phát ra thứ ánh sáng lập lòe lên đường rải sỏi. Fermín đợi cho xe chạy qua rồi mới đi sang bên kia đường. Khi bước qua đường ray sáng bóng anh nhìn về phía xa xa, nơi hai phía của đại lộ Paseo Colon dường như đang hội tụ và ngọn đồi cùng lâu đài Montjuic hiện ra mờ mờ phía trên thành phố. Anh lại nhìn xuống và bước theo đường Comercio tiến về chợ Borne. Những con phố vắng bóng người và một cơn gió lạnh thổi qua những ngõ nhỏ. Anh không còn nơi nào mà đi.

Anh nhớ Martín có kể nhiều năm trước ông sống trong khu vực đó, một căn nhà lớn đã cũ, bị chôn vùi trong con hẻm tối trên phố Flasadors, cạnh nhà máy sô cô la cũ Maurti. Fermín tiến về hướng

đó nhưng khi đến nơi anh nhận ra rằng tòa nhà đã bị nã pháo trong chiến tranh. Chính quyền không thèm di dời đồng phế liệu, nên cư dân ở đây đã chất chúng thành đồng bên đường, hẳn là dành chỗ cho họ đi lại trên phố, và chỗ này còn hẹp hơn cả hành lang của những ngôi nhà trong những khu vực tươm tất hơn của thành phố.

Fermín nhìn xung quanh anh. Ánh sáng mờ đục của những bóng đèn và ngọn nến giạt xuống từ phía những ban công. Anh dần sâu vào đồng đồ nát, nhảy qua đồng gạch, những miệng máng xối, và những xà rầm xoắn vào nhau thành những nút thắt tưởng như không có thực, để tìm một nơi giữa đồng nhà đồ nát này. Cuối cùng anh nằm xuống dưới một vòm đá vẫn còn số 30 khắc bên trên, địa chỉ ngày xưa của David Martín. Che người bằng chiếc áo khoác và những tờ báo cũ lót bên trong, anh nằm cuộn tròn, nhắm mắt lại và cố chợp mắt.

Nửa giờ trôi qua và cái lạnh bắt đầu ngấm sâu vào xương tủy. Một cơn gió liếm vào đồng tàn tích, tìm kiếm lỗ và khe hở. Fermín mở mắt và đứng dậy. Anh đang định tìm nơi được che chắn kỹ hơn, thì anh nhận ra trên phố có một bóng người đang nhìn mình. Fermín đông cứng người lại. Dáng người đó tiến thêm vài bước về phía anh.

“Ai đấy?” bóng người kia hỏi.

Người đó tiến gần hơn một chút và ánh sáng từ xa của ngọn đèn đường hé lộ khuôn mặt của một người cao ráo, rắn chắc, mặc đồ đen. Fermín để ý cổ áo: một cha xứ. Anh giơ cả hai tay lên làm cử chỉ dĩ hòa vi quý.

“Con đang chuẩn bị đi khỏi đây, thưa cha. Làm ơn, đừng gọi cảnh sát.”

Cha xứ nhìn anh từ đầu đến chân. Ánh mắt ông khắc khổ và ông có dáng vẻ của một người đã dành nửa cuộc đời để bốc vác ngoài cảng chứ không phải là cầm cốc lễ.

“Con có đói không?” ông hỏi.

Fermín hẳn sẽ ăn bất kỳ viên đá thô ráp nào tại đây nếu người ta rỏ vài giọt dầu ô liu lên đó, nhưng anh lắc đầu.

“Con vừa ăn tối ở Siete Puertas, con đã nhồi nhét no nê món tôm hùm rồi,” anh nói.

Vị cha xứ mỉm cười. Ông quay đi và bắt đầu bước.

“Đi nào,” ông ra lệnh.

6

Cha Valera sống ở tầng trên cùng của một tòa nhà cuối đường Borne, từ đây có thể nhìn ra những mái nhà của khu chợ. Fermín nhanh chóng vét sạch ba bát xúp loãng cùng vài mẩu bánh mì ôi, cùng với một ly rượu pha nước lã mà cha xú đặt trước mặt anh, trong khi ông nhìn anh với vẻ tò mò.

“Cha không ăn tối ư, thưa cha?”

“Ta thường không ăn tối. Con cứ ăn đi. Ta thấy như con đói ăn từ mãi năm 1936 vậy.”

Trong khi xì xụp ăn xúp cùng bánh mì, anh nhìn một lượt khắp phòng ăn. Bên cạnh anh, một chiếc tủ kính bày một bộ sưu tập đĩa và ly, nhiều tượng thánh và trông như có một bộ dao đĩa bạc khiêm tốn.

“Ta cũng đọc *Những người khốn khổ*, nên đừng nghĩ đến chuyện đó,” cha xú cảnh báo.

Fermín gật đầu, xấu hổ.

“Tên con là gì?”

“Fermín Romero de Torres, sẵn lòng phục vụ đức cha.”

“Họ có đang đuổi theo con không, Fermín?”

“Còn tùy xem cha nhìn nhận thế nào. Chuyện đó phức tạp lắm.”

“Nếu con không muốn kể thì ta cũng không quan tâm. Nhưng với quần áo như thế kia con không thể lai vãng ở nơi này được. Con sẽ

bị bắt vào tù trước cả khi đến phố Layetana. Người ta đang chặn bắt rất nhiều người sống ẩn dật dạo gần đây. Con phải cẩn thận đấy.”

“Ngay khi lấy được số tiền con giấu trong một cái kho kín, con nghĩ mình sẽ ghé qua El Dique Flotante và bước ra với vẻ bảnh bao thường lệ.”

“Chắc rồi. Nhưng ngay lúc này, giúp ta một việc. Con đứng lên một lát, được không?”

Fermín buông thìa và đứng dậy. Cha xứ dò xét cẩn thận.

“Ramón to cao gấp đôi con, nhưng ta nghĩ mấy bộ quần áo của cậu ấy lúc còn trẻ chắc vừa với con.”

“Ramón ư?”

“Em trai của ta. Nó bị giết ở kia, trên đường, ngay cửa trước, vào tháng Năm năm 1938. Bọn chúng tìm ta, nhưng nó đã chặn chúng lại. Nó là một nhạc công giỏi. Nó chơi cho ban nhạc của thành phố. Tay kèn trumpet chính.”

“Con rất tiếc, thưa cha.”

Cha xứ nhún vai.

“Ít nhiều thì tất cả mọi người ai cũng gặp mất mát, bất kể họ có thuộc về phe nào.”

“Con không thuộc về phe nào cả,” Fermín đáp. “Hơn nữa, con nghĩ rằng cờ quạt chẳng gì khác một món giẻ rách được tô vẽ đại diện cho những thứ cảm xúc bốc mùi. Chỉ cần nhìn thấy ai đó quàng lên mình lá cờ, khắc nhỏ đủ loại quốc ca, phù hiệu và rao giảng là con lại phải chạy đi tiêu. Con luôn nghĩ rằng hễ cứ kẻ nào thấy khấn thiết phải tham gia bày đàn thì kẻ đó phải có chút tính cừu trong người.”

“Con hẳn đã trải qua một thời gian khó khăn ở đất nước này.”

“Cha chẳng biết được đâu. Nhưng con luôn tự nhắc nhở rằng cứ được ăn bánh nhân thịt tiêu cay là hết thấy đều được bù đắp. Mà dù sao thì thế giới này ở đâu chả vậy.”

“Đúng vậy. Nói ta nghe, Fermín. Lần gần đây nhất con ăn bánh nhân thịt tiêu cay là khi nào?”

“Mồng sáu tháng Ba năm 1934. Los Caracoles, trên phố Escudellers. Một cuộc đời khác.”

Cha xụ mím cười.

“Đêm nay con có thể ở đây, Fermín, nhưng ngày mai con phải tìm chỗ khác. Người ta sẽ bàn tán. Ta có thể cho con ít tiền thuê chỗ nghỉ, nhưng đừng quên rằng người ta sẽ hỏi giấy tùy thân và ghi sổ cho cảnh sát tên khách trọ.”

“Cái đó thì khỏi phải nói rồi, thưa cha. Ngày mai, trước bình minh, con sẽ biến mất còn nhanh hơn cả lòng tốt. Và con không thể nhận một xu của cha. Con đã lợi dụng cha nhiều lắm rồi...”

Cha xụ đưa một tay lên và lắc đầu.

“Cứ thử xem mấy thứ của Ramón khoác lên người con trông sẽ thế nào,” ông nói, và đứng dậy.

Cha Valera khăng khăng tặng cho Fermín một đôi giày vẫn còn mới mới, chiếc áo len khiêm nhường nhưng sạch sẽ, hai bộ đồ lót cùng ít đồ vệ sinh cá nhân mà ông bỏ hết vào một chiếc va li. Chiếc kèn trumpet sáng bóng bày trên kệ, cạnh mấy bức ảnh chụp hai thanh niên trẻ trung ưa nhìn đang mím cười, trông như được chụp tại lễ hội hằng năm của quận Gracia. Ta phải nhìn kỹ lắm mới nhận ra một

người trong đó là cha Valera, giờ trông ông đã già thêm ba chục tuổi.

“Ta không có nước nóng. Sáng mai người ta mới đổ nước vào bể, nên hoặc là con đợi, hoặc là con dùng nước trong bình này.”

Trong khi Fermín tắm rửa sạch sẽ nhất có thể, cha Valera chuẩn bị một ấm cà phê cùng ít rau diếp xoắn pha với vài thứ khác trông rất khả nghi. Không có đường nhưng ly nước bên bàn đó thật ấm áp và người bạn uống cùng anh thì dễ chịu.

“Người ta sẽ nghĩ chúng ta đang ở Colombia thưởng thức những hạt cà phê ngon nhất mất,” Fermín nói.

“Con quả là người kỳ dị, Fermín ạ. Ta có thể hỏi con một chuyện cá nhân được không?”

“Liệu cha sẽ giữ bí mật, như thể đây là một buổi xưng tội chứ?”

“Cứ xem như là có.”

“Vậy tới luôn đi.”

“Con đã bao giờ giết người chưa? Ý ta là, trong chiến tranh.”

“Chưa,” Fermín đáp.

“Ta thì rồi.”

Fermín đờ người, ly cà phê đã cạn nửa. Cha xúr hạ mắt xuống.

“Ta chưa bao giờ kể cho ai.”

“Hãy xem như chúng ta vẫn đang trong buồng xưng tội,” Fermín trấn an ông.

Cha xúr dụi mắt và thở dài. Fermín tự hỏi đã bao nhiêu lâu con người này sống đơn độc ở đây, áp ủ cái bí mật và ký ức về người em đã chết của mình.

“Cha hẳn phải có lý do, thưa cha.”

Cha xứ lắc đầu.

“Chúa đã bỏ mặc đất nước này,” ông nói.

“Vậy cha đừng lo. Ngay khi ngài nhìn thấy điều đang manh nha ở phía bắc Pyrenees, ngài sẽ thấy hồ thẹn mà cụp đuôi quay về.”

Cha xứ im lặng một lúc lâu. Họ uống hết cốc cà phê thể phẩm và để giải khuây cho vị cha xứ, người dường như càng thêm u uất mỗi phút trôi đi, Fermín rót cho mình ly thứ hai.

“Con thực sự thích thứ cà phê này chứ?”

Fermín gật đầu.

“Con có muốn ta nghe lời xưng tội của con không?” cha xứ đột nhiên hỏi. “Ta lần này thì là xưng tội thật sự.”

“Mong cha đừng phật lòng, thưa cha, nhưng con không thực sự tin mấy thứ kiểu vậy...”

“Nhưng có lẽ Chúa tin ở con.”

“Con không chắc.”

“Con không cần phải tin vào Chúa mới xưng tội được. Đây là chuyện giữa con và lương tâm của con. Có gì để mất đâu?”

Trong suốt mấy giờ tiếp đó Fermín kể cho cha Valera mọi chuyện anh giữ trong lòng kể từ khi trốn khỏi lâu đài cách nay đã một năm. Vị cha xứ lắng nghe chăm chú, đôi khi lại gật đầu. Cuối cùng, khi Fermín cảm thấy anh đã nói hết thầy mọi chuyện và rằng phiền đã bóp nghẹt hơi thở mấy tháng qua mà mình nhận ra đã lặng lẽ biến mất, cha Valera lôi dưới bàn ra một chai rượu, và không hỏi anh, ông rót phần còn lại vào ly và đưa cho Fermín.

“Con đang hy vọng có một giải pháp, thưa cha, chứ không phải được thưởng một tợp cognac.”

“Cũng thế cả thôi. Ngoài ra, ta không còn ở vị thế để tha thứ hay phán xét ai nữa, Fermín ạ. Nhưng ta nghĩ con cần giải tỏa hết những điều trong lòng như thế. Con định làm gì bây giờ?”

Fermín nhún vai.

“Con quay lại, hay chính xác hơn là liều chết mà quay lại, là bởi lời hứa của con với Martín. Con phải tìm vị luật sư, tìm cô Isabella và cậu bé Daniel ấy, và bảo vệ họ.”

“Bằng cách nào?”

“Con không biết. Con đang nghĩ. Cha có gợi ý gì không?” “Nhưng con còn không biết họ kia mà. Họ chỉ là những người lạ mà người đàn ông con gặp trong tù kể con nghe...”

“Con biết. Khi cha nói kiểu ấy thì kế hoạch đó nghe cũng hơi điên nhỉ?”

Vị cha xứ nhìn anh như thể ông có thể thấu qua những lời lẽ của anh.

“Lẽ nào vì đã gặp quá nhiều khổ đau và quá nhiều điều xấu xa ở con người nên con muốn làm điều tốt, kể cả khi đó là một điều điên rồ?”

“Và tại sao lại không?”

Valera mỉm cười. Vị cha xứ cầm lấy ly rượu trong tay Fermín mà anh chưa kịp ném rồi nốc cạn.

“Ta biết Chúa tin ở con.”

Ngày hôm sau, Fermín rón rén đi ra khỏi căn hộ để không làm phiền cha Valera, người đã chìm vào giấc ngủ trên ghế xô pha với một tập thơ của Machado trong tay và đang ngáy như một con bò chiến. Trước khi đi anh hôn lên trán ông và để lại bộ đồ bạc - mà cha đã gói trong khăn và tuồn vào va li - lên bàn phòng ăn. Rồi anh bước xuống bậc thang với bộ quần áo sạch sẽ và lương tâm trong sạch, quyết tâm phải sống sót, ít nhất trong vài ngày nữa.

Ngày hôm ấy trời nắng gắt và một cơn gió mát lùa qua thành phố. Nắng rực rỡ và gay gắt, đổ bóng dài xuống mặt đường. Fermín bỏ cả buổi sáng ra để tản bộ qua những con phố mà anh còn nhớ, dừng lại trước các cửa hiệu và ngồi trên ghế dài để ngắm những cô gái xinh đẹp - với anh tất cả họ đều xinh đẹp. Tầm trưa, anh đi bộ đến một quán cà phê ngay đầu phố Escudeller, gần nhà hàng Los Caracoles của những ký ức hạnh phúc. Quán cà phê ấy tự bản thân nó cũng là chỗ khét tiếng đối với những người có khẩu vị dễ dãi và bạo dạn, vì đây là nơi bán món bánh kẹp rẻ nhất trong thành phố. Mẹo ở đây, các chuyên gia bảo, là đừng hỏi công thức.

Diện bộ quần áo mới bảnh bao và trang bị cả những tờ báo lót dưới áo để trông bệ vệ hơn, làm giả cơ bắp giữ ấm một cách rẻ tiền, Fermín ngồi ở quầy bar, xem các món đặc sản phù hợp với những túi tiền khiêm nhường và bắt đầu thương lượng với người phục vụ.

“Tôi có một câu hỏi, anh bạn trẻ. Trong món đặc biệt hôm nay, bánh mì nông dân kẹp *mortadella* và thịt nguội Cornellá, thì bánh mì có kèm cà chua tươi không?”

“Cà chua mới ngắt ngoài khu vườn ở El Prat của chúng tôi, ngay phía sau những nhà máy axit sunphuric.”

“Thế thì hương vị hảo hạng rồi. Và anh nói xem, anh bạn tốt, quán ăn này có ghi nợ cho những cá nhân có lý do phù hợp không?”

Người phục vụ mất đi nét vui vẻ và rút lui về sau quầy bar, đeo khăn lên vai bằng một cử chỉ không mấy thân thiện.

“Không với cả Chúa quyền năng.”

“Tôi hiểu. Và anh có tính đặc cách cho một anh hùng chiến tranh được trao huy chương và mang thương tật đầy người không?”

“Biến đi không chúng tôi gọi cảnh sát bây giờ.”

Trước những chính sách ngặt nghèo đang được áp dụng, Fermín vội vàng lủi đi, tìm một góc vắng lặng để tính toán lại kế hoạch của mình. Anh vừa yên chỗ nơi bậc thềm của tòa nhà bên cạnh thì một thiếu nữ, chưa quá mười bảy tuổi dù chỉ một ngày nhưng đã sở hữu những đường cong của một đóa hồng đang hé nở, bước qua anh và ngã úp mặt xuống đất.

Fermín bật dậy để giúp cô gái và chỉ vừa mới cầm cánh tay cô thôi thì anh nghe thấy một giọng nói khiến cho lời lẽ của gã phục vụ khó ưa vừa đuổi anh đi khi nãy nghe như tiếng nhạc thiên đường.

“Này, con đĩ đồn mạt kia, đừng giở trò với tao không tao cứa mặt mày và tống mày ra đường, nơi vốn đã đầy rẫy những con điếm ngơ ngẩn vô công rồi nghề bây giờ.”

Tác giả của câu nói thanh lịch kia hóa ra là một gã ma cô có nước da mai mai với một con mắt đáng ngờ về thời trang. Dù sự thực là kẻ đó to lớn gấp đôi Fermín, và đang cầm một vật có vẻ sắc, hay ít nhất là có một đầu khá nhọn, thì Fermín, vốn đang bắt đầu chán đến tận răng những kẻ du côn, đã sẵn tới chắn giữa cô gái và kẻ hành hung cô.

“Còn mày là thằng chó nào hả, đồ ăn hại kia? Biến đi trước khi tao rạch nát mặt mày.”

Fermín cảm thấy cô gái sợ hãi siết chặt cánh tay mình. Cô toát lên mùi quế ngọt lẫn với mùi mực ống chiên kỹ. Thoáng nhìn thôi Fermín cũng đã nhận ra tình huống này không thể giải quyết qua đường ngoại giao, anh quyết định hành động. Sau một đánh giá chớp nhoáng về đối thủ anh kết luận rằng tổng thể mà nói hấn chủ yếu là một khối thịt nhão nhoét, và khi phải đụng đến cơ bắp thực sự, hay chất xám, thì hấn không thể tung một cú đấm chết người được.

“Đừng nói cái giọng đó với tôi, và với quý cô đây thì lại càng không được.”

Tên ma cô kinh ngạc nhìn anh, như thể hấn không thấm được chữ nào. Một giây sau, hấn, vốn không hề nghĩ sẽ ẩu đả với con người yếu đuối này, đã gặp phải một ngạc nhiên lớn trong đời khi một chiếc va li đập vào phần mềm của hấn, khiến hấn ngã xuống đất tay ôm phần kín. Tiếp đó một đầu chiếc va li da được dùng để nã thêm bốn năm cú đánh vào những chỗ chiến lược khiến cho hấn, ít nhất là trong chốc lát, không còn tâm trạng mà đánh lại.

Một nhóm người đi ngang qua chứng kiến cảnh tượng này bắt đầu vỗ tay và, khi Fermín quay lại xem cô gái có sao không, thì anh

được chào đón bằng ánh mắt thiết tha, xen lẫn sự ân cần và lòng biết ơn vô hạn.

“Fermín Romero de Torres, hân hạnh được giúp đỡ quý cô.”

Cô gái nhón chân và hôn vào má anh.

“Em là Rociíto.”

Cái gã nằm dưới chân anh đang thở dốc và cố đứng dậy. Trước khi may mắn ngừng mỉm cười với mình, Fermín quyết định chạy xa khỏi đây.

“Tốt hơn hết chúng ta nên nhanh chân mà biến khỏi đây,” anh tuyên bố. “Giờ chúng ta đã mất đi thế chủ động, cuộc chiến sẽ không có lợi cho chúng ta...”

Rociíto nắm tay anh và dẫn anh qua cái mạng lưới chằng chịt những con phố hẹp dẫn đến Plaza Real. Khi đã ra giữa chỗ trời quang đầy nắng, Fermín mới dừng lại một lát để lấy hơi. Rociíto nhận ra rằng Fermín cứ tái dần đi. Trông anh không khỏe. Cô đoán rằng tình trạng ấy là do cuộc chạm trán kia gây ra, hoặc có lẽ cơn đói đã khiến nhà vô địch dững cảm của cô hạ huyết áp. Cô dẫn anh đến hiên Hostal Dos Mundos, nơi Fermín ngã vật xuống ghế.

Rociíto mới mười bảy tuổi nhưng đã có cái khả năng đoán bệnh mà nhiều bác sĩ kinh nghiệm cũng phải thềm thuồng, cô bèn gọi một loạt bánh tapa để làm anh hồi tỉnh. Khi Fermín thấy bữa tiệc được đưa đến, anh hoảng sợ.

“Rociíto, trên người ta không có một xu nào đâu...”

“Để em trả,” cô hãnh diện cắt lời. “Em phải quan tâm đến người đàn ông của em và cho anh ăn đầy đủ.”

Rociíto tiếp tục nhồi cho anh xúc xích cay, bánh mì và khoai tây trộn gia vị, tất cả đều được dọn sạch cùng với một cốc bia vĩ đại.

Fermín từ từ hồi sinh và lấy lại sắc thái sinh động trước sự mãn nguyện thấy rõ của cô gái.

“Còn tráng miệng, nếu anh muốn, em có thể mời anh món đặc biệt của quán sẽ làm anh đổ nghiêng đổ ngã,” người thiếu nữ liếm môi mời mọc.

“Nghe này, cô bé, chẳng phải giờ này cô đáng ra phải ở trường với các bà xơ sao?”

Rociño cười trước câu đùa của anh.

“Đồ khốn này, anh đúng là bẻm mép!”

Khi bữa tiệc vẫn tiếp diễn, Fermín vỡ lẽ rằng, nếu cứ để cô gái này quyết định thì anh đang có trước mặt một sự nghiệp hứa hẹn là dất gái. Nhưng còn có những chuyện quan trọng hơn làm anh phải bận tâm.

“Em bao nhiêu tuổi rồi, Rociño?”

“Mười tám tuổi rưỡi, thưa ngài Fermín.”

“Trông em già hơn đấy.”

“Tại cặp bươi của em đấy. Có chúng khi em mới mười ba. Nhìn cũng thích nhỉ, phải không, dù em không nên nói vậy.”

Fermín, vốn không còn được để mắt đến những đường cong từ những ngày xa xưa ở Havana, cố gắng lấy lại óc xét đoán thông thường.

“Rociño,” anh bắt đầu nói, “ta không thể chăm sóc em được...”

“Em biết, thưa ngài Fermín. Đừng nghĩ là em ngu ngốc. Em biết anh không phải hạng đàn ông sống dựa vào phụ nữ. Có thể em còn trẻ, nhưng em biết chuyện sẽ như thế nào...”

“Em phải cho ta biết chỗ mà ta sẽ gửi tiền bồi hoàn cho bữa tiệc hào phóng này. Còn lúc này ta đang trong một tình cảnh tài chính rất tế nhị...”

Rociíto lắc đầu.

“Em có phòng ở đây, trong *nhà khách* này. Em ở cùng với Lali, nhưng nó suốt ngày ra ngoài vì nó làm chỗ các tàu buôn... Sao anh không lên đó, rồi em sẽ mát xa cho anh?”

“Rociíto...”

“Không tính phí đâu...”

Fermín nhìn chăm cô với một cảm giác u buồn.

“Đôi mắt ngài buồn lắm, ngài Fermín. Hãy để Rociíto bé nhỏ làm anh vui, dù chỉ một lúc thôi. Điều đó thì có làm hại gì đâu?”

Fermín cúi xuống xấu hổ.

“Anh không ở bên cạnh phụ nữ đã bao lâu rồi?”

“Ta còn không nhớ nổi.”

Rociíto chìa tay ra, kéo anh đi theo mình, dẫn anh lên một căn phòng nhỏ với không gian vừa đủ cho một chiếc giường xiêu vẹo và một bồn rửa. Một ban công nhỏ nhìn xuống quảng trường. Cô gái kéo rèm lên và trong chốc lát đã cởi chiếc váy in hoa cô đang mặc mà không có đồ lót bên trong. Fermín liếc nhìn điều kỳ diệu của tự nhiên và để mặc cho bản thân được ôm ấp bởi một trái tim cơ hồ cũng già cỗi như trái tim anh.

“Chúng ta không cần làm gì cả, nếu anh không muốn, được chứ?”

Rociíto nằm lên giường và duỗi người ra bên cạnh anh. Cô ôm anh thật chặt rồi xoa đầu anh.

“Suyt, suyt,” cô thì thầm.

Khuôn mặt vùi vào ngực của cô gái mười tám tuổi, Fermín bật khóc.

*

Khi màn đêm buông xuống và Rociño phải bắt đầu ca làm việc của mình, Fermín lôi ra mảnh giấy Armando đã đưa cho anh một năm trước, với địa chỉ của Brians, vị luật sư, và quyết định ghé thăm nơi đó một chuyến. Rociño một mực muốn cho anh mượn ít tiền lẻ, đủ để bắt vài chuyến xe điện và mua một ly cà phê. Cô bắt anh phải thề, hết lần này đến lượt nọ, rằng anh sẽ quay lại gặp, dù chỉ là để đưa cô đi xem phim hay đi lễ Misa: cô có một niềm sùng kính đặc biệt với Đức Mẹ đồng trinh Carmen và cô yêu những buổi lễ, nhất là những buổi lễ nhạc. Rociño xuống cầu thang cùng anh và khi họ nói lời từ biệt, cô hôn lên môi anh rồi nhéo vào mũi anh.

“Yêu lắm cơ,” cô nói trong khi nhìn anh ra đi dưới những mái vòm của khu phố.

Khi Fermín băng qua quảng trường Cataluna, một dải những đám mây bắt đầu xoáy cuộn trên bầu trời. Đàn bồ câu thường bay qua quảng trường đã trú ngụ dưới những tán cây và kiên nhẫn chờ đợi. Người ta có thể ngửi thấy mùi phấn khích trong không khí khi họ vội vã bước đến cổng vào dẫn xuống tàu điện ngầm. Một cơn gió khó chịu bắt đầu thổi, kéo theo lá khô bay là là trên mặt đất. Fermín rảo chân và đúng lúc anh đến phố Caspe, cơn mưa trút xuống.

Brians là chàng trai có dáng vẻ một sinh viên phóng túng tưởng như chỉ sống nhờ bánh quy mặn và cà phê, chính là thứ ta ngửi thấy khi vào văn phòng của anh ta. Chúng, và cả giấy tờ bụi bặm. Nơi làm việc của vị luật sư là căn phòng nhỏ, tù túng nằm ở cuối một hành lang tối tăm, trên tầng gác mái của nhà hát Tivoli. Anh ta vẫn ở đó lúc tám giờ ba mươi tối. Anh ta mở cửa, bận áo sơ mi và chào vị khách bằng cái gật đầu cùng tiếng thở dài.

“Fermín, anh hẳn là Fermín. Martín đã kể cho tôi về anh. Tôi bắt đầu tự hỏi bao giờ anh sẽ ghé qua.”

“Tôi đã đi xa một thời gian.”

“Dĩ nhiên. Xin mời vào.”

Fermín theo anh ta vào trong căn phòng nhỏ.

“Đêm nay ghê rợn thật ấy nhỉ?” vị luật sư nói. Giọng anh ta có vẻ lo lắng.

“Chỉ là nước thôi mà.”

Fermín nhìn quanh mình và nhận ra có mỗi một chiếc ghế. Brians nhường anh chỗ đó và ngồi lên chồng sách luật dân sự, hình sự.

“Tôi vẫn đang chờ đồ đạc dọn tới.”

Fermín có thể nhận ra nơi này thậm chí còn không đủ chỗ cho một chiếc gọt bút chì, nhưng anh nghĩ tốt nhất không nên hé miệng. Trên bàn là một chiếc bánh nhân thịt xay và một ly bia. Một miếng

khăn giấy báo cho anh biết bữa tối xa xỉ kia mua ở quán cà phê dưới tầng trệt.

“Tôi sắp ăn tối. Tôi sẵn lòng chia sẻ với anh.”

“Không, không, anh cứ ăn đi, người trẻ như anh mới cần ăn, hơn nữa, tôi đã ăn tối rồi.”

“Tôi mời anh thứ gì nhé? Cà phê?”

“Nếu anh có kẹo Sugus...”

Brians quờ quạng trong cái ngăn bàn chứa đủ mọi thứ ngoại trừ kẹo ngọt Sugus.

“Kẹo cam thảo nhé?”

“Không sao, cảm ơn.”

“Vậy, nếu anh không phiền thì...”

Brians cắn thật mạnh miếng bánh, nhai khoái trá, Fermín bần khoăn giữa họ ai là người đói hơn. Bên cạnh bàn, cánh cửa dẫn sang phòng bên khép hờ. Fermín thoáng thấy một chiếc giường chưa dọn, một cái cộc treo đồ với mấy chiếc áo sơ mi nhàu nhĩ và một chồng sách.

“Anh sống ở đây ư?” Fermín hỏi.

Rõ ràng vị luật sư mà Isabella có thể thuê bào chữa cho Martín không phải là người nhiều tham vọng. Brians nhìn theo ánh mắt của Fermín và nở nụ cười nhún nhặn.

“Nơi này, tạm thời, là văn phòng cũng là nhà của tôi, đúng vậy,” Brians đáp, đoạn nghiêng người đóng cửa phòng ngủ lại.

“Hắn anh nghĩ trông tôi không giống một luật sư. Anh không phải người duy nhất đâu. Cha tôi cũng thế.”

“Xin chớ bận tâm. Cha tôi luôn thích thú gọi chúng tôi là một lũ đàn độn vô dụng thế nào cuối cùng cũng đi khiêng đá ngoài mỏ, nếu bọn tôi may mắn. Và giờ nhìn tôi mà xem, oách hết tầm. Được gia đình tin tưởng và ủng hộ rồi thành công thì có gì đáng ngợi ca?”

Brians miễn cưỡng gật đầu.

“Nếu anh nhìn theo cách đó... Thật ra mà nói, tôi cũng mới tách ra làm riêng. Trước kia tôi làm việc cho một hãng luật nổi tiếng cũng ở gần đây trên đường Gracia. Nhưng chúng tôi bất đồng về một số chuyện. Rồi kể từ ấy mọi việc không dễ dàng cho lắm.”

“Để tôi đoán nhé. Valls?”

Brians gật đầu, uống hết cốc bia chỉ trong ba ngụm.

“Từ khi tôi nhận vụ kiện của ông Martín, Valls đã không dừng tay cho đến khi hấn khiến gần như tất cả khách hàng rời bỏ tôi và tôi bị sa thải. Những người ít ỏi vẫn theo tôi là những người không có lấy một xu và không thể trả tiền phí.”

“Còn cô Isabella?”

Bóng đèn che lấp khuôn mặt vị luật sư. Anh ta để cốc bia lên bàn và dè dặt nhìn Fermín.

“Anh không biết sao?”

“Biết gì cơ?”

“Isabella Sempere đã mất.”

Cơn bão đổ vào thành phố. Fermín cầm ly cà phê trên tay trong khi Brians, đang đứng bên cửa sổ để mở, ngắm mưa rơi tạt vào những mái nhà ở quận Ensanche và kể lại những ngày cuối cùng của Isabella.

“Chị ấy đột nhiên ngã bệnh, không có lời giải thích nào. Nếu anh biết rõ chị ấy... Isabella còn trẻ, đầy sức sống. Chị ấy tính cương nghị và đã trải qua gian khó thời chiến. Chuyện chỉ xảy ra trong một đêm. Vào cái đêm anh trốn khỏi tòa lâu đài đó, Isabella về nhà muộn. Khi chồng phát hiện ra, chị ấy đang quỳ trong phòng tắm, người vã mồ hôi và tim đập nhanh. Chị ấy bảo cảm thấy không được khỏe. Họ gọi bác sĩ, nhưng trước khi ông ấy đến chị đã bị co giật và nôn ra máu. Bác sĩ bảo là do ngộ độc thức ăn và bảo chị ấy phải theo một chế độ ăn nghiêm ngặt trong vài ngày, nhưng sáng hôm sau lại càng tệ hơn. Anh Sempere đã quán chị ấy trong chăn, và một hàng xóm làm nghề lái taxi đã chở họ đến bệnh viện Mar. Chị ấy bị nổi những vết thâm đen, như nhọt, và tóc rụng từng nắm. Trong bệnh viện họ phải chờ vài tiếng nhưng cuối cùng bác sĩ cũng không chịu khám, bởi ai đó trong phòng đợi, một bệnh nhân chưa được khám, bảo rằng hẳn ta biết anh Sempere và cáo buộc anh ấy là cộng sản hay một thứ gì đó đại loại thế. Tôi cho hẳn làm như vậy là vì muốn chen ngang. Một y tá cho họ thứ xi rô mà cô ta nói sẽ giúp làm sạch dạ dày cho Isabella, nhưng Isabella không thể nuốt

được gì. Anh Sempere không biết phải làm gì. Anh ấy đưa chị về nhà và bắt đầu gọi hết bác sĩ này đến bác sĩ khác. Không ai biết chị ấy bị làm sao. Một người bán thuốc là khách hàng quen của hiệu sách biết một người làm ở bệnh viện Lâm sàng. Anh Sempere đưa Isabella đến đó.” “Trong bệnh viện Lâm sàng, người ta bảo với Sempere rằng có lẽ đó là bệnh tả và anh phải đưa chị ấy về nhà, bởi dịch bệnh đang bùng phát và bệnh viện đang quá tải. Trong vùng đã có mấy người chết. Càng ngày, Isabella càng yếu hơn. Chị ấy bị hôn mê. Chồng chị đã làm mọi thứ có thể làm. Anh ấy đã lên trời xuống biển, nhưng chỉ sau vài ngày, chị ấy yếu đến mức không thể mang chị vào viện. Chị ấy chết một tuần sau khi ngã bệnh, trong căn hộ trên phố Santa Ana, phía trên hiệu sách...”

Một quăng lạng dài bao trùm lấy họ, và chỉ bị ngắt quãng bởi tiếng mưa lộp độp cùng những tiếng sấm xa dần khi cơn gió đã dịu đi.

“Mãi cho đến một tháng sau tôi mới nghe được tin người ta đã thấy chị ấy ở quán cà phê Opera, đối diện Liceo. Ngồi cùng Mauricio Valls. Không chịu nghe tôi, Isabella đã đe dọa sẽ tiết lộ dự định dùng Martín để viết lại mấy thứ rác rưởi của hần hòng trở nên nổi tiếng và tẩm trong vinh quang. Tôi đến đó để tìm hiểu thêm. Người phục vụ nhớ rằng Valls đi ô tô đến trước chị ấy, hần gọi hai ly trà hoa cúc và mật ong.”

Fermín cân nhắc lời vị luật sư trẻ tuổi.

“Và anh tin Valls đã đầu độc cô ấy?”

“Tôi không thể chứng minh được, nhưng càng nghĩ tôi lại càng thấy thế. Chắc chắn phải là Valls.”

Fermín nhìn xuống sàn nhà.

“Ông Martín có biết không?”

Brians lắc đầu.

“Không. Sau khi anh trốn thoát, Valls đã lệnh đưa Martín vào phòng biệt giam trong tòa tháp.”

“Còn bác sĩ Sanahuja? Họ có được nhốt cùng nhau không?”
Brians cất tiếng thở dài ngán ngẩm.

“Sanahuja bị xử ở tòa án binh về tội mưu phản không lâu sau khi anh trốn thoát. Một tuần sau đó ông ấy bị bắn.”

Một quãng lặng dài nửa tiến vào căn phòng. Fermín đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại, trông giận dữ.

“Vậy sao không có ai tìm tôi? Dù gì, tôi cũng là nguyên nhân của tất cả chuyện này mà...”

“Anh không tồn tại. Để tránh bị mất mặt trước cấp trên và chấm dứt một sự nghiệp hứa hẹn làm việc cho chế độ, Valls đã triệu tập cái nhóm tuần tra hấn phái đi để tìm anh và bắt họ phải thề rằng họ đã bắn chết anh trong khi anh cố bỏ trốn dọc sườn đồi Montjuic, và họ đã vứt anh vào khu mộ chung.”

Fermín ném thấy nổi tức giận trên môi.

“Ồ, xem nào, tôi sẽ đến văn phòng chính phủ ngay lúc này và mời chúng hôn lên cái đít mới hồi sinh của tôi. Tôi muốn xem Valls giải thích thế nào chuyện tôi từ hầm mộ trở về.”

“Đừng nói vớ vẩn. Làm thế anh chẳng giải quyết được gì đâu. Anh sẽ bị giải đến Carretera de las Aguas rồi bị bắn vào sọ. Thử sâu bọ đó không đáng để anh làm thế.”

Fermín gật đầu tán thành, nhưng cảm giác xấu hổ và tội lỗi cào xé trong lòng.

“Còn Martín? Chuyện gì sẽ xảy ra với ông ấy?”

Brians nhún vai.

“Chuyện này là bí mật đấy nhé. Không thể lọt ra ngoài bốn bức tường này được. Một cai ngục trong lâu đài đó, một gã tên Bebo, mang nợ tôi vài ân huệ. Người ta định giết một người em của anh ta nhưng tôi đã lo cho án phạt giảm xuống còn mười năm ở nhà tù Valencia. Bebo là một gã tử tế kể cho tôi mọi chuyện anh ta trông thấy và nghe được ở trong lâu đài kia. Valls không cho phép tôi gặp Martín, nhưng qua Bebo tôi đã biết được rằng ông ấy còn sống, Valls nhốt ông ấy trong tòa tháp và theo dõi sát sao. Hắn đưa cho ông ấy giấy bút. Bebo bảo Martín đang viết.”

“Viết cái gì?”

“Chúa mới biết. Như Bebo nói thì Valls tin rằng Martín đang viết cuốn sách mà hắn bảo ông ấy viết, dựa trên những ghi chép của hắn. Nhưng Martín, như tôi và anh biết là không còn tỉnh táo lắm, dường như đang viết cái gì đó khác. Đôi khi ông ấy đọc to lên những gì mình viết ra, hoặc đứng dậy đi quanh phòng giam, nhắc lại đôi mẩu đối thoại hoặc cả một câu. Bebo làm ca đêm ngoài phòng giam của ông ấy, và mỗi khi có thể lại tuần cho ông ấy điều thuốc hay viên đường, ông ấy chỉ ăn có vậy. Đã bao giờ Martín nói với anh về *Trò chơi của thiên thần* chưa?”

Fermín lắc đầu.

“Đó là tên cuốn sách ông ấy đang viết ư?”

“Bebo tin như thế. Điều anh ta có thể chấp nối được từ những gì Martín kể cho, và nghe lỏm được khi ông ấy nói chuyện một mình là đó có vẻ như một dạng tự truyện hoặc lời tự thú... Nếu anh muốn nghe ý kiến của tôi thì Martín nhận ra rằng ông ấy đang mất trí, nên

ông ấy cố viết lại những gì còn nhớ được trước khi quá muộn. Tựa như là ông ấy đang viết cho bản thân một bức thư để tìm ra mình là ai...”

“Và chuyện gì sẽ xảy ra khi Valls phát hiện ông ấy không theo lệnh hẩn?”

Brians nhìn anh bằng ánh mắt thê lương.

Chừng nửa đêm trời ngừng mưa. Từ tầng gác mái của vị luật sư nhìn ra Barcelona trông thật sâu thẳm dưới một bầu trời đầy những đám mây thấp bay lướt qua những mái nhà.

“Anh còn nơi nào để đi không, Fermín?” Brians hỏi.

“Tôi có một lời đề nghị hấp dẫn là làm vệ sĩ và chuyển đến sống với một cô gái làng chơi hơi đồng bóng nhưng có thiện tâm và về hoạt động thể xác thì tuyệt vời. Nhưng tôi thấy mình không hợp với vai trò một kẻ bị kìm chân, dù là dưới chân nữ thần Venus xứ Jerez.”

“Tôi không thích để cho anh sống ngoài phố, Fermín ạ. Nguy hiểm lắm. Anh có thể ở đây miễn là anh thích.”

Fermín nhìn quanh mình.

“Tôi biết đây không phải khách sạn Colon, nhưng tôi có một chiếc giường xếp ở đằng sau, tôi không ngáy và, nói thẳng ra, tôi cũng muốn có người ở cùng.”

“Anh không có bạn gái sao?”

“Hôn thê của tôi là con gái người sáng lập ra công ty luật mà Valls và đồng bọn của hắn đã sa thải tôi.”

“Anh đã phải trả giá rất nhiều vì vụ Martín này. Bị giam hãm trong cảnh nghèo khổ và kiên khem.”

Brians mỉm cười.

“Cứ tìm cho tôi một chuyện bất công là làm tôi vui rồi.”

“Cả hai chúng ta là thế mà. Vậy thế này, tôi sẽ nhận lời đề nghị hào phóng của anh. Nhưng chỉ khi anh cho phép tôi giúp đỡ và đóng góp. Tôi có thể lau chùi, dọn dẹp, đánh máy, nấu nướng và cho anh lời khuyên cũng như điều tra và làm bảo vệ. Và nếu, trong một khoảnh khắc yếu đuối, anh thấy khó khăn và cần giải tỏa một chút, tôi chắc chắn là thông qua người bạn Rociño của tôi, tôi có thể tìm cho anh các dịch vụ chuyên nghiệp giúp anh sáng khoái: vì anh còn non trẻ, phải cẩn thận đừng để tinh khí bị dồn nén chạy ngược lên đầu, nếu không anh sẽ làm cho vấn đề trở nên nghiêm trọng.”

Brians bắt tay anh.

“Thỏa thuận thế nhé. Từ bây giờ, tôi thuê anh làm trợ lý học việc cho Brians & Brians, luật sư bào chữa cho những người túng tiền.”

“Tên tôi là Fermín, tôi thề là trước khi hết tuần này, tôi phải tìm cho anh một khách hàng thuộc dạng sẽ trả trước cho anh bằng tiền mặt.”

Và vậy là Fermín Romero de Torres đã tạm thời chuyển đến văn phòng nhỏ xíu của Brians, bắt đầu công việc bằng cách sắp xếp lại, dọn dẹp và cập nhật hồ sơ, tài liệu, và các vụ chưa xử xong. Chỉ trong vài ngày, văn phòng trông như rộng lên gấp ba lần nhờ có Fermín, anh khiến nơi này sạch bong. Gần như cả ngày Fermín giam mình trong văn phòng, nhưng anh dành ra vài tiếng cho các chuyến đi, lúc thì là để ngắt trộm hoa trong hành lang nhà hát Tivoli, lúc thì mang về một chút cà phê - mà anh có được bằng cách tán tỉnh một cô phục vụ ở quầy bar ngay tầng một - và những đồ ăn ngon lành ở cửa hàng Quilez, mà anh bảo người ta tính tiền cho

công ty luật đã sa thải Brians, sau khi tự giới thiệu là người giúp việc vật mới của họ.

“Fermín, món bánh ngon quá thể, anh kiếm ở đâu ra vậy?”

“Thử Manchego đi, ngon nhất trần đời.”

Anh dành cả buổi sáng để xem qua mọi vụ kiện của Brians và sao chép ghi chú của anh ta lại cho rõ ràng. Buổi chiều, anh nhấc điện thoại và, lục trên cuốn danh bạ, lao vào tìm kiếm những khách hàng có tiền. Khi đánh hơi thấy một khả năng, anh sẽ hoàn tất cuộc gọi bằng việc ghé thăm chủ nhân số điện thoại. Trong số năm chục cuộc điện thoại chào hàng đến các công ty và các cá nhân trong quận, có mười cuộc chuyển thành gặp mặt, và ba trong số đó trở thành khách hàng mới của Brians.

Người đầu tiên trong số này là một góa phụ vướng vào tranh chấp với công ty bảo hiểm vì họ không chịu bồi thường cho cái chết của chồng bà với lý lẽ rằng việc ông chết do đau tim sau khi ăn một đĩa lớn món tôm cay ở nhà hàng Siete Puertas thực ra là một vụ tự tử, nên không thuộc phạm vi bảo hiểm. Người thứ nhì là một thợ nhồi xác động vật tranh chấp với một võ sĩ đấu bò giải nghệ, gã mang đến cho anh ta con bò Miura năm trăm cân mà gã đã dùng trong trận kết thúc sự nghiệp. Khi con bò được nhồi xong, võ sĩ đấu bò kia không chịu trả tiền rồi mang con bò về nhà. Gã ta bảo con mắt thủy tinh của nó trông như bị ám bởi những thế lực hiểm ác từ thế giới bên kia, và gã ta đã phải chạy vội ra khỏi cửa hiệu, cáo buộc rằng yêu thuật của người Gypsy đã gây ra chứng ruột kích thích khó chịu. Khách hàng thứ ba là một thợ may ở Ronda San Pedro bị nhổ mất năm chiếc răng hoàn toàn bình thường bởi một nha sĩ không có bằng cấp lại hết sức thô lỗ. Đó chỉ là những vụ nhỏ, nhưng tất cả khách hàng đều trả tiền đặt cọc và ký hợp đồng.

“Fermín này, tôi sẽ trả lương cho anh.”

“Tôi không chịu đâu. Cứ xem sự phục vụ của tôi là vì lợi ích chung.”

Fermín không chịu nhận bất cứ khoản thù lao nào cho những công việc anh làm cho văn phòng, ngoại trừ những khoản tiền nhỏ mà vào những ngày Chủ nhật anh dùng để đưa Rociíto đi rạp phim, đi khiêu vũ ở La Paloma hoặc đến công viên giải trí ở trên đỉnh Tibidabo. Tình thắm nồng nàn, Fermín dần dần tìm lại được con người ngày xưa của mình. Có lần, trong phòng gương của công viên giải trí, Rociíto cắn yêu lên cổ anh và vết cắn đã lưu lại cả một tuần. Một lần khác, lợi dụng việc chỉ có họ là hành khách trên chiếc máy bay mô hình treo trên cần cầu đang xoay tròn giữa Barcelona và trời xanh, Fermín đã tìm lại được toàn vẹn bản năng của mình sau một thời gian dài thiếu những cảnh yêu đương hối hả.

*

Không lâu sau đó, vào một buổi chiều trễ nải ngồi trên đu quay tận hưởng hương sắc lộng lẫy của Rociíto, anh chợt nghĩ những khoảng thời gian ấy, trái ngược với mọi đoán định, hóa ra lại là những thời khắc tốt đẹp. Rồi anh cảm thấy sợ, bởi anh biết chúng không thể kéo dài và những giọt hạnh phúc yên bình bị đánh cắp kia sẽ bốc hơi còn sớm hơn cả nét thanh xuân trong da thịt và ánh mắt Rociíto.

Đêm hôm ấy Fermín ngồi trong văn phòng chờ Brians trở về sau những lượt công cán đến tòa án, văn phòng, công ty luật, nhà tù và ngàn lẻ một những kẻ ngông cuồng ngạo mạn mà anh ta phải chịu đựng những mong lấy được thông tin. Đã gần mười một giờ thì anh nghe thấy tiếng chân vị luật sư trẻ tuổi đi vào hành lang. Anh mở cửa và Brians bước vào kéo lê theo đôi chân và linh hồn mình, trông nảo nề hơn bao giờ hết. Anh ta gục vào một góc và hai tay ôm đầu.

“Chuyện gì xảy ra vậy, Brians?”

“Tôi vừa ở lâu đài về.”

“Tin xấu ư?”

“Tệ hơn thế. Valls không chịu gặp tôi. Họ bắt tôi chờ bốn tiếng rồi bảo tôi về. Họ đã thu hồi giấy phép đến thăm của tôi.”

“Họ có cho anh gặp Martín không?”

Brians lắc đầu.

“Ông ấy không ở đó.”

Fermín nhìn anh ta không hiểu. Một lúc lâu Brians không nói gì, anh ta đang tìm lời phù hợp.

“Khi tôi về Bebo đi theo và kể những điều anh ta biết. Chuyện xảy ra cách đây hai tuần. Martín khi đó đang viết như bị ma ám, cả ngày và đêm, hầu như không ngủ. Valls nghi ngờ và chỉ thị cho Bebo phải tịch thu những trang Martín đã viết cho đến lúc ấy. Phải cần đến ba

tên lính gác giữ người ông ấy và lấy bản thảo của ông ấy đi. Ông ấy đã viết được hơn năm trăm trang trong vòng hai tháng.

“Bebo đưa cho Valls, và vừa bắt đầu đọc, dường như hấn đã nổi cơn thịnh nộ.”

“Hấn không trông chờ được đọc những trang đó, tôi đoán vậy...”

Brians lắc đầu.

“Valls đọc suốt cả đêm và sáng hôm sau hấn đến tòa tháp, được bốn người hộ tống. Hấn cho người còng tay chân Martín lại và bước vào phòng giam. Bebo lắng nghe qua khe hở trên cửa phòng giam và nghe được một phần cuộc trò chuyện. Valls giận dữ. Hấn bảo hấn thất vọng về ông ấy. Hấn đã trao cho ông ấy những chất liệu để làm nên một kiệt tác vậy mà Martín, thật không biết trân trọng, thay vì theo lời chỉ bảo của hấn, lại dán thân vào cái mớ rác rưởi chẳng nghĩa lý gì kia. ‘Đây không phải cuốn sách tôi trông đợi ở ông, Martín’ Valls đã nhắc đi nhắc lại.”

“Còn Martín nói sao?”

“Không nói gì cả. Ông ấy lờ hấn đi. Như thể hấn không ở đó. Điều này lại càng khiến Valls cuồng nộ hơn nữa. Bebo nghe thấy Valls tát và đấm Martín, nhưng Martín không thốt ra một tiếng. Khi đã mệt vì đánh đập và chửi bới ông ấy mà chẳng nhận được một phản ứng nào, Valls lôi trong túi ra một bức thư, bức thư anh Sempere gửi cho Martín vài tháng trước, vốn đã bị giấu đi. Trong thư có kèm theo cái đoạn Isabella viết cho Martín khi chị nằm trên giường bệnh...”

“Tên khốn kiếp..”

“Valls bỏ ông ấy ở đó, bị khóa trái trong phòng cùng với lá thư, bởi hấn biết không gì làm ông ấy đau đớn bằng việc biết Isabella đã chết... Bebo bảo rằng khi Valls đi rồi, Martín đọc bức thư và bắt đầu

gào thét, ông ấy gào thét suốt cả đêm, động tay và đầu vào bốn bức tường và cánh cửa sắt...”

Brians ngược lên đã thấy Fermín đã quỳ xuống trước mặt rồi đặt tay lên vai anh ta.

“Anh có ổn không, Brians?”

“Tôi là luật sư của ông ấy,” anh ta nói, giọng run rẩy. “Lẽ ra tôi phải bảo vệ và đưa ông ấy ra khỏi đó...”

“Anh đã làm hết thảy những gì có thể rồi, Brians ạ. Và Martín biết như vậy.”

Brians không chịu nghe mà cứ lăm bắm một mình.

“Mà chưa hết đâu,” anh ta nói. “Bebo bảo tôi rằng vì Valls không cho ông ấy giấy nữa, Martín bắt đầu viết vào mặt sau những trang gã giám thị đã vứt vào mặt ông. Và vì không có mực, ông ấy cắt tay để dùng máu của mình...”

“Bebo đã cố trò chuyện, làm ông ấy trấn tĩnh lại... Ông ấy không nhận những điều thuốc hay viên đường vốn rất thích nữa... Ông ấy còn không nhận ra sự hiện diện của Bebo. Bebo nghĩ rằng khi hay tin về cái chết của Isabella ông ấy đã mất hẳn lý trí và rút lui vào cái địa ngục mà ông ấy đã tạo ra trong tâm trí mình... Vào ban đêm ông ấy hét to đến mức ai ai cũng có thể nghe thấy. Tin đồn lan đi giữa những khách đến thăm, tù nhân và nhân viên nhà tù. Valls bắt đầu lo lắng. Cuối cùng, hắn lệnh cho hai tay súng đưa Martín ra đi vào một đêm...”

Fermín nuốt nước bọt.

“Đi đâu?”

“Bebo không chắc. Từ những gì nghe được, anh ta nghĩ ông ấy được đưa đến một căn nhà cũ cạnh công viên Guell... dường như

trong chiến tranh một số người bị giết ở nơi đó rồi bị chôn trong vườn... Khi những tay súng quay về, họ bảo Valls rằng mọi việc đã được thu xếp ổn thỏa, nhưng Bebo bảo với tôi rằng ngay trong đêm đó, anh ta nghe thấy họ nói chuyện với nhau, giọng nói có vẻ run rẩy. Trong căn nhà ấy đã xảy ra chuyện gì đấy. Dường như ở đó có một người nữa.”

“Một người nữa?”

Brians nhún vai.

“Vậy thì David Martín còn sống sao?”

“Tôi không biết, Fermín. Không ai biết.”

Barcelona, 1957

Fermín đang nói với giọng yếu ớt và trông có vẻ muộn phiền. Hồi tưởng lại những ký ức đó dường như anh ta mất hết sinh khí. Tôi rót cho anh ta ly rượu cuối cùng và nhìn anh ta đưa tay lau nước mắt. Tôi đưa cho anh ta chiếc khăn, nhưng anh ta lờ đi. Những khách cuối cùng trong quán Can Lluís đã về nhà được một lúc, và tôi đồ rằng lúc này đã quá nửa đêm, nhưng không ai muốn quấy rầy chúng tôi, và họ để cho chúng tôi ngồi lại trong phòng ăn. Fermín rã rời nhìn tôi, như thể việc tiết lộ những bí mật giấu kín nhiều năm qua đã cướp đi của anh ta ý chí sống.

“Fermín...”

“Tôi biết cậu định hỏi gì. Câu trả lời là không.”

“Fermín, David Martín có phải là cha tôi không?”

Fermín nhìn tôi nghiêm nghị.

“Cha cậu là ngài Sempere, Daniel. Cậu không bao giờ được nghi ngờ điều đó. Không bao giờ.”

Tôi gật đầu. Fermín vẫn còn dán chặt người vào ghế, vẻ lơ đãng, mắt nhìn chằm lên không trung.

“Còn anh, Fermín? Chuyện gì đã xảy ra với anh?”

Fermín mất một lúc mới trả lời, như thể phần đó của câu chuyện chẳng mấy quan trọng.

“Tôi trở về với đường phố. Tôi không thể ở đó cùng Brians. Tôi cũng không thể ở cùng Rociño. Không ở cùng ai được hết...”

Fermín dừng ở đó, và tôi thay anh ta kể tiếp câu chuyện.

“Anh quay lại cuộc sống ngoài đường, làm kẻ ăn mày không tên tuổi, không có ai và không còn gì trên đời, một con người mà ai nấy đều nghĩ là một kẻ điên, một con người hằn đã muốn chết đi, nếu không phải vì điều mà anh ta đã hứa...”

“Tôi đã hứa với Martín là tôi sẽ chăm sóc Isabella và con trai cô ấy... chính là cậu. Nhưng tôi hèn nhát, Daniel ạ. Tôi đã lẩn trốn quá lâu, và tôi cũng rất sợ phải quay về, sợ rằng khi quay lại, mẹ của cậu không còn ở đó nữa...”

“Thế nên đêm hôm đấy tôi mới bắt gặp anh ở Plaza Real? Chẳng phải tình cờ đúng không? Anh đã theo dõi tôi bao lâu rồi?”

“Hàng tháng. Hàng năm.”

Tôi hình dung ra anh ta theo dõi tôi lúc tôi còn bé, khi tôi đi học, khi tôi chơi trong công viên Ciudadela, khi tôi cùng cha dừng lại trước cái cửa hàng đó để ngắm chiếc bút mà tôi mù quáng tin rằng đã từng thuộc về Victor Hugo, khi tôi ngồi ở Plaza Real để đọc cho Clara nghe và ánh mắt tôi đắm đuối nhìn cô mà cứ nghĩ không ai có thể nhìn thấy tôi. Một người ăn mày, một chiếc bóng, một hình dáng không ai để ý đến và mọi ánh mắt đều lảng tránh. Fermín, người bảo vệ tôi và cũng là bạn tôi.

“Sao những năm sau này anh không nói sự thật cho tôi biết?”

“Lúc đầu tôi cũng muốn, nhưng rồi tôi nhận ra như vậy sẽ là lợi bất cập hại cho cậu. Không gì có thể thay đổi quá khứ. Tôi quyết

định che giấu sự thật bởi tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu cậu giống cha cậu hơn là giống tôi.”

Chúng tôi rơi vào một quãng lặng dài, mắt lén nhìn nhau mà không biết phải nói gì.

“Valls ở đâu?” cuối cùng tôi hỏi.

“Đừng nghĩ đến chuyện đó,” Fermín cắt lời.

“Hắn giờ ở đâu?” tôi hỏi lại. “Nếu anh không nói, tôi sẽ tự tìm ra.”

“Rồi cậu sẽ làm gì? Cậu sẽ xuất hiện ở nhà hắn, chực chờ giết hắn ư?”

“Tại sao không?”

Fermín cười cay đắng.

“Bởi vì cậu có vợ và con, bởi cậu còn có cuộc sống trước mắt, còn có những người cậu yêu quý và họ cũng yêu quý cậu. Bởi vì cậu có tất cả, Daniel ạ.”

“Tất cả, ngoại trừ mẹ tôi.”

“Trả thù sẽ không đưa mẹ cậu quay về đâu, Daniel.”

“Nói thì dễ lắm. Mẹ anh có bị ai giết đâu...”

Fermín định nói gì đó, nhưng anh ta nín lại.

“Cậu nghĩ tại sao cha cậu không bao giờ kể về chiến tranh, Daniel? Cậu nghĩ ông ấy không tưởng tượng xem chuyện gì đã xảy ra ư?”

“Nếu như vậy, sao ông ấy giữ im lặng? Sao ông ấy không làm gì cả?”

“Bởi vì cậu đấy, Daniel. Bởi vì cậu đấy. Cha cậu, cũng như rất nhiều người đã phải sống qua những năm tháng đó, họ đã chịu đựng hết thảy và nín lặng. Họ cứ chấp nhận thôi. Hằng ngày cậu bắt

gặp họ trên phố mà còn chẳng biết. Họ đã cắn răng trong suốt những năm tháng qua để cho cậu, và những người như cậu, có thể sống. Cậu đừng phán xét cha mình. Cậu không có quyền làm vậy.”

Tôi cảm thấy như người bạn thân nhất vừa tát vào má mình.

“Xin đừng giận tôi, Fermín...”

Fermín lắc đầu.

“Tôi không giận.”

“Tôi chỉ đang cố tiếp nhận mọi chuyện, Fermín ạ. Tôi hỏi anh một câu nhé. Chỉ một câu thôi.”

“Về Valls hả? Không.”

“Chỉ một câu thôi, Fermín. Tôi thề đấy. Nếu không muốn, anh không phải trả lời.”

Fermín miễn cưỡng gật đầu.

“Cái gã Mauricio Valls đó có đúng là cái gã Valls mà tôi nghĩ không?” tôi hỏi.

Fermín gật đầu.

“Đúng hán. Kẻ từng là bộ trưởng Bộ Văn hóa mãi cho tới bốn hay năm năm trước đây. Kẻ vẫn thỉnh thoảng xuất hiện trên báo. Mauricio Valls vĩ đại. Tác giả, biên tập viên, nhà tư tưởng, và vị cứu tinh của tầng lớp trí thức quốc gia. Là gã Valls đó đấy,” Fermín nói.

Tôi biết mình đã thấy ảnh của kẻ đó trên báo hàng chục lần, tôi đã nghe nhắc đến tên hán, thấy nó được in trên gáy một số cuốn sách chúng tôi có trong cửa hàng. Cho đến đêm đó, Mauricio Valls chỉ là một cái tên trong cái đám chức sắc nhạt nhòa chẳng ai chú ý đến nhưng vẫn biết là có tồn tại. Cho đến đêm đó, nếu có người hỏi tôi Mauricio Valls là ai, tôi hẳn sẽ nói đó là một người tôi chỉ nhớ

mang máng, một nhân vật công chúng thuộc về những năm tàn lụi ấy, kẻ tôi chẳng bao giờ quan tâm. Cho đến đêm đó, tôi chưa bao giờ tưởng tượng sẽ có một ngày cái tên đó, cái khuôn mặt đó, trở thành tên và khuôn mặt của kẻ đã giết mẹ tôi.

“Nhưng...” tôi phản đối.

“Không nhưng gì hết. Cậu bảo chỉ hỏi một câu, và tôi trả lời rồi.”

“Fermín này, anh không thể để mặc tôi thế này được...”

“Nghe cho kỹ này, Daniel.”

Fermín nhìn vào mắt tôi và siết chặt cổ tay tôi.

“Tôi thề là, khi đến thời điểm thích hợp, chính tôi sẽ giúp cậu tìm ra tên khốn kiếp kia, nếu đó là thứ cuối cùng mà tôi làm trong đời. Rồi chúng ta sẽ bắt hắn trả giá. Nhưng không phải bây giờ. Không phải thế này.”

Tôi nhìn anh ta, lòng ngờ vực.

“Hứa với tôi là cậu sẽ không làm gì ngốc nghếch nhé, Daniel. Hứa với tôi là cậu sẽ đợi đến lúc thích hợp.”

Tôi cúi xuống.

“Anh không thể đòi hỏi tôi như thế, Fermín.”

“Tôi có thể và tôi phải như vậy.”

Cuối cùng tôi gạt đầu, và Fermín buông tay tôi ra.

Khi tôi về đến nhà thì đã gần hai giờ sáng. Tôi toan bước qua cửa chính của tòa nhà thì nhận thấy một ánh đèn trong hiệu sách, một ánh đèn mờ nhạt hắt ra từ tấm màn ở phòng sau. Tôi bước vào qua cửa hông nơi hành lang và thấy cha tôi đang ngồi bên bàn, khoan khoái hút thuốc, nhiều năm nay tôi mới lại thấy ông hút. Trước mặt ông, trên bàn, là một phong bì đã mở và các trang thư. Tôi kéo ghế lại và ngồi xuống đối diện ông. Ông nhìn tôi, chìm trong sự tĩnh lặng không tài nào xuyên thấu.

“Con không biết là bố hút thuốc,” tôi thăm dò.

Ông chỉ nhún vai.

“Tin tốt ư?” tôi hỏi, chỉ vào bức thư.

Cha đưa nó cho tôi.

“Thư của dì Laura con, dì sống ở Naples ấy.”

“Con có bà dì sống ở Naples sao?”

“Đó là em gái của mẹ con, dì sang Italy sống với gia đình bên ngoại vào năm con sinh ra.”

Tôi lơ đãng gật đầu. Tôi không nhớ dì. Tên của dì nằm trong số tên những người lạ đến dự đám tang mẹ tôi nhiều năm trước, những người tôi chưa bao giờ gặp lại.

“Dì bảo con gái dì sẽ đến học ở Barcelona và muốn biết cô bé có thể ở đây một thời gian không. Tên cô bé là Sofía.”

“Lần đầu tiên con nghe thấy tên cô bé,” tôi nói.

“Cả bố cũng vậy.”

Ý nghĩ cha tôi ở chung nhà với một cô bé tuổi thiếu niên, một người hoàn toàn xa lạ, thật khó mà tưởng nổi.

“Bố định nói sao với dì ấy?”

“Bố không biết. Bố sẽ phải nói gì đó.”

Chúng tôi tiếp tục ngồi đó, lặng lẽ, nhìn nhau mà không dám nói về vấn đề đang làm vướng bận tâm trí mình - và đó không phải là chuyện thăm của một người không quen biết.

“Bố nghĩ là con đã ra ngoài cùng Fermín,” cha cuối cùng cũng nói, rồi ông đặt điều thuốc xuống.

Tôi gật đầu.

“Chúng con ăn tối ở Can Lluís. Fermín ăn hết sạch, chỉ chừa mỗi khăn ăn. Con đã gặp Giáo sư Albuquerque ở đó và mời ông ấy ghé hiệu sách.”

Cái giọng tôi dùng để thuật lại chuyện đã cáo buộc tôi. Cha lại nhìn tôi dăm dăm.

“Fermín có kể cho con gần đây anh ta bị làm sao không?”

“Con nghĩ là do lo lắng, chuyện đám cưới và những điều làm anh ta phát bệnh.”

“Và đó là?”

Một kẻ nói dối tài tình biết rằng lời nói dối hiệu quả nhất luôn là một sự thật mà phần quan trọng đã bị lược bỏ.

“À, anh ta kể chuyện ngày xưa, chuyện anh ta ở trong tù và các thứ.”

“Vậy chắc anh ta đã kể cho con về Brians, vị luật sư. Anh ta bảo sao?”

Tôi không chắc là cha tôi biết hay ông chỉ ngờ ngờ, nên tôi quyết định dò dẫm thận trọng.

“Anh ta kể đã bị nhốt trong lâu đài Montjuic và thoát được nhờ sự giúp đỡ của một người tên David Martín. Và dường như bố biết ông ấy.”

Cha yên lặng một lát.

“Không ai dám nói thẳng chuyện này trước mặt bố, nhưng bố biết vào thời ấy có nhiều người tin, và vẫn tin, rằng mẹ con đem lòng yêu Martín,” ông nói với một nụ cười buồn đến mức tôi biết ông tự xem mình là một trong số những người đó.

Cha tôi có xu hướng nhếch mép cười như nhiều người vẫn thế khi cố nén giọt nước mắt.

“Mẹ con là người phụ nữ tốt. Một người vợ tốt. Bố không muốn con nghĩ những điều lạ lùng về mẹ vì những chuyện Fermín có thể đã kể cho con. Anh ta không hiểu mẹ con. Bố thì hiểu.”

“Anh ta không bóng gió gì cả,” tôi nói dối. “Chỉ là mẹ và Martín có một tình bạn bền chặt và mẹ cố giúp ông ấy thoát tù tội bằng cách thuê luật sư Brians.”

“Bố nghĩ anh ta cũng đã nói về gã đó, Valls...”

Tôi dè dặt một lát rồi mới gật đầu. Cha thấy sự khiếp đảm trong mắt tôi bèn lắc đầu.

“Mẹ con chết vì bệnh tả, Daniel ạ. Brians - bố không biết nguyên do tại sao - vẫn một mực cáo buộc người đàn ông đó, vốn chỉ là một

tên công chức với những ảo tưởng khổng lồ, đã gây ra một tội trạng mà anh ta thậm chí còn không có bằng chứng hay bằng cớ gì.”

Tôi không nói gì.

“Con phải bỏ ý nghĩ đó khỏi đầu đi. Bố muốn con hứa rằng con sẽ không nghĩ về chuyện này nữa.”

Tôi ngồi đó, câm nín, tự hỏi liệu cha có thực sự ngây thơ như cái vẻ bề ngoài kia hay liệu nỗi đau mất mẹ tôi đã khiến ông mù quáng và đẩy ông đến sự hèn mọn đầy tiện lợi của những kẻ sống sót. Tôi nhớ lại lời Fermín và tự nhủ với mình là tôi hay bất kỳ ai cũng không có quyền phán xét ông.

“Hãy hứa con sẽ không làm gì ngốc nghếch nhé, và đừng tìm kẻ đó,” ông khẳng định.

Tôi gật đầu nhưng trông không mấy chắc chắn. Ông nắm lấy cánh tay tôi.

“Phải thế là con sẽ không làm gì. Vì ký ức về mẹ con.”

Tôi cảm thấy một cơn đau siết lấy khuôn mặt mình và nhận ra tôi đang nghiến răng chặt đến nỗi chúng có nguy cơ vỡ ra. Tôi quay mặt đi nhưng cha không để cho tôi thoát. Tôi nhìn vào mắt ông, và, cho đến giây cuối cùng, trộm nghĩ tôi có thể nói dối ông.

“Con thề trước vong linh của mẹ là sẽ không làm gì trong khi bố còn sống.”

“Đấy không phải điều bố yêu cầu.”

“Con chỉ có thể hứa như vậy thôi.”

Cha tôi gục đầu xuống hai bàn tay và hít một hơi thở sâu.

“Vào đêm mẹ con mất, ở tầng trên, trong căn hộ...”

“Con nhớ rõ lắm.”

“Con mới năm tuổi.”

“Con bốn tuổi.”

“Đêm đó mẹ Isabella đã đề nghị bố không bao giờ kể cho con chuyện đã xảy ra. Mẹ con nghĩ như vậy sẽ tốt hơn.”

Đó là lần đầu tiên tôi nghe bố nhắc đến mẹ bằng tên.

“Con biết, bố ạ.”

Ông nhìn vào mắt tôi.

“Hãy tha thứ cho bố,” ông thì thầm.

Tôi nhìn vào mắt cha. Đôi khi ông như già đi một chút chỉ qua việc nhìn tôi và hồi tưởng. Tôi đứng lên và lặng lẽ ôm ông. Cha ôm tôi thật chặt và khi ông bật khóc thì nỗi căm giận và đau đớn ông đã chôn vùi trong lòng bấy nhiêu năm qua tuôn ra như máu. Lúc ấy tôi biết, mà không thể giải thích rõ ràng nguyên do, rằng từ từ, không thể nào lay chuyển được, cha tôi đã bắt đầu chết.

PHẦN BỐN
HOÀI NGHỊ



Barcelona, 1957

Tia sáng đầu tiên của ban mai tìm thấy tôi nơi ngưỡng cửa phòng ngủ của Julián nhỏ bé. Đây là lần đầu nó ngủ ngon vậy, cách xa khỏi mọi thứ và mọi người, với nụ cười hé trên môi. Tôi nghe thấy Bea tiến đến và cảm thấy bàn tay nàng trên lưng mình.

“Anh đứng đây bao lâu rồi?” nàng hỏi.

“Một lúc rồi.”

“Anh đang làm gì thế?”

“Anh đang ngắm con.”

Bea bước đến nôi của Julián đoạn cúi xuống hôn lên trán nó.

“Tôi qua anh về lúc mấy giờ?”

Tôi không đáp.

“Fermín thế nào?”

“Không đến nỗi.”

“Còn anh?” Tôi gượng cười. “Anh có muốn nói về chuyện đó không?” nàng nài nỉ.

“Để hôm khác.”

“Em tưởng là giữa hai ta không có gì bí mật cả,” Bea nói.

“Anh cũng nghĩ vậy.”

Nàng ngạc nhiên ngược nhìn tôi.

“Ý anh là sao, Daniel?”

“Không sao cả. Anh không có ý gì hết. Anh rất mệt. Chúng ta về giường được không?”

Bea nắm tay dẫn tôi về phòng ngủ.

Chúng tôi nằm xuống giường và tôi ôm nàng.

“Đêm nay em đã mơ về mẹ anh,” Bea nói. “Về Isabella.”

Cơn mưa bắt đầu trút lên khung cửa sổ.

“Trong mơ em là một cô bé con, và mẹ đang nắm tay em. Em và mẹ ở trong một căn nhà rộng và rất cũ, có những phòng lớn và chiếc dương cầm lớn, cùng ban công lắp kính quay về một khu vườn có hồ nước. Có một cậu bé ở bên hồ. Cậu bé trông giống như Julián, nhưng em biết thực ra đó là anh, đừng hỏi em vì sao. Isabella quỳ xuống bên cạnh và hỏi em có nhìn thấy anh không. Anh đang chơi bên hồ nước với một con thuyền giấy. Em bảo có. Rồi bà dặn em chăm sóc anh. Chăm sóc anh suốt đời bởi bà phải đi xa.”

Chúng tôi nằm đó mà không nói gì một hồi lâu, lắng nghe tiếng mưa rơi tí tách.

“Tôi qua Fermín đã kể chuyện gì với anh?”

“Sự thật,” tôi đáp. “Anh ấy kể sự thật.”

Khi tôi cố tường thuật lại câu chuyện của Fermín, Bea yên lặng lắng nghe. Ban đầu tôi thấy nổi giận dữ trào dâng trong lòng, nhưng khi dần sâu vào câu chuyện tôi bắt đầu thấy buồn và tuyệt vọng. Chuyện này hoàn toàn mới mẻ với tôi và tôi vẫn không biết mình sẽ sống ra sao với những bí mật và ẩn ý đằng sau những điều Fermín đã hé lộ. Những sự kiện ấy đã xảy ra gần hai chục năm trước, và

thời gian trôi đi đã biến tôi thành một khán giả, không hơn không kém, của một vở kịch trong đó số mệnh của tôi đã được định đoạt trước.

Khi kể xong, tôi nhận thấy vẻ lo lắng trong mắt Bea. Không khó để đoán ra nàng đang nghĩ gì.

“Anh đã hứa với bố là chừng nào bố còn sống anh sẽ không tìm kẻ đó, Valls, hay làm điều gì khác,” tôi nói thêm, để trấn an nàng.

“Khi bố còn sống ư? Vậy sau đó thì thế nào? Anh không nghĩ về chúng ta ư? Về Julián nữa?”

“Dĩ nhiên là có. Và em đừng có lo lắng,” tôi nói dối. “Sau khi nói chuyện với bố anh hiểu rằng mọi chuyện đã xảy ra từ rất lâu rồi và chúng ta không thể làm gì để thay đổi được cả.”

Bea dường như không tin.

“Đó là sự thật...” tôi lại dối nàng.

Nàng cứ nhìn tôi một lát, nhưng đó là những lời nàng muốn nghe và cuối cùng nàng đầu hàng trước cảm dỗ và tin vào chúng.

2

Chiều hôm đó, khi cơn mưa vẫn trút xuống những con phố hoang vắng, ngập nước, bóng dáng dữ tợn của Sebastian Salgado xuất hiện ngoài hiệu sách. Lão ta đang đứng ngoài cửa kính quan sát chúng tôi với cái vẻ sẵn sàng ăn tươi nuốt sống không lẫn vào đâu được, ánh đèn từ cảnh chúa Giáng sinh chiếu vào khuôn mặt bị tàn phá của lão. Bộ vét của lão - cũng chính là bộ vét cũ lão mặc vào lần đầu tiên đến đây - ướt sũng. Tôi bước ra mở cửa.

“Cái máng hay nhỉ,” lão nói.

“Ông có vào không?”

Tôi giữ cửa mở và Salgado tập tễnh đi vào. Sau vài bước chân lão dừng lại, tì vào gậy. Fermín ngồi ở quầy đõi mắt nhìn lão đầy nghi hoặc. Salgado mỉm cười.

“Cũng lâu rồi đấy nhỉ,” lão lên giọng.

“Tôi nghĩ ông chết rồi cơ đấy,” Fermín đáp.

“Tôi cũng nghĩ anh chết rồi, mọi người cũng nghĩ vậy. Người ta bảo chúng tôi thế. Rằng anh bị bắt khi đang chạy trốn và chúng đã bắn anh.”

“Đời nào.”

“Nói thật nhé, tôi luôn hy vọng anh trốn được. Anh biết đấy: thánh nhân đãi kẻ khù khờ mà...”

“Ông làm tôi xúc động muốn khóc đây này, Salgado. Ông ra từ bao giờ?”

“Khoảng một tháng trước.”

“Đừng bảo tôi ông được thả vì cải tạo tốt đấy,” Fermín nói.

“Tôi nghĩ chúng phát mệt vì chờ tôi chết. Anh có biết là tôi được ân xá không? Tôi được phát một tờ giấy ân xá, do chính Tướng Franco ký.”

“Hắn ông phải đem đóng khung nó, tôi chắc vậy.”

“Tôi đặt nó vào chỗ danh dự: trong nhà vệ sinh, phòng khi tôi hết giấy.”

Salgado tiến thêm mấy bước đến quầy và chỉ chiếc ghế ở góc.

“Anh có phiền nếu tôi ngồi xuống không? Tôi vẫn chưa quen với việc đi quá mười mét theo đường thẳng và tôi rất chóng mệt.”

“Tùy ông thôi,” tôi đáp.

Lão buông người xuống ghế và hít một hơi thật sâu trong khi xoa đầu gối. Fermín nhìn lão như vừa trông thấy con chuột chui ra từ nhà xí.

“Buồn cười quá, phải không, khi nghĩ rằng người mà ai cũng cho là sẽ về châu trời trước tiên lại là người cuối cùng... Anh có biết điều gì khiến tôi vẫn sống sau suốt những năm đấy không, Fermín?”

“Nếu không biết rõ ông thì hẳn tôi sẽ bảo là do chế độ ăn kiêng kiểu Địa Trung Hải và khí biển trong lành.”

Salgado cố cười một tiếng, nhưng nghe như là ho khan hoặc như thể cuống phổi của lão như sắp đứt.

“Anh không bao giờ thay đổi nhỉ, Fermín. Thế nên hỏi đó chúng ta mới hợp cạ nhau như vậy. Ôi những ngày tháng ấy. Nhưng tôi

không muốn làm chàng thanh niên này phát chán bằng ký ức về những ngày xưa cũ tuyệt vời. Thế hệ của cậu ta chẳng quan tâm đến chuyện của chúng ta. Chúng thích những điệu nhảy charleston, hay cái gì gì đấy kiểu vậy. Chúng ta bàn công việc chứ?”

“Tôi đang nghe đây.”

“Anh mới là người phải nói đấy, Fermín. Tôi đã nói tất cả những gì cần nói. Anh có định đưa tôi thứ anh còn nợ tôi không? Hay chúng ta sẽ kéo nhau vào một cuộc chiến mà anh tốt hơn hết đừng nên để cho mình bị dính vào?”

Fermín tiếp thu cái vẻ vô cảm thêm một lát, đẩy chúng tôi vào một sự yên lặng khó chịu. Salgado đang nhìn thẳng vào mặt anh ta với ánh mắt đầy ác ý. Fermín quăng cho tôi một cái nhìn tôi không tài nào hiểu nổi và thở dài chán nản.

“Ông thắng rồi, Salgado.”

Anh ta lôi trong túi ra một vật nhỏ rồi đưa cho lão. Một chiếc chìa khóa. *Chìa khóa*. Ánh mắt Salgado sáng lên như mắt trẻ con. Lão đứng lên và chậm chậm bước đến chỗ Fermín, nhận lấy chiếc chìa khóa bằng bàn tay còn lại, run run vì xúc động.

“Nếu ông định đưa vật này vào lại cái vùng bí mật trên cơ thể ông, tôi xin ông vì phép lịch sự hãy vào phòng trong. Đây là hiệu sách gia đình, là nơi công cộng,” Fermín cảnh cáo.

Salgado, dường như đã lấy lại tuổi thanh xuân, bật cười với vẻ thỏa mãn vô bờ.

“Nghĩ cho cùng thì, anh thực đã cho tôi một ân huệ lớn khi giữ nó giúp tôi trong chừng ấy năm,” lão tuyên bố.

“Bạn bè là thế chứ,” Fermín trả lời. “Chúa phù hộ, và ông cứ vô tư không việc gì phải quay lại đây nữa.”

Salgado mỉm cười, nháy mắt với chúng tôi. Lão bước về phía cửa, chìm đắm trong suy nghĩ. Trước khi bước ra đường lão quay lại một lát và giơ tay làm cử chỉ tạm biệt cầu hòa.

“Tôi chúc anh may mắn và sống lâu, Fermín. Và cứ yên tâm là tôi sẽ giữ bí mật cho anh.”

Chúng tôi nhìn lão đi trong mưa, một ông già mà hẳn ai cũng nghĩ đã bước đến ngưỡng cửa nhà thần chết, song tôi chắc rằng, lão không hề cảm thấy những giọt mưa lạnh ngắt đang trút xuống người lão, hay thậm chí là những năm tù đầy khốn khó lão mang theo trong máu. Tôi liếc nhìn Fermín, anh ta đứng như chôn chân xuống đất, trông tái mét và bối rối khi gặp lại người bạn tù cũ.

“Chúng ta để lão đi như vậy sao?” tôi hỏi.

“Cậu có kế hoạch nào hay hơn không?”

3

Sau một phút chờ đợi truyền thống, chúng tôi hồi hải xuống phố trong chiếc áo mưa sẫm màu và mang theo chiếc ô to như cái dù mà Fermín đã mua ở một hàng tạp hóa ngoài cảng - ý định là để sử dụng cho cả mùa hè và mùa đông trong những chuyến ăn chơi ngoài bãi biển La Barceloneta cùng Bernarda.

“Fermín, cầm cái ô này chúng ta dễ bị lộ lắm,” tôi cảnh báo anh ta.

“Đừng lo. Tôi chắc chắn cái duy nhất mà con lợn kia có thể thấy là những đồng vàng từ trên trời rơi xuống,” Fermín đáp.

Salgado đi trước chúng tôi vài trăm mét, rảo bước dọc theo phố Condal dưới cơn mưa. Chúng tôi thu hẹp khoảng cách một chút, vừa kịp lúc thấy lão sắp leo lên một chiếc xe điện chạy tới đường Layetana. Chúng tôi tăng tốc độ, vừa chạy vừa thu ô lại, và nhờ phép màu mà nhảy lên được chỗ đuôi xe. Thẻ theo truyền thống hay ho nhất thời bấy giờ chúng tôi thực hiện cuộc hành trình bằng cách treo mình ở sau xe. Salgado đã tìm được một ghế ở đằng trước, được một người tốt bụng nhường cho, người ấy hẳn không thể nào biết được mình đang đối mặt với ai.

“Điều đó xảy ra khi người ta chạm ngưỡng tuổi già,” Fermín nói. “Không ai nhớ bọn họ cũng đã từng khốn nạn.”

Chiếc xe điện âm âm chạy theo phố Trafalgar cho tới khi đến Arco de Triunfo. Chúng tôi liếc vào trong và thấy Salgado vẫn dính

chặt vào ghế. Người soát vé, có bộ râu rậm rạp, quắc mắt nhìn chúng tôi.

“Đừng có nghĩ là các người đứng ở đó thì tôi sẽ giảm giá. Tôi đã để mất từ khi các người nhảy lên xe.”

“Chẳng ai còn quan tâm đến chủ nghĩa hiện thực xã hội nữa,” Fermín lẩm bẩm. “Đất nước gì thế này.”

Chúng tôi đưa cho ông ta vài xu lẻ và ông ta đưa vé cho chúng tôi. Chúng tôi bắt đầu nghĩ rằng Salgado hẳn đã ngủ thì chiếc xe điện rẽ sang đường dẫn đến ga Norte và lão đứng lên, kéo dây yêu cầu dừng lại. Tài xế cho xe chạy chậm lại, nên chúng tôi nhảy xuống chỗ đối diện trụ sở nguy nga của công ty Điện nước được xây theo phong cách nghệ thuật mới và chạy bộ theo xe điện cho tới khi xe dừng. Chúng tôi thấy Salgado bước xuống, được hai hành khách đỡ, rồi lão tiến vào nhà ga.

“Anh có nghĩ điều tôi đang nghĩ không?” tôi hỏi.

Fermín gật đầu. Chúng tôi theo Salgado vào sảnh lớn nhà ga, bọn tôi nguy trang - hay có lẽ là làm cho mình nổi bật hơn - sau chiếc ô to dùng của Fermín. Khi đã vào trong, Salgado tiến đến dãy tủ sắt xếp dọc theo một bức tường trông như phiên bản thu nhỏ của tủ đựng di cốt ở nghĩa trang. Chúng tôi ngồi vào một góc khuất trong sảnh nhà ga. Salgado đang đứng trước vô số những ngàn tủ, nhìn chăm vào chúng, mãi mê tới cùng.

“Anh có nghĩ lão ta quên mất đã giấu đồ ăn cướp ở đâu không?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên là không. Lão đã đợi giây phút này hai chục năm nay. Chẳng qua là lão đang nhăm nháp nó thôi.”

“Nếu anh nói vậy... Nhưng nếu anh muốn biết ý kiến của tôi, thì tôi cho là lão quên rồi.”

Chúng tôi vẫn ở đó, quan sát và chờ đợi.

“Fermín này, thật sự là anh chưa bao giờ kể nơi anh giấu chìa khóa khi anh trốn khỏi lâu đài...”

Fermín ném về tôi cái nhìn thù nghịch.

“Thôi quên đi,” tôi nhún nhường.

Việc chờ đợi tiếp tục kéo dài thêm mấy phút nữa.

“Có lẽ lão còn một kẻ đồng phạm...” tôi nói, “và lão đang chờ kẻ đó.”

“Salgado không phải hạng người biết san sẻ.”

“Có lẽ ai đó...”

“Suyt,” Fermín bảo tôi im lặng, đoạn chỉ về phía Salgado, cuối cùng lão cũng động đậy.

Lão già bước đến một ngăn tủ và đưa tay lên cửa sắt. Lão lấy chìa khóa, tra vào ổ, mở cửa và nhìn vào trong. Ngay lúc đó hai tên hiến binh, đang từ sân ga đi vào nhà ga và bước đến chỗ Salgado đứng, lúc này đang cố lôi thứ gì đó trong tủ ra.

“Ôi trời, ôi trời...” tôi lẩm bẩm.

Salgado quay lại và chào hai tên hiến binh. Bọn họ trao đổi vài lời rồi một người lôi chiếc hộp ra khỏi tủ đoạn để xuống sàn cạnh chân Salgado. Lão trộm cảm ơn họ nồng nàn vì sự giúp đỡ và hai tên hiến binh đưa tay lên sát mũ ba sừng ra dấu chào và tiếp tục công việc.

“Chúa phù hộ Tây Ban Nha,” Fermín lẩm bẩm.

Salgado nắm lấy tay nắm chiếc va li và kéo nó đến một chiếc ghế dài khác ở đầu phòng bên kia.

“Lão không định mở nó ra ở đây chứ?” tôi hỏi.

“Lão phải chắc chắn tất cả đều ở trong đó,” Fermín đáp. “Cái tay bắn thiêu đó đã phải đánh đổi nhiều năm đau đớn để lấy lại kho báu của mình.”

Salgado nhìn quanh mình mấy lượt để đảm bảo không có ai ở gần, và cuối cùng lão cũng quyết định hành động. Chúng tôi thấy lão mở hé chiếc va li vài phân rồi liếc vào trong.

Lão giữ nguyên tư thế đó chừng một phút, hoàn toàn bất động. Fermín và tôi nhìn nhau không hiểu. Bất giác Salgado đóng va li lại và đứng lên, đoạn bước về lối ra, bỏ chiếc va li lại sau lưng, ngay trước một ngăn tủ đang mở.

“Lão đang làm gì thế kia?” tôi hỏi.

Fermín đứng lên và ra hiệu cho tôi.

“Cậu lấy chiếc va li, còn tôi sẽ theo lão...”

Không cho tôi thì giờ trả lời, Fermín tức tốc chạy về phía lối ra. Tôi vội đến nơi Salgado đã bỏ chiếc va li. Một gã bảnh bao đang đọc báo ở băng ghế gần đó cũng để mắt đến nó, ngó nghiêng sang hai bên để chắc rằng không có ai quan sát gã đứng lên và chuẩn bị nhào vào nó như một con chim săn mồi. Tôi rảo nhanh bước chân. Kẻ lạ sắp có được chiếc va li thì, nhờ một phép màu, trong tích tắc tôi đã giật nó khỏi tay hắn.

“Cái va li này không phải của anh,” tôi nói.

Gã nhìn chằm tôi với cái nhìn chống đối và nắm chặt quai va li.

“Tôi có nên gọi hiến binh không nhỉ?” tôi hỏi.

Với vẻ bối rối, tên vô lại kia buông nó ra và lén đi ngay lập tức về hướng sân ga. Tôi bê nó đến chỗ ghế của mình và, sau khi chắc chắn không có ai dòm ngó, tôi mở ra.

Nó trống rỗng. Kho báu của Salgado đã biến mất.

Đến lúc ấy tôi mới nghe thấy tiếng la ó và khi quay đầu lại thì nhận thấy có biến cố đã xảy ra ngoài nhà ga. Tôi đứng lên và nhìn qua cửa kính. Hai tên hiến binh đang rẽ lối giữa một đám khách qua đường đang túm tụm lại dưới mưa. Khi đám đông tản ra, tôi thấy Fermín đang quỳ dưới đất, hai tay ôm lấy người Salgado. Ánh mắt lão nhìn vào không trung.

Một phụ nữ đi vào ga, một tay che miệng.

“Chuyện gì thế?” tôi hỏi.

“Một ông già tội nghiệp, ông ta bị ngã...” bà nói.

Tôi đi ra ngoài và bước qua đám đông đang đứng xem cảnh tượng kia. Tôi có thể thấy Fermín đang ngược lên trao đổi mấy lời với hai tên hiến binh. Một gã gật đầu. Rồi Fermín cởi áo mưa phủ lên xác Salgado, trùm qua cả mặt lão. Lúc tôi đến nơi, một bàn tay chỉ còn ba ngón đang thò ra khỏi lớp áo. Trong lòng bàn tay, ánh lên dưới cơn mưa, là chiếc chìa khóa. Tôi dùng ô che cho Fermín, và đặt tay lên vai anh ta. Chúng tôi từ từ bước đi.

“Anh có ổn không, Fermín?”

Anh bạn tốt của tôi nhún vai.

“Về nhà thôi,” anh thốt ra.

4

Khi chúng tôi bỏ lại nhà ga sau lưng để bước đi, tôi cởi áo mưa khoác lên vai Fermín. Anh ta đã để áo của mình lại trên xác Salgado. Tôi không nghĩ trong tình trạng này, bạn mình có thể đi bộ nhiều, bèn vẫy một chiếc taxi. Tôi mở cửa cho anh ta, và khi anh ta đã ngồi vào ghế, tôi đóng cửa lại và vào xe từ cửa bên kia.

“Chiếc va li rỗng,” tôi nói. “Ai đó đã chơi trò bắn với Salgado.”

“Cần một tên trộm để bắt một tên trộm...”

“Anh nghĩ là ai?”

“Có lẽ chính là kẻ đã bảo lão tôi có chìa khóa và rằng lão có thể tìm thấy tôi ở đâu,” Fermín lẩm bẩm.

“Valls?”

Fermín cất tiếng thở dài náo nức.

“Tôi không biết, Daniel ạ. Tôi không còn biết phải nghĩ sao nữa.”

Tôi nhận thấy tài xế đang nhìn chúng tôi qua gương chiếu hậu, chờ đợi.

“Chúng tôi đến đầu quảng trường Real, trên phố Fernando,” tôi nói.

“Chúng ta không về hiệu sách sao?” Fermín hỏi, anh ta vốn chẳng còn đủ sức trong người để cãi xem taxi nên đi đâu.

“Tôi sẽ về hiệu sách. Còn anh sẽ đến nhà ông Gustavo, từ giờ đến hết hôm nay anh sẽ ở bên Bernarda.”

Chúng tôi tiếp tục hành trình trong lặng im, nhìn chằm chằm ra thành phố Barcelona, một quang cảnh mờ mịt dưới mưa. Khi chúng tôi đến những mái vòm ở phố Fernando, nơi nhiều năm trước tôi đã gặp Fermín, tôi trả tiền và chúng tôi bước ra. Tôi tiễn Fermín đến cửa nhà ông Gustavo rồi ôm anh ta.

“Anh giữ gìn sức khỏe nhé, Fermín. Hãy ăn chút gì đó, không thì đêm tân hôn Bernarda sẽ bị xương đâm vào người mất.”

“Cậu đừng lo. Khi đã đặt quyết tâm, tôi có thể tăng cân hơn cả một nghệ sĩ opera. Ngay khi lên nhà tôi sẽ ngấu nghiêng những chiếc bánh hạnh nhân mà ông Gustavo mua ở Casa Quílez và đến sáng mai tôi sẽ trông như một con gà tây nhồi thịt.”

“Tôi cũng hy vọng thế. Cho tôi gửi lời hỏi thăm cô dâu nhé.”

“Được rồi, dù với cái rắc rối về mặt pháp lý tôi đang phải đối mặt cùng từng ấy các thủ tục nhiều khê, thì tôi có thể thấy mình như đang sống trong tội lỗi.”

“Không hề đâu. Nhớ điều anh từng bảo tôi không? Rằng định mệnh không ghé thăm ta tận nhà, rằng ta phải tự tìm đến nó?”

“Tôi phải thú nhận rằng câu đó trong sách của Carax. Tôi thấy nó rất hay.”

“Ồ, tôi đã tin như vậy và vẫn tin. Thế nên tôi mới bảo anh rằng định mệnh của anh là cưới Bernarda vào đúng ngày đã định với mọi giấy tờ hợp pháp - với cha xứ, gạo và tên họ của anh.”

Anh bạn của tôi nhìn tôi ngờ vực.

“Hai năm rưỡi như tên tôi là Daniel, anh chắc chắn sẽ kết hôn với nghi lễ đàn ông hoàng,” tôi hứa với Fermín. Trông anh ta tuyệt vọng đến nỗi tôi nghĩ chẳng có gì vực lại tinh thần anh ta được: kể cả là

một gói kẹo Sugus, hoặc một bộ phim hay ở rạp Femina có cảnh Kim Novak mặc bộ áo ngực lộng lẫy thách thức cả trọng lực.

“Nếu cậu nói vậy, Daniel...”

“Anh đã mang lại sự thật cho tôi,” tôi nói. “Tôi sẽ mang lại tên cho anh.”

5

Chiều hôm ấy, khi quay lại hiệu sách, tôi khởi động kế hoạch giải cứu danh tính của Fermín. Bước đầu tiên là gọi vài cú điện thoại ở phòng sau và lên danh sách những việc cần làm. Bước thứ hai đòi hỏi phải có một đội ngũ những chuyên gia danh tiếng.

Hôm sau hóa ra là một ngày dễ chịu và đầy nắng. Chừng giữa trưa tôi đi bộ đến thư viện ở phố Carmen, tôi hẹn gặp Giáo sư Alburquerque ở đó, tin rằng có điều gì ông không biết thì cũng chẳng có ai biết cả.

Tôi tìm thấy ông ở dưới những mái vòm cao của phòng đọc chính, bao quanh là những chồng sách và giấy tờ. Ông đang tập trung, bút cầm trong tay. Tôi ngồi đối diện ông, ở phía bên kia bàn, và để ông tiếp tục công việc. Ông mất gần một phút mới nhận ra sự có mặt của tôi. Khi ngược lên, ông nhìn tôi đầy ngạc nhiên.

“Đó hẳn là một chủ đề rất hay,” tôi thăm dò.

“Tôi đang viết loạt bài về những nhà văn Barcelona bị nguyên rủa,” ông giải thích. “Cậu có nhớ người tên Julián Carax không, một tác giả mà mấy tháng trước tại hiệu sách cậu đã gợi ý tôi nên đọc ấy?”

“Dĩ nhiên rồi,” tôi đáp.

“Ồ, tôi đã tìm hiểu về ông ấy và câu chuyện của ông ấy thực sự phi thường. Cậu có biết đã nhiều năm rồi có một nhân vật hiểm ác đi khắp thế giới tìm tác phẩm của Carax để đốt không?”

“Ôi trời ạ,” tôi nói, giả vờ ngạc nhiên.

“Một vụ rất kỳ quặc. Tôi sẽ cho cậu đọc khi tôi viết xong.” “Ông nên viết một cuốn sách về chủ đề này,” tôi đề xuất. “Lịch sử bí ẩn của Barcelona được nhìn qua những nhà văn bị nguyên rủa, những điều bị cấm đoán trong chính sử.”

Giáo sư cân nhắc ý tưởng đó, vẻ thích thú.

“Tôi cũng đã nảy ra ý đó, phải nói là như vậy, nhưng viết báo và công việc ở trường quá bận rộn...”

“Nếu ông không viết, sẽ không có ai viết đâu...”

“Vâng, ồ, có lẽ tôi sẽ liều mình bắt tay vào công việc này.

Tôi không biết tìm đâu ra thời gian, nhưng...”

“Sempere & Con trai sẽ cung cấp cho ông danh mục sách và bất cứ sự hỗ trợ nào ông có thể cần đến.”

“Tôi sẽ ghi nhớ điều này. Giờ sao nhỉ? Chúng ta đi ăn trưa chứ?”

Giáo sư Alburquerque dừng làm việc và chúng tôi đến Casa Leopoldo nhâm nhi ly rượu và chút bánh tiêu nhân thịt trong khi đợi hai đĩa đuôi bò hầm, món đặc biệt trong ngày.

“Anh bạn Fermín tốt bụng của chúng ta sao rồi? Vài tuần trước, khi tôi thấy anh ta ở Can Lluís, trông anh ta buồn lắm.”

“Lạ thay tôi đang định nói chuyện với ông về anh ta đây.

Vấn đề khá tế nhị và tôi buộc phải đề nghị ông giữ bí mật.”

“Dĩ nhiên rồi. Tôi có thể làm gì nào?”

Tôi bèn kể tình hình ra, một cách chính xác nhất có thể, cố không chạm đến những chi tiết gai góc và không cần thiết. Vị giáo sư cũng cảm thấy rằng còn nhiều điều nữa ngoài những gì tôi kể cho ông, nhưng ông vẫn giữ vẻ thận trọng theo thói quen.

“Thử xem tôi hiểu đúng không nhé,” ông nói. “Fermín không thể sử dụng danh tính của mình, một cách chính thức, bởi anh ta bị tuyên bố là đã chết cách đây gần hai chục năm, trong mắt chính phủ, anh ta không tồn tại.”

“Chính xác.”

“Nhưng, từ điều cậu kể, tôi hiểu rằng danh tính đã bị hủy này cũng do chính Fermín ngụy tạo trong chiến tranh, để bảo vệ mình.”

“Chính xác.”

“Đó chính là điểm mà tôi bị rối. Giúp tôi nào, Daniel. Nếu Fermín đã nghĩ ra một danh tính giả một lần, tại sao anh ta không thể bịa ra một danh tính khác lúc này để làm đám cưới?”

“Bởi hai lý do, thưa giáo sư. Điều đầu tiên hoàn toàn thực tế, đó là, dù sử dụng tên thật hay tên bịa ra, hiện tại Fermín không có giấy tờ pháp lý nào cả. Do vậy, dù quyết định sử dụng danh tính nào thì nó cũng phải được tạo ra từ con số không.”

“Nhưng anh ta muốn tiếp tục làm Fermín, tôi cho là vậy.”

“Chính xác. Và đây là lý do thứ hai, hoàn toàn về mặt tinh thần, nếu có thể nói như vậy, và là lý do quan trọng hơn nhiều. Fermín muốn tiếp tục làm Fermín bởi đó là người mà Bernarda đem lòng yêu thương, là người bạn của chúng ta, là người tất cả chúng ta đều

biết và là con người mà *anh ta* muốn trở lại. Con người trước đây của anh ta đã không tồn tại từ rất nhiều năm rồi. Cái lớp vỏ đó anh ta đã rũ bỏ. Đến cả tôi, có lẽ là bạn thân nhất, cũng không biết tên rửa tội của anh ta là gì. Với tôi, và với tất cả những người yêu mến anh ta, đặc biệt là với bản thân anh ta, thì anh ta là Fermín Romero de Torres. Và khi ta nghĩ kỹ về chuyện này, nếu việc cần làm là tạo cho anh ta một danh tính mới, thì tại sao không lấy luôn cái danh tính hiện nay?”

Giáo sư Albuquerque cuối cùng cũng gật đầu tán thành.

“Đúng,” ông tuyên bố.

“Vậy ông nghĩ chuyện này có khả thi không, thưa giáo sư?”

“Ờ, đó là nhiệm vụ viển vông kiểu Don Quixote, nếu thực sự có nhiệm vụ nào như vậy,” vị giáo sư cân nhắc. “Làm thế nào cũng cho hiệp sĩ hốc hác Don Fermín xứ Mancha một dòng dõi, chó săn và một lô lốc giấy tờ giả để sánh đôi với người đẹp Bernarda xứ Toboso dưới ánh mắt của Chúa và văn phòng đăng ký kết hôn đây?”

“Tôi đang nghĩ về chuyện này và đi tham khảo mấy cuốn sách pháp lý,” tôi nói. “Ở đất nước này, danh tính của một người bắt đầu từ giấy chứng sinh, mà ngấm ra, thì đó là một loại giấy cực kỳ đơn giản.”

Giáo sư nhướng mày.

“Điều cậu đang gợi ý nhạy cảm lắm đấy. Nếu không muốn nói là một tội nghiêm trọng.”

“Đúng là chưa có tiền lệ, ít nhất là trong thư tịch tư pháp. Tôi đã kiểm chứng.”

“Thật ư? Xin hãy tiếp tục, chuyện này đang mỗi lúc một hay hơn.”

“Cứ giả sử như có ai đó, nói giả sử thôi, vào được Phòng Đăng ký Hộ tịch, và có thể, nói toạc ra, cấy một tờ giấy chứng sinh vào hồ sơ lưu trữ... Liệu điều đó có mang lại đủ căn cứ để tạo ra danh tính của một người không?”

Giáo sư lắc đầu.

“Với trẻ mới sinh thì có lẽ được. Nhưng giả như chúng ta đang nói, giả sử thôi, về một người lớn, chúng ta sẽ phải tạo ra một đồng các giấy tờ. Và dù cho có tiếp cận được, giả dụ thôi, các kho lưu trữ, thì cậu lấy đâu ra những giấy tờ này?”

“Cứ cho rằng tôi có thể tạo ra một loạt những bản sao đáng tin cậy. Vậy ông nghĩ chuyện này có thể thành công không?”

Vị giáo sư suy tính cẩn thận vấn đề này.

“Rủi ro chính ấy là nhớ có người phát hiện ra vụ gian lận này và muốn mang nó ra ánh sáng. Hãy nhớ trong đầu là trong trường hợp này kẻ phá bĩnh, tạm gọi là vậy, người sẽ làm lộ việc của ta thông qua những bất thường trong chứng từ đã chết, những việc phải làm chỉ bao gồm a), truy cập kho lưu trữ và chèn một tệp hồ sơ vào hệ thống với một danh tính ảo nhưng hợp lý và b), tạo một chuỗi chứng từ cần thiết, đủ để làm nên một danh tính. Tôi đang nói đến những giấy tờ với đủ mọi hình dạng và kích thước, và đủ loại chứng nhận gồm chứng nhận rửa tội của nhà thờ giáo khu, giấy căn cước...”

“Về điểm a), tôi biết rằng ông đang viết một loạt những bài báo về những điều kỳ diệu trong hệ thống pháp luật Tây Ban Nha, được hội đồng đặt hàng. Tôi đã tìm hiểu một chút và phát hiện ra rằng trong chiến tranh, một số kho lưu trữ trong Phòng Đăng ký Hộ tịch đã bị ném bom. Thế có nghĩa là hàng trăm, thậm chí hàng ngàn, những danh tính đã được đồng loạt làm lại. Tôi không phải chuyên gia,

nhưng tôi đồ rằng điều này sẽ tạo một vài kẻ hở mà những người thạo tin, có mối quan hệ tốt và có một kế hoạch sẽ có thể lợi dụng...”

Vị giáo sư nhìn tôi qua khóe mắt.

“Tôi thấy là cậu đã tìm hiểu nghiêm túc đấy, Daniel.”

“Xin thứ lỗi, thưa giáo sư, nhưng hạnh phúc của Fermín xứng đáng với điều đó và hơn thế nữa.”

“Cũng khá khen cho cậu. Nhưng ai làm như vậy có thể sẽ phải nhận lấy một hình phạt nặng nề nếu bị bắt quả tang.”

“Vậy nên tôi nghĩ nếu có ai, giả sử thôi, tiếp cận được với đồng tư liệu được làm lại đó trong Phòng Đăng ký Hộ tịch, thì người đó có thể dẫn một người phụ việc đi cùng, và người này sẽ làm cái công việc rủi ro kia.”

“Nếu đúng như vậy, thì người phụ việc giả định kia hẳn có thể đảm bảo cho người tạo điều kiện được chiết khấu trọn đời hai mươi phần trăm tại hiệu sách Sempere & Con trai. Cộng thêm lời mời đến dự lễ cưới của đứa bé mới sinh.”

“Coi như đã thỏa thuận xong. Và tôi thậm chí sẽ tăng lên thành hai lăm phần trăm. Mặc dù, ngẫm cho kỹ thì tôi biết có người, giả định thôi, sẽ sẵn sàng hợp tác vì lợi ích chung, lấy làm vui khi có cơ hội phá hoại một chế độ thối nát, ruồng rẫy mà chẳng cần nhận được gì.”

“Tôi là học giả, Daniel. Đem cảm xúc ra chẳng dọa dẫm được tôi đâu.”

“Vậy thì vì Fermín.”

“Đó lại là chuyện khác. Chúng ta hãy bàn đến vấn đề kỹ thuật.”

Tôi lấy ra tờ một ngàn peseta Salgado đã đưa cho tôi và cho ông xem.

“Đây là số tiền dùng để chi trả cho các phí tổn,” tôi giải thích.

“Cậu đúng là chi tiền chẳng chùn tay. Nhưng tốt hơn cậu nên giữ số tiền này cho những công đoạn khác trong cái việc cao cả này. Tôi làm miễn phí,” giáo sư đáp. “Phần làm tôi lo lắng nhất, trợ lý thân mến, là tạo được một bộ chứng từ cần thiết. Hãy bỏ qua các công trình công cộng với cả sách kinh: các quan chức quân sự mới của chế độ cũng đã tăng gấp đôi cấu trúc vốn đã đồ sộ của bộ máy nhà nước quan liêu, xứng đáng là những cơn ác mộng tồi tệ nhất của ông bạn Franz Kafka của chúng ta. Như tôi nói, một vụ việc như thế này sẽ đòi hỏi ta phải tạo ra đủ loại thư tín, đơn từ, kiến nghị và những tài liệu khác, trông chúng phải rất đáng tin cậy và có được cái chất liệu tông màu và mùi đặc trưng cho một hồ sơ bụi bặm, quần góc và không gây ngờ vực...”

“Chúng ta được yểm trợ trên mặt trận này,” tôi nói.

“Tôi sẽ phải có một danh mục những kẻ đồng lõa trong mưu đồ này, để đảm bảo rằng cậu không bị bỏ bọm.”

Tôi giải thích phần còn lại của kế hoạch.

“Có thể thành công đấy,” ông kết luận.

Khi món chính được mang ra, chúng tôi gác lại vấn đề và cuộc trao đổi đi theo một hướng khác. Dù đã kìm nén trong suốt bữa ăn, nhưng đến lúc cà phê được mang tới, thì tôi không thể giữ miệng lâu hơn được nữa. Làm ra vẻ thờ ơ, tôi ngây thơ hỏi:

“Giáo sư này, hôm trước tại hiệu sách, một khách hàng tán gẫu với tôi về việc gì đó, rồi cái tên Mauricio Valls được buột ra - người từng là bộ trưởng Bộ Văn hóa hay cái gì đại loại đấy. Ông biết gì về ông ta không?”

Vị giáo sư nhướng mày.

“Về Valls ư? Điều mà ai cũng biết, tôi cho là vậy.”

“Tôi chắc ông biết nhiều hơn mọi người chứ, thưa giáo sư. Rất nhiều là đằng khác.”

“Ồ, thực ra đã khá lâu tôi không nghe đến cái tên này rồi, nhưng cho đến rất gần đây thì Mauricio Valls vẫn là một nhân vật có số má. Như cậu nói đấy, ông ta là một vị bộ trưởng Bộ Văn hóa nổi tiếng, tại vị trong vài năm, đứng đầu một số cơ quan tổ chức, một con người có địa vị cao trong chế độ và được trọng vọng trong giới cầm quyền, là người bảo trợ cho nhiều nhân vật, cậu bé vàng của những trang văn hóa trên báo chí Tây Ban Nha... Như tôi nói đấy, có số *má*.”

Tôi mỉm cười yếu ớt, vờ như ngạc nhiên một cách thích thú.

“Ông ta không còn số má nữa sao?”

“Nói thẳng ra, tôi cho là ông ta đã biến mất khỏi bản đồ cách đây một thời gian, hay ít nhất là khỏi chốn công cộng. Tôi không biết ông ta có được bổ làm đại sứ hay được giữ chức vị trong một tổ chức quốc tế nào không, cậu biết mấy thứ này là thế nào mà. Kỳ thực là gần đây tôi mất dấu vết ông ta... Tôi biết cách đây mấy năm ông ta đã cùng với mấy người thành lập một nhà xuất bản. Công ty này làm ăn rất tốt - nó không ngừng cho ra những cuốn sách mới. Thực tế, mỗi tháng một lần tôi lại nhận được thư mời đến dự buổi ra mắt một trong những đầu sách của họ...”

“Vậy Valls có đến những sự kiện này không?”

“Ông ta thường đến, hồi nhiều năm trước. Chúng tôi luôn đem ra làm trò đùa chuyện ông ta nói về bản thân nhiều hơn nói về cuốn sách hay tác giả mà ông ta giới thiệu. Nhưng cũng lâu rồi. Nhiều năm rồi tôi không gặp ông ta. Liệu tôi có thể hỏi tại sao cậu lại quan tâm thế không, Daniel? Tôi không nghĩ cậu thuộc dạng người hứng thú với cái hội chợ phù hoa nhỏ bé của văn chương nước nhà.”

“Tôi chỉ tò mò thôi.”

“Tôi hiểu.”

Trong khi Giáo sư Albuquerque trả tiền, ông nhìn tôi ngờ vực.

“Tại sao tôi luôn nghĩ rằng cậu không thêm kể cho tôi dù chỉ một góc câu chuyện thế nhỉ?”

“Một ngày nào đó tôi sẽ kể cho ông phần còn lại, thưa giáo sư. Tôi hứa.”

“Cậu nên vậy, bởi các thành phố không có kỷ ức và chúng cần người như tôi, một nhà hiền triết điềm tĩnh, để giữ những kỷ ức đó lại.”

“Đây là thỏa thuận: ông giúp tôi giải quyết vấn đề của Fermín và đổi lại, một ngày nào đó tôi sẽ kể cho ông nghe những chuyện mà Barcelona nên quên đi thì hơn. Vì cái lịch sử huyền bí của ông.”

Vị giáo sư chìa tay ra, và tôi bắt tay ông.

“Tôi tin lời cậu. Bây giờ, quay lại chủ đề Fermín và các giấy tờ mà chúng ta cần có để lôi ra từ trong một cái mũ...”

“Tôi nghĩ mình đã tìm được người hợp với công việc này.”

Oswaldo Darío de Mortenssen, ông hoàng viết chữ thuê xứ Barcelona và là một người quen cũ của tôi, đang tận hưởng phút nghỉ ngơi sau bữa trưa trong quầy của chú ta cạnh La Virreina Palace, nhấm nháp một ly espresso đúp với một chút cô nhắc và hút xì gà. Khi thấy tôi tiến lại chú ta giơ tay chào.

“Đưa con hoang đang quay về rồi. Cậu đã thay đổi ý định sao? Chúng ta sẽ bắt tay vào viết cái bức thư tình sẽ giúp cậu tiếp cận được vùng cấm đoán nơi khuy quần và cúc áo của người thiếu nữ cậu mê đắm chứ?”

Tôi cho chú ta xem nhãn cưới của tôi và chú ta gật đầu, đã nhớ ra mọi chuyện.

“Tôi xin lỗi. Đó là do thói quen. Cậu là một trong những tay bảo thủ. Tôi có thể làm gì cho cậu đây?”

“Hôm trước tôi nhớ ra tại sao tên chú nghe quen thuộc với tôi đến thế, chú Oswaldo. Tôi làm việc ở một hiệu sách và tôi đã tìm được một cuốn tiểu thuyết của chú vào năm 1933, *Ký sĩ buổi tà dương*.”

Câu nói đó thấp sáng lên một vùng ký ức. Oswaldo mỉm cười hoài niệm.

“Những ngày tháng tươi đẹp... Barrido và Escobillas, các nhà xuất bản của tôi, đã bòn rút của tôi đến đồng xu cuối cùng, lũ lợn.

Mong chúng bị thiêu trụi vĩnh viễn ở địa ngục. Song, cái niềm vui viết ra nó - không ai có thể cướp đi của tôi niềm vui ấy được.”

“Hôm nào tôi mang sách đến, chú sẽ ký vào sách cho tôi chứ?”

“Dĩ nhiên. Đó là tác phẩm cuối cùng của tôi. Thế giới chưa sẵn sàng cho một phương Tây được đặt ở đồng bằng Ebro, với những kẻ cướp dùng xuống thay vì cưỡi ngựa, và những con muỗi to như quả dưa hấu.”

“Chú đúng là Zane Grey của bờ biển Tây Ban Nha.”

“Tôi ước thế. Tôi có thể làm gì cho cậu đây, chàng trai?”

“Cho tôi mượn tài năng và sự khéo léo của chú vào một cuộc phiêu lưu xứng đáng với những gì chú có.”

“Tôi vĩnh hết tai lên đây.”

“Tôi cần chú giúp tôi tạo ra một quá khứ bằng tư liệu cho một người bạn, để anh ta có thể kết hôn với người phụ nữ anh ta yêu mà không gặp phải trở ngại pháp lý nào.”

“Một người tốt chứ?”

“Người tốt nhất mà tôi biết.”

“Nếu là như vậy, coi như ta đã thỏa thuận xong. Cảnh tượng tôi yêu thích luôn là đám cưới và lễ rửa tội.”

“Chúng ta sẽ cần các giấy tờ hành chính như đơn từ, báo cáo, kiến nghị, giấy chứng nhận - tất tần tật luôn.”

“Không thành vấn đề. Chúng ta sẽ giao một phần công việc cho Luisito, người mà cậu đã làm quen. Anh ta hoàn toàn đáng tin cậy và là một bậc thầy về mười hai kiểu chữ viết.”

Tôi lấy ra tờ một ngàn peseta mà vị giáo sư đã từ chối và đưa cho chú ta. Oswaldo gạt phăng đi, mắt chú trợn trừng như cái đĩa.

“Thế mà người ta bảo ở Tây Ban Nha cậu không sống bằng nghề viết được,” chú nói.

“Số tiền này có đủ trang trải mọi chi phí không?”

“Thưa sực. Khi đã thu xếp được mọi thứ tôi sẽ cho cậu biết toàn vụ này tốn bao nhiêu, nhưng cứ như tôi nhắm tính thì tôi đồ rằng chỉ cần ba hoặc bốn trăm đồng là đủ.”

“Tôi phó thác việc này cho sự khôn ngoan của chú đấy, Oswaldo. Bạn tôi, Giáo sư Alburquerque...”

“Một cây viết tuyệt vời...” Oswaldo xen vào.

“Và còn là một quý ông tuyệt vời nữa. Như tôi nói, bạn tôi, ngài giáo sư, sẽ qua đây và cho chú một danh sách những loại giấy tờ cần đến, và mọi chi tiết. Nếu cần gì, chú có thể tìm tôi ở hiệu sách Sempere & Con trai.”

Khuôn mặt chú ta sáng lên khi nghe đến cái tên này.

“A, chón tôn nghiêm. Hồi còn trai trẻ tôi thường đến đó mỗi ngày thứ Bảy và những cuộc gặp gỡ với ngài Sempere đã giúp tôi mở rộng tầm mắt.”

“Hắn người đó là ông tôi.”

“Tôi không đến đó nhiều năm rồi. Tài chính của tôi eo hẹp nên tôi đành mượn sách thư viện.”

“Ồ, hãy cho chúng tôi vinh dự được đón chú quay lại hiệu sách, thưa chú Oswaldo. Cứ xem đó như nhà chú và chúng ta sẽ tìm ra cách để xử lý vấn đề tiền bạc.”

“Tôi sẽ đến.”

Chú ta chìa tay ra, và tôi bắt tay chú.

“Thật vui khi được làm việc với nhà Sempere.”

“Hy vọng chúng ta sẽ có nhiều dịp như thế này.”

“Chuyện gì đã xảy ra với lão què có cặp mắt sáng lên khi nhìn thấy vàng vậy?”

“Hóa ra không phải thứ nào lấp lánh cũng là vàng,” tôi nói.

“Một dấu hiệu của thời đại của chúng ta...”

Barcelona, 1958

Tháng Giêng đến, kéo theo những bầu trời bằng giá tươi sáng, phủ một lớp tuyết mịn lên những mái nhà của thành phố. Mặt trời tỏa sáng mỗi ngày, tạo nên những mảng sáng tối sắc nét trên những mặt tiền của một Barcelona trong suốt như pha lê. Những chiếc xe buýt hai tầng chạy trên đường với cái tầng hai vắng tanh còn xe điện thì để lại một quãng hơi trên đường ray.

Đèn Giáng sinh rực sáng trên khắp khu phố cổ và những khúc nhạc Giáng sinh mang theo lời ước may mắn yên bình vang lên từ hàng ngàn lẻ một cái loa ở những cửa hiệu. Thông điệp mùa Giáng sinh ngập tràn đến độ một cảnh sát đứng gác tại cảnh Chúa giáng sinh đặt gần tòa thị chính ở Plaza San Jaime đã vờ như không trông thấy khi một người nảy ra cái ý tưởng sáng láng là đội chiếc mũ bê rê Catalan lên đầu Chúa hài đồng - lờ đi những yêu cầu của một nhóm bà lão ngoan đạo mong anh ta cho người kia một cái tát và lôi đến trụ sở cảnh sát. Cuối cùng, ai đó ở văn phòng tổng giám mục đã báo cáo biến cố này và ba bà xơ xuất hiện để văn hồi trật tự.

Doanh số mùa Giáng sinh nhích lên và những chữ số màu đen* trong tài khoản nhà Sempere & Con trai đảm bảo rằng chúng tôi ít nhất cũng có thể đương đầu với các hóa đơn điện và lò sưởi. Với

chút may mắn, chúng tôi thậm chí có thể có được một bữa ăn nóng đúng nghĩa mỗi ngày một lần. Cha tôi dường như đã lấy lại được tinh thần và ban chỉ dụ rằng năm tới chúng tôi sẽ trang trí cửa hàng ngay chứ chẳng chờ đợi.

“Chúng ta sẽ phải treo cái máng đó trong một thời gian dài,” Fermín cầu nhàu, sự phấn khích tựa hồ như đã biến mất.

Sau mùng sáu tháng Giêng, ngày Lễ Ba Vua, cha chỉ thị cho chúng tôi thu dọn một cách cẩn thận cảnh Chúa giáng sinh và đem cất dưới tầng hầm chờ đến mùa Giáng sinh tiếp theo.

“Cẩn thận đấy,” cha tôi cảnh báo. “Tôi không muốn nghe nói rằng cậu vô tình làm rơi những chiếc hộp đâu, Fermín.”

“Tôi sẽ cẩn thận tốt cùng, thưa ngài Sempere. Tôi mang tính mạng ra để bảo đảm cho sự nguyên vẹn của cái máng này, cùng với cả những con vật đứng quanh Chúa cứu thế quần tã.”

Khi chúng tôi đã dọn dẹp xong để lấy chỗ cho những chiếc hộp chứa đồ trang trí Giáng sinh, tôi dừng lại một lát để ngó quanh tầng hầm cùng những góc bị lãng quên của nó. Lần trước chúng tôi ở đây, cuộc trò chuyện đã đụng đến những vấn đề mà tới nay cả Fermín và tôi đều không khơi lại, nhưng ít nhất chúng vẫn đè nặng trong tâm trí tôi. Fermín dường như đọc được ý nghĩ của tôi và anh ta bèn lắc đầu.

“Đừng bảo tôi là cậu vẫn còn nghĩ đến bức thư của gã ngốc kia nhé.”

“Thỉnh thoảng.”

“Cậu chưa nói gì với cô Beatriz, tôi hy vọng thế.”

“Không. Tôi đã bỏ thư vào trong áo khoác của cô ấy và không nói một lời nào.”

“Còn cô ấy? Cô ấy có nhắc đến việc nhận được thư của gã Don Joan Tenorio không?”

Tôi lắc đầu. Fermín chun mũi, như thể muốn nói rằng đó không phải tín hiệu tốt.

“Cậu đã quyết định xem phải làm gì chưa?”

“Về chuyện gì?”

“Đừng giả ngây thơ, Daniel. Cậu có định đi theo vợ cậu tới cuộc hẹn hò với gã bạn trai cũ ở Ritz và gây ra một cuộc huyên náo nho nhỏ hay không?”

“Anh đang giả định là cô ấy sẽ đến đó,” tôi phản bác.

“Vậy cậu thì không sao?”

Tôi cúi đầu, tự trách mình.

“Chồng mà không tin vợ thì là loại chồng gì đây?” tôi hỏi.

“Cậu có muốn tôi cho cậu một danh sách những cái tên, hay chỉ cần những con số thống kê thôi?”

“Tôi tin Bea. Cô ấy sẽ không lừa dối tôi. Cô ấy không phải người như thế. Nếu có điều gì muốn nói, cô ấy sẽ nói trực tiếp với tôi, không gian dối.”

“Vậy là cậu chẳng có gì phải lo lắng cả, đúng không?”

Trong giọng điệu của Fermín có gì đó khiến tôi nghĩ những nghi ngờ và cảm giác bất an của tôi đã làm anh ta thất vọng. Dù anh ta không bao giờ thừa nhận, tôi chắc anh ta thấy buồn khi nghĩ rằng tôi đã dành hết thì giờ cho những ý nghĩ vô bổ và hoài nghi sự chân thành của một người phụ nữ mà tôi không xứng đáng.

“Chắc anh nghĩ tôi là thằng ngu.”

Fermín lắc đầu.

“Không. Tôi nghĩ cậu là một người đàn ông may mắn, ít nhất trong chuyện tình yêu. Và cũng giống như hầu hết những kẻ may mắn, cậu không nhận ra là mình gặp may.”

Tiếng gõ cửa ở đầu cầu thang đã kết thúc câu chuyện của chúng tôi.

“Trừ phi hai người phát hiện dưới đó có mỏ dầu, không thì làm ơn quay lại ngay, còn có việc phải làm,” cha tôi gọi.

Fermín thở dài.

“Kể từ khi thoát ra khỏi hội đồ ông ấy đã trở thành một tay bạo chúa,” anh ta nói.

Ngày tháng trôi nổi trôi đi. Fermín cuối cùng đã đồng ý giao phó công việc chuẩn bị lễ cưới cho cha tôi và ông Gustavo, những người đứng ra đảm nhiệm vai trò thay cho các bậc phụ mẫu. Với tư cách phù rể, tôi là người tư vấn cho ban chủ trì, nhưng chức phận của tôi chỉ đơn thuần mang tính danh dự bởi Bea đã đứng ra làm người điều hành kiêm chỉ đạo nghệ thuật và điều phối hết thảy mọi hoạt động bằng một nắm đấm sắt.

“Fermín, tôi được lệnh của Bea là mang anh đến Casa Pantaleoni để anh thử đồ.”

“Bộ áo tù là cái mà tôi sẽ mặc...”

Tôi đã hứa với anh ta rằng đến khi lễ cưới diễn ra vấn đề danh tính của anh ta sẽ được thu xếp ổn thỏa và vị cha xứ bạn của anh ta sẽ có thể xưng lên: “Fermín, con có chấp nhận Bernarda là người vợ hợp pháp của con không?” mà không ai trong chúng tôi bị vào đồn cảnh sát cả. Nhưng khi ngày cưới cận kề thì Fermín vẫn bị nổi

lo lắng giày vò. Bernarda đã thoát khỏi tình trạng hồi hộp nhờ phương thức cầu nguyện và bánh bông lan trứng, mặc dù, khi tình trạng bầu bí của chị đã được một vị bác sĩ thận trọng, đáng tin xác nhận, chị dành phần lớn thì giờ đấu tranh với cơn buồn nôn và chóng mặt. Mọi thứ dường như cho thấy rằng con đầu lòng của Fermín sẽ là một đứa khó nuôi.

Đó là những ngày tháng trôi đi trong một sự êm đềm hiển nhiên và dối lừa, nhưng dưới lớp mặt nạ thì tôi đã chìm vào một dòng chảy tối tăm, u ám, nó chậm chậm kéo tôi vào những khoảng sâu của một cảm xúc mới và không tài nào chống chọi nổi: sự căm hờn.

Những lúc rảnh rỗi, không cho ai biết mình đi đâu, tôi lại lên ra ngoài và dạo bước đến thư viện Ateneo trên phố Canuda, nơi tôi lần theo từng bước chân cuộc đời của Mauricio Valls trong phòng đọc báo. Kể nhiều năm qua tôi vẫn cho là một nhân vật nhạt nhòa và vô vị thì ngày càng trở nên rõ nét đến đau đớn. Cuộc điều tra giúp tôi dựng lại sự nghiệp của Valls trong mười lăm năm qua, từng mảnh một. Nhiều thứ đã trôi vào dĩ vãng kể từ những ngày đầu tiên hấn làm cho chế độ. Cùng với thời gian và những mối quan hệ tốt, nếu ta tin vào những gì báo chí nói (mà thế chẳng khác nào tin rằng nước cam có được là do vắt những quả cam tươi ở Valencia, Fermín nói), Mauricio Valls đã chứng kiến mong ước của hấn thành hiện thực và trở thành một ngôi sao sáng chói trên bầu trời văn chương nghệ thuật của Tây Ban Nha.

Con đường thăng tiến của hấn quả là ngoạn mục. Từ năm 1944 trở đi hấn leo lên những chức vụ và được bổ nhiệm vào những vị trí mà tầm quan trọng ngày càng tăng trong hệ thống cơ quan văn hóa

và học thuật của đất nước. Những bài báo, những bài phát biểu và những cuốn sách của hấn được tăng lên theo cấp số nhân. Bất cứ buổi lễ trao giải, tọa đàm hoặc sự kiện văn hóa có tự trọng nào cũng cần đến sự tham gia và hiện diện của ngài Mauricio. Trong năm 1947, cùng vài đối tác làm ăn, hấn thành lập Ariadna, một công ty xuất bản đặt văn phòng ở Madrid và Barcelona với nhiệm vụ hàng đầu là quảng bá cho hấn, nơi đã được báo chí miệt mài tán dương là “thương hiệu xuất bản uy tín nhất” của văn học Tây Ban Nha.

Đến năm 1948, cũng những tờ báo ấy bắt đầu nhắc đến Mauricio Valls như là “trí thức sáng láng nhất và được trọng vọng nhất của nước Tây Ban Nha Mới”. Giới trí thức tự phong của đất nước này và những kẻ mong mỗi được đứng vào hàng ngũ ấy dường như đang tham gia một chuyện tình lãng mạn nhiều đam mê với ngài Mauricio. Đám nhà báo phụ trách mục văn hóa không từ bỏ một cơ hội nào để ca tụng Valls, những mong được hấn ưu ái, và nếu may mắn thì sẽ được công ty Ariadna cho xuất bản một số bản thảo mà họ cất trong ngăn kéo, ngõ hầu trở thành một phần của cái quang cảnh chính thức và ném chút vụn bánh ngọt từ bàn của hấn rơi xuống.

Valls đã học được luật chơi và kiểm soát bàn cờ giỏi hơn bất kỳ ai. Đầu thập niên năm mươi, danh tiếng và ảnh hưởng của hấn đã vươn xa ngoài phạm vi giới cầm quyền và bắt đầu len lỏi vào cái gọi là xã hội dân sự và những thành viên của nó. Các khẩu hiệu của Mauricio biến thành những chuẩn mực chân lý mới trong mắt ba hay bốn ngàn người Tây Ban Nha, những kẻ tự cho mình là số ít được lựa chọn và bọn họ xem việc nhai đi nhai lại những lời phúc âm của Mauricio như những câu học trò cần cù trong khi khinh thị nhìn xuống đám đông dốt nát.

Trên đường lên đến đỉnh cao, Valls đã quy tụ quanh mình một bè lũ những nhân vật cùng chí hướng vốn được ăn lộc từ bàn tay hắt và dần dần được cất nhắc làm lãnh đạo của những tổ chức và giữ các vị trí quyền lực. Nếu có ai cả gan chất vấn lời nói hay giá trị của Valls, thì cá nhân đó sẽ bị báo chí chà đạp không chút tiếc thương. Sau khi bị nhạo báng bằng những lời lẽ cay độc, kẻ khốn khổ tội nghiệp kia rốt cuộc sẽ trở thành một gã khốn cùng, một tên ăn mày mà mọi cánh cửa đều đóng lại và lựa chọn duy nhất của anh ta chỉ có thể là sống mai danh ẩn tích hoặc lưu vong.

Tôi mất không biết bao nhiêu là thời gian để đọc từng lời được viết ra cũng như ý ẩn giữa các dòng chữ, so sánh những phiên bản khác nhau của câu chuyện, liệt kê những ngày tháng và lập một danh sách những thành công cùng các chuyện thâm cung bí sử. Trong những tình huống khác, giả như mục đích tìm hiểu của tôi chỉ đơn thuần mang tính chất nhân học, tôi sẽ ngả mũ trước ngài Mauricio và những mưu chước bậc thầy của hắn. Không ai có thể chối bỏ rằng hắn đã học được cách đọc trái tim và tâm hồn của đồng bào mình và giật dây điều khiển những ham muốn, hy vọng và mơ ước của họ. Hắn hiểu thấu trò chơi từ trong ra ngoài, và không ai có thể chơi giỏi hơn hắn.

Nếu còn lại gì đó trong tôi sau những ngày bất tận đắm mình trong phiên bản chính thức của cuộc đời Valls, thì ấy là niềm tin rằng những viên gạch nền móng của một nước Tây Ban Nha mới đang được đặt xuống và rằng sự thăng tiến chóng mặt của ngài Mauricio lên đỉnh cao quyền lực minh chứng cho một xu hướng đang lên, mà

rất có thể, sẽ tồn tại lâu hơn cả nền độc tài và bén rễ sâu và vững chắc trên toàn đất nước trong mấy thập kỷ tới.

Năm 1952 Valls vươn lên đỉnh cao sự nghiệp khi hấn được chỉ định làm bộ trưởng Bộ Văn hóa với nhiệm kỳ ba năm, một vị trí mà hấn đã tranh thủ để củng cố quyền lực và đặt tay sai của mình vào những vị trí ít ỏi còn sót lại mà trước đó hấn chưa kiểm soát được. Hình ảnh của hấn ở chốn công cộng đạt đến một sự đơn điệu dát vàng: lời lẽ của hấn được trích dẫn như suối nguồn thông tuệ. Sự hiện diện của hấn trong các ban giám khảo và ban bộ đủ loại là thường xuyên, trong khi đồng bằng khen, vòng nguyệt quế và huân chương của hấn thì tiếp tục đầy lên như nấm mọc sau mưa.

Rồi, đột nhiên, một điều kỳ lạ xảy ra.

Lúc đầu tôi đã không nhận thấy. Danh mục tràng giang đại hải những lời ca tụng và tin tức tiếp tục mọc lên không ngưng nghỉ, nhưng sau năm 1956, tôi bắt được một chi tiết bị chôn vùi giữa đồng bài báo, đối lập hoàn toàn với mọi thứ được xuất bản trước đó. Giọng điệu và nội dung của những bài báo thì không đổi, nhưng bằng cách đọc từng bài và so sánh chúng, tôi nhận ra một điều.

Ngài Mauricio Valls không bao giờ xuất hiện nơi công cộng nữa.

Tên của hấn, uy tín của hấn, danh tiếng của hấn và quyền lực của hấn vẫn tiếp tục trở nên mạnh mẽ hơn. Nhưng có một điều mất đi: con người hấn. Sau năm 1956, không hề có ảnh, không hề có ai đả động hay viện dẫn đến sự tham dự của hấn ở những buổi lễ chính thức.

Bài báo cuối cùng xác nhận sự hiện diện của Mauricio Valls là vào mùng hai tháng Mười một năm 1956, khi hấn nhận giải thưởng cho thành tựu nổi bật nhất của năm trong lĩnh vực xuất bản. Buổi lễ

trang trọng, được tổ chức ở Círculo de Bellas Artes tại Madrid, có sự tham dự của những quan chức cấp cao nhất và các tinh hoa của xã hội. Bài tường thuật được viết theo một lối dễ đoán, đặc trưng cho thể loại này, nói cách khác là một mẫu tin ngắn sắc mùi nịnh nọt. Điều thú vị nhất trong bài là bức ảnh kèm theo, bức ảnh đăng báo cuối cùng của Valls, chụp không lâu trước sinh nhật thứ sáu mươi của hắn. Ăn mặc lịch duyệt trong một bộ vét được cắt may tinh tế, hắn đang mỉm cười khiêm tốn khi đón nhận màn vỗ tay tán thưởng từ đám khán giả. Xuất hiện cạnh Valls là những gương mặt thường thấy trong các sự kiện như vậy và, đằng sau hắn, hơi khuất khỏi máy ảnh, với vẻ mặt nghiêm túc và khó hiểu, là hai nhân vật đeo cặp kính đen, mặc đồ đen dường như không phải là một phần của buổi lễ. Bọn họ trông nghiêm nghị và tách rời khỏi toàn bộ trò khôi hài này. Bọn họ trông đầy cảnh giác.

Không ai chụp ảnh ngài Mauricio hay thấy hắn ta ở chốn công cộng sau đêm hôm đó ở Círculo de Bellas Artes nữa. Dù có cố gắng thế nào, tôi vẫn không tìm thấy một sự hiện diện nào nữa của hắn ta. Mệt mỏi vì theo đuổi những con đường dường như chẳng dẫn đến đâu cả, tôi quay lại điểm khởi đầu và chấp nối câu chuyện của hắn lại, cho tới khi tôi biết rõ như thể đó là chuyện đời tôi. Tôi đánh hơi dấu vết của hắn với hy vọng tìm ra một manh mối, một dấu hiệu có thể cho biết hắn ở đâu. Rốt cuộc thì cái kẻ mỉm cười trong những bức ảnh và phô bày sự phù phiếm qua vô vàn những trang báo cùng với một đám xu nịnh, đói khát chờ được ban ân đang ở đâu?

Sự căm hờn của tôi cứ tăng dần lên trong những buổi chiều đơn độc ở thư viện Ateneo cổ kính, nơi cách đây không lâu tôi dành hết sự quan tâm cho những mục đích cao quý hơn, như làn da mịn màng của tình yêu đầu đời bất thành của tôi, Clara mù lòa, hay những bí ẩn về Julián Carax và cuốn tiểu thuyết *Bóng hình của gió* của ông. Càng không biết tìm dấu vết của Valls ở đâu, tôi càng không chịu thừa nhận rằng hắn có quyền biến mất và xóa tên hắn khỏi lịch sử. Lịch sử của tôi. Tôi cần biết chuyện gì đã xảy ra với hắn. Tôi cần nhìn vào mặt hắn, dù chỉ là để nhắc hắn nhớ đến một người, người duy nhất trong toàn thể gian này biết hắn thực chất là ai và hắn đã làm gì.

Một buổi chiều, mệt mỏi vì theo đuổi những bóng ma, tôi hủy buổi đọc báo ở thư viện để dạo bộ cùng Bea và Julián giữa thành phố Barcelona sạch sẽ, đầy nắng mà tôi gần như đã lãng quên. Chúng tôi quốc bộ từ nhà đến công viên Ciudadela. Tôi ngồi trên ghế ngắm Julián chơi trên thảm cỏ với mẹ. Khi nhìn hai người họ, tôi nhớ lại những lời Fermín nói. Một người đàn ông may mắn, là tôi, Daniel Sempere. Một người đàn ông may mắn, người đã cho phép sự tức giận mù quáng dâng lên trong lòng cho đến lúc anh ta cảm thấy buồn nôn khi nghĩ đến chính mình.

Tôi ngắm nhìn Julián chơi hết mình một trong những trò yêu thích của nó: bò bốn chân cho đến khi cả người đều dính bần. Bea để mắt sát sao đến nó. Thỉnh thoảng nó dừng lại và quay về phía tôi. Đột nhiên, một cơn gió hất vạt váy của Bea lên và Julián bật cười. Tôi vỗ tay và Bea trao tôi ánh nhìn phản đối. Tôi tìm ánh mắt con trai tôi: chẳng bao lâu nữa, tôi nghĩ, nó sẽ nhìn tôi như thể tôi là người thông thái nhất trên đời, người mang đến mọi câu trả lời. Tôi quyết định không bao giờ nhắc đến cái tên Mauricio Valls hay theo đuổi bóng hình của hắn nữa.

Bea bước đến và ngồi cạnh tôi. Julián bò đến tận chỗ nàng. Khi nó tới chân tôi tôi bế nó lên và nó bắt đầu chùi tay lên áo khoác của tôi.

“Vừa lấy ở hàng giặt khô về đây,” Bea nói.

Tôi nhún vai, cam chịu. Bea nghiêng người cầm tay tôi. “Chân đẹp nhỉ,” tôi nói.

“Em chẳng thấy có gì thú vị cả. Con trai của anh sẽ học cái thói đó cho mà xem. Ở trên trời quanh đây không có ai hết.”

“Có một ông cụ đang nấp sau tờ báo ở đằng kia. Anh nghĩ ông ta đã ngã quỵ vì chứng mạch nhanh.”

Julián quyết định rằng cụm từ “mạch nhanh” là thứ buồn cười nhất nó nghe được trong đời và phần lớn hành trình về nhà chúng tôi cứ hát mãi điệp khúc “mạch-nhanh” trong khi Bea đi trước chúng tôi vài bước, hoàn toàn nổi đóa.

Đêm hôm đó, hai mươi tháng Giêng, Bea đặt Julián lên giường rồi chìm vào giấc ngủ trên cái xô pha bên cạnh tôi, trong khi tôi đọc lại, lần thứ ba, một trong những tiểu thuyết cũ của David Martín. Đó là một bản Fermín đã tìm thấy trong những tháng ngày anh ta lưu vong, sau khi trốn khỏi nhà tù, và giữ lại suốt những năm ấy. Tôi thích nhấm nháp từng lời diễn tả và mổ xẻ chi tiết cấu trúc của từng câu. Tôi nghĩ nếu mình có thể giải mã nhạc tính trong câu văn của ông thì tôi có thể khám phá ra điều gì đó ở cái con người mà tôi chưa bao giờ biết, người mà ai nấy cũng cam đoan với tôi rằng không phải cha tôi. Nhưng đêm hôm ấy tôi không thể làm được. Trước khi đọc xong một đoạn văn, ý nghĩ của tôi lại bay khỏi trang sách và điều duy nhất tôi còn thấy trước mặt mình là bức thư của Pablo Cascos Buendía, người sẽ gặp vợ tôi vào ngày mai, ở Ritz, lúc hai giờ chiều.

Cuối cùng tôi gấp sách lại và nhìn Bea đang ngủ bên tôi, cảm thấy rằng số lượng bí mật nàng giữ kín nhiều hơn trong câu chuyện

của David Martín về cái thành phố hắc ám bị nguyên rửa cả ngàn lần. Lúc quá nửa đêm, Bea mở mắt và thấy tôi đang dò xét nàng. Nàng mỉm cười với tôi, nhưng một thoáng lo lắng vụt qua nét mặt nàng.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” nàng hỏi.

“Anh đang nghĩ mình mới may mắn làm sao,” tôi nói.

Bea nhìn chăm lấy tôi, hoài nghi.

“Anh nói cứ như là anh không tin như thế vậy.” Tôi đứng lên và chìa tay ra cho nàng.

“Đi ngủ thôi,” tôi mời gọi.

Nàng nắm tay tôi và theo tôi đi dọc hành lang vào phòng ngủ. Tôi nằm lên giường và nhìn nàng trong im lặng.

“Anh đang hành xử kỳ lạ lắm, Daniel ạ. Có chuyện gì thế? Em đã nói gì sai ư?”

Tôi lắc đầu và trao nàng một nụ cười ngây thơ như một lời nói dối vô hại. Bea từ từ cởi đồ. Khi đã cởi bỏ quần áo nàng không bao giờ quay tròn, hay nấp trong phòng tắm hay sau cánh cửa như những cuốn cẩm nang chính thống dành cho vợ chồng thường khuyên. Tôi bình tĩnh quan sát, đọc những đường nét trên cơ thể nàng. Đôi mắt Bea nhìn chăm vào mắt tôi. Nàng chui vào chiếc váy ngủ mà tôi ghét cay ghét đắng và lên giường, quay lưng về phía tôi.

“Chúc anh ngủ ngon,” nàng nói, giọng căng thẳng và có phần, với một người đã hiểu rõ nàng, là khó chịu.

“Chúc em ngủ ngon,” tôi thì thầm.

Lặng nghe hơi thở của nàng tôi biết nàng mất hơn nửa tiếng mới chìm vào giấc ngủ, nhưng đến cuối nàng đã quá mệt mỏi để bận

tâm đến lỗi cư xử lạ kỳ của tôi. Khi nằm xuống bên cạnh nàng, tôi tự hỏi mình có nên đánh thức nàng để cầu xin nàng tha thứ hay chỉ đơn giản là hôn nàng. Tôi chẳng làm gì cả. Tôi vẫn nằm đó, bất động, ngắm nhìn đường cong trên lưng nàng và nghe thấy quỷ thần bên trong đang thầm thì rằng chỉ mấy tiếng nữa thôi Bea sẽ đi gặp vị hôn thê cũ và đôi môi kia và thịt da kia sẽ thuộc về một kẻ khác, như bức thư sứt mẻ của hấn dường như ám chỉ.

Khi tôi thức dậy, Bea đã đi rồi. Tôi không ngủ được mãi cho đến khi trời chuyển sáng và khi chuông nhà thờ điểm chín giờ tôi tỉnh linh giác và mặc luôn bộ quần áo đầu tiên tôi chộp được. Bên ngoài kia, một ngày thứ Hai lạnh lẽo đang chờ tôi, rắc những bông tuyết bay lơ lửng giữa không trung và đậu lên khách qua đường như những con nhện trong suốt treo mình trên sợi tơ vô hình. Khi tôi bước vào hiệu sách, cha tôi đang đứng trên chiếc ghế ông vẫn trèo lên mỗi sáng để thay đổi ngày trên lịch. Hai mốt tháng Giêng.

“Ngủ quá giấc là điều không chấp nhận được khi con đã trên mười hai tuổi,” ông nói. “Hôm nay đến lượt con phải mở hiệu.”

“Con xin lỗi. Một đêm tồi tệ. Chuyện này sẽ không xảy ra nữa.”

Tôi mất vài tiếng đồng hồ để cố làm cho đầu óc và tay chân mình bận rộn bằng những công việc lật vật trong hiệu sách nhưng tất cả những gì tôi có thể làm là nghĩ đến bức thư khốn kiếp kia, tôi luôn đọc nhẩm nó trong đầu. Đến giữa buổi sáng Fermín lén lút đến bên cạnh và đưa mời tôi một chiếc kẹo Sugus.

“Ngày hôm nay, phải không?”

“Im đi, Fermín,” tôi đáp trả anh ta, cộc cằn đến mức cha tôi phải nhíu mày.

Tôi rút lui vào phòng sau và nghe họ thăm thì. Tôi ngồi chỗ bàn của cha và chăm chăm nhìn đồng hồ. Một giờ hai mươi phút chiều. Tôi cố để cho thời gian trôi qua nhưng kim đồng hồ dường như không muốn động đậy. Khi tôi quay ra cửa hàng, Fermín và cha tôi nhìn tôi lo lắng.

“Daniel này, có lẽ con nên nghỉ ngơi một ngày,” cha tôi nói, “Fermín và bố sẽ thu xếp được công việc.”

“Cảm ơn bố. Con nghĩ mình sẽ nghỉ. Con bị mất ngủ và lúc này con thấy không được khỏe.”

Tôi không đủ can đảm nhìn Fermín khi tôi đi vào phòng sau. Tôi bước lên năm lượt cầu thang mà chân nặng như chì. Khi mở cửa căn hộ tôi nghe thấy tiếng nước chảy trong phòng tắm. Tôi lê thân đến phòng ngủ và dừng ở ngưỡng cửa. Bea đang ngồi bên mép giường. Nàng không thấy tôi hay nghe tiếng tôi bước vào. Tôi nhìn nàng đi đôi tất lụa và mặc đồ, mắt dán chặt vào gương. Nàng mất mấy phút mới nhận thấy sự hiện diện của tôi.

“Em không biết là anh ở đó,” nàng nói, nửa ngạc nhiên nửa bực bội.

“Em định đi chơi à?”

Nàng gạt đầu trong khi bôi son màu đỏ tươi.

“Em định đi đâu?”

“Em có vài việc vặt cần làm.”

“Trông em đẹp quá.”

“Em không thích đi ra ngoài mà luộm thuộm,” nàng đáp.

Tôi nhìn theo lúc nàng đang kẻ mi mắt. *“Một người đàn ông may mắn,”* cái giọng nói mĩa mai cất lên.

“Việc vặt gì thế?” tôi hỏi.

Bea quay lại nhìn tôi.

“Sao cơ?”

“Anh đang hỏi em định làm việc vặt gì thế?”

“Mấy việc này nọ.”

“Còn Julián?”

“Mẹ em đến đón rồi. Bà sẽ dẫn con đi chơi.”

“Anh hiểu rồi.”

Bea lại gần tôi. Gạt nỗi tức giận sang một bên, nàng nhìn tôi lo lắng.

“Daniel, anh có chuyện gì thế?”

“Đêm qua anh không chợp mắt được.”

“Sao anh không ngủ một lát đi? Sẽ tốt cho anh đấy.”

“Ý hay đấy,” tôi đồng ý.

Mỉm cười yếu ớt, Bea dẫn tôi lại giường. Nàng giúp tôi nằm xuống, đắp chăn cho tôi và trao tôi một nụ hôn lên trán.

“Em sẽ muộn mắt,” nàng nói.

Tôi nhìn nàng đi.

“Bea...”

Nàng đứng khựng lại rồi quay về phía tôi.

“Em có yêu anh không?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên em yêu anh. Đừng ngốc nghếch thế.”

Tôi nghe thấy tiếng cửa đóng lại và tiếng bước chân như mèo của Bea trên đôi giày cao gót bước xuống cầu thang. Tôi nhấc điện thoại và đợi đầu dây đang kia trả lời.

“Khách sạn Ritz, làm ơn.”

Người ta mất vài giây để kết nối.

“Khách sạn Ritz đây, tôi có thể giúp gì ạ?”

“Anh làm ơn kiểm tra giúp xem người này có đang ở khách sạn không?”

“Tôi xin tên người khách được không?”

“Casco. Pablo Casco Buendía. Tôi nghĩ anh ta lấy phòng từ hôm qua...”

“Xin đợi một lát...”

Một phút chờ đợi dài đằng đặc, những giọng nói khe khẽ vọng qua điện thoại.

“Thưa ông...”

“Vâng?”

“Tôi không thấy ai đặt phòng với tên như vậy cả, thưa ông...”

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng.

“Người ta có thể đặt phòng bằng tên công ty không?”

“Tôi sẽ kiểm tra xem.”

Lần này sự chờ đợi ngắn hơn.

“Vâng, ông nói đúng. Ông Casco Buendía. Đây rồi, phòng Continental Suite. Được đặt cho công ty xuất bản Ariadna”

“Anh bảo sao cơ?”

“Thưa ông, tôi nói rằng, ông Casco Buendía đặt phòng bằng tên của công ty xuất bản Ariadna. Ông muốn tôi nói máy đến phòng ông ấy không?”

Điện thoại tuột khỏi tay tôi. Ariadna là công ty xuất bản mà Mauricio Valls đã thành lập cách đây mấy năm.

Cascos làm việc cho Valls.

Tôi dập điện thoại và bước ra đường, đi theo vợ mình, trong tim đầy rẫy nghi ngờ.

Không có dấu vết của Bea giữa đám đông đi qua Puerta del Ángel rồi đổ về quảng trường Cataluna. Tôi cho đây là đường vợ tôi chọn để đến khách sạn Ritz, nhưng với Bea thì cũng chẳng biết thế nào được. Nàng thích thử nhiều đường khác nhau. Sau một hồi tôi bỏ cuộc và đoán hẳn nàng đã bắt taxi - phương án đó phù hợp với kiểu trang phục nàng đã chọn cho hôm nay.

Tôi mất mười lăm phút mới đến khách sạn. Dù trời chưa đến mười độ C tôi đã toát mồ hôi và ngạt thở. Người gác cửa nhìn tôi nghi ngờ, nhưng ông ta mở cửa và cho tôi vào với cái gật đầu rất khẽ. Cách bố trí ở sảnh làm tôi rối trí: trông nó như bối cảnh của một câu chuyện gián điệp hay một thiên truyện tình lãng mạn suy đồi. Kinh nghiệm hạn hẹp của tôi về những khách sạn xa xỉ không đủ để giúp tôi nhận ra đâu là đâu. Tôi nhìn ra một chiếc bàn mà đứng sau là một người lễ tân tận tụy đang quan sát tôi với vẻ tò mò xen lẫn cảnh giác. Tôi bước đến chỗ anh ta với một nụ cười mà không gây được ấn tượng tốt.

“Xin hỏi nhà hàng ở đâu?”

Nhân viên lễ tân dò xét tôi với vẻ nghi ngờ đầy lịch sự.

“Anh có đặt chỗ ở đây không thưa anh?”

“Tôi có cuộc hẹn với một khách của khách sạn.”

Người lễ tân mỉm cười lạnh lùng đoạn gật đầu.

“Nhà hàng ở cuối hành lang kia, thưa anh.”

“Đa tạ.”

Tôi cất bước đến đó mà tim đập hỗn loạn. Tôi không biết sẽ nói gì hay làm gì khi đối mặt với Bea và gã kia. Tay trưởng nhóm phục vụ bắt gặp liền chặn tôi lại. Về mặt của ông ta, đằng sau nụ cười khô cứng, đã tố giác rằng trang phục của tôi không được chấp nhận.

“Anh có đặt chỗ không, thưa anh?” ông ta hỏi.

Tôi gạt ông ta sang một bên và bước vào phòng ăn. Hầu hết các bàn đều trống. Có một đôi vợ chồng già bộ dạng như xác ướp với cung cách thể kỷ mười chín ngưng công cuộc húp xúp trang nghiêm lại để ném cho tôi cái nhìn kinh tởm. Còn tại một vài bàn khác thì là các doanh nhân tẻ nhạt được một hay hai cô em hấp dẫn tới phi lý hộ tống, và bữa tiệc của họ hẳn sẽ được tính vào công tác phí. Không thấy bóng dáng của Cascos hay Bea đâu.

Tay trưởng nhóm phục vụ đang tiến đến, có hai trợ lý bên cạnh. Tôi quay lại nhìn ông ta và mỉm cười lịch sự.

“Ông Cascos Buendía có đặt chỗ lúc hai giờ không?” tôi hỏi.

“Ông Cascos yêu cầu mang bữa ăn lên phòng ông ấy,” ông ta cho tôi biết.

Tôi xem đồng hồ. Đã hai giờ hai mươi phút. Tôi đi về phía hành lang có thang máy. Một người bảo vệ để mắt đến tôi nhưng trước khi anh ta bắt kịp thì tôi đã chui vào thang máy. Tôi nhấn nút mà quên rằng mình không hề biết phòng Continental Suite ở đâu.

“Bắt đầu từ tầng cao nhất,” tôi tự nhủ.

Tôi ra khỏi thang máy ở tầng bảy và bắt đầu thơ thẩn đi dọc những hành lang rộng lớn, tất thảy đều vắng ngắt. Sau một hồi tôi

bắt gặp cánh cửa dẫn ra cầu thang thoát hiểm và bước xuống tầng dưới. Tôi đi qua từng cửa một, tìm phòng Continental Suite nhưng không thành. Đồng hồ của tôi lúc này đã điểm hai giờ ba mươi. Ở tầng năm tôi bắt gặp một cô hầu phòng đang kéo chiếc xe đầy nhóc những cây chổi lông gà, bánh xà phòng và khăn tắm và tiến đến hỏi cô ta phòng suite ở đâu. Cô ta quăng cho tôi một cái nhìn ái ngại, nhưng tôi hấn làm cô ta kinh sợ đủ để khiến cô ta giơ tay chỉ lên trên.

“Tầng tám.”

Tôi tránh thang máy vì ngại nhân viên khách sạn đang tìm mình. Ba lượt cầu thang và một hành lang dài dẫn tôi tới những cánh cửa của phòng Continental Suite, người vãi mồ hôi. Tôi đứng đó trong giây lát, lấy lại nhịp thở, cố tưởng tượng chuyện gì đang xảy ra sau cánh cửa gỗ dày cộp này và tự hỏi mình có nên theo lẽ thường tình mà bỏ đi hay không. Tôi nghĩ tôi có thể thấy ai đó đang đứng ở đầu kia hành lang nhìn tôi và sợ rằng đó là người bảo vệ, nhưng khi nhìn kỹ hơn thì bóng người đó biến mất vào góc hành lang. Đó hẳn là một vị khách của khách sạn, tôi hình dung vậy. Cuối cùng tôi nhấn chuông.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân. Hình ảnh Bea chỉnh trang lại áo cánh thoáng lướt qua trong đầu tôi. Núm cửa xoay. Tôi siết nắm tay. Một gã với mái tóc vuốt ngược, mang áo choàng tằm màu trắng và đôi dép lê năm sao, mở cửa. Nhiều năm đã trôi qua, nhưng người ta không bao giờ quên được khuôn mặt kẻ ta một lòng khinh ghét.

“Sempere?” hắn ngờ vực hỏi.

Cú đâm hạ xuống ngay giữa nhân trung của hắn. Tôi cảm thấy thịt và xương sụn của hắn vụn ra dưới nắm tay tôi. Cascos đưa tay che mặt và lão đảo, máu phun qua kẽ tay. Tôi đẩy mạnh hắn vào tường và bước vào phòng. Tôi nghe thấy Cascos đổ nhào xuống sàn sau lưng tôi. Giường đã dọn xong và đĩa đồ ăn còn bốc hơi được bày trên bàn quay ra cái sân thượng nhìn xuống toàn cảnh Gran Vía. Chỉ có một suất ăn. Tôi quay lại đối mặt với Cascos, hắn đang cố đứng dậy bằng cách bám vào một cái ghế.

“Cô ấy đâu?”

Khuôn mặt Cascos biến dạng vì đau đớn, máu rỉ xuống ngực hắn. Tôi có thể thấy tôi đã khiến môi hắn nứt toác ra và gần như làm vỡ mũi hắn. Tôi chợt có một cảm giác bỏng rát trên đốt tay và khi nhìn vào tay tôi nhận ra mình đã bị trầy da lúc đâm vào mặt hắn. Tôi không cảm thấy ăn năn hay gì cả.

“Cô ấy không đến. Thỏa mãn chưa?” Cascos phun ra.

“Từ khi nào mà mày dành thời gian để viết thư cho vợ tao hả?”

Tôi nghĩ hắn bật cười và không để hắn kịp thốt ra lời nào tôi đã lao vào cho hắn cú đấm thứ hai bằng nỗi căm giận chất chứa bấy lâu. Cú đấm làm răng hắn lung lay và khiến tay tôi tê dại. Cascos rên rĩ thống thiết và ngã xuống chiếc ghế mà hắn đang dựa vào. Khi thấy tôi cúi người xuống hắn đưa tay che mặt. Tôi ghì tay vào cổ hắn và siết các ngón tay vào da thịt hắn như thể tôi đang vặn cổ hắn ra.

“Mày có liên quan gì tới Valls?”

Cascos nhìn chăm tôi với vẻ kinh hãi, tin rằng tôi sẽ giết hắn tại chỗ lúc đó. Hắn lẩm bẩm điều gì đó. Nước dãi và máu trên miệng hắn rỉ xuống tay tôi.

“Mauricio Valls. Mày có liên quan gì đến hắn?”

Khuôn mặt tôi ghé sát khuôn mặt hắn đến mức tôi có thể thấy hình ảnh của mình trong đồng tử hắn. Mao mạch trong mắt hắn bắt đầu vỡ ra và một mạng lưới những lần đen lan về phía tròng mắt. Nhận ra mình đang làm hắn nghẹt thở, tôi bất thành linh buông ra. Cascos phát ra một tiếng khọt khẹt khi hắn cố đớp lấy không khí và sờ vào cổ. Tôi ngồi lên giường đối diện với hắn. Tay tôi run rẩy và đầy máu. Tôi vào phòng tắm và rửa tay. Tôi khoát nước lạnh lên mặt lên tóc và khi thấy hình ảnh trong gương tôi gần như không nhận ra mình nữa. Suýt nữa thì tôi đã giết người.

Khi tôi quay lại phòng, Cascos vẫn gục xuống trên ghế, thở hổn hển. Tôi rót một cốc nước và đưa cho hắn. Thấy tôi tiến lại gần hắn né sang một bên, tưởng có một cú đấm khác lại sắp tung ra.

“Đây,” tôi nói.

Hắn mở mắt ra và khi thấy cốc nước hắn có vẻ ngờ ngợ trong phút chốc.

“Đây,” tôi nhắc lại. “Chỉ là nước thôi.”

Hắn đưa bàn tay run rẩy đón lấy cốc nước rồi đưa lên miệng. Tôi nhận ra mình đã làm hắn gãy mấy chiếc răng. Cascos rên rỉ và mắt nhắm nước vì đau đớn khi nước lạnh chạm vào phần tủy lộ ra dưới men răng. Chúng tôi giữ im lặng khoảng hơn một phút.

“Có cần tao gọi bác sĩ không?” cuối cùng tôi hỏi.

Hắn nhìn lên và lắc đầu.

“Biến đi trước khi tôi gọi cảnh sát.”

“Cho tao hay mày liên quan gì đến Mauricio Valls rồi tao sẽ đi.”

Tôi lạnh lùng nhìn hắn.

“Ông ấy... ông ấy là một thành viên của nhà xuất bản nơi tôi làm việc.”

“Có phải lão ta bảo mày viết bức thư đó không?”

Cascos dè dặt. Tôi đứng dậy bước đến hắn. Tôi túm tóc hắn giật mạnh.

“Đừng đánh tôi nữa,” hắn van xin.

“Có phải Valls bảo mày viết bức thư đó không?”

Cascos tránh ánh mắt tôi.

“Không phải ông ấy,” hắn gượng nói.

“Vậy thì ai?”

“Một trong số thư ký của ông ấy, Armero.”

“Ai?”

“Paco Armero. Anh ta là nhân viên của công ty. Anh ta bảo tôi nối lại quan hệ với Beatriz. Anh ta bảo nếu làm theo sẽ có gì đó cho tôi. Một phần thưởng.”

“Sao mày phải nối lại quan hệ với Bea?”

“Tôi không biết.”

Tôi làm như thể định đánh hắn tiếp.

“Tôi không biết,” Cascos thút thít. “Đó là sự thật.”

“Thế nên mày bảo muốn gặp cô ấy ở đây?”

“Tôi vẫn yêu Beatriz.”

“Mày cũng biết cách bày tỏ đấy. Valls ở đâu?”

“Tôi không biết.”

“Sao mày lại không biết ông chủ của mày ở đâu được?”

“Vì tôi không biết ông ấy. Được chưa? Tôi chưa bao giờ gặp ông ấy. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với ông ấy.”

“Giải thích đi.”

“Tôi bắt đầu làm việc cho Ariadna cách đây một năm rưỡi, tại văn phòng ở Madrid. Trong suốt thời gian qua tôi chưa bao giờ gặp ông ấy. Không ai gặp cả.”

Hắn chậm chậm đứng lên và bước đến điện thoại. Tôi không ngăn hắn. Hắn nhắc máy, mắt hắn trào lên sự căm giận.

“Tôi sẽ gọi cảnh sát...”

“Không cần thiết đâu,” một giọng nói vang lên trong hành lang.

Tôi quay lại và nhìn thấy Fermín, đang mặc một bộ cánh tôi đồ là của cha tôi, tay cầm tấm thẻ trông giống giống thẻ cảnh sát.

“Thanh tra Fermín Romero de Torres. Cảnh sát. Có người đã báo cáo một vụ lộn xộn. Ai trong hai người có thể kể lại chuyện gì đã xảy ra ở đây?”

Tôi không biết ai là người bối rối hơn, Cascos hay là tôi. Fermín tranh thủ tình huống này nhẹ nhàng kéo ống nghe ra khỏi tay Cascos.

“Cho phép tôi,” anh ta nói vừa đẩy hắn ra. “Tôi sẽ gọi về trụ sở.”

Anh ta vờ như quay số rồi mỉm cười với chúng tôi.

“Cho tôi nối máy với trụ sở. Vâng, xin cảm ơn.”

Anh ta đợi vài giây.

“Vâng, Mari Pili, là tôi đây, Romero de Torres. Cho tôi gặp Palacios. Vâng, tôi sẽ đợi.”

Trong khi Fermín vờ như đợi và lấy tay che ống nghe, anh ta ra hiệu cho Cascos.

“Anh va đầu vào cửa phòng tắm hay là đã có chuyện gì xảy ra ở đây mà hai người vẫn chưa khai ra?”

“Kẻ man rợ này đã tấn công và định giết tôi. Tôi muốn tố giác ngay lập tức. Tôi muốn thấy hắn đằng sau song sắt trước khi ngày hôm nay kết thúc.”

Fermín nhìn tôi vẻ trách móc và gật đầu.

“Đúng vậy. Chúng ta có một nhà tù thích hợp để giam loại này, với lũ chuột và các thứ.”

Anh ta vờ như nghe gì đó trên điện thoại rồi ra hiệu cho Cascos yên lặng.

“Vâng, Palacios. Ở khách sạn Ritz. Đúng. Số 424. Một người bị thương. Chủ yếu trên mặt. Còn tùy. Một vụ lộn xộn thực sự. Tốt. Tôi sẽ bắt khẩn cấp kẻ tình nghi.”

Anh ta buông điện thoại xuống.

“Tất cả đã được dàn xếp.”

Fermín bước đến tôi và, tóm lấy tay tôi một cách quyền uy, ra hiệu cho tôi yên lặng.

“Đừng nói gì hết. Bất cứ điều gì anh nói sẽ được dùng để chống lại anh và đồng phạm khi xét xử.”

Trong lúc đang đau lại bối rối trước sự kỳ quặc trong các thao tác của Fermín, Cascos nhìn chằm chằm cảnh tượng này trong sự nghi hoặc.

“Anh không định còng tay hắn sao?”

“Đây là nơi sang trọng, chúng tôi sẽ còng anh ta khi ở trên xe cảnh sát. Như vậy mới đúng thủ tục, thưa anh.”

Cascos, vẫn đang chảy máu và có lẽ đã nhận ra điểm hồ nghi, bèn chặn đường chúng tôi, dù có chút ngập ngừng.

“Anh có chắc anh là cảnh sát không?”

“Cảnh sát tinh nhuệ. Tôi sẽ gọi phục vụ phòng mang thịt bò sống lên ngay lập tức để anh chườm vào vết thương. Chúng có tác dụng kỳ diệu đối với những vết thâm dưới mắt và những vết sưng, đây kinh nghiệm của chuyên gia. Các đồng nghiệp khả kính của tôi sẽ đến sau để lấy lời khai và chuẩn bị thủ tục khởi tố để tên nhãi nhép này chịu một án phạt xác đáng là lao động khổ sai ở một nhà tù Ma Rốc an ninh nghiêm ngặt,” anh ta đọc lâu lâu, gạt cánh tay Cascos ra và đẩy tôi nhanh nhất có thể về hướng lối ra.

12

Chúng tôi vẫy taxi ở bên ngoài cửa khách sạn và băng qua đường Gran Vía trong yên lặng một lúc.

“Lạy chúa Jesus, cả Mẹ Mary và Thánh Joseph!” cuối cùng Fermín cũng bật ra. “Cậu điên à? Tôi nhìn cậu mà còn không biết cậu là ai nữa... Cậu định làm gì thế? Giết thằng đàn kia à?”

“Hắn làm việc cho Mauricio Valls,” đó là câu trả lời duy nhất của tôi.

Fermín trợn tròn mắt.

“Daniel này, sự ám ảnh của cậu bắt đầu vượt quá tầm tay rồi đấy. Tôi ước gì không kể cho cậu câu chuyện kia... Cậu có sao không? Xem tay cậu nào...”

Tôi cho anh ta xem nắm tay tôi.

“Vì Chúa.”

“Làm sao anh biết...?”

“Bởi vì tôi hiểu cậu như thể tôi đã sinh ra cậu, dù cho có những ngày tôi gần như hối tiếc vì hiểu cậu rõ như thế,” anh ta giận dữ nói.

“Tôi không biết cái gì tác động lên tôi nữa...”

“Ồ, tôi biết chính xác cái gì đã tác động đến cậu. Và tôi không thích như thế. Tôi không thích một chút nào. Đó không phải là Daniel mà tôi biết. Và đó không phải là Daniel mà tôi muốn làm bạn.”

Bàn tay tôi đau nhức, nhưng biết rằng đã làm Fermín thất vọng tôi còn thấy đau đớn hơn nhiều.

“Fermín, xin đừng bực tôi.”

“Ồ, xin lỗi nhé! Có lẽ cậu chỉ muốn tôi trao cho cậu một tấm huân chương thôi...”

Trong một lúc chúng tôi không nói gì, mỗi người đều nhìn ra phía cửa sổ bên chỗ mình ngồi.

“Cảm ơn Chúa vì anh đã đến,” cuối cùng tôi nói.

“Thế cậu nghĩ tôi bỏ mặc cậu một mình à?”

“Anh sẽ không kể cho Bea chứ?”

“Chắc chắn rồi, và tôi sẽ viết một bức thư cho ban biên tập của *La Vanguardia* để kể lại những cuộc phiêu lưu này rồi ai ai cũng sẽ ca tụng lòng dũng cảm của cậu.”

“Tôi không biết mình đang nghĩ gì nữa...”

Anh ta nhìn tôi nghiêm nghị, nhưng cuối cùng nét mặt anh ta dần ra, rồi anh ta vỗ vào tay tôi. Tôi nuốt cơn đau.

“Đừng nhắc đến chuyện này nữa. Nếu là tôi thì tôi cũng làm vậy thôi.”

Tôi nhìn Barcelona đang vùn vụt lướt qua ngoài cửa sổ.

“Cái hồi nãy là thẻ gì thế?”

“Cái gì?”

“Thẻ cảnh sát mà anh đã giơ đấy... Là cái gì thế?”

“Thẻ câu lạc bộ bóng đá Barcelona của cha xứ. Hết hạn rồi.”

“Anh nói đúng, Fermín. Tôi đúng là thằng ngốc khi nghi ngờ Bea.”

“Tôi bao giờ chả đúng. Tôi sinh ra như thế mà.”

Tôi phải cúi đầu khuất phục trước bằng chứng đó và khép miệng lại. Tôi đã nói đủ thứ ngu ngốc cho một ngày rồi. Fermín trở nên cực kỳ yên ắng và dường như đang nghĩ đến chuyện gì đó. Tôi buồn phiền nghĩ rằng mình đã làm cho anh ta thất vọng đến nỗi không biết phải nói gì với tôi.

“Anh đang nghĩ gì thế, Fermín?”

Anh ta quay lại, vẻ lo lắng.

“Tôi đang nghĩ về kẻ đó.”

“Cascos ư?”

“Không. Valls, về điều thằng ngu kia nói lúc nãy. Về ý nghĩa của chuyện này.”

“Ý anh là sao?”

Khuôn mặt Fermín trở nên ưu phiền.

“Ý tôi là điều khiến tôi lo lắng lúc trước ấy là cậu muốn tìm Valls.”

“Và giờ anh không lo nữa sao?”

“Có một điều khiến tôi lo lắng hơn, Daniel.”

“Điều gì?”

“Rằng có lẽ chính hán cũng đang tìm cậu.”

Chúng tôi nhìn nhau.

“Anh có biết tại sao không?” tôi hỏi.

Fermín, con người luôn có câu trả lời cho mọi chuyện, từ từ lắc đầu rồi quay mặt đi.

Chúng tôi giữ im lặng trong suốt phần còn lại của hành trình. Khi về đến nhà tôi đi thẳng lên căn hộ, tắm nước nóng thật lâu rồi uống bốn viên thuốc giảm đau. Sau đó tôi hạ rèm, ôm chiếc gối mang mùi

Bea mà chìm vào giấc ngủ như một tên ngốc, mà tôi đúng là vậy, rồi tự hỏi nàng đâu rồi - người phụ nữ mà vì nàng tôi chẳng màng đến việc tự biến mình thành một thằng ngốc siêu hạng.

“Trông tôi như con nhím vậy,” Bernarda tuyên bố khi nhìn vào hình ảnh được nhân lên cả trăm lần của mình tại phòng gương nhà Modas Santa Eulalia.

Quỳ gối dưới chân chị, hai cô thợ may liên tục đánh dấu lên chiếc váy cô dâu với hàng tá đinh ghim, và được Bea giám sát chặt chẽ, nàng đi vòng quanh Bernarda kiểm tra từng nếp gấp và từng đường kim như thể cuộc đời của nàng lệ thuộc vào đó. Bernarda, đang đứng dang hai tay trong căn phòng thử đồ hình lục giác, gần như không dám thở, nhưng đôi mắt chị chăm chú nhìn từng góc trên cơ thể mình, tìm kiếm dấu hiệu eo bị phồng lên.

“Cô chắc là không lộ chứ, Bea?”

“Không một chút nào. Phẳng như chiếc bánh kếp ấy. Lộ chỗ nào mới được chứ, dĩ nhiên.”

“Ồ, tôi không biết, tôi không biết đâu...”

Sự thử thách của Bernarda và những nỗ lực của thợ may để chỉnh sửa kéo dài thêm nửa giờ nữa. Khi dường như trên thế giới không còn chiếc ghim nào nữa để đính lên Bernarda tội nghiệp, ngôi sao của hãng may và là người sáng tạo chiếc váy mới kéo rèm lên và xuất hiện. Sau một cuộc khảo sát nhanh chóng và sửa vài lỗi trên lớp lót, anh ta mới bày tỏ sự tán thành và bật ngón tay cho người phụ việc, lệnh cho họ rút lui.

“Đến cả Balenciaga cũng không làm cho chị đẹp được như vậy,” anh ta vui vẻ kết luận.

Bea mỉm cười và gật đầu.

Người thợ may, một quý ông mảnh khảnh với phong cách màu mè và cử chỉ như diễn kịch luôn được biết đến với cái tên Evaristo, hôn lên má Bernarda.

“Cô đúng là người mẫu tuyệt nhất trên đời. Người kiên nhẫn nhất và chịu đựng lâu nhất. Một công việc vất vả, nhưng xứng đáng.”

“Vậy anh nghĩ xem, thưa anh, tôi có thể mặc chiếc váy này không?”

“Cô em thân mến, cô sẽ kết hôn với một chàng trai Iberia lực lưỡng ở nhà thờ Đức Mẹ. Những ngày để thử đã qua rồi, tin tôi đi. Dù sao, một chiếc váy cưới cũng giống như một chiếc thùng thợ lặn: không lý tưởng cho việc thử, nhưng cuộc vui bắt đầu khi cô cởi nó ra.”

Bernarda làm dấu thánh trước lời nói bóng gió của anh thợ may.

“Điều tôi sẽ đề nghị cô làm lúc này là cẩn thận cởi chiếc váy ra. Đường kim còn lỏng lẻo và với những chiếc ghim đó, tôi không muốn khi bước đến bục lễ trông cô như một cái chao đầu,” Evaristo nói.

“Tôi sẽ giúp chị ấy,” Bea nói.

Buông một ánh nhìn đầy ý nhị cho Bea, Evaristo dò xét nàng từ đầu đến chân.

“Vậy bao giờ thì tôi có thể mặc và cởi váy cho cô, tình yêu của tôi?” anh ta hỏi, rồi biến mất sau rèm.

“Gã vô lại kia nhìn cô mới đều làm sao chứ!” Bernarda nói. “Tôi cứ tưởng là anh ta không thích phụ nữ, nếu cô hiểu ý tôi.”

“Em nghĩ Evaristo thích đủ các loại, Bernarda ạ.”

“Có thể vậy sao?” chị hỏi.

“Thôi nào, cởi chiếc váy này mà không làm rơi cái ghim nào.”

Trong khi Bea giải thoát cho Bernarda khỏi vòng giam hãm, chị người hầu làm bầm lên tiếng.

Từ khi chị phát hiện ra giá của chiếc váy, mà ông chủ của chị, ông Gustavo, một mực muốn lấy tiền túi ra trả, Bernarda lâm vào một tình trạng tồi tệ.

“Ông Gustavo không nên chi một đồng tiền như vậy. Ông ấy cứ bắt phải may ở đây, mà tôi dám chắc nó là cửa hàng đắt đỏ nhất ở Barcelona, và rồi lại đòi thuê cái gã Evaristo này cho bằng được, mà hình như anh ta là cháu của ông ấy hay gì đó. Và hiển nhiên Evaristo bảo rằng vải mà không phải của hiệu Gratacós thì là đồ bỏ đi tất. Mà chúng thì đắt thế chứ!”

“Chị đừng có phụ lòng tốt người khác như vậy... Với cả, ông Gustavo sướng điên lên khi chị làm đám cưới theo đúng phong tục. Ông ấy thích như thế. Chị là đứa con gái mà ông ấy không bao giờ có được.”

“Tôi là người hầu của ông ấy, và tôi sẽ rất hạnh phúc được mặc chiếc váy cưới của mẹ tôi, chỉ cần sửa một chút, còn Fermín thì chẳng quan tâm đâu. Mỗi lần tôi cho anh ấy xem chiếc váy mới tất cả những gì anh ấy muốn là cởi nó ra khỏi người tôi thôi... Và nhìn xem chuyện đó đã dẫn đến đâu, mong Chúa thứ lỗi,” Bernarda nói, tay vỗ vỗ lên bụng.

“Bernarda này, em cũng có bầu trước khi cưới và em dám chắc Chúa còn nhiều chuyện phiền phức hơn cần lo lắng.”

“Fermín của tôi cũng bảo vậy, cơ mà tôi không biết...”

“Chị cứ nghe theo Fermín đi và đừng lo lắng gì cả.”

Trên người chỉ còn mỗi chiếc váy lót, và đã quá mệt mỏi sau hai tiếng đứng trên giày cao gót với hai tay dang ra, Bernarda ngồi thụp xuống ghế bành và thở dài.

“Tôi nghiệp, anh ấy sút nhiều cân quá, anh ấy giờ ốm như cái cào. Tôi lo cho anh ấy lắm.”

“Chị sẽ thấy tình trạng anh ấy khá khảm hơn từ bây giờ trở đi. Đàn ông là thế. Họ giống như cây phong lữ. Khi họ trông như thể sẵn sàng bị ném vào sọt rác thì họ sống lại.”

“Tôi không biết, cô Bea ạ. Tôi thấy Fermín dường như phiền não lắm. Anh ấy bảo tôi là muốn đám cưới, nhưng tôi lại thấy nghi ngờ.”

“Thôi nào, anh ấy phát điên vì chị mà, Bernarda.”

Bernarda nhún vai.

“Này, tôi không gốc gác như về bề ngoài đâu nhé. Từ hồi mười ba tuổi đến nay, tôi chỉ biết lau chùi nhà cửa và có thể không hiểu nhiều điều, nhưng tôi biết rằng Fermín của tôi đã chu du thế giới và có nhiều cuộc phiêu lưu. Anh ấy không bao giờ kể cho tôi về quãng đời trước khi chúng tôi gặp nhau, nhưng tôi biết anh ấy có những phụ nữ khác và anh ấy cũng mè nheo vài lần rồi.”

“Rồi cuối cùng anh ấy chọn chị. Vậy đấy.”

“Tôi biết. Nhưng cô biết tôi sợ điều gì không, Bea? Sợ tôi không xứng với anh ấy. Khi thấy anh ấy nhìn tôi say đắm và nói muốn chúng tôi già đi cùng nhau và đủ những lời ngọt ngào khác, tôi luôn

nghĩ đến một ngày anh ấy thức dậy nhìn tôi và nói: ‘Thế quái nào mà tôi lại vợ phải con mụ đàn độn này?’ “

“Chị nghĩ sai rồi, Bernarda, Fermín sẽ không bao giờ nghĩ như vậy. Anh ấy tôn thờ chị.”

“Ồ, đó cũng không phải là điều tốt. Tôi đã thấy rất nhiều quý ông, hạng người tôn thờ vợ mình như thể họ là Đức Mẹ đồng trinh, thế mà sau đó lại chạy theo cô gái trẻ trung xinh đẹp đầu tiên họ bắt gặp, như lũ chó gặp chó cái mùa động dục. Cô sẽ chẳng tin nổi số lần tôi đã chứng kiến những chuyện như thế với cặp mắt bé nhỏ mà Chúa ban tặng này đâu.”

“Nhưng Fermín không như thế đâu, chị Bernarda. Fermín là người tốt. Một trong số ít những người tốt. Đàn ông giống như thứ hạt dẻ người ta bán ngoài đường: tất cả đều nóng hổi và thơm phức khi mới mua, nhưng khi bóc lớp vỏ ngoài đi, ta nhận ra rằng hầu hết bên trong đều thối.”

“Cô nói vậy không phải vì cậu Daniel đấy chứ?”

Bea mất một lúc mới đáp lại.

“Không. Dĩ nhiên là không.”

Bernarda nhìn nàng.

“Ở nhà cô mọi chuyện ổn cả chứ, Bea?”

Bea vâng vâng một nếp gấp trên vai cái váy lót của Bernarda.

“Vâng, Bernarda. Vấn đề là em nghĩ cả hai chúng ta đều đã tìm và lấy về cho mình những ông chồng có một hai bí mật phải giữ kín.”

Bernarda gật gù.

“Đôi khi bọn họ như trẻ con ấy.”

“Đàn ông mà. Chị mong gì chứ?”

“Nhưng vấn đề là, tôi thích họ,” Bernarda nói. “Và tôi biết đó là tội lỗi.”

Bea bật cười.

“Chị thích họ thế nào? Như Evaristo ư?”

“Không, lạ Chúa lòng lành, không. Nếu cứ chăm chú soi gương như vậy anh ta sẽ làm cho gương mờ mất! Một người đàn ông mà mất nhiều thời gian chụng diện hơn tôi khiến tôi rợn người. Tôi thích họ thô ráp một chút, e là vậy. Tôi biết Fermín của tôi không hẳn là kiểu người mà cô gọi là đẹp trai. Nhưng với tôi anh ấy đúng là thế - đẹp trai và tốt bụng. Và rất nam tính. Rốt cuộc, tôi nghĩ rằng điều đó mới quan trọng, rằng anh ấy thật sự là người tốt và anh ấy có thực. Rằng anh ấy là người mà ta có thể níu lấy trong đêm đông lạnh giá và người biết làm ta cảm thấy ấm áp trong lòng.”

Bea mỉm cười đồng tình.

“Amen. Dù có một con chim non đã bảo em rằng người mà chị thích là Cary Grant.”

Bernarda đỏ mặt.

“Cô thì không ư? Đó không phải người để kết hôn, dĩ nhiên. Tôi nghĩ rằng anh ta là cái kiểu rơi vào lưới tình lần đầu tiên khi anh ta soi gương. Nhưng chuyện này chỉ có chị em mình biết thôi nhé, mong Chúa tha thứ, tôi sẽ không từ chối một cái ôm siết của anh ta...”

“Fermín sẽ nói sao nếu anh ấy nghe được chị nói như vậy, Bernarda?”

“Điều anh ấy luôn nói. ‘Dù gì, cuối cùng chúng ta cũng sẽ bị lũ sâu bọ ăn thịt...’”

PHẦN NĂM
TÊN CỦA NGƯỜI HÙNG



Barcelona, 1958

Nhiều năm về sau, hai mươi ba vị khách tề tựu ăn mừng sự kiện này sẽ nhìn lại và nhớ đến cái đêm lịch sử trước ngày Fermín Romero de Torres từ bỏ đời độc thân.

“Thế là chấm dứt một kỷ nguyên,” Giáo sư Alburquerque tuyên bố, ông nâng ly sâm banh chúc mừng, nói to lên cái điều mà tất cả chúng tôi đều cảm thấy.

Tiệc độc thân của Fermín, một sự kiện mà tầm ảnh hưởng của nó tới dân số nữ toàn cầu được Gustavo Barceló so sánh với cái chết của Rudolf Valentino, diễn ra vào một đêm trời trong tháng Hai năm 1958. Địa điểm là phòng khiêu vũ La Paloma đẹp lộng lẫy, nơi chú rể trong quá khứ từng biểu diễn những điệu tango lay động lòng người, và gặt hái được những khoảnh khắc từ nay sẽ đi vào hồ sơ mật của một sự nghiệp lỗi lạc phục vụ cho người đàn bà vĩnh cửu. Cha tôi, lần duy nhất trong đời bị thuyết phục rời khỏi nhà, đã nhờ được một ban ca múa nhạc bán chuyên đến phục vụ, ban La Habana del Baix Llobregat, họ đồng ý chơi tuyển tập những điệu nhạc yêu thích của Fermín với một mức giá siêu hời: điệu mambo, *guaracha* và *sones montunos* đã đưa chú rể về những ngày xa xưa với những mưu đồ và cái tiếng tăm lẫy lừng ở các sòng bài của một

Cuba bị lãng quên. Ai nấy, ở mức độ ít hay nhiều, đều xóa bỏ ngại ngần và lao mình vào sàn nhảy để tỏ lòng trân trọng Fermín.

Barceló đã thuyết phục cha tôi rằng những ly vodka mà ông liên tục đưa cho cha tôi chỉ là nước khoáng có cho thêm vài giọt rượu anit, và chẳng bao lâu chúng tôi đã được chứng kiến một cảnh vô tiền khoáng hậu: ngài Sempere khiêu vũ má áp má với một trong những quý cô dễ dãi được Roció - linh hồn đích thực của bữa tiệc - dẫn theo để thắp sáng sự kiện này.

“Chúa lòng lành,” tôi thì thầm khi nhìn theo cha tôi với quý cô ăn sương đã hết mùa, ông lắc lư và đánh mông với cô ta theo nhịp nhạc.

Barceló đi vòng quanh các thực khách, trao những điều xì gà và những tấm thiệp nhỏ ông đã in để kỷ niệm sự kiện này tại một công ty chuyên làm đồ lưu niệm cho các buổi rượu lễ lần đầu, lễ rửa tội và lễ tang. Tấm thiệp làm từ loại giấy cao cấp, vẽ hình biếm họa Fermín ăn mặc như một thiên thần, tay chấp lại như đang cầu nguyện, với dòng chữ như sau:

FERMÍN ROMEDO DE TORRES

19??-1958

Người tình vĩ đại về hưu

1958-19??

Người cha xuất hiện

Lần đầu tiên trong nhiều năm, Fermín hạnh phúc và điềm tĩnh. Chừng nửa tiếng trước khi bắt đầu bữa tiệc tôi đã dẫn anh ta đến Can Lluís, nơi Giáo sư Alburquerque chứng thực rằng ông đã đến

Phòng Đăng ký Hộ tịch vào sáng hôm đó, kèm theo bộ hồ sơ gồm những chứng từ và giấy tờ được chế tác một cách thiện nghệ bởi Oswaldo Darío de Mortenssen và trợ lý của chú, Luisito.

“Fermín thân mến,” vị giáo sư tuyên bố. “Cho phép tôi chào đón anh chính thức đến với thế giới những người đang sống. Có các bạn của chúng ta từ Can Lluís làm chứng, Daniel Sempere và tôi xin giới thiệu với anh phiên bản hoàn toàn mới của anh, cùng với tấm chứng minh thư hợp pháp và mới tinh này.”

Một Fermín đầy xúc động xem xét chứng minh thư mới của mình.

“Sao ông có thể làm được một điều thần kỳ như vậy?”

“Chúng tôi sẽ miễn cho anh những vấn đề thủ thuật,” vị giáo sư nói. “Điều cần phải nói ấy là khi anh có một người bạn thực sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và quyết dõng non lấp biển để anh có thể kết hôn một cách đường hoàng và bắt đầu sinh cho đời những đứa con đang tiếp tục dòng dõi nhà Romero de Torres, thì gần như điều gì cũng có thể làm được, Fermín ạ.”

Fermín mắt nhắm lệ nhìn tôi, anh ta ôm tôi chặt đến mức tôi tưởng mình ngạt thở. Tôi không xấu hổ khi thừa nhận rằng đó là một trong những khoảnh khắc hạnh phúc nhất đời mình.

2

Nửa tiếng đồng hồ với âm nhạc, rượu và những điệu nhảy khêu gợi đã trôi qua, tôi cần nghỉ xả hơi nên bước đến quầy bar để xin chút đồ uống không cồn. Tôi không nghĩ mình có thể nuốt thêm dù chỉ một giọt rum chanh, thức uống chính thức tối hôm ấy. Phục vụ cho tôi một ly nước lạnh sủi tăm và tôi dựa lưng vào quầy bar để tận hưởng niềm vui. Tôi không để ý thấy Rociíto đang đứng ở phía đầu kia quầy bar. Chị đang cầm một ly sâm banh, và quan sát bữa tiệc mà chị đã tổ chức với nét đượm buồn. Từ những gì Fermín kể lại, tôi đồ chừng Rociíto cũng gần đến sinh nhật lần thứ ba lăm, nhưng ngót hai chục năm trong nghề đã gây bao tàn lụi và dù dưới ánh đèn màu nữ hoàng của phố Escudellers trông vẫn già hơn tuổi thật.

Tôi bước đến chỗ chị và mỉm cười.

“Rociíto này, trông chị đẹp hơn bao giờ hết,” tôi nói dối.

Chị đang mặc bộ cánh tuyệt nhất của mình và mái tóc chị thì đúng là một siêu phẩm do đích thân thợ làm tóc giỏi nhất Raval tạo ra, nhưng điều thực sự làm tôi chú ý hơn cả là đêm ấy trông chị rất buồn.

“Chị có sao không, Rociíto?”

“Nhìn anh ấy coi, thật tội nghiệp. Toàn da bọc xương, thế mà anh ấy vẫn có hứng thú để nhảy. Anh ấy luôn là một vũ công tuyệt vời.”

Đôi mắt chị dán chặt vào Fermín và tôi biết chị sẽ luôn nhìn thấy ở nơi anh nhà vô địch đã cứu chị khỏi gã ma cô nhãi nhép ấy. Sau hai chục năm chị hành nghề ở góc đường, anh ta có lẽ là một trong số ít đàn ông đáng theo đuổi mà chị gặp được.

“Cậu Daniel, tôi không muốn nói gì với Fermín cả, nhưng ngày mai tôi sẽ không đến dự đám cưới đâu.”

“Chị nói sao cơ, Rociíto? Fermín đã dành cho chị một chỗ danh dự...”

Rociíto khép mắt lại.

“Tôi biết, nhưng tôi không thể ở đó.”

“Tại sao?” tôi hỏi, dù tôi có thể đoán được câu trả lời.

“Bởi vì điều đó sẽ thực sự khiến tôi rất buồn và tôi muốn anh Fermín hạnh phúc với bà xã của anh ấy.”

Rociíto bắt đầu khóc. Tôi không biết phải nói gì, nên tôi ôm chị.

“Tôi luôn yêu anh ấy, cậu biết không? Kể từ khi chúng tôi gặp nhau. Tôi biết mình không phải là người phụ nữ phù hợp với anh ấy. Tôi biết anh ấy coi tôi là... ồ, anh ấy chỉ coi tôi là Rociíto thôi.”

“Fermín rất yêu chị đấy, chị không bao giờ được quên điều đó.”

Người phụ nữ ấy quay đi và lau nước mắt trong sự ngượng ngùng. Chị mỉm cười và nhún vai.

“Xin thứ lỗi cho tôi. Cậu biết đấy, tôi thật ngốc nghếch: cứ uống được ít rượu là tôi chẳng biết mình đang nói gì nữa.”

“Không sao mà.”

Tôi đưa ly nước của mình cho chị và chị nhận lấy.

“Rồi một ngày ta nhận ra tuổi trẻ đã qua đi và con tàu đã chạy rồi, nếu cậu hiểu tôi nói gì.”

“Luôn có chuyến tàu khác mà. Luôn là vậy.”

Rociíto gật đầu.

“Thế nên tôi sẽ không đến dự lễ cưới, cậu Daniel ạ. Cách đây vài tháng tôi gặp một quý ông người Reus. Anh ấy là người tốt. Một người góa vợ. Một người cha tốt. Sở hữu một bãi phé liệu và mỗi khi đến Barcelona anh ấy đều gặp tôi. Anh ấy đã hỏi cưới tôi. Chúng tôi không coi đây là chuyện đùa, cả tôi và anh ấy, cậu biết không? Trở nên già nua trong cảnh đơn côi là một việc rất khó khăn, và tôi biết tôi đâu còn nhan sắc gì nữa mà đứng ngoài đường. Jaumet, người đàn ông Reus ấy, đã đề nghị tôi làm một cuộc hành trình cùng anh ấy. Các con của anh ấy đã ra ở riêng và anh ấy đã làm việc suốt cả đời rồi. Anh ấy bảo muốn nhìn thế giới trước khi quá muộn, và đề nghị tôi đi cùng. Trên danh nghĩa là vợ anh ấy, chứ không phải con điểm người ta dùng xong rồi đuổi đi. Tàu sẽ rời cảng sáng sớm mai. Jaumet bảo thuyền trưởng có thể làm chủ hôn ngoài biển khơi và nếu không được, chúng tôi sẽ tìm một cha cố ở một cảng nào đó.”

“Fermín có biết không?”

Như thể đã nghe thấy chúng tôi nói gì, Fermín dừng chân nhảy và nhìn chúng tôi. Anh ta giơ tay về phía Rociíto và trao cho chị ánh nhìn ngẩn ngơ của kẻ đang khẩn thiết cần một nụ hôn cùng một cái ôm, ánh nhìn đó luôn giúp anh ta đạt được mục đích và Rociíto bật cười, làm bầm trong lòng, và trước khi đến với tình yêu của đời mình trên sàn nhảy trong điệu bolero cuối cùng, chị quay sang tôi và nói:

“Hãy chăm sóc anh ấy cho tốt nhé, Daniel. Người như Fermín chỉ có một thôi.”

Ban nhạc đã ngừng chơi và mọi người dẫn ra nhường chỗ cho Rociíto. Fermín nắm tay chị. Những ngọn đèn ở La Paloma từ từ mờ dần và giữa bóng tối một chùm sáng tỏa ra dưới chân đôi bạn nhảy. Những đôi khác rời khỏi sàn và dàn nhạc nhẹ nhàng chơi cái giai điệu chậm rãi của bản bolero buồn nhất được viết ra. Fermín quàng tay qua eo Rociíto. Họ nhìn vào mắt nhau, tách biệt khỏi thế giới, những người tình sẽ không bao giờ gặp lại nhau của Barcelona cùng khiêu vũ với nhau lần cuối cùng. Khi tiếng nhạc tắt đi, Fermín hôn lên môi Rociíto, mắt chị nhòe lệ, vuốt má anh ta, rồi chậm chậm bước đến lối ra không nói lời từ biệt.

3

Ban nhạc giải cứu bữa tiệc bằng điệu *guaracha*, và Oswaldo Darío de Mortenssen, do viết quá nhiều những bức thư tình đã trở thành một nhà bách khoa về những câu chuyện buồn, bèn khích lệ mọi người quay lại sàn nhảy và vờ như họ chẳng thấy gì hết. Fermín bộ dạng ỉu xìu bước đến quầy bar, đoạn ngồi trên chiếc ghế cạnh tôi.

“Mọi việc ổn chứ, Fermín?”

Anh ta yếu ớt gật đầu.

“Tôi nghĩ chút không khí trong lành sẽ giúp tôi khá lên, Daniel.”

“Đợi ở đây nhé, tôi đi lấy áo khoác cho chúng ta.”

Lúc chúng tôi tản bộ dọc theo phố Tallers về phía quảng trường Ramblas thì, cách đó chừng năm mươi mét, chúng tôi thoáng thấy một dáng người quen, đang bước chậm rãi.

“Này Daniel. Có phải cha cậu không?”

“Đúng rồi đấy. Và ông ấy say túy lúy.”

“Tôi không bao giờ nghĩ sẽ bắt gặp cảnh này,” Fermín nói.

“Nếu anh còn không ngờ tới, thì tưởng tượng xem tôi còn thấy thế nào nào!”

Chúng tôi rảo chân bước cho tới khi bắt kịp ông và khi thấy chúng tôi, ông mỉm cười, ánh mắt đờ đẫn.

“Mấy giờ rồi?” ông hỏi.

“Muộn lắm rồi.”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Fermín này, bữa tiệc thật tuyệt. Và những cô gái kia nữa. Ở đó có những cặp mộng xứng đáng để chúng ta ra chiến trận đấy.”

Tôi đảo mắt. Fermín khoác cánh tay cha tôi, dìu ông bước đi.

“Ông Sempere này, tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ phải nói điều này, nhưng ông đang bị rượu đầu độc, và tốt hơn ông đừng nói gì kẻo sau này lại thấy hối tiếc.”

Cha tôi gật đầu, bất chợt lộ vẻ xấu hổ.

“Tại cái lão Barceló xấu xa ấy. Tôi không biết ông ta chuốc cho tôi thứ gì, và bởi tôi không quen uống rượu...”

“Xin đừng bận tâm. Chỉ cần một cốc soda bicarbonate và đi ngủ. Sáng ngày mai ông sẽ tươi như hoa cúc và chẳng làm sao hết.”

“Tôi nghĩ tôi sẽ ốm mất.”

Hai người bọn tôi loay hoay dìu ông đứng thẳng trong khi con người khốn khổ nôn hết mọi thứ ông đã nốc vào. Tôi đưa tay đỡ lấy cái trán vã mồ hôi của ông và khi chắc chắn trong bụng ông không còn gì nữa, thậm chí cả bữa ăn đầu tiên thuở mới lọt lòng, chúng tôi để ông nghỉ một lát ở bậc thềm cửa nhà ai đó.

“Hít một hơi thật sâu, thật chậm nào, ông Sempere.”

Cha tôi gật đầu, mắt nhắm lại. Fermín và tôi nhìn nhau.

“Này, không phải anh sẽ kết hôn sao?”

“Chiều ngày mai.”

“Ồ, chúc mừng nhé!”

“Cảm ơn ông Sempere. Vậy ông nói sao nào? Ông nghĩ chúng ta có thể từ từ đi về nhà không?”

Cha tôi gật đầu.

“Quả là con người can đảm, chúng ta sắp đến nơi rồi.”

Cơn gió hanh khô, man mát giúp đầu óc cha tôi tỉnh táo hơn. Khi chúng tôi bước đến phố Santa Ana mười phút sau đó, ông đã hiểu ra tình hình và con người tội nghiệp ấy bề bàng vì xấu hổ. Có lẽ trước từ bé đến giờ ông chưa từng say rượu.

“Làm ơn, đừng nói một lời nào với bất kỳ ai nhé,” ông cầu xin.

*

Chúng tôi còn cách hiệu sách hai chục mét thì tôi nhận thấy có người đang ngồi nơi cửa chính tòa nhà. Ánh đèn đường từ Casa Jorba, tại góc phố cắt với Puerta del Ángel, soi hình dáng một thiếu nữ đang ôm chiếc va li trên gối. Khi thấy chúng tôi, cô bé đứng lên.

“Chúng ta có bạn,” Fermín lẩm bẩm.

Cha tôi thấy cô bé trước tiên. Tôi nhận thấy vẻ mặt ông có điều gì khác lạ, một sự điềm tĩnh căng cứng đã trùn lên ông như thể ông vừa chột tỉnh cơn say. Ông tiến đến chỗ cô gái nhưng bất chợt đứng sững lại.

“Isabella?” Tôi nghe thấy ông nói.

Sợ rằng rượu vẫn còn che mờ óc phán xét của ông và rằng có lẽ ông có thể ngã sập xuống ngay tại đó, ngay giữa phố, tôi bước đến. Rồi tôi nhìn thấy cô bé.

4

Cô bé nhìn như mới mười bảy. Khi tiến vào vùng ánh sáng tỏa xuống từ ngọn đèn đường, cô bé mỉm cười bên lên với chúng tôi, đưa một tay lên như muốn chào.

“Cháu là Sofía,” cô bé nói, giọng không nặng khẩu âm.

Cha tôi trân trân nhìn cô bé đầy ngạc nhiên, tưởng như thấy một bóng ma. Tôi nuốt ực, cảm thấy cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng. Cô gái đó như một bản sao của mẹ tôi: đúng cái khuôn mặt vẫn xuất hiện trong những bức ảnh cha tôi giữ trong ngăn bàn của ông.

“Cháu là Sofía,” cô bé nhắc lại, trông không thoải mái. “Cháu của dượng. Đến từ Naples...”

“Sofía,” cha tôi lắp bắp. “À, Sofía.”

Cảm ơn Chúa là Fermín có mặt ở đó để xử lý tình huống. Sau khi đánh vào cổ tay cho tôi tỉnh táo lại, anh ta giải thích rằng ông Sempere cảm thấy hơi mệt.

“Cô biết đấy, chúng tôi vừa mới trở về sau một buổi nếm rượu, và chỉ cần một ly Vichy cũng làm cho con người tội nghiệp này mê man. Xin đừng bận tâm đến ông ấy, thưa quý cô, thường ông ấy không bê bối thế đâu.”

Chúng tôi tìm thấy một bức điện khẩn dì Laura, mẹ cô bé, gửi đến thông báo việc cô đến. Nó được nhét dưới cửa trong khi chúng tôi ra ngoài.

Khi lên căn hộ, Fermín đỡ cha tôi lên xô pha và lệnh cho tôi chuẩn bị một ấm cà phê đặc. Trong khi đó, anh ta tiếp chuyện cô gái, hỏi han cô về chuyến đi rồi đủ những thứ mang tính thủ tục khác trong khi cha tôi dần dần hồi lại.

Bằng giọng vui tươi và vẻ hoạt bát, Sofía kể cho chúng tôi cô bé đến ga Francia đêm hôm đó lúc mười giờ rưỡi. Từ nhà ga, cô bé bắt taxi đến quảng trường Cataluna. Khi phát hiện ra không có ai ở nhà cô bé vào trú ở một quán bar gần đó cho tới khi quán đóng cửa. Rồi cô bé ngồi chờ nơi ngưỡng cửa, tin rằng sớm muộn gì cũng có người xuất hiện. Cha tôi nhớ lại bức thư mẹ cô bé báo cho ông Sofía sẽ đến Barcelona, nhưng ông không tưởng tượng nổi là lại sớm như thế.

“Dượng rất tiếc vì cháu phải đợi ngoài đường,” ông nói. “Thường thì, dượng không bao giờ ra ngoài, nhưng tối nay có bữa tiệc độc thân của Fermín và...”

Thích thú vì mẩu tin mới này, Sofía nhảy lên và chúc mừng Fermín bằng một cái hôn vội lên má. Dù đã thôi đóng vai trò hoạt náo, Fermín cũng không kiềm chế nổi bèn mời ngay cô bé đến dự lễ cưới.

Chúng tôi nói chuyện thêm chừng một tiếng rưỡi thì Bea, vừa từ bữa tiệc độc thân của Bernarda trở về, nghe thấy tiếng người lúc đi lên cầu thang nên bấm chuông. Khi bước vào phòng khách và thấy Sofía, nàng tái mặt nhìn tôi.

“Đây là em họ của anh, ở Naples,” tôi thông báo. “Cô bé đến Barcelona để học và sẽ ở đây một thời gian...”

Bea cố giấu nỗi hoảng hốt và chào cô bé với vẻ tuyệt đối bình thường.

“Đây là vợ anh, Beatriz.”

“Bea thôi. Không ai gọi chị là Beatriz cả.”

Thời gian và cà phê dần dần làm dịu cơn chấn động từ chuyến thăm của Sofía và sau một lát, Bea gợi ý rằng cô bé tội nghiệp hẳn phải mệt mỏi rồi và tốt hơn là đi ngủ một chút. Ngày mai sẽ lại là một ngày khác, nàng nói, dù cho đó là một ngày cưới. Mọi người quyết rằng Sofía sẽ ở căn phòng trước đây là phòng ngủ hồi còn bé của tôi và, sau khi chắc chắn cha tôi không rơi vào cơn hôn mê lần nữa, Fermín xua ông lên giường. Bea bảo Sofía rằng nàng sẽ cho cô bé mượn một bộ váy để dự lễ cưới và khi Fermín, với hơi thở nồng mùi sâm banh dù đứng cách xa hai mét, toan đưa ra những nhận xét không thích hợp về sự giống nhau khác nhau trong vóc dáng và đường nét giữa họ, tôi hích khuỷu tay vào sườn để anh ta im miệng.

Một bức ảnh cha mẹ tôi trong ngày cưới đang ở trên giá quan sát chúng tôi.

Ba chúng tôi ngồi đó, trong phòng khách, há hốc mồm không tin nổi.

“Như hai hạt đậu trong một vỏ,” Fermín lầm bầm.

Bea nhìn tôi qua khóe mắt, cố đọc ý nghĩ của tôi. Nàng chộp tay tôi với nét mặt vui vẻ, chuẩn bị đổi chủ đề.

“Kể em nghe, buổi ăn mừng thế nào?”

“Trang nghiêm và chừng mực. Còn bữa tiệc của các quý cô thì sao?”

“Không như bên anh đâu.”

Fermín lia cho tôi một ánh nhìn nghiêm nghị.

“Tôi đã bảo cậu rằng về những chuyện thế này phụ nữ cục mịch hơn chúng ta mà.”

Bea quăng cho chúng tôi nụ cười chế giễu.

“Anh bảo ai cục mịch hả Fermín?”

“Xin thứ lỗi cho sự lỗ lòi không thể tha thứ này, thưa cô Beatriz. Sâu banh trong máu khiến tôi nói những điều vớ vẩn. Tôi thề có Chúa rằng cô là hình mẫu về phẩm hạnh và sự đoan trang và kẻ hầu tằm thường này của cô thà chịu phạt phải câm lặng và sống những ngày còn lại của đời hấn ở nhà giam Carthusian trong sự ăn năn còn hơn bóng gió rằng cô có dấu hiệu, dấu chỉ là thoáng qua, của sự cục mịch.”

“Không được may mắn thế đâu,” tôi nhận xét.

“Chúng ta không nên bàn vạ này nữa,” Bea xen vào, nhìn chúng tôi như thể chúng tôi mới mười một tuổi. “Và giờ tôi cho rằng cả hai anh sẽ thực hiện cuộc đi đạo theo thông lệ trước đám cưới đến tận đê chắn sóng ở hải cảng nhĩ,” nàng nói.

Fermín và tôi nhìn nhau.

“Thôi nào. Cả hai đi đi. Và các anh tốt hơn hết là phải có mặt ở nhà thờ đúng giờ vào ngày mai nhé.”

5

Nơi duy nhất chúng tôi thấy còn mở cửa lúc đó là quán El Xampanyet, trên phố Montcada. Họ hẳn phải lấy làm tiếc cho chúng tôi vì họ đã để chúng tôi ngồi thêm một lát, trong lúc họ dọn dẹp, và khi họ đóng cửa, nghe nói rằng chỉ còn mấy tiếng nữa Fermín sẽ trở thành người có gia đình, thì chủ quán ngỏ lời chia buồn và tặng chúng tôi một chai rượu thuốc nhà làm được.

“Can đảm nhé, và cầu Chúa ở bên anh,” ông ta thốt lên.

Chúng tôi lang thang qua những con phố hẹp của khu Ribera, bàn chuyện cứu thế giới, như vẫn thường làm, cho đến khi bầu trời nhuộm sắc tím và chúng tôi biết đã đến lúc chú rể và phù rể - nói cách khác, là tôi đây - phải tiến ra đê chắn sóng.

Ở đó chúng tôi sẽ ngồi xuống một lần nữa để chào bình minh, nhìn ngắm quang cảnh tuyệt vời nhất trong vũ trụ: hình ảnh phản chiếu của Barcelona đang thức giấc trên vùng nước cảng.

Chúng tôi ngồi đó chân thòng xuống bờ đê mà đung đưa rồi chia nhau chai rượu được quán El Xampanyet cho. Giữa những ngụm rượu, chúng tôi lặng ngắm thành phố, lần theo dấu những đàn chim mòng biển trên mái vòm nhà thờ La Merce và xem chúng vẽ những hình cung giữa những tòa tháp của tòa nhà bưu điện. Phía xa xa, ngự trị trên đồi Montjuic, lâu đài nhô lên sừng sững, tối hù, một con

chim săn mồi ma mị chăm chú nhìn xuống thành phố dưới chân nó, như đang chờ đợi.

Sự im lặng bị tiếng còi tàu phá vỡ. Bên kia cầu cảng National một con thuyền lớn đang thu neo về. Rồi xa bến tàu nó xuôi đi nhờ lực máy đẩy, bỏ lại sau thân tàu một đường rẽ lớn trên vùng nước cảng. Cỡ chục hành khách đã ra đuôi tàu vẫy tay chào. Tôi tự hỏi liệu Rociño có trong số những người ấy, đứng bên cạnh ông lái buôn phé liệu đứng tuổi, điển trai người Reus của chị. Fermín ngấm nhìn con tàu, chìm trong suy nghĩ.

“Cậu nghĩ Rociño sẽ hạnh phúc chứ, Daniel?”

“Còn anh, Fermín? Anh sẽ hạnh phúc chứ?”

Chúng tôi nhìn con tàu trôi về phía xa xăm cùng những bóng người nhỏ dần cho đến khi vô hình.

“Fermín này, có một điều khiến tôi thắc mắc. Sao anh không muốn ai tặng quà cưới hả?”

“Tôi không muốn làm khó cho mọi người. Vả lại chúng tôi sẽ làm gì với những bộ cốc chén, thìa có hình quốc huy Tây Ban Nha và đủ loại đồ đạc mà người ta tặng vào dịp cưới đây?”

“Ồ, tôi định tặng anh một món quà đấy.”

“Cậu đã tặng tôi món quà lớn nhất mà người ta có thể tặng tôi rồi, Daniel.”

“Cái đó không tính. Tôi đang nói về một món quà theo sở thích cá nhân kia.”

Fermín lộ vẻ tò mò.

“Đừng bảo đó là tượng Madonna bằng gốm hay tượng Thánh Teresa đấy nhé. Bernarda đã có một bộ sưu tập đồ sộ đến mức tôi

không biết phải tìm chỗ nào mà ngồi rồi.”

“Đừng lo. Không phải đồ vật đâu.”

“Đừng bảo tôi là tiền đấy...”

“Anh thừa biết, đến một xu tôi còn chẳng có. Người có tiền là bố vợ tôi mà ông ấy thì chẳng vung tiền đâu.”

“Những kẻ theo Franco keo như gì vậy.”

“Bố vợ tôi là người tốt, Fermín ạ. Đừng bĩ bai ông ấy.”

“Thôi dẹp chuyện này đi, đừng có mà thay đổi chủ đề khi cậu đã nhử kẹo tôi. Quà gì thế?”

“Đoán đi nào.”

“Một túi kẹo ngọt Sugus.”

“Lạnh, lạnh...”

Fermín nhú mày, đến chết vì tò mò. Đột nhiên, mắt anh ta sáng lên.

“Ôi không... Không thể sớm hơn được hả.”

Tôi gật đầu.

“Còn khối thời gian. Này, nghe cho kỹ đây. Anh không được kể cho ai điều anh sẽ thấy hôm nay, Fermín. Không một ai...”

“Kể cả Bernarda ư?”

6

Ánh nắng đầu tiên của ngày đổ xuống những chóp nhà hình nón của Đại lộ de Santa Mónica như dung dịch đồng. Hôm ấy là sáng Chủ nhật, đường phố yên tĩnh và hoang vắng. Khi chúng tôi vào con hẻm nhỏ Arco del Teatro, một luồng sáng ma mị từ Đại lộ len vào, mờ dần và khi đến cái cánh cửa lớn bằng gỗ chúng tôi bắt đầu ngập chìm trong một thành phố của những cái bóng.

Tôi leo lên bậc thềm và đập vào búa gỗ cửa vài lần. Có tiếng vang từ bên trong, như những gợn sóng hồ. Fermín, lúc này đã kính cẩn lặng im và trông như cậu bé ngày đầu tiên đến trường, quay sang nhìn tôi lo lắng.

“Gọi cửa lúc này có sớm quá không?” anh ta hỏi. “Tôi hy vọng trường lão không bực mình...”

“Đây có phải cửa hàng đâu. Không có giờ mở cửa,” tôi trấn an anh ta. “Và ở đây trường lão tên là Isaac. Đừng nói gì trừ phi ông ấy hỏi anh trước.”

Fermín gật đầu tuân thủ.

“Không một tiếng xì xào.”

Vài phút sau, nghe thấy tiếng lịch kịch của bánh răng, ròng rọc và đòn bẩy đang hoạt động trong ổ khóa, tôi liền bước lùi xuống. Cánh cửa mở ra trong tích tắc và khuôn mặt kèn kèn của Isaac Montfort, người bảo vệ, ngó ra với vẻ nghiêm khắc thường lệ. Anh mắt ông

dừng lại ở tôi trước, rồi sau khi liếc nhanh sang Fermín, ông tiến tới quá trình chụp X quang, lập danh mục và dò xét anh ta từ đầu đến chân.

“Đây chắc hẳn là Fermín Romero de Torres trứ danh,” ông lâu bầu.

“Hân hạnh được phục vụ ông, và Chúa và...”

Tôi ra hiệu cho Fermín im lặng bằng một cú thúc khuỷu tay và mỉm cười với ông bảo vệ khắt khe.

“Chúc buổi sáng tốt lành, ông Isaac.”

“Một buổi sáng tốt lành, cậu Sempere, sẽ là một buổi sáng mà cậu không gọi cửa lúc tinh mơ thế này, hoặc là khi tôi đang trong nhà vệ sinh, hoặc vào một ngày nghỉ lễ,” Isaac đáp. “Thôi, các cậu vào đi.”

Ông bảo vệ mở cửa rộng hơn một chút và chúng tôi len vào. Khi cánh cửa đóng lại sau lưng chúng tôi, Isaac cầm ngọn đèn dầu dưới sàn lên và Fermín có thể quan sát những vận động phức tạp của ổ khóa khi nó tự xếp lại giống như bên trong chiếc đồng hồ lớn nhất thế giới.

“Một tên trộm có thể lên men như loại phô mai Camembert ngon lành khi cố nạy cái khóa này,” anh ta buông lời.

Tôi ném cho anh ta cái nhìn cảnh báo và anh ta vội đưa một ngón tay lên môi.

“Lấy hay đưa đây?” Isaac hỏi.

“Ồ, ông thấy đấy, cháu có ý đưa Fermín đến đây từ lâu để anh ấy được tai nghe mắt thấy nơi đây. Cháu thường kể cho anh ấy nghe về nó. Anh ấy là bạn thân nhất của cháu và anh ấy sẽ kết hôn hôm nay, vào buổi trưa,” tôi giải thích.

“Thật tử tế,” Isaac nói. “Tội nghiệp. Cậu có chắc là cậu không muốn tôi cho mượn chỗ này làm nơi để tị nạn hôn nhân chứ?”

“Fermín quả quyết muốn kết hôn, ông Isaac.”

Ông bảo vệ nhìn Fermín từ đầu đến chân. Fermín mỉm cười xin lỗi.

“Can đảm làm sao.”

Isaac dẫn chúng tôi đi dọc cái hành lang rộng dẫn đến cửa lối vào sảnh lớn. Tôi để Fermín đi trước cho anh ta khám phá tận mắt cái cảnh tượng không lời lẽ nào tả xiết ấy.

*

Hình dáng nhỏ bé của anh ta bị nhấn chìm dưới luồng sáng từ mái vòm kính đổ xuống. Luồng sáng rơi xuống một thác nước tỏa hơi nghi ngút bên trên một mê cung chằng chịt những hành lang, lối đi, cầu thang, mái vòm và mái cong tưởng chừng từ sàn nhà dựng lên như thân một cây sách dài vô tận, với những cành nhánh hướng lên trời tạo nên một hình khối đáng kinh ngạc. Fermín bước đến một lối đi kéo dài như chiếc cầu dẫn vào hầm cái công trình ấy. Anh ta nhìn chăm chú, miệng há hốc. Tôi tiến lại gần và đặt tay lên vai anh.

“Chào mừng anh đến với Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, Fermín.”

Theo kinh nghiệm của tôi, mỗi khi ai khám phá ra nơi ấy, phản ứng của họ luôn là mê mẩn và kinh ngạc, vẻ đẹp và sự bí ẩn của cơ ngơi này khiến du khách cảm lặng, ngỡ ngàng mà ngẩn. Hiển nhiên, Fermín thì phải khác. Anh ta mất nửa tiếng bị thôi miên, lang thang như một người bị ma ám qua từng xó xỉnh và góc ngách của bức tranh xếp hình khổng lồ được hình thành từ cái mê cung ngoằn ngoèo kia. Anh ta dừng lại lấy đốt tay gõ vào các trụ tường và cột kèo, như thể nghi ngờ độ vững chãi của chúng. Anh ta nhìn từ đủ mọi góc độ khác nhau, lấy bàn tay tạo thành một kính thiên văn nhỏ và cố tìm ra logic của công trình này. Anh ta đi qua những đường xoắn ốc của thư viện, cái mũi lớn gần như chạm vào những dãy gáy sách bất tận chạy dọc những lối đi dài đến vô tận, ghi nhớ trong đầu những tên sách và lập danh mục những thứ khám phá ra được trên đường đi. Tôi đi theo sau anh ta vài bước chân, với cảm giác thận trọng xen lẫn lo lắng.

Tôi vừa bắt đầu hồ nghi rằng Isaac sắp sửa đá chúng tôi ra khỏi thì tôi đâm bổ vào ông quản thư trên một chiếc cầu nối giữa những căn phòng mái cong. Ngạc nhiên thay, chẳng những không tỏ dấu hiệu tức giận mà ông còn mỉm cười thân thiện khi quan sát hành trình của Fermín trong chuyến khám phá đầu tiên của anh ta ở Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên.

“Anh bạn của cậu đúng là một giống loài khác thường,” Isaac nhận định.

“Ông vẫn chưa biết hết đâu.”

“Đừng lo cho anh ta, cứ để anh ta yên. Anh ta rồi sẽ đáp xuống từ đám mây thôi.”

“Nếu anh ta lạc thì sao?”

“Anh ta có vẻ chú tâm lắm. Anh ta sẽ tìm được lối.”

Tôi không chắc đến vậy, nhưng không muốn cãi lại Isaac. Tôi đi cùng ông đến căn phòng cũng là nơi ông dùng làm văn phòng và đón lấy cốc cà phê ông trao cho.

“Cậu đã giải thích quy tắc cho bạn của cậu chưa?”

“Fermín và quy tắc là hai thứ không tương thích với nhau. Nhưng cháu đã tóm tắt những điều căn bản, và anh ta đáp bằng một câu đầy tự tin: ‘Dĩ nhiên, cậu cho tôi là hạng nào chứ?’ “

Trong khi Isaac rót thêm cà phê cho tôi ông bắt gặp tôi đang nhìn chăm chú tấm hình cô con gái Nuria của ông đang đặt trên bàn.

“Không lâu nữa là được hai năm kể từ khi con bé rời chúng ta,” ông nói, với một nỗi buồn xuyên vào không gian.

Tôi cúi xuống, thiếu não. Dù cho có là một trăm năm trôi qua thì cái chết của Nuria Monfort vẫn ở lại trong tâm trí tôi, như một điều chắc chắn là nếu tôi chưa bao giờ gặp chị thì chị vẫn có thể còn sống. Isaac nâng niu tấm hình bằng ánh mắt.

“Tôi già rồi, cậu Sempere. Đã đến lúc người khác đảm nhiệm vị trí của tôi.”

Tôi toan phản đối thì Fermín bước đến, mặt đỏ gát, và thở hồng hộc như vừa chạy đường dài xong.

“Vậy là?” Isaac hỏi. “Anh nghĩ sao?”

“Thật lộng lẫy. Dù hình như nó không có nhà vệ sinh. Ít nhất thì tôi nhận thấy như vậy.”

“Tôi hy vọng anh không tè vào góc nào đó.”

“Tôi đã có một nỗ lực siêu phàm là kìm nén và tìm đường quay lại đây.”

“Ở cửa bên tay trái. Anh phải kéo sợi dây hai lần, lần đầu không bao giờ được cả.”

Trong khi Fermín đi giải tỏa, Isaac rót một ly cà phê bốc hơi nóng chờ anh ta quay lại.

“Tôi có vài câu mong được hỏi ông, thưa ông Isaac.”

“Fermín, tôi không nghĩ...” tôi van nài.

“Không sao đâu. Cứ hỏi đi.”

“Loạt đầu tiên liên quan đến lịch sử của công trình này. Loạt thứ hai liên quan đến kỹ thuật và kiến trúc. Và thứ ba về căn bản là liên quan đến danh mục sách...”

Isaac bật cười. Lần đầu tiên tôi được nghe ông cười và tôi không biết nên coi đó là tín hiệu của thiên đường hay là điềm báo một thảm họa sắp xảy đến.

“Trước hết, anh phải chọn cuốn sách mà anh muốn giữ đã,” Isaac đề nghị.

“Tôi đã để mắt đến vài cuốn, tuy nhiên vì lý do tình cảm, tôi chọn cuốn này, nếu được.”

Anh ta lôi trong túi ra một cuốn sách. Nó được bọc da đỏ, với nhan đề in nổi chữ vàng, và khắc hình đầu lâu trên hang lót.

“Ồ tôi thì không: *Thành phố bị nguyên rửa, tập mười ba: Daphne và những cầu thang không tưởng*, của David Martín,” Isaac đọc.

“Một người bạn cũ,” Fermín giải thích.

“Thật vậy sao. Lạ thật, có dạo tôi thường thấy ông ta lai vãng ở đây,” Isaac nói.

“Hẳn đó là trước chiến tranh,” tôi nhận định.

“Không, không... tôi thấy ông ấy về sau này.”

Fermín và tôi nhìn nhau. Tôi băn khoăn không biết Isaac nói có đúng không hay là ông đã bắt đầu quá già với công việc này.

“Tôi không muốn trái ý ông, thưa trưởng lão, nhưng điều đó là không thể nào,” Fermín nói.

“Không thể nào ư? Anh phải nói rõ hơn một chút...”

“David Martín chạy trốn ra nước ngoài trước chiến tranh,” tôi giải thích. “Vào đầu năm 1939, đến khi cuộc xung đột kết thúc, ông ấy trở lại, vượt qua Pyreness, và bị bắt ở Puigcerda vài ngày sau. Ông ấy bị giam trong tù cho đến năm 1941, đó là khoảng thời gian mà nhiều khả năng ông ấy đã bị giết.”

Isaac nhìn chăm chú, không thể nào tin nổi.

“Ông phải tin lời cậu ấy, thưa trưởng lão,” Fermín đoán chắc. “Nguồn của chúng tôi là đáng tin.”

“Tôi có thể đảm bảo với cậu rằng David Martín đã ngồi trong chiếc ghế cậu đang ngồi, cậu Sempere ạ, và chúng tôi đã nói chuyện một lát.”

“Ông có chắc không, Isaac?”

“Tôi chưa bao giờ chắc điều gì hơn thế trong đời,” người quản thư đáp. “Tôi nhớ bởi vì khi đó tôi không gặp ông ấy đã nhiều năm.

Ông ấy có vẻ hơi tệ và trông ốm yếu.”

“Ông còn nhớ ngày ông ấy đến không?”

“Nhớ rõ lắm. Đó là đêm cuối cùng của năm 1941. Đêm giao thừa. Đó là lần cuối cùng tôi gặp ông ấy.”

Fermín và tôi lạc vào trong những phép tính toán.

“Thế có nghĩa điều mà gã cai ngục ấy, Bebo, kể cho Brians, là đúng,” tôi nói. “Vào đêm Valls ra lệnh mang ông ấy đến tòa nhà cũ gần Guell Park để xử tử... Bebo kể rằng về sau anh ta nghe lỏm được là ở đó có một chuyện xảy ra, rằng trong nhà có người khác... Có lẽ ai đó đã ngăn cho Martín khỏi bị giết...” tôi phỏng đoán.

Isaac nghe những lời này với vẻ lo lắng.

“Các cậu đang nói gì thế? Ai muốn giết Martín?”

“Một câu chuyện dài,” Fermín nói. “Với hàng tấn những chú thích.”

“Ồ, tôi hy vọng ngày nào đó sẽ được nghe...”

“Ông có nghĩ lúc ấy đầu óc Martín bình thường không Isaac?” tôi hỏi.

Isaac nhún vai.

“Người ta không bao giờ hiểu được Martín... Con người đó có một linh hồn bị đọa đày. Khi ông ấy ra về tôi đã đề nghị tiễn ra đến tàu, nhưng ông ấy bảo có xe đợi ở ngoài.”

“Xe ư?”

“Một chiếc Mercedes-Benz, không kém. Thuộc về một người ông ấy gọi là Ông Chủ, và người, từ điều ông ấy nói, đang đợi ông ấy ngoài cửa trước. Nhưng khi tôi đi với ông ấy ra đó, chẳng có chiếc xe nào cả, cũng không có ông chủ, chẳng có gì sất...”

“Xin đừng hiểu lầm, thưa trưởng lão, nhưng do là vào đêm giao thừa, và với tinh thần lễ hội của dịp này, có lẽ nào do hơi quá chén, và tê liệt đi vì những bài hát Giáng sinh và hàm lượng đường cao ngất trong kẹo Jijona, nên ông tưởng tượng ra hết thảy chuyện này không?” Fermín hỏi.

“Nói về rượu chè, tôi chỉ làm một chút nước chanh sủi tăm, và thứ mạnh nhất tôi uống ở đây là một chai ôxy già,” Isaac liệt kê. Đường như ông chẳng méch lòng.

“Xin thứ lỗi cho tôi vì đã nghi ngờ ông. Đó đơn thuần là vấn đề thủ tục thôi.”

“Tôi hiểu. Nhưng hãy tin tôi, khi tôi nói rằng trừ phi người đến vào tối hôm đó là ma, và tôi không nghĩ ông ấy là ma bởi một bên tai ông ấy chảy máu và tay ông ấy run lên vì sốt - và hơn nữa, ông ấy vét hết những viên đường trong tủ bếp của tôi - Martín lúc đó còn sống như tôi và các cậu đây.”

“Và ông ấy không nói đến đây làm gì ư, sau một thời gian dài như vậy?”

Isaac gật đầu.

“Ông ấy bảo đến đây để bỏ lại thứ gì đó cho tôi và rằng, khi có thể, ông ấy sẽ quay lại lấy. Hoặc là sẽ cử người khác đến...”

“Và ông ấy để lại thứ gì?”

“Một gói bọc giấy có dây buộc. Tôi không biết bên trong có gì.”

Tôi nuốt khó nhọc.

“Ông còn giữ không?”

Cái bọc, được lôi ra từ phía sau tủ, nằm trên bàn của Isaac. Khi ngón tay tôi phủi mặt giấy, lớp bụi mịn màng bóc lên thành một đám những hạt nhỏ bắt ánh sáng của ngọn đèn dầu Isaac đang cầm trên tay. Bên phải tôi, Fermín mở dao rọc giấy và đưa cho tôi. Ba chúng tôi nhìn nhau.

“Ý nguyện của Chúa sẽ được thực thi,” Fermín nói.

Tôi luôn con dao dưới sợi dây buộc và cắt. Với sự cẩn trọng hết mức tôi tháo lớp bọc cho đến khi thứ bên trong hiện ra. Đó là một bản thảo. Những trang giấy bầm bấn, đầy những vết sập và máu. Trang đầu tiên là nhan đề bằng chữ viết tay trông như ma quỷ.

Trò chơi của thiên thần

David Martín

“Đây là cuốn sách ông ấy viết lúc bị cầm tù trong tòa tháp,” tôi lẩm bẩm, “Bebo hẳn đã cứu được.”

“Có gì đó bên dưới...” Fermín nói.

Một mẫu da thuộc chìa ra dưới bản thảo. Tôi kéo mạnh và lấy ra một phong bì. Nó được niêm phong bằng sáp đỏ, đóng tem hình thiên thần. Trên mặt trước phong bì có một chữ, được viết mực đỏ:

Daniel

Một cảm giác lạnh buốt chạy dọc cánh tay tôi. Isaac, người đang chứng kiến cảnh tượng này với sự kinh ngạc xen lẫn khiếp đảm, lên ra khỏi phòng, Fermín theo sau.

“Daniel,” Fermín gọi khẽ. “Chúng tôi sẽ để cậu một mình cho cậu bình tĩnh mở thư và đọc trong sự riêng tư...”

Tôi nghe thấy tiếng chân chậm chậm của họ và đoạn đầu tiên của cuộc trò chuyện của họ.

“Nghe này, thưa trưởng lão, vì xúc động quá mà tôi quên nói với ông lúc nãy khi bước vào, tôi đã lỡ nghe lỏm được ông bảo đang tính chuyện nghỉ hưu và vị trí của ông sắp bị bỏ trống...”

“Đúng vậy. Tôi đã ở đây quá lâu rồi. Tại sao?”

“Ồ, ông thấy đấy, tôi biết là chúng ta chỉ vừa mới gặp nhau, quả là vậy, nhưng tôi quan tâm đến...”

Giọng nói của Isaac và Fermín tan biến vào cái mê cung vang vọng của Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Chỉ còn lại một mình, tôi ngồi vào ghế của ông thủ thư và bỏ sáp niêm phong. Phong bì chứa một tờ giấy được gấp lại màu đất son. Tôi mở ra và bắt đầu đọc.

Barcelona, 31 tháng Mười hai 1941

Daniel thân mến,

Ta viết cho cháu những lời này với hy vọng và niềm tin rằng một ngày nào đó cháu sẽ phát hiện ra nơi đây, Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, một nơi đã thay đổi đời ta và ta cũng tin chắc rằng nó sẽ thay đổi cuộc đời của cháu.

Cũng chính hy vọng này đã khiến ta tin rằng có lẽ lúc ấy, khi ta không còn ở đây nữa, ai đó sẽ kể cho cháu nghe về ta và tình bạn giữa ta và mẹ cháu. Ta biết rằng nếu có đọc được những lời này đầu cháu sẽ chắt chứa những câu hỏi và hồ nghi. Cháu sẽ tìm được vài câu trả lời trong bản thảo này, ta đã cố thuật lại câu chuyện của ta như ta còn nhớ, biết rằng thời gian còn minh mẫn của ta chỉ đếm được từng ngày và ta thường chỉ nhớ được điều chưa bao giờ xảy ra.

Ta cũng biết rằng khi cháu nhận được bức thư này, thời gian sẽ bắt đầu xóa mờ đi dấu vết của những sự kiện ấy. Ta biết cháu sẽ áp ủ những hoài nghi và rằng nếu cháu phát hiện ra sự thật về những ngày cuối đời của mẹ cháu thì cháu sẽ có chung với ta cơn phẫn nộ và lòng khát khao báo thù. Người ta bảo rằng điều khôn ngoan và đúng đắn là hãy tha thứ, nhưng ta biết ta sẽ không bao giờ làm như vậy được. Linh hồn ta đã bị nguyên rửa và không còn hy vọng được cứu rỗi. Ta biết ta sẽ dành từng hơi thở còn lại để cố tìm cách trả thù cho cái chết của Isabella. Nhưng đó là số mệnh của ta, không phải của cháu.

Mẹ cháu hẳn không mong muốn cuộc sống của cháu sẽ giống như ta, bằng bất cứ giá nào. Mẹ cháu hẳn sẽ ước mong cháu có một cuộc sống trọn vẹn, không thù ghét và oán giận. Vì cô ấy, ta cầu xin cháu đọc câu chuyện này và khi đọc xong, hãy hủy nó. Hãy quên đi mọi thứ cháu có thể đã nghe về một quá khứ không còn tồn tại nữa, hãy làm sạch con tim oán giận của cháu và hãy sống một cuộc đời mẹ cháu hằng ước mong mang lại cho cháu, luôn luôn nhìn về phía trước.

Và nếu một ngày, khi đang quỳ bên mộ cô ấy, cháu cảm thấy ngọn lửa căm hờn đang cố chiếm ngự cháu, cháu hãy nhớ rằng trong câu chuyện của ta, cũng như trong câu chuyện của cháu, có một thiên thần nắm giữ mọi câu trả lời.

Bạn của cháu, DAVID MARTÍN

Tôi đọc đi đọc lại những lời David Martín nhắn gửi cho tôi qua thời gian, những lời dường như thấm đẫm sự ăn năn và rồ dại, những lời mà tôi không hiểu trọn vẹn. Tôi cầm bức thư trên tay một lát nữa rồi cho lên ngọn đèn dầu và nhìn nó hóa thành lửa.

Tôi thấy Fermín và Isaac dưới chân mê cung, họ đang trò chuyện như những người bạn cũ. Khi thấy tôi tiếng họ lặng đi và nhìn tôi như chờ đợi.

“Dù bức thư có nói gì, thì cũng chỉ liên quan đến cậu mà thôi. Cậu không phải kể cho chúng tôi gì cả.”

Tôi gật đầu. Tiếng chuông nhà thờ vọng lại khe khẽ qua những bức tường. Isaac nhìn chúng tôi, đoạn xem đồng hồ.

“Này, chẳng phải hôm nay hai người phải đến lễ cưới sao?”

Cô dâu mặc đồ trắng, và dù chị không mang kim hoàn hay trang sức óng ánh, thì trong mắt chú rể chưa người phụ nữ nào, trong toàn bộ lịch sử, trông đẹp được như Bernarda trong ngày đầu tháng Hai đó, khi ánh mặt trời thấp sáng khoảng sân trước nhà thờ Santa Ana. Ông Gustavo Barceló - người chắc hẳn đã mua tất cả hoa có ở Barcelona, vì chúng tràn ngập lối vào nhà thờ - đã khóc như trẻ con và cha xứ, bạn của chú rể, đã làm chúng tôi ngạc nhiên bằng một bài giảng lung linh mà ngay đến cả Bea, con người vốn không ủy mị tí nào cũng phải rơi nước mắt.

Tôi suýt nữa đánh rơi nhẫn, nhưng tất cả đều được tha thứ khi cha xứ, sau khi làm xong các thủ tục, bảo Fermín hôn cô dâu. Đúng lúc ấy, tôi quay mặt đi giây lát và nghĩ mình đã thấy một dáng người ở phía cuối nhà thờ, một người lạ đang nhìn tôi và mỉm cười. Tôi không thể nói tại sao, nhưng lúc ấy tôi chắc chắn người lạ mặt đó không ai khác chính là Tù nhân của thiên đường. Nhưng khi tôi nhìn lần nữa, ông đã không còn ở đó. Đứng cạnh tôi, Fermín ôm chặt Bernarda và điểm một nụ hôn lên môi chị, làm dấy lên một màn tung hô do cha xứ chủ xướng.

Khi nhìn bạn mình hôn người phụ nữ mà anh ta yêu thương, tôi đã nghĩ rằng cái khoảnh khắc này, cái khoảnh khắc bị đánh cắp khỏi thời gian và khỏi Chúa, xứng đáng với tất cả những ngày tháng đón đau đã mang chúng tôi đến nơi này và hằng hà những điều khác,

không nghi ngờ gì nữa, đang chờ đón khi chúng tôi quay về cuộc sống của mình. Và rằng mọi thứ đều tươi mát và sạch sẽ và thuần khiết trong thế giới này, những gì đáng sống và đáng hít thở đều nằm trên những đôi môi đó, trong những bàn tay đó và trong ánh mắt cặp uyên ương may mắn, những người mà tôi biết rằng sẽ sống bên nhau đến trọn cuộc đời.

PHẦN KẾT

1960



Một người đàn ông trẻ tuổi, đầu đã lộ ra những sợi tóc bạc, dạo bước dưới ánh nắng ban trưa, giữa những bia mộ của nghĩa trang, dưới bầu trời đang tan chảy trên cái sắc xanh thẫm của biển.

Trên tay anh bế một đứa bé gần như không hiểu lời anh nhưng mỉm cười khi ánh mắt họ gặp nhau. Họ cùng nhau tiến đến một ngôi mộ khiêm nhường, nằm riêng trên một doi đất hướng ra Địa Trung Hải. Người thanh niên quỳ trước ngôi mộ và, vẫn ôm con, để đứa bé sờ những chữ cái được khắc trên mộ.

ISABELLA SEMPERE

1917-1939

Người thanh niên ở đó một lát, trong yên lặng, mi khép lại để ngăn những giọt nước mắt.

Tiếng đứa con trai đưa anh về thực tại và khi mở mắt ra anh thấy cậu bé đang chỉ một bức tượng nhỏ lấp ló sau những nhành hoa khô, khuất dưới bóng của một lọ thủy tinh ở trước mộ. Anh chắc chắn rằng lần trước ghé thăm không có bức tượng này. Bàn tay anh tìm kiếm giữa những đóa hoa và cầm lên một bức tượng bằng nhựa, nhỏ đến mức nó nằm gọn trong nắm tay anh. Một thiên thần.

Những lời anh nghĩ anh đã quên giờ lại như vết thương cũ cháy bùng lên trong ký ức.

Và nếu một ngày, khi đang quỳ bên mộ cô ấy, cháu cảm thấy ngọn lửa căm hờn đang cố chiếm ngự cháu, cháu hãy nhớ rằng trong câu chuyện của ta, cũng như trong câu chuyện của cháu, có một thiên thần nắm giữ mọi câu trả lời.

Đứa bé cố giật lấy bức tượng thiên thần đang nằm trên tay người cha, và khi bàn tay nó chạm vào bức tượng nó lỡ tay gạt xuống. Thiên thần rơi xuống phiến đá cẩm thạch và vỡ ra. Và đó là lúc người đàn ông trẻ tuổi trông thấy nó. Một mẩu giấy nhỏ giấu trong lớp thạch cao. Loại giấy mỏng, gần như trong suốt. Anh gỡ cuộn giấy ra, và ngay lập tức nhận ra dòng chữ viết:

Mauricio Valls

Pinar

Phó Manuel Arnús

Barcelona

Cơn gió biển dềnh lên qua những bia mộ và hơi thở của một lời nguyên rủa vuốt ve khuôn mặt anh. Anh cho mẩu giấy vào túi. Ngay sau đó, anh đặt một bông hồng lên nắm mộ rồi quay bước đi về, vẫn bế đứa bé trên tay, theo hướng những cây bách mà mẹ của con trai anh đang đợi. Ba người họ ôm lấy nhau và khi nhìn vào mắt anh nàng phát hiện ra trong ánh mắt ấy có điều gì đó mà mới lúc nãy thôi còn chưa tồn tại. Điều gì đó hỗn loạn và tối đen khiến nàng hoảng sợ.

“Daniel, anh có sao không?”

Anh nhìn nàng một lúc lâu và mỉm cười.

“Anh yêu em,” anh nói, rồi hôn nàng, biết rằng câu chuyện kia, câu chuyện của anh, vẫn chưa đến hồi kết.

Nó chỉ mới bắt đầu thôi.

HẾT